

ĐẢO THUYỀN

(TRUYỆN CỎ MI-NA-HA-SA)

Thuở ấy, cách đây không biết đã bao nhiêu mùa lúa mùa hoa, trên đảo Ba-li-tung có một gia đình suốt đời nghèo khó. Nhà chỉ có ba miệng ăn là vợ, chồng và đứa con trai mà vẫn quanh năm đầu tắt mặt tối, bữa đói bữa no. Nhưng, nỗi 'hờ cũng chẳng có chừng! Đang yên đang lành, người chồng bỗng lặn ra biển rồi sớm qua đời để lại con thơ, vợ dại. Trong túp lều chóc rách, đột nát, giờ chỉ còn lại hai mẹ con sớm hôm rau cháo tần tảo nuôi nhau. Người mẹ trẻ mặc cho lắm người rào đón vẫn cứ thất lung bụng ỏ vậy nuôi con khôn lớn...

Bao mùa đông qua rồi bao mùa xuân đến, thấm thoát đứa con trai đã lớn thành một chàng trai khỏe mạnh. Anh ta bỏ nhà ra sông Tre-ru-trúc chèo thuyền thuê kiếm sống. Từ đó, cuộc sống của anh ta cũng ngày một khấm khá hơn. Nhưng cũng từ đó anh ta dần dần quên bà mẹ già còm cõi chờ mong anh sớm tối. Chẳng thấy con trai về thăm nhà đỡ dần gạo thóc, bà mẹ phải nhờ vả bà con láng giềng khi thì mớ rau, khi thì hạt muối. Hễ có ai trách móc con trai bà, bao giờ bà cũng bênh con:

«Tôi rút ruột thả ra nó tôi biết mà, chẳng bao giờ nó bỏ tôi đâu. Chắc nó làm công nhiều việc, không nhờ ai làm hộ mà về nhà được».

Còn người con trai, nhờ công việc làm ăn thuận buồm xuôi gió mà ngày càng có nhiều tiền bạc. Dần dần, anh ta góp đủ tiền mua được một chiếc thuyền chở hàng lớn, có nhiều buồm. Từ khi có riêng hẳn một chiếc thuyền, anh thuê người ăn người làm, mua vào bán ra và giàu lên trông thấy. Trở thành ông chủ, anh cưới một cô vợ trẻ đẹp nồn nà. Bên người vợ trẻ, vui thú với chuyện gia đình, anh ta quên hẳn bà mẹ già héo hắt vẫn một mực thương con. Ham những chuyến buôn bán xa dài ngày trên biển, anh ta quên bặt làng xóm quê hương, nơi chôn rau cắt rốn.

Bỗng một hôm, cảnh trời nước tĩnh cớ gọi anh nhớ đến một bến sông quê thuở hàn vi làm công ở đợ cho người. Anh cho thuyền ngược dòng Tre-ru-trúc rồi ghé vào bến sông quen. Một vài người nhận ra anh là người cùng làng cùng xóm, trước đây từng chèo đò thuê ở bến sông này. Ai cũng ngỡ ngàng thấy anh là một ông chủ bộ vệ đứng bên người vợ đẹp, vàng bạc giắt đầy người. Người ta trầm trồ, không tiếc lời khen chiếc thuyền có nhiều cánh buồm lớn của anh. Có người đã nhanh nhẩu chạy về làng báo cho bà mẹ biết rằng đứa con làm ăn phát đạt của bà đã trở về.

Sau bao năm ròng mòn mỏi ngóng tin con, giờ đây bà mẹ đang thương kia đã già yếu lắm. Được tin con trai, bà run rẩy khóc rồi lập cập ra bờ sông, vừa đi vừa vấp ngã dúi dụi. Bà đứng trên bờ chăm chăm nhìn xuống chiếc thuyền nhưng không nhìn thấy con đâu vì mắt đã lòa. Mọi người thấy thế, dìu bà xuống bến. Bà gọi con trong tiếng nức:

— Con trai yêu quý, con trai bé bỏng của mẹ ơi! Đưa tay đây cho mẹ cầm nào.

Tiếng gọi của bà mẹ đã vọng đến con thuyền. Ông chủ thuyền ló đầu ra ngoài, nhìn thấy một bà già gầy guộc, móm mém, đầu tóc bạc phơ, quần áo bẩn thỉu, và chông vá đụp. Bà bưng một cái niêu đất, trong có mấy củ khoai luộc để dành cho con trai.

Thấy chồng treo lên boong, cô vợ trẻ cũng lên theo. Cô nhìn lên bờ hỏi:

— Bà già kia gọi ai đấy? Có phải gọi anh không?

Những người làm công, những nhà buôn lớn là những bạo hàng của ông chủ nghe thấy xôn xao cũng lên cả boong thuyền để xem có chuyện gì. Ông chủ thuyền bỗng cảm thấy xấu hổ trước mặt mọi người. Hẳn sợ không dám nhận bà già rách rưới tiêu tụy kia là mẹ. Tay chống nạnh, ông chủ thuyền hướng lên bờ, quát:

— Này, bà già lẫn cẩn kia bước đi chỗ khác đi! Ở đây có ai là con bà đâu mà gọi.

Nghe thấy con trai nói thế, bà mẹ đau đớn như bị dao khoét vào lòng. Song, bà vẫn cố níu kéo con trai:

— Con ơi, nữ lòng nào con đối với mẹ tàn tệ vậy. Mấy chục năm trời mẹ đau đau chờ con. Giá không có đợi con về hẳn mẹ đã chết lâu rồi..

Nhưng, ông chủ thuyền không muốn đề vào tai những lời bà mẹ già nói nữa. Ông ta sai người lên bờ dắt bà cụ đi chỗ khác để khỏi vướng chân những người bốc dỡ hàng.

Đến nước này thì người mẹ thôi không khóc nữa. Bà nâng vạt áo rách lên lau mắt và lầm rầm nguyện rủa thằng con trai bất hiếu của mình:

— Hỡi trời cao, đất dày, hãy nghe lời con nguyện
Con đã mang nặng đẻ đau, đã vắt kiệt sữa trong ngực
mình để nuôi cái thằng người khốn kiếp kia. Giờ đây,
con xin trời tru đất diệt nó. Hỡi dòng sông Tre-ru-trúc,
hãy chìm con thuyền kia dưới những lớp sóng của
Người!

Tức thì, phong ba bão tố nổi lên như lời nguyện cầu
của bà mẹ. Sấm rung lòng đất, chớp giật xé rách bầu
trời, mưa đổ xuống không kịp vuốt mặt. Chiếc thuyền
luôn lên ngã nghiêng, dềnh lên đập xuống, những cột
buồm gãy gục, lá buồm rách tả tơi. Chiếc thuyền ngập
nước từ từ chìm xuống. Tên chủ thuyền cố sức leo lên
được ngọn cột buồm lúc ấy đang còn chơi vơi trên mặt
nước. Hân hướng bộ mặt tái nhợt lên bờ van xin:

— Con lay mẹ, mẹ tha tội chết cho con. — Hân gào
lên thảm thiết. — Mẹ ơi! Mẹ ơ... i...

Nhưng bà mẹ đã cắn răng ngoảnh mặt đi. Không một
tiếng gọi nào lay chuyển được lòng bà nữa. Bà cứ ôm
niềm khoai đi trong mưa gió, đầu tóc rũ rượi, áo quần
ướt sũng trở về túp lều bé nhỏ của mình.

Chiếc thuyền cùng với tên chủ thuyền chìm xuống
đáy dòng sông Tre-ru-trúc. Sau khi bị chết, hân
hóa thành một con chim bói cá xanh lè. Cho đến bây
giờ con chim kia vẫn bay dọc bờ sông, luôn miệng gọi
«mẹ ơi, mẹ ơ... i...» như tiếng kêu sám hối.

Còn chiếc thuyền đầy những của cải kia sau khi chìm
xuống, bị bùn đất phủ lên, dần dần bồi thành một hòn
đảo nhỏ. Đảo Thuyền có tên từ đó.

TRUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC VÁT-GIÔ VÀ THÀNH PHỐ XING-KANG

(TRUYỆN CỔ BU-GI)

Ngày xưa, cách đây đã lâu lắm rồi, bên hồ Tem-pê
xanh trong, êm ả có một cây vát-giô cành lá xum xuê,
tán xòe rợp mát. Dưới bóng cây ấy có một túp lều nhỏ
nghèo nàn của hai vợ chồng ông lão đánh cá. Cả hai
vợ chồng đều hiền lành, phúc hậu, tần tảo sớm hôm.
Chỉ hiếm một nỗi, họ sống với nhau đã lâu mà chẳng
có một mụn con nào. Bởi thế, cảnh nhà neo đơn, buồn
lặng lắm.

Như lệ thường, một buổi sáng ông lão vác lưới ra hồ
đánh cá! Rủi thay, hôm ấy ông lão bao nhiêu bận tung
lưới là bấy nhiêu bận lưới không. Trời đã ngã về chiều
mà vẫn chẳng đánh được con cá nào. Tuy thế, ông lão
vẫn nhẫn nại thả lưới xuống rồi kéo lưới lên. Lần này,
thấy tay lưới nặng nằng, ông đã mừng thầm trong bụng,
nhưng khi nhấc lên thì chỉ thấy một khúc tre. Ngán
ngảm, ông lão gỡ khúc tre rồi quăng nó xuống hồ.
Không nản, ông lão lại quăng lưới một lần nữa. Lần
này cũng vậy, trong lưới chẳng có gì ngoài khúc tre
lúc này. Ông lão tức mình cầm khúc tre ném đi rồi
xa đề nó khỏi sa vào lưới. Ông chuyển chỗ rồi lại buông
lưới một lần nữa trước lúc ra về. Nhưng vẫn chỉ cái
khúc tre ấy. Cực chẳng đã, ông lão đành gỡ lấy khúc
tre ấy, bụng nghĩ thầm là biết đâu lại chẳng có lúc cần
đến nó.

Sớm tối ông lão đánh cá trở về, dựng khúc tre kia ngay cạnh bếp rồi ngã lưng xuống giường nằm nghỉ. Còn bà lão thì lặng lẽ nhóm bếp nấu cơm. Khi lửa vừa sáng lên thì trong lều bỗng nghe thấy tiếng nói trẻ con:

— Mẹ ơi, đừng chắt thêm củi vào bếp nữa, con nóng rất cả người rồi đây này.

Ông lão nhồm dậy, ngo ngắc nhìn quanh. Bà lão cũng ngo ngắc nhìn ông lão, chẳng hiểu tiếng nói trẻ con kia từ đâu vọng đến. Sau đó, túp lều lại ắng lặng như tờ. Nhưng, khi bà lão vừa mới bắc bếp thì tiếng nói kia lại cất lên. Hai ông bà thay nhau tìm các xó xỉnh, cuối cùng mới vỡ lẽ ra tiếng nói kia là ở trong khúc tre.

Ông lão cầm dao vừa mới định bửa khúc tre thì tiếng nói từ trong đó vọng ra:

— Cha ơi, thấp tay xuống một chút kéo vào chân con đây. Ông lão lộn khúc tre lại, ướm lưỡi dao vào định bõ thì lại có tiếng nói:

— Cha ơi, cao tay lên một chút nhõ vào đầu con bây giờ.

Thấy vậy, ông lão cẩn thận bóc khúc tre dần dần thành từng lớp một. Cuối cùng, một chú bé tí hon nhưng rất đẹp hiện ra. Hai vợ chồng ông lão đánh cá vừa sững sốt vừa vui mừng. Ông lão đặt ngay tên cho chú bé là « Con trai của tre ». Vợ chồng ông lão nuôi nấng, chăm sóc nó như con đẻ vậy. « Con trai của tre » hay ăn chóng lớn, chẳng mấy chốc nó đã cao như những đứa trẻ khác. Càng lớn nó càng nghịch ngợm, tinh khôn. « Con trai của tre » suốt ngày hết tha thân

trong rừng lại ra hồ Tem-pê bơi lội. Dù thế, hai vợ chồng ông lão vẫn rất yêu thương chiều chuộng chú.

Kể từ khi trong lều có thêm chú bé, vợ chồng ông lão sống đỡ nghèo nàn, khổ sở hơn. Ngày nào ông lão cũng đánh được nhiều cá. Bà lão đem cá đi đổi lấy gạo, thịt, vải vóc và những đồ dùng khác.

Tin đồn vợ chồng ông lão đánh cá ăn nên làm ra đã lan rộng khắp vùng. Dần chững các làng xung quanh, kéo nhau đến hồ Tem-pê làm ăn sinh sống mỗi ngày một đông. Dần dà, quanh cây vát-giô sĩa đã mọc lên một làng đông đúc dân cư chuyên nghề chài lưới.

Một hôm, khi « Con trai của tre » đã lớn, ông lão đánh cá nằm mộng thấy công chúa của vương quốc Ma-gia-pa-bít chẳng may đau mắt rồi bị mù. Bao nhiêu thầy thuốc giỏi giang trong nước đã được nhà vua mời cả đến chữa cho công chúa mà bệnh chẳng lành. Cuối cùng, nhà vua cho sứ giả đi rao: hễ ai chữa khỏi mắt cho công chúa thì sẽ được lấy nàng làm vợ.

Tỉnh dậy, ông lão đem truyện trong giấc mộng kể cho con trai nghe. « Con trai của tre » nghe xong liền nảy ra ý muốn tìm đến vương quốc Ma-gia-pa-bít, để thử vận may của mình xem sao.

Được cha mẹ bằng lòng, hôm sau « Con trai của tre » trẩy một quả dừa, bõ làm đôi, thả xuống nước rồi đặt chân vào, bơi đi. Từ hồ Tem-pê anh bơi ra sông Va-lanây rồi theo dòng tới vịnh Bô-nê. Từ đó anh vượt biển Gia-va rồi vào cửa sông Bran-ta-nơi bây giờ là thành phố Xu-ra-bai. Không nghỉ chân một buổi, anh ngược dòng Bran-ta đến thẳng thủ đô của vương quốc Ma-gia-pa-bít. Thật là lạ kỳ, mọi việc xảy ra ở đây giống hệt câu chuyện trong giấc mơ cha anh đã kể.

Hôm sau, chàng trai trẻ hỏi đường vào cung vua. Đến nơi anh đã thấy bao nhiêu thầy lang già có, trẻ có, bao nhiêu người hầu, kẻ hạ xung quanh nàng công chúa xinh đẹp nhưng bị mù lòa. Anh cúi đầu trước nhà vua xin được chữa mắt cho công chúa. Nhà vua gật đầu rồi nói thêm:

— Nhà người chữa khỏi thì ta sẽ gả công chúa cho. Bằng không, ta sẽ lấy đầu nhà người đấy!

— Dạ, tâu bệ hạ, kẻ hạ thần này xin chấp thuận. — Anh rần rồ trả lời.

Đêm hôm ấy, anh thả chiếc giỏ không xuống dòng Bran-la và gọi tất cả lươn, trạch dưới đáy sông lại. Nghe tiếng gọi của anh, không biết bao nhiêu là lươn và trạch dưới sông đã trườn vào giỏ. Chẳng bao lâu nhót của chúng đã bám đầy rồi phủ kín đến nỗi nước không lọt qua giỏ được nữa.

Sáng sớm hôm sau, anh xách chiếc giỏ kia vào cung chữa mắt cho công chúa. Nhà vua cho người dẫn anh đến chỗ công chúa đang ngồi, nhưng anh nói rằng vị thuốc này phải tự tay nhà vua đắp thì công chúa mới khỏi được. Đoạn, anh trao cái giỏ cho nhà vua và dặn ông vét lấy nhót ở thành giỏ đắp vào mi mắt cho công chúa. Vì mong cho con gái sớm lành bệnh, nhà vua đã chẳng quản ngại điều gì... Theo lời chàng trai trẻ, nhà vua đã tự tay đắp thuốc lên mắt công chúa. Quả nhiên thuốc vừa mới đắp vào, mắt công chúa đã sáng lấp lánh như xưa.

Giữ đúng lời hứa, vài ngày sau nhà vua cho chàng trai trẻ được cưới công chúa. Đôi vợ chồng trẻ được sống ngay trong cung điện. Chẳng bao lâu, công chúa sinh hạ được một đứa con trai khôi ngô, tuấn tú. Cả vợ lẫn chồng đều lấy thế làm vui mừng lắm.

Vào một đêm khuya, khi hầu hết mọi người trong lâu đài đã ngon giấc, người chồng bỗng nghe thấy có người nói thì thào với nhau rằng mai sau con trai của chàng và công chúa sẽ không được nối ngôi vua vì cha nó không mang dòng máu đế vương. Chàng liền đem câu chuyện kể lại cho công chúa nghe. Nghe xong, công chúa vừa buồn lại vừa thương yêu chồng hơn, mặc dù chàng không phải là con dòng, cháu dõ. Đêm ấy, hai vợ chồng bàn đi tính lại mãi, cuối cùng, công chúa bằng lòng đem con về sống ở quê chồng.

Một sớm kia, hai vợ chồng lặng lẽ bồng con gái từ vương quốc Ma-gia-pa-hít. Mấy người hầu thân tín cũng cùng đi với họ. Mỗi người đặt chân lên một đôi hài làm bằng một quả dừa bỏ đôi. Cứ như thế, cả đoàn người lướt sóng ra khơi.

Vài ngày sau họ về đến hồ Tem-pe xanh biếc, rung rinh in bóng lá vát-giô. Vợ chồng ông lão đánh cá mừng mừng tủi tủi ra đón con trai, con dâu và cháu nội. Sau những phút hàn huyên, « Con trai của tre » chấp tay cầu xin Trời cho cha mẹ anh, vợ chồng con cái anh một tòa nhà to đẹp như vợ anh hằng ao ước. Trong chớp mắt, một lâu đài nguy nga, tráng lệ giống hệt lâu đài của công chúa trước đây đã hiện lên dưới bóng cây vát-giô.

Từ đó, xung quanh cây vát-giô, cửa nhà mọc lên san sát. Ngôi làng chài lưới bên hồ Tem-pe xưa kia ngày càng mở rộng, ngày càng giàu có. Dần dần, ngôi làng trở thành một đô thị, người ta gọi nó là thành phố Xi Eng-kang, gọi tắt là Xing-kang, nghĩa là trù phú.

Theo ý của dân chúng, nàng công chúa của vương quốc Ma-gia-pa-hít — vợ của « Con trai của tre » đã lên

ngôi nữ hoàng của vương quốc Vát-giô, một vương quốc mới, thịnh vượng gọi theo tên cây vát-giô ngày xưa từng mọc bên tảng lều của vợ chồng ông lão đánh cá. Cũng từ đó, dân chúng ở vùng này không bao giờ ăn thịt lợn, trạch, vì họ tin rằng đó là những con vật đã chữa khỏi mắt cho nữ hoàng của họ.

LING-GA

(TRUYỆN CỔ BA-LI)

Từ đời nào đời nào, dân chúng trên đảo Ba-li đã định ninh rằng ở trên trời cao có một vị thần tên là Ba-ta-ra. Vị thần này luôn che chở cho linh hồn của những người khi còn sống bị đập vùi, đẩy ải hoặc những người tốt bụng suốt đời sống lương thiện bằng mồ hôi, nước mắt của mình. Còn linh hồn của những kẻ ác, tuy cũng được lên trời nhưng lại bị quân hầu của thần Ba-ta-ra cai quản và đầy đọa.

Trên đảo Ba-li, thời quốc vương K'lung-cung ai cũng nghe nói đến Ling-ga, một chàng trai tuấn tú nhưng không may bị mồ côi cả mẹ lẫn cha từ tấm bé. Thấy chú bé dễ thương, nhà vua đã cho người đưa chú vào cung nuôi dưỡng, dạy dỗ. Ling-ga càng khôn lớn lại càng đẹp đẽ. Chân tay chàng nở nang, khuôn mặt chàng hồng hào đỏ dãn. Đôi mắt chàng mới tinh anh và hiền dịu làm sao. Mái tóc chàng thật chẳng khác nào mặt biển nhấp nhô gợn sóng. Mỗi khi chàng ra đường,

có không biết bao nhiêu cặp mắt thiếu nữ nhìn theo. Song, chẳng phải vì kiêu lý, Ling-ga cũng không để ý đến một ai.

Vào một trưa hè oi bức, khi tất cả mọi người trong cung đã ngủ say, Ling-ga lặng lẽ ra ngoài thành đi dạo. Từ xa, qua khe cửa, hai chị em La-yang đang ngồi tết tóc cho nhau đã nhìn thấy Ling-ga. La-yang chỉ về phía Ling-ga và nói với em gái Sa-pi-ni:

— Em có biết ai kia không?

— Có. Đây là Ling-ga. Các cô gái ở kinh thành này ai cũng gọi chàng là con của mặt trời. — Sa-pi-ni đáp:

— Thế em giúp chị việc này nhé. Kín cầm cái gói này ra phố, khi thấy không có ai để ý thì trao tận tay Linh-ga hộ chị. — La-yang cẩn thận dặn dò.

Cầm gói nhỏ trong tay, Sa-pi-ni chạy tót ra đường.

Ling-ga chẳng hay biết gì chuyện ấy. Chàng lững thững ra tận bến sông nơi thuyền bè buôn bán tấp nập. Đủ các loại thuyền chở hàng hóa, sản vật từ các đảo đến để mua bán, trao đổi. Những người lái buôn nhìn thấy Ling-ga, ai cũng nghĩ chàng là hoàng tử con vua. Để lấy lòng chàng, nhiều người biếu chàng những món hàng quý hiếm, đắt tiền. Nhưng với ai Ling-ga cũng mỉm cười từ chối:

— Nhận của các ông các bà tôi lấy gì trả được.

— Nào có nhiều nhận gì đâu! — Một người lái buôn to béo có vẻ giàu có lăm nói và ấn vào tận tay Ling-ga một chiếc khay nhỏ bằng vàng óng ánh.

Ling-ga đành phải cầm chiếc khay vàng về cung. Vừa bước lên bờ sông, chàng trông thấy một cô bé xinh xắn đi lại phía mình. Cô bé lễ phép chào, đưa cho Ling-ga một gói nhỏ và nói:

— Chị La-Yang của em nhờ em trao cho anh gói này và hỏi anh là chị ấy muốn được gặp anh vào chiều tối nay có được không?

Chưa trả lời ngay, Ling-ga giở gói nhỏ ra thì thấy có mấy bông hoa và một nhúm thuốc láo. Ling-ga sống ở đây từ nhỏ nên chẳng hiểu là khi một người con gái đem tặng ai hoa và thuốc hút thì có nghĩa là cô ta muốn lấy người đó làm chồng. Lưỡng lự giây lát rồi Ling-ga nói với cô bé con:

— Anh cảm ơn em về tặng vật của chị gái em nhé. Nhưng em về nói với chị gái em hộ anh, rằng anh là một người mồ côi cha mẹ nên chẳng thể lấy được con nhà giàu có. Anh chắc rằng bố mẹ em cũng chẳng thuận cho chị em và anh lấy nhau đâu.

— Em chẳng biết chuyện ấy đâu! — Cô bé nói. — Em nghe chị em nói là, nếu không lấy được anh thì chị ấy thà chết còn hơn là phải lấy người khác.

Ling-ga bối rối lắm nhưng vẫn nói cứng:

— Thôi, em cứ về nói với chị như thế!

Về đến cung, Ling-ga nghe mọi người bảo là nhà vua đã mấy lần sai người đi tìm chàng. Ling-ga vội đến quỳ lạy trước nhà vua và kể lại việc mình đã đi đâu. Chàng cũng cho vua xem chiếc khay vàng và ngỡ ý biểu lại nhà vua tặng vật ấy. Nhà vua nhận chiếc khay, ra chiều hải lòng lắm. Sau đó nhà vua nói với Ling-ga:

— Ta có một việc đang cần đến con. Ngày mai ở đây có một cuộc chọi gà. Ta muốn con gà của ta sẽ đánh thắng mọi con gà khác. Vậy con hãy đến đặt anh thợ rèn Nô-ma-nu rèn cho con gà chọi của ta một đôi cựa dài và sắc.

Ling-ga đến ngay nhà người thợ rèn để đặt anh ta làm đôi cựa gà bằng sắt. Người thợ rèn làm mãi miết, khi xong công việc thì vầng trăng đã sáng trên đầu. Ling-ga cầm đôi cựa sắt ra về, qua bến sông anh nảy ra ý định tắm một lúc cho người mát mẻ. Hình như ở dưới bến sông đang có người múc nước. Đó là La-yang. Cô ta nhận ra ngay Ling-ga và xía xối vào mặt anh:

— Anh tưởng anh cao giá lắm đấy nên chưa chi đã làm mình làm mẩy. Thật đúng là đồ...

Ling-ga quay ngoắt đi không thêm nghe nữa. Thấy thế, La-yang càng tức tối. Cô ta hăm hăm nhìn theo Ling-ga và đập vỡ mấy cái bình đựng nước. La-yang lồng lộn về nhà bắt chấp gai góc cào rách da thịt...

Nhìn thấy con gái đầu tóc rũ rượi, quần áo tả toí, mặt mày xây xát, bà mẹ La-yang hoảng hốt hỏi:

— Trời ơi con bị làm sao thế?

La-yang nảy ra ý định trả thù Ling-ga, cô nói xưng xươg:

— Mẹ ơi! Chẳng Ling-ga muốn làm nhục con, con không chịu nên nó đập vỡ bình nước và cẩu xé khắp người con. may mà con chạy về được đến nhà, nếu không thì... — Vừa nói La-yang vừa khóc tu tu như con nít.

Bà mẹ cũng tức giận lây, liền gọi ông chồng ra kể lể đầu đuôi câu chuyện và cũng không quên thêm thắt ít nhiều. Lập tức, ông bố La-yang hô hoán, gọi họ mạc mang vũ khí đi « rửa nhục » cho cô con gái.

Giờ lại nói về Ling-ga. Trong lúc La-yang chạy về nhà thì chàng lại quay lại nhà người thợ rèn để bàn xem nên đối xử với La-yang như thế nào cho tiện. Chàng vừa mới vào nhà thì cả đám người nhà của La-

yang đồ xô đến, họ vây từ phía ngôi nhà. Thấy 3u ào huyền não, Ling-ga bước ra ngoài sân thì, vừa lúc đó một mũi tên cắm phập vào ngực. Không kịp kêu một tiếng, Ling-ga ngã gục xuống, máu ướm đầm cả tấm thân trai trẻ.

..

Theo phong tục trên đảo Ba-li, người ta đã hỏa táng Ling-ga. Hôm ấy là một ngày nắng vàng rực rỡ.

Linh hồn Ling-ga đã theo ngọn khói bay lên tận chín tầng trời. Lên trời Ling-ga liền đi tìm cha mẹ mình. Thoạt đầu, chàng đến chỗ các linh hồn kẻ ác bị đày ải. Nhìn cảnh tượng thật là ghê rợn, những ác quỷ nhiều đầu nhe nanh, trợn mắt cầm dao móc lượn đi lượn lại. Một ác quỷ mình đầy lông lá, mặt mũi xanh lè, tay chân dài thượt cầm một quyển sách lớn tiến đến trước mặt Ling-ga. Ác quỷ giở « nam tào » ra nói với chàng:

— Có chờ đấy để ta tìm xem ngươi là con cái nhà nào, gốc tích ở đâu. Thần Ba-ta-ra sẽ định đoạt số phận nhà ngươi.

Ling-ga chịu khó đứng chờ... bỗng nhiên, chàng nhìn thấy cha mẹ mình. Kinh ngạc, chàng chạy lại chỗ cha mẹ và hỏi vì sao cả hai lại sa vào chốn khủng khiếp này. Cha chàng nói:

— Con mồ côi cha mẹ là do cha có tội. Chính cha đã giết mẹ con...

Nhưng mẹ chàng không để chồng nói hết, bà thú tội:

— Chính mẹ đây mới là kẻ có tội. Mẹ đã bỏ cha con để đi theo một người đàn ông khác.

Cả hai vợ chồng tranh nhau nhận mình có tội với Ling-ga.

Trong lúc đó, thần Ba-ta-ra cho triệu tất cả các chư thần lại để phán quyết việc linh hồn Ling-ga sẽ cư ngụ ở đâu. Các chư thần ở trên trời cao đều biết Ling-ga là người trung thực nên đã cho phép linh hồn chàng được vào vườn tiên giới.

Song, Ling-ga nói thà chàng chịu đau đớn, khổ sở còn hơn là lại phải xa lìa cha mẹ một lần nữa. Các thần bèn xem xét lại. Thần Ba-ta-ra cho gọi cha mẹ Ling-ga đến. Thấy cả hai người đều biết ăn năn hối hận, thần bèn cho cả hai theo con vào vườn thượng uyển ở chốn thiên đường.

CHIẾC GÂY THẦN

(TRUYỆN CỔ BA-TÁC)

Chuyện xảy ra từ lâu lắm rồi, nhưng đến nay vẫn còn nhiều người nhắc đến. Thuở ấy, có một pháp sư tên là Pắc-pắc Péc-tan-đing. Quanh năm, ông đi thuyết pháp khắp bần dân thiên hạ. Theo sau pháp sư bao giờ cũng có sáu đệ tử trung thành. Đi đâu pháp sư cũng không rời cây gây thần, túi thuốc phép và cuốn sách cầm nang.

Một hôm, thầy trò pháp sư dừng chân ở làng Ma-ha-lun-nen. Lý trưởng làng này vốn là người quen biết pháp sư từ lâu, vì vậy pháp sư nói với các đệ tử của mình:

— Ta muốn lý trưởng làng này có nhiều bò ngoài bãi, nhiều trâu trên ruộng, nhiều ngựa trong chuồng, nhiều tiền trong túi, nhiều thóc trong bồ. Muốn được như thế, chỉ việc gỡ cầm nang ra chọn ngày lành, tháng tốt và cầu nguyện... Nhưng vợ chồng lý trưởng không có con thì mai mốt ai sẽ cày ruộng, ai sẽ chăn trâu, ai chăm sóc ngựa, ai ăn hết gạo, ai tiêu hết tiền.

Lúc ấy, có một người chần dè gần đó đã nghe lỏm được câu nói của pháp sư. Anh ta liền chạy về kể lại cho vợ lý trưởng nghe. Nghe xong, bà ta bèn cho bày miếng trâu vào tráp rồi mang đi gặp pháp sư. Sau khi dâng trâu, bà ta mời pháp sư đến nhà mình ăn cơm, uống rượu. Pháp sư nhận lời và cho sáu đệ tử đi theo.

Hôm đó, vợ chồng lý trưởng đã đãi thầy trò pháp sư một bữa ra trò. Cơm nước vừa xong, bà lý trưởng lại mời pháp sư bày miếng trâu nữa. Pháp sư cảm kích nói :

— Vợ chồng bà hiếu khách quá! Thế bây giờ bà có ước muốn gì không?

— Thưa pháp sư! Gia cảnh nhà tôi thì pháp sư rõ quá rồi. Của cải tiền bạc tôi cũng chẳng dám chê, nhưng đã gần này tuổi đầu, vợ chồng tôi chỉ mong có một mụn con cho vui cửa, vui nhà và lúc về già có người nhờ cậy.

Pháp sư thuận giúp vợ chồng viên lý trưởng và bảo bà ta đem lại một chiếc bát tre, một chiếc gậy và một cái đầu rồi đem phơi sương, phơi nắng bốn hôm liền.

Sáng ngày thứ tư, từ cái bát tre này ra một mầm xanh, chiếc gậy mọc tua tua lá, còn trong cái đầu có một cành cây. Thấy thế, vợ viên lý trưởng mừng lắm, bà ta tìm đến pháp sư để xin một liều thuốc sinh con. Song, pháp sư nói :

— Đó là điềm lành đấy, nhưng bà đừng sốt ruột. Bây giờ ta thử cầm cây gậy thần này vào hang cua xem sao. Nếu nó trôi lên những cái hạt nhỏ thì đúng là trời phù hộ cho bà.

Pháp sư vừa mới dứt lời thì những hạt nhỏ lăn tăn đã nổi lên khắp chiếc gậy. Kể đó, pháp sư lấy tròng bọc ra hai trăm hai mươi chiếc lá phép và bắt đầu bào chế thuốc. Xong xuôi, trước lúc lên đường, pháp sư căn dặn vợ viên lý trưởng :

— Bà cứ uống liều thuốc này rồi thế nào cũng có con, nhưng ông bà nhớ là, sau một năm, khi sinh nở nhớ mời tôi về để yểm bùa. Đừng để muộn quá kéo bùa chẳng hiệu nghiệm đâu.

Thấm thoát một năm đã trôi qua. Bỗng vào một đêm thanh vắng người ta nghe thấy trên nóc nhà viên lý trưởng có tiếng nhạc dặt dìu trầm bổng. Vừa lúc đó, vợ lý trưởng cũng bắt đầu trở dạ. Viên lý trưởng sai người nhà leo lên nóc nhà xem sao thì, lạ thay, từ trên nóc nhà người ta lại nghe thấy tiếng nhạc ở phía dưới vọng lên. Khi xuống dưới nhà thì lại thấy tiếng nhạc từ trên cao vọng xuống.

Sau cơn vất vả vợ lý trưởng sinh được một đứa con trai, một đứa con gái và... bảy con chó với một con rắn. Lúc đó trời đất chuyển vần, mây đen quần tụ và sấm sét ầm ầm. Như thể từ trên trời bước xuống, vị pháp sư đi lại chỗ bà mẹ đang nằm với mấy đứa con. Bà ta vội nhồm dậy nói với ông :

— Thưa pháp sư, Người có tiên đoán được số phận của những đứa trẻ này không?

Pháp sư vừa gỡ sách ra vừa nói :

— Có điều gì mà cuốn cầm nang này không biết đến! Ta đã chọn được ngày lành, tháng tốt cho các con bà

rồi. Theo sách dạy thì vợ chồng bà phải lo vợ, lo chồng ngay cho con trai và con gái của mình. Nếu đẻ muộn thì tai họa sẽ giáng xuống cả nhà này. Nói xong, pháp sư đi thẳng.

Vợ viên lý trưởng thấy mình đã có con cái rồi thì chẳng tin vào lời của pháp sư nữa. Những đứa trẻ lớn lên, quả nhiên đã không như con nhà khác. Đi đâu, dù ra đồng hay ra sông lấy nước chúng cũng quần lấy nhau như một cặp uyên ương. Trong làng, con trai con gái rất nhiều, song chúng chẳng để mắt tới một ai.

Thấy vậy, bà mẹ bắt đầu lo ngại khuyên lũ trẻ:

— Chúng mày phải tách ra mỗi đứa một nơi, đừng có đi đâu cũng dính vào nhau như thế, thiên hạ người ta chê cười cho. Những người cùng máu mủ ruột rà không được phép lấy nhau đâu; nếu không trời sẽ hạn hán, đất đai khô nứt, đồng ruộng xác xơ, hoa màu, gia súc sẽ theo nhau chết hết.

Hai đứa con ông lý trưởng quyến luyến nhau quá đổi nên đã không vâng lời bố mẹ. Y như rằng, nạn hạn hán khủng khiếp đã kéo dài suốt bảy năm, bảy tháng liền. Sông, suối, ao, hồ và cả những giếng sâu đều cạn khô tận đáy. Cây cối như bị lửa tấp vào. Khắp nơi, không kiếm đâu ra một giọt nước uống. Đói khát làm người biến thành đười ươi, trâu thành voi, bò thành hươu, ngựa thành tê giác, lợn nhà thành lợn rừng... Lúa, ngô, khoai sắn, thậm chí cả cây dâu cũng biến thành những loài cây hoang dại.

Trong tình cảnh ấy, một hôm đứa con trai của nhà lý trưởng vác cung tên vào rừng săn bắn. Nó nhìn thấy và đuổi theo một con chồn trắng. Con chồn sợ, chạy thục mạng; cùng đường, nó leo tót lên một cây cao vút. Không dẫn đo gì, con trai lý trưởng cũng trèo lên theo

Trên cây này lâu nay có một cô gái ma trú ngụ. Vừa nhìn thấy chàng trai trẻ, cô gái ma đã cười lên khanh khách rồi nói:

— Á à... hay quá! Đã mấy năm nay ta không có con gì bỏ vào mồm, để nhai cho sướng miệng. Nhà người đến thật đúng lúc. Ta đang thèm thịt người đây.

Khủng khiếp quá, nhưng không còn biết chạy đường nào, chàng trai đành nói:

— Cô muốn làm gì tôi thì làm. Tôi cũng đáng chết lắm rồi, vì tôi mà làng xóm tiêu điều, bao người cực khổ. Thà tôi chết còn hơn là phải kéo dài mãi cuộc sống này.

— Dại gì mà chết, anh! -- Con ma đổi giọng. -- Anh cứ ở lại với em trên ngọn cây này. Ở đây chẳng thiếu gì đâu. Em có một cái kho chẳng bao giờ cạn.

Cực chẳng đã, chàng trai đành phải sống với con ma ở trên cây. Nhưng thật lạ lùng, anh có ăn uống gì mấy đâu mà mỗi chỉ được mấy ngày cái kho vô tận của con ma đã kiệt.

— Đúng là tại cái vĩa đến đuôi của tôi rồi! Chỉ vì tôi mà cô chẳng còn gì để ăn để uống. Tốt hơn hết là tôi rời khỏi đây để cô thoát nợ. -- Chàng trai thở dài.

Nhưng con ma cứ cầm tay anh van vãn:

— Anh ơi, anh đừng bỏ em. Cứ ở đây chúng ta cũng chẳng chết đói đâu. Ông nội em là Gan-đe đang trú ngụ ở thượng nguồn con sông kia, có nhiều gạo lắm. Anh đến đó xin ông thì chẳng có sức mang về.

Theo lời con ma, chàng trai ngược về phía thượng nguồn. Chàng cầm cung đi, xế bóng chiều thì đến chân một quả núi -- ngọn nguồn của con sông bây giờ đã cạn tro sỏi đá. Giữa chốn hoang vu, chàng ngờ ngác tìm thì chợt có một tiếng nói khàn khàn nghe rất rợn:

— Chà chà... chiều nay ta được đánh chén một bữa no đầy tẻ đây. Chà chà... con mới kia ngon quá. Hừm, đã lâu ta không có một tý thịt sống, máu tươi nào vào mồm rồi đây.

Chàng trai giạt thốt người quay lại thì thấy một lão già lông lá bồm xồm, râu ria che kín mặt, chỉ để lộ hai con mắt xanh lét. Đoán đây là ông nội của cô gái ma, chàng lễ phép :

— Thưa ông, ông hãy khoan ăn thịt cháu. Cháu từ chỗ Ti-ang Ma-nức lại đây. Ma-nức bảo cháu đến xin ông một ít gạo, ít rượu để sống qua ngày...

— Tưởng ai hóa ra là chồng của cháu gái ta. — Lão già nhìn chàng trai, mắt đã dịu đi, nói. — Thế cái kho vô tận của nó ở trong hốc cây dâu rồi?

— Đã hết nhãn cả rồi ông ạ. Chỉ vì cái vĩa của cháu mà Ma-nức bị đói lây.

— Thôi được, — ông già với lấy cái bát nhỏ, đưa cho chàng và nói, — cháu cầm cái bát thần này về, từ nay trở đi sẽ không lo đói nữa đâu.

Chàng đưa hai tay đỡ lấy cái bát và cúi đầu lạy tạ. Khi chàng ngẩng lên thì không thấy lão già ma quái kia đâu. Men theo bờ sông, con trai lý tưởng cầm cái bát thần vội quay trở lại chỗ cô gái ma đang nóng lòng chờ đợi. Suông chiều đã giăng tím núi rừng. Bỗng chàng thấy phía trước thấp thoáng một người con gái.

— Này cô gái ơi, cô đi đâu mà lại một mình lủi thủi giữa rừng chiều hoang vắng thế này? — Chàng đến gần hỏi mà chẳng nhận ra đó chính là em gái mình.

— Tôi đi đến chỗ ông già Gan-đe để lấy thuốc cho mẹ. — Cô gái đáp mà chẳng ngẩng đầu lên.

— Mẹ cô ốm đau thế nào? May ra tôi có giúp được gì chăng?

— Mẹ tôi nằm bệt trên giường đã mấy ngày nay, các khớp xương đau nhức nhối đến nỗi không ăn uống được gì. Từ sáng đến giờ mẹ tôi lại bị cấm khẩu, không khéo không qua được mất. — Cô gái rơm rớm nước mắt, nói.

— Cô đừng lo, tôi sẽ hết lòng giúp cô, tôi có phương thuốc này hay lắm.

Chẳng là, từ khi sống với con ma ở trên ngọn cây, con trai lý tưởng đã được nó truyền cho một vài phép chữa bệnh. Chàng rút trong túi ra một thẻ tre, hà hơi vào đó, niệm một câu thần chú rồi đưa cho cô gái:

— Về nhà, cô dùng thẻ tre này áp vào những chỗ mẹ cô bị đau, bệnh sẽ khỏi.

Con gái lý tưởng cầm thẻ tre về làng, vừa đi vừa bán tin bán nghi. Song, cô đã làm y như chàng trai kia đã dặn. Quả nhiên, sau mấy lần áp thẻ tre kia vào những chỗ đang bị sưng tấy, mẹ cô đã khỏe mạnh như thường. Bà hỏi con gái:

— Có phải hôm trước con xin thuốc cho mẹ ở chỗ ông già Gan-đe không? Ông ta ở tận thượng nguồn sông, con đi đường nào mà chóng thế?

— Không phải thuốc của Gan-đe đâu mẹ ạ. Hôm ấy, con mới đi chưa được nửa đường thì gặp một chàng trai quần áo xác xơ. Chính anh ta đã cắt thuốc cho mẹ.

— Thế thì con phải vào rừng đón anh ta về nhà mình. — Bà mẹ nói và chẳng nghĩ ngờ chàng trai cắt thuốc cho mình lại chính là con trai bà. Bà vẫn đinh ninh là con trai bà đã bị mất tích từ bữa vào rừng đi săn. — Con gái ạ, mẹ muốn chàng trai tốt bụng kia sẽ làm rề mẹ. Nếu quả thật anh ta nghèo thì mẹ không thách cưới nữa. — Bà nói với con gái.

Hôm sau, con gái lý trưởng vào rừng tìm gặp chàng trai và nói lại ý muốn của mẹ.

— Tôi như thế này làm sao về làng được. — Chàng lắc đầu. — Không quần lành, áo tốt, không khăn vấn, không dao đeo; người ta sẽ cười tôi và cười cả cô nữa đấy.

— Anh đừng ngại chuyện đó. Em mang cả quần áo mới cho anh đây. — Cô gái nhìn chàng trai âu yếm.

Con trai lý trưởng thay quần áo mới rồi cùng em gái về làng. Cho đến lúc ấy cả hai anh em vẫn không nhận ra nhau. Về nhà, bà mẹ cũng không nhận ra con trai mình vì thấy anh cao lớn, đôi thay nhiều quá.

Vài ngày sau, vợ chồng lý trưởng cho đôi trẻ lấy nhau. Đám cưới rất linh đình, nhưng từ trong nhà ra ngoài làng chẳng một ai biết chuyện rủi ro: đôi vợ chồng trẻ kia chính là hai anh em ruột thịt.

Đám cưới đã được một tuần trăng. Và cũng đã tròn một tuần trăng con ma trên ngọn cây kia mong chờ chàng trai trở lại. Biết mình đã bị bỏ quên, con ma tức khắc đến nhờ ông nội Gan-đe ra tay giúp đỡ. Nghe cháu mình than vãn xong, Gan-đe an ủi:

— Thôi cháu nín đi, đừng khóc nữa, ông sẽ phải con điều mướp đem chàng trai ấy về với cháu bây giờ.

Nói rồi, Gan-đe thả con điều mướp bay về phía làng Xa-ba-lun-nen. Con điều lượn trên nóc nhà lý trưởng rồi sà xuống đậu trên chiếc sừng trâu khô cắm ở đầu hời. Từ xa xưa, dân chúng ở vùng này đã cho rằng điều hâu đậu xuống nóc nhà nào là gia đình ấy sắp gặp chuyện chẳng lành. Con gái lý trưởng bảo chồng ra đuổi con điều đi nhưng anh chồng lại cầm một hòn đá sắc thẳng cánh ném trúng con điều. Vừa rơi xuống đất,

con điều lại hóa thành con mèo trắng chạy biến vào nhà. Con mèo làm cho đôi vợ chồng trẻ hết sức khó chịu, ban ngày nó cứ quần vào chân, còn ban đêm nó cứ rúc vào người, rên gừ gừ rồi lại liếm vào mặt. Tức quá, anh chồng lại lấy gậy đập chết con mèo. Con mèo biến thành con chó. Con chó lại càng quấy đảo hơn. Nó nhúng mõm vào nồi thức ăn, liếm vào đĩa bát. Không nhịn được nữa, anh chồng đánh chết con chó. Con chó biến thành con chồn. Con chồn lao vào cắn mọi người rồi chạy thối vào rừng.

Đã đến nước ấy thì không còn ai chịu được nữa. Chỉ trừ có ông lý, bà lý ở nhà, còn thì tất cả đuổi theo con chồn. Con chồn chạy thong thả ở phía trước, đuổi sát nó là bảy con chó, con rắn và cặp vợ chồng trẻ. Đợi đám người lẫn vật kia đến gần, con chồn liền trèo lên cái cây cao nơi cô gái ma đang trú ngụ. Không chân chừ, tất cả liền leo lên cây. Tức thì, cả đôi vợ chồng trẻ, cả con rắn và bảy con chó đều biến thành những cái bướu đeo trên thân cây.

— Giờ thì các người có mà chạy đẳng trời. — Con ma nhe răng trắng nhồm cười the the.

Trong khi đó, vợ chồng lý trưởng cứ mỗi mắt chờ hai con và đám chó cùng rắn trở về. Nhưng càng trông càng mất hút. Sang đến ngày thứ năm, không ngồi chờ được nữa, bà lý dẫn cả đám người hầu kẻ hạ vào rừng tìm. Nhưng tìm đâu cho thấy. Họ bắn súng, khua trống, đánh chiêng vang động cả rừng. Seng, chỉ có vách đá đáp lại. Cả đám người cứ loay quanh trong hẻm núi chẳng biết lối ra.

Bỗng bà lý nghe thấy tiếng con gái:

— Mẹ ơi! Mẹ dẫn mọi người đi đâu thế?

Bà lý ngo ngắc nhìn quanh, nghĩ: « Rõ ràng là tiếng nó nói mà, nó ở đâu không biết ». Mãi sau bà mới biết là một cái bướu đeo trên một thân cây cao hổi mình. Bà hướng về cái bướu kia nói:

— Mẹ dẫn mọi người đi tìm vợ chồng con mà. Có phải các con nấp trong thân cây không?

— Không phải đâu mẹ ạ, vợ chồng con cùng dám chớ và rắn đã bị một con ma trên ngọn cây này biến thành những cái bướu dính chặt vào đây rồi. Thôi, mẹ cùng mọi người về đi kéo muộn.

Bà lý cùng đám người nhà khóc lóc mãi, song chẳng có cách nào cứu được các con. Chợt bà nhớ tới pháp sư Péc-tan-đing. Bà cho người đi mời pháp sư đến, chỉ cho ông những cái bướu trên thân cây, và kể lể lại hết sự tình.

Vị pháp sư vừa nghe vừa gật gù, cuối cùng ông lựa lời an ủi:

— Thi những điều bà vừa kể tôi đã chẳng báo trước cho vợ chồng bà biết rồi sao. Tại bà không nghe theo nên tai họa đã xảy ra và chẳng có cách nào cứu vãn được nữa. Có phải là cứ có pháp thuật trong tay là muốn xoay chuyển trời đất thế nào cũng được đâu. Muốn tránh hiểm họa thì phải tránh từ xa chứ đề đến nỗi con gái và con trai mình lấy nhau mà vẫn không biết thì làm sao cứu nổi.

Nghe thấy thế, bà lý quì sụp xuống dưới chân pháp sư, xin ông giải hạn.

— Xin pháp sư cho vợ chồng tôi lại được thấy con gái sáng đi làm đồng, tôi về gĩa gạo; con trai ra đồng cấy ruộng, về nhà mời khách ăn trâu.

— Bây giờ thì đã muộn rồi, — pháp sư nói, — nhưng nề vợ chồng bà là chỗ quen biết đã lâu, ta sẽ tạc hình

con trai, con gái bà lên chiếc gậy này để chúng luôn luôn ở nhà với bà.

— Thôi cũng đành, trăm sự nhờ pháp sư. — Bà lý trưởng vừa lau nước mắt vừa nói.

Pháp sư gỡ cuốn cầm nang ra, làm rằm phù phép. Sau đó, người ta ngả cái cây có con ma xuống. Con ma chết ngay tại chỗ. Pháp sư lấy dao cắt hết những cái bướu dính ở thân cây ra và tạc những hình người vào một cây gậy lớn. Xong xuôi, pháp sư dặn:

— Về nhà bà nhớ thịt một con gà mái tơ, thái nhỏ bộ lòng rồi đem trộn lẫn với gừng và muối ớt. Món này dành cho hai con bà ăn, còn thức uống thì dùng rượu nấu từ quả cọ. Từ nay trở đi làng này sẽ qua cơn hạn hán, bốn mùa trời đất mưa thuận, gió hòa, lúa chín đầy ruộng, gà lợn chắt chuồng, trâu bò kín bãi. Nhà bà sẽ ngày một giàu có, người hầu kẻ hạ mỗi ngày một đông. Khi trong làng có người nào mơ thấy điềm gở hoặc bị ốm đau thì con trai và con gái bà từ chiếc gậy này sẽ bước ra và cứu giúp họ.

Chiếc gậy thần của người Ba-tắc đã được ra đời như vậy.

SỰ TÍCH NÚI TANG-KU-BAN-PHA-HU

(TRUYỆN CỔ SUN-ĐA)

Thuở ấy, ở vùng Pri-a-ngan hoang vu có một chùa đất tên là Ba-đen Xung-ging Per-bang-ka-ra. Chẳng biết

duyên số vì sao ông lại phải lấy một con lợn rừng làm vợ. Nhưng lạ lùng thay, lợn rừng lại sinh cho ông được một người con gái. Thấy vậy, chúa đất mừng lắm. Ông đặt tên con gái là De-vi Ra-ra Xa-ti. Càng lớn, Xa-ti ngày càng xinh đẹp. Xa-ti đã đẹp người lại đẹp nết. Sớm hôm nàng chăm sóc việc nhà, quay tơ dệt vải. Dần dần, Sa-ti trở thành một thợ dệt nổi tiếng khắp vùng. Thấy con gái hiền từ, ngoan ngoãn, chúa đất quý con bao nhiêu thì lại càng thương con bấy nhiêu. Bởi vì, vợ ông là lợn rừng chẳng mấy khi chịu ở với người, suốt ngày lợn rừng chui lủi tận rừng sâu.

Vào một trưa hè nóng bức, Xa-ti mang khung cửi đến dưới một bóng cây râm mát trên đồi cao để vừa làm vừa hóng gió. Phần vì trời nóng, phần vì gió mát, Xa-ti thiu thiu ngủ lúc nào không hay. Cái quay sợi tuột khỏi tay cô, cứ thế lăn nhanh xuống chân đồi. Sực tỉnh, không thấy cái quay sợi đâu, Xa-ti nói:

— Ô, cái quay sợi của ta đâu mất rồi? Giá ai tìm được hộ ta, dẫu thế nào ta cũng lấy làm chồng.

Xa-ti vừa mới nói xong thì một con chó cặp cái quay sợi kia chạy đến bên cô. Con chó ngoe nguẩy đuôi, sủa lên mừng rỡ. Thoạt đầu Xa-ti sợ hãi quá, song thấy con chó rất khôn, cô dần dần trấn tĩnh lại. Cô không định lấy con chó làm chồng nhưng sợ thần linh trừng phạt vì tội không giữ lời hứa nên cô đành phải vâng theo số mệnh. Cô đặt tên cho con chó là Xi Tu-mang.

Năm sau thì Xa-ti sinh được một đứa con trai nom rất kháu khỉnh và cứng cáp. Cô đặt tên con là Xa-ku-ri-ang. Chú bé hay ăn chóng lớn và sớm biết việc nhà. Ngay từ nhỏ, Xa-ku-ri-ang đã thích vào rừng đi săn. Lần nào chú đi săn, con chó Xi Tu-mang cũng đi theo. Con chó khi thì tụt lại đằng sau, khi thì chạy lên

phía trước sục sạo. Xa-ku-ri-ang yêu quý con chó lắm. Có điều chú chẳng hề hay biết con chó Xi Tu-mang kia lại là cha mình.

Một lần đi săn Xa-ku-ri-ang bắt gặp một con lợn rừng to béo. Chú phóng ngay mấy mũi tên vào con lợn nhưng chỉ làm nó bị thương. Con lợn cùng đường rúc vào một bụi cây lớn. Xa-ku-ri-ang xùy chó đuổi theo, nhưng khác hẳn mọi lần, con chó không chịu nghe lời. Mặc cho chú ra sức đá vào mình nó, con chó vẫn đứng im không nhúc nhích. Tức quá, Xa-ku-ri-ang đập chết con chó rồi mò thịt đem về.

Về nhà, Xa-ku-ri-ang nói dối mẹ đó là thịt heo. Xa-ti vốn tin con nên cũng chẳng nghi ngờ gì. Song, Xa-ti thấy vắng bóng con chó mấy ngày liền thì cứ gạn hỏi con mãi. Nói dối loay quanh không được, cuối cùng Xa-ku-ri-ang phải thú thật với mẹ là đã làm thịt con chó Xi Tu-mang. Xa-ti tức giận con đến mức không thốt được lời nào, nâng vó ngay chiếc gậy ném vào đầu con chảy máu. Đạn, nâng đuôi con khỏi nhà.

Từ đó, Xa-ku-ri-ang đi lang thang kiếm sống khắp nơi trong thiên hạ. Giờ đây, Xa-ku-ri-ang đã trở thành một chàng trai tuấn tú. Nhưng dù ở đâu, dù được ăn gì, anh vẫn không quên nhớ mẹ và nhớ làng quê thời thơ ấu. Một hôm, anh nhất quyết về thăm mẹ và làng xóm quê hương. Mảnh đất ngày xưa đã đổi thay nhiều quá. Ngôi nhà nhỏ bé của mẹ con anh cũng chẳng thấy đâu. Xa-ku-ri-ang ngơ ngác nhìn quanh. Đằng sau anh là đồng lúa mênh mông gợn sóng. Còn trước mặt anh là một ngôi nhà sàn cao ráo, khang trang. Từ xa, Xa-ku-ri-ang đã nhìn thấy một cô gái xinh tươi thấp thoáng sau cửa sổ. Anh đến gần ngôi nhà, bước lên sân và làm

quen với cô gái. Thật đúng như mong ước của Xa-ku-ri-ang, cô gái đã tiếp anh ân cần, niềm nở.

Ngày tháng trôi qua, mối tình giữa Xa-ku-ri-ang và cô gái trẻ đẹp kia ngày càng mặn nồng, gắn bó. Đã đến lúc họ tính đến chuyện sống cùng nhau.

Một hôm, trong lúc ngồi nói chuyện với Xa-ku-ri-ang, cô gái bất chợt nhìn thấy trên đầu anh một vết sẹo dài. Cô gắng hỏi thì Xa-ku-ri-ang nói rằng vết sẹo đó chính là dấu vết của chiếc gậy mẹ anh ném ngày xưa. Nghe chuyện, cô gái lặng người đi. Sau đó, cô nói rằng cô không thể lấy Xa-ku-ri-ang được nữa. Mặc cho anh nghìn lần hỏi « vì sao », cô gái cũng chỉ một mực lắc đầu. Xa-ku-ri-ang vô cùng khổ đau, vật vờ. Nhưng anh đâu có biết rằng cô gái xinh đẹp mà anh muốn lấy làm vợ kia chính là Xa-ti, mẹ anh, người đã được các thần linh ban cho tuổi xuân vĩnh viễn.

Xa-ti thấy khó có thể nói cho Xa-ku-ri-ang biết mình chính là mẹ của anh nên đã nghĩ ra một mẹo để đánh lừa :

— Thôi, em bằng lòng lấy anh nhưng nội đêm nay anh làm sao phải biến cả vùng này thành một cái hồ nước lớn. Sau đó, anh và em sẽ sống với nhau trên một chiếc thuyền.

Xa-ku-ri-ang bằng lòng. Anh lao vào làm việc, khơi sông, khơi suối cho nước chảy vào đồng. Thấy vậy, Xa-ti lại càng buồn phiền hơn vì nàng không thể lấy con trai làm chồng được. Nàng hóa phép, phóng những tia sáng vào trời đêm, thăm thẳm. Còn Xa-ku-ri-ang thì nghĩ rằng anh không thể làm xong công việc to lớn kia trước khi trời sáng. Buồn rầu, Xa-ku-ri-ang úp chiếc thuyền xuống đất, buông thõng hai tay nhìn trời than thở. Bỗng nhiên, không biết từ đâu, nước bắt đầu dâng lên

trần ngập thấp vùng này, đến đâu nước đến nỗi cả Xa-ku-ri-ang cũng bị nước trôi đi mất.

Bao nhiêu mùa mưa nắng đã qua, chẳng ai còn nhớ nữa. Chỉ biết rằng cái hồ nhỏ sau một đêm đã biến thành cái hồ nước mênh mông kia đã cạn dần và ngày nay trở thành đồng ruộng phì nhiêu. Thả chiếc thuyền của Xa-ku-ri-ang đi đâu mất? Người ta nói rằng quả núi Tang-ku-ban-pha-hu cao ngất trời kia chính là chiếc thuyền mà Xa-ku-ri-ang đã úp xuống đất ngày xưa.

TU-MI-LENG

(TRUYỆN CỔ MI-NA-HA-SA)

Xưa kia, ở một làng họ có một anh nông dân tên là Tu-mi-leng. Anh ta thường bán khoán tự hỏi vì sao hạt thóc ở dưới trần gian này lại bé tẹo tèo tèo như vậy, trong khi nhiều người nói rằng ở trên trời có giống lúa ma-lan-xốt to lắm cơ mà. Cứ như người ta kể thì hạt lúa ma-lan-xốt của người trời to bằng quả lang-xa-ta chứ chẳng đùa.

Tu-mi-leng nghĩ bụng: « Người trời đã không muốn bán ma-lan-xốt cho người trần thì ta phải đánh cắp mới được, dù chỉ là một vài hạt làm giống thôi! ». Sau đó, Tu-mi-leng mang chuyện ra bán với hai anh bạn của mình là Ma-ke-a-la và Xu-me-len-đúc.

Đến ngày hẹn, cả ba người rủ nhau khăn gói lên đường. Họ cứ nhắm thẳng núi Lô-kôn đi tới. Trên đỉnh núi này có một cây cổ thụ cao vút tận trời xanh. Họ lấy dao làm thành những bậc thang trên thân cây rồi cứ theo đó mà trèo lên tận ngọn. Từ trên ngọn cây, cả ba người nhảy sang đất của nhà trời. Đi được một đoạn, họ nhìn thấy các tiên nữ đang phơi thóc ma-lan-xốt trên sân.

— Người trần các anh sao lại dám lên trời? — Các tiên nữ hỏi.

— Chúng tôi đi tìm con gà mái xanh nên lạc bước đến đây mà. — Tu-mi-leng thần nhiên đáp.

— Ở đây không có gà mái xanh đâu, chỉ toàn là gà mái trắng thôi. Đây, cho các anh đi mà tìm.

Nghe các tiên nữ nói thế, Tu-mi-leng vội như không biết gì cứ bước bừa vào sân phơi thóc. Những hạt ma-lan-xốt đâm vào gan bàn chân anh tõe máu. Một vài hạt giắt vào kẽ chân, vài hạt khác giắt vào những vết thương đau nhói. Tu-mi-leng cắn răng chịu đựng. Sau đó, ba người rủ nhau trở về hạ giới. Đi được một quãng, Tu-mi-leng lấy những hạt ma-lan-xốt giắt ở chân ra cho vào túi áo rồi lại đi tiếp. Nhưng họ đi chưa đến ngọn cây cổ thụ kia thì những người trời đã đuổi kịp họ. Số là, người nhà trời phơi thóc bao giờ cũng đếm từng hạt một để biết thừa thiếu ra sao. Nhìn thấy người nhà trời, Tu-mi-leng bèn nói với bạn mình là Ma-ke-a-la:

— Anh hãy ra tay đi!

Ma-ke-a-la rút kiếm ra đâm về hướng đông — mũi kiếm chạm vào chân trời phương đông, đâm về hướng tây — mũi kiếm chạm vào chân trời phương tây. Người nhà trời thấy thế hoảng sợ, chạy giạt tứ phía.

— Đây giờ đến lượt anh. — Tu-mi-leng nói với Xu-me-len-đúc.

Xu-me-len-đúc rút trong túi áo ra một cái vỏ ốc lớn rồi gõ mạnh vào đó. Tức thì, một trận cuồng phong dữ dội nổi lên. Gió thổi mạnh làm người bay như chiếc lá. Người nhà trời khiếp sợ quá, van xin được tha tội chết. Xu-me-len-đúc liền bỏ vỏ ốc vào túi. Giông tố lặng dần.

Trước lúc Tu-mi-leng và các bạn của mình trở về hạ giới, mấy người nhà trời còn dặn thêm:

— Các anh nhớ gieo hạt ma-lan-xốt dưới gốc cây đa-đan hay va-lan-ta-kan thì hạt mới to được.

Về dưới hạ giới, Tu-mi-leng liền gieo ngay những hạt ma-lan-xốt đúng như lời dặn. Song những hạt ma-lan-xốt này chẳng khác gì những hạt thóc trước đây họ vẫn gieo trồng. Tức giận, Ma-ke-a-la vung kiếm chặt đổ cái cây cổ thụ vươn tới trời kia. Tiện tay, anh phang cả chóp núi Lô-kôn ném ra biển cả. Chóp núi rơi xuống biển thì hóa thành hòn đảo Ma-na-đô-tua. Từ đó, người ở hạ giới và người ở trên trời chẳng bao giờ thấy mặt nhau nữa.

IN-ĐGI-LAI

(TRUYỆN CỔ MIỀN NAM SU-LA-VE-SI)

Ngày xưa, ngày xưa, thời chim muông, cầm thú còn biết nói tiếng người, trên đảo Su-la-ve-si có một ông vua tên là In-đgi-lai. Vua sống trong hoàng cung cùng với hoàng hậu Sa-pi-a và hai hoàng tử.

Một lần, đang dạo chơi trong vườn thượng uyển, nhà vua bất chợt trông thấy một con chim nhỏ đang nhảy nhót trên cành vả. Thấy con chim đẹp quá, nhà vua liền sai quân hầu mang cung tên đến. Vua giương cung bắn rơi con chim nhưng nó không chết mà chỉ bị thương vào cánh. Dỡ con chim từ tay quân hầu mang đến, vua liền nghe thấy tiếng chim:

- Vì sao đức vua lại nỡ giết chim?
- Ta muốn ăn thịt chim, thế thôi. — Nhà vua đáp.
- Nhưng thịt một con chim nhỏ thì có bổ bèn gì, làm sao mà đủ cho đức vua ăn một bữa. Đức vua thả chim ra, chim sẽ cho biết những điều bí mật.
- Chim không lừa ta đấy chứ?
- Chim thề là chẳng bao giờ nói dối đức vua.
- Thế thì chim bay đi! — Nhà vua nói và mở tay ra để chim vỗ cánh.

Chim nhỏ bay lên, đậu trên một cành thấp nhất nhìn vua chẳng rời năng gì.

— Chim muốn cho ta biết điều gì sao chim không nói đi! — Nhà vua sốt ruột giục.

— Thưa đức vua những lời chim nói với đức vua bây giờ là những lời ông nội chim đã truyền lại cho bố chim, rồi bố chim lại truyền lại cho chim: Nếu người nào kể cho đức vua nghe chuyện gì, ý nghĩ của họ ra sao thì đức vua chớ vội vàng tin, đức vua nên suy xét kỹ càng xem họ có ẩn ý gì không?

Chim chuyển lên cành cao hơn rồi lại nói:

— Còn thêm điều này nữa: Đức vua đừng bao giờ hối tiếc những việc đã qua. Tiếc thương, than khóc cũng chẳng lợi lộc gì. Những chuyện của ngày hôm qua làm sao còn đổi khác được nữa.

Sau đó chim lại chuyển lên cành cao nhất và nói:

— Bây giờ là lời nói cuối cùng, đức vua hãy nghe cho rõ nhé! Ông là thẳng người. Nếu không thả chim ra mà giết chim ăn thịt thì ông sẽ moi được ba quả trứng to như trứng vịt, mỗi quả chính là một viên ngọc tía.

Nói rồi chim bay mất.

Vua In-đi-lai vô cùng tức giận. Suốt ba ngày, ba đêm liền ông cho người hầu đi khắp nơi để tìm kiếm con chim nhỏ kia mà vẫn biệt tăm, biệt tích. Cuối cùng, tình cờ ông lại nhìn thấy con chim rúc rịt rất sâu vào một bụi gai lớn. Không dám đến, nhà vua liền thôi tay vào bụi gai rậm rịt cố lột bằng được con chim. Chim chẳng thấy đau mà áo quần, mặt mũi, chân tay nhà vua đều bị cào xước.

Bỗng nhà vua nghe thấy tiếng con chim cười nhạo mình:

— Ông đã thấy là ông ngốc nghếch chưa? Ông là vua của một nước mà lại không khôn ngoan hơn một con chim nhỏ. Ai bảo ông đặt thả chim ra nào. Đã thế, lại còn phí công phí sức săn đuổi một con chim chưa bằng nắm tay. Đúng là ông đã thả mồi lắt bóng. Có phải như thế là ông hối tiếc về việc đã làm không nào? Chính chim đã nói lời ông là chớ vội vàng tin vào những lời người ta kể, ấy vậy mà ông lại tin ngay rằng trong bụng chim có ba viên ngọc to như ba quả trứng vịt, trong khi cả mình chim với đủ lông đủ cánh cũng không lớn hơn một quả trứng kia. Ngốc nghếch như thế, ông làm sao cai trị được đất nước và tất cả dân dân thiên hạ!

Nói vào mặt nhà vua những lời nhạo báng ấy rồi, chim lại bay đi. Còn lại mặt mình vua In-đi-lai, ông vừa căm tức vừa xấu hổ vì áo quần rách mướp và mặt

mũi chân tay bị gai cào rôm máu. Nhìn trước, nhìn sau, tưởng không có ai, nhà vua lên nhanh vào cung điện. Thật ra thì ai cũng biết những trò đại dột của nhà vua. Những người bán hàng kể lại chuyện này cho khách hàng, những người đánh cá này kể lại cho những người đánh cá khác... chả mấy chốc mà từ thôn quê cho đến thị thành, đâu đâu người ta cũng kể về chuyện nhà vua với con chim nhỏ. Người ta ôm bụng cười đến nỗi phải bỏ dở bát cơm, phải tạm ngừng khung dệt. Lũ học trò thì cứ bám nhau cười rúc rích đến nỗi các ông thầy phải gõ thước mấy lần mà cũng không thôi.

Cái chuyện nực cười này rồi cũng đến tai các vị văn võ bá quan trong triều. Trước đây, các triều thần cũng đã biết vua là kẻ bất tài, thất đức, song chưa có dịp nào để họ lật đổ ngai vàng. Thì, dịp may đã đến. Một vị đại thần đã đứng lên ra lệnh hội triều. Tất cả các triều thần từ tể tướng đến các quan văn, quan võ đều nhất tề phẩy trút vua In-đgi-lai khỏi ngôi báu. Cung điện im lặng như tờ, đến nỗi nghe được cả tiếng con ruồi bay từ đảo Su-la-ve-si đến đảo Ka-li-man-tan ra sao.

Lúc nghe quan thượng thư thưa lại buổi hội triều, vua In-đgi-lai hồi lâu vẫn ngơ ngác ngác chẳng hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao.

— Ai cho các người làm loạn? Tại sao các người lại dám cả gan lật đổ ngai vàng? Tại sao? Tại sao? — Nhà vua gầm lên.

Nhưng đã muộn rồi!

Hoàng hậu Sa-pi-a đến bên nhà vua, nói:

— Thưa bề hạ, xin bề hạ hãy bình tâm trở lại để cùng thiếp gánh vác những cái trở trêu của số phận.

Sau một hồi lâu bàn tính, cuối cùng đức vua và hoàng hậu cùng các hoàng tử giã biệt hoàng cung — nơi họ đã sống những năm tháng đế vương, chán chê những cao lương mỹ vị, chìm ngập trong nhung lụa xa hoa. Từ những bậc vương giả, đức vua và thân quyến của ông phứt chốc trở thành những kẻ lưu vong đi tha phương cầu thực. Từ nay, chẳng còn ai gọi In-đgi-lai là đức vua, Sa-pi-a là hoàng hậu nữa.

Cả gia đình In-đgi-lai khăn gói lên đường. Họ đi, đi mãi cuối cùng tạm dừng chân tránh nắng dưới một gốc cây cảnh lá um tùm ở giữa đồng không mông quạnh. Chẳng ai ngờ, chính cái cây này lại là nơi con chim nhỏ bị In-đgi-lai bắn bị thương kia làm tổ. Đứa con trai út của In-đgi-lai ngửa mặt lên vòm cây, nhìn thấy một tổ chim thấp thoáng sau lá cành xanh biếc. Nó vui vênh:

— Cha ơi! cha trèo lên cây bắt cho con những chú chim non đi.

— Cây cao lắm, cha làm sao trèo lên trên ấy được. Con không biết chuyện gì sao? Chỉ vì một con chim mà cả nhà ta đã đến nông nỗi này. Một con chim là đã quá khốn khổ rồi, con ạ! — In-đgi-lai dỗ dành thằng bé.

Xưa nay được chiều chuộng quen rồi, « cậu ấm » này không chịu, nó khóc ti tỉ và nằng nặc đòi:

— Ừ ừ... cha bắt chim non cho con cơ!

Cực chẳng đã, chiều con, In-đgi-lai leo lên cây nhót lấy những con chim non đang há mỏ đòi ăn trong tổ. Vừa lúc chim mẹ bay về, không thấy con đâu, nó hốt hoảng bay lên, bay xuống. Nghe thấy tiếng chim con kêu liếp chiếp ở dưới đất, chim mẹ liền sà xuống thì thấy lũ con đang nằm trong tay của một thằng bé tỉnh

nhệch. Không làm gì được, chim mẹ đành cầu trời khẩn phật:

— Cầu trời cho cả nhà kia: cha phải lìa con, vợ phải lìa chồng!

Trời đã thấu lời nguyện cầu thâm thiết của con chim mẹ.

In-đgi-lai vẫn còn nơm nớp về chuyện con chim và những tai họa vừa mới giáng xuống đầu. Khi mặt trời về bóng, ông bảo con:

— Nghịch thế đủ rồi con ạ! Đưa những con chim non kia cho cha để cha đặt nó vào trong tổ.

In-đgi-lai lại trèo lên cây và đặt mấy con chim con vào chỗ cũ. Xong xuôi, cả nhà lại cất bước lên đường. Đến xâm tối thì gia đình In-đgi-lai tới một cánh rừng thưa có đường mòn dẫn đến một con sông rộng, nước chảy cuồn cuộn, không thể nào lội ngang qua được. In-đgi-lai lặn lội tìm một bến đò ngang. Mãi sau, ông vớ được một chiếc thuyền nhỏ chỉ chở được ba người là quá lắm. Bởi vậy, In-đgi-lai bàn với vợ:

— Trước tiên, ta đưa nàng sang bờ bên kia, sau đó sẽ trở lại đón nốt hai con.

Trời tối dần đến nỗi chẳng nhìn thấy cảnh vật xung quanh. In-đgi-lai bảo hai con ngồi đợi dưới gốc cây rồi yên trí chèo thuyền đưa vợ qua sông. Thuyền vừa mới ra đến giữa dòng thì hai đứa trẻ nằm ngay xuống đất ngủ vì mỗi rũ sau suốt một ngày dài đi bộ. Vừa lúc đó, có một người đánh cá quăng lưới ven bờ nhìn thấy bọn trẻ con ôm nhau ngủ say trên đất lạnh. Bậc ta đi đến gần và thầm nghĩ:

«Con cái nhà ai thế này không biết? Thật là tội nghiệp quá. Cứ nằm ngu thế này không khéo bị thú

dữ trong rừng 1 ăn thịt mất. Chi bằng, ta cứ tạm đưa các cháu về nhà, rồi sẽ hậu sau ». Vừa nghĩ vậy, người đánh cá cho thuyền vào bến rồi bế hai đứa trẻ đang ngủ không biết trời đất là gì xuống khoang. Bậc chèo thẳng về nhà và khoe với vợ về việc bắt được hai đứa con trai.

Thật khổ cho In-đgi-lai! Khi ông ta quay lại để đón hai đứa con thì chẳng thấy bóng dáng tăm hơi chúng đâu nữa. Ông ta chạy từ gốc cây này sang gốc cây khác tìm con, càng ngày càng đi sâu vào rừng đêm thăm thẳm. In-đgi-lai hú gọi tên con nhưng chỉ có vách đá âm vang dội lại từng hồi tiếng gọi của ông. Tuyệt vọng, ông lộn lại cửa rừng để qua sông tìm vợ.

Trong khi đó, Sa-pi-a vẫn ngồi ở doi đất bên sông, bóng lòng dơi chông đón các con sang. Mỗi quá, nàng ngả lưng xuống đất, đầu gối lên bọc quần áo và chợp mắt lúc nào không biết. Tỉnh cơ, lúc ấy có một chiếc thuyền buồm đi sát vào bờ. Từ trên thuyền, người chủ thuyền trông rõ môn một Sa-pi-a đang ngủ say mê mệt, xung quanh chẳng có một ai. Động lòng thương cảm, người lái buồm liền bế Sa-pi-a xuống thuyền. Thuận dòng, xuôi gió, chiếc thuyền buồm lướt nhanh trên dòng sông phủ đầy sương khói.

Đến lúc này In-đgi-lai mới đưa chiếc thuyền không về chỗ vợ ngồi. Nhưng than ôi! Cả Sa-pi-a cũng không còn ở đấy nốt. In-đgi-lai hốt hoảng chạy dọc bờ sông tìm kiếm và gào gọi vợ. Song chỉ có gió xạc xào trong lau lách và tiếng sóng 1 oap vỗ bờ đáp lại lời ông.

Cũng vào thời đó, ở một vùng kia có một quốc gia tên là Be-lan-da-ni-pi. Ông vua của nước này vừa mới qua đời, nhưng theo tục lệ ở đây, người ta vẫn để linh cữu ông trong cung mà không chôn cất ngay

vì chưa tìm được người kế vị. Theo nghi thức của triều đình xứ này, đấng quân vương kế vị ngai vàng phải cưới được con voi của nhà vua vừa mới bằng hà để đi vào cung điện.

Các triều thần đã tiến cử nhiều người lên ngôi báu nhưng con voi kia không để một ai trèo lên lưng nó. Sau cùng, người ta đành phải thả con voi ra, phó mặc mọi sự rủi may cho số phận, để voi tự rước về một ông vua trị nước. Vừa mới được thả ra, con voi đã phóng thẳng vào khu rừng, nơi In-đgi-lai nương náu lâu nay. Đang bước trong rừng thì In-đgi-lai nhìn thấy con voi to lớn đi thẳng về phía mình. Ông hốt hoảng trèo vội lên một thân cây to gần đấy. Con voi đi đến cạ mình vào gốc cây và nói với ông:

— In-đgi-lai, tụt xuống dưới này rồi ngồi lên lưng voi đi. Thôi nào, đừng đắn đo trước một dịp may hiếm có này.

In-đgi-lai hết sức kinh ngạc, ông hỏi voi:

— Rồi voi sẽ đưa ta đến đâu?

— Voi sẽ đưa ông về vương quốc Be-lan-đu-ni-pi. Hoàng đế xứ này vừa mới qua đời nên voi phải đi rước về cho triều đình một hoàng đế mới.

Nghe thấy cũng lọt tai, In-đgi-lai bình tĩnh tụt xuống gốc cây, ngồi lên lưng con voi để nó rước về cung điện. Vừa đến nơi, các triều thần vẫn võ bá quan cùng với dân chúng ở kinh đô đã ủa ra đón hoàng đế mới và tung hô vạn tuế. In-đgi-lai làm vua xứ Be-lan-đu-ni-pi từ đó.

Từ khi làm vua xứ này, In-đgi-lai luôn luôn tự nhủ: «Ta phải làm sao tránh được mọi điều ngu ngốc!». Ông dành tất cả thì giờ, sức lực, tâm trí của mình vào việc trị dân, trị nước. In-đgi-lai sống thanh bạch và tổ

ra là một ông vua mực thước, liêm chính. Phàm những việc hệ trọng nơi triều chính ông đều đem ra luận bàn với các triều thần, rồi đều công bố cho khắp dân dân thiên hạ biết. Hơn nữa, bất kể già trẻ, gái trai, giàu nghèo, sang hèn, ai có việc gì oan khuất thì cứ vào thẳng trong cung để tâu với vua. Dưới thời In-đgi-lai, năm này sang năm khác, mùa lại rồi mùa qua, ruộng đồng xanh tốt, ngô lúa đầy nhà. Thị thành trên bến dưới thuyền nhộn nhịp, phố xá sầm uất kẻ bán, người mua. Từ xưa đến nay chưa bao giờ quốc gia Be-lan-đu-ni-pi lại thịnh vượng, hùng cường đến vậy. Bởi nước mạnh nên dân chúng ở đây cũng được an hưởng thái bình. Duy chỉ có một điều ai cũng thắc mắc là tại sao nhà vua lại sống độc thân và cũng không hề tính đến chuyện chọn ai làm hoàng hậu.

Giờ lại nói về con chim nọ. Khi bay về tổ, nó lại thấy cả bầy con đang há mỏ chờ ăn. Chim mẹ, chim con vui mừng ríu rít. Chợt nhớ tới lời nguyện lúc trước, chim mẹ cầu trời để đổi lại lời nguyện:

— Lạy trời đại xá cho tội nặng tội của con. Mẹ con con đã được sum họp rồi, trời hãy cho nhà kia cha được gặp con, vợ được gặp chồng.

* *

Còn về bác đánh cá đã đưa hai đứa con của In-đgi-lai về cho vợ mình nuôi nấng thì sao? Tiếng lành về ông vua mới bay đi khắp sông cùng, núi thẳm. Một bữa, bác ta bàn với vợ:

— Nhà vua giàu lòng thương người nhường ấy, chắc rằng Người sẽ bao dung, nuôi nấng hai đứa trẻ này khôn lớn thành đạt. Vậy ta thử đem chúng vào cung

xem sao. Nói rồi, vợ chồng bác cho hai đứa trẻ ăn uống, mặc áo quần sạch sẽ và dẫn chúng vào thành. Vào đến cung, bác ta ngồi ngay vào chiếc chiếu dành cho những người đến xin được yết kiến vua. Bác ta chấp tay đưa lên đầu, cúi lạy. Thấy thế, In-đgi-lai vội bước đến nâng người đánh cá dậy và hỏi bác ta:

— Nhà người cần gì cứ nói, ta nghe!

— Tàu đức vua, vợ chồng con muốn đem những đứa trẻ này vào cung để chúng được Người sai bảo, dạy dỗ.

— Ta cảm ơn người đã vì ta mà vất vả. Những đứa trẻ này nom kháu khỉnh quá. Thôi, người đã có lòng thì ta xin nhận. In-đgi-lai nói và cho người đánh cá ra về.

In-đgi-lai nhìn hai đứa trẻ mà không nhận ra đó là con của mình, bởi vì sau mấy năm ròng xa cách, chúng đã lớn lên và đổi thay nhiều quá. Còn những đứa trẻ cũng không nhận ra cha, vì In-đgi-lai cũng già nua khác khổ đi nhiều sau những ngày vô võ thương nhớ vợ con. Và lại, ở đây nơi đất khách quê người, cảnh vật không gọi lại được những gì còn sót lại trong lòng những chú bé sớm gặp những chuyện không may, cả hai anh em chẳng chút nghĩ ngờ ông vua kia lại chính là cha mình.

Thấy hai đứa trẻ hiền lành mà lại khôi ngô, tuấn tú. In-đgi-lai cho chúng bưng tráp trâu cau theo hầu, vì ở xứ này người ta vốn có phong tục lấy miếng trâu làm đầu câu chuyện.

Bây giờ lại nói về Sa-pi-a.

Sau khi đưa Sa-pi-a lên thuyền mình, từ đó đi buôn bán ở đâu người lái buôn này cũng đưa Sa-pi-a theo. Nghe đồn xứ Be-lan-đu-ni-pi lâu nay thịnh vượng lên dưới triều vua mới, ông ta làm một chuyến hàng đến

đó. Thuyền cập bến Be-lan-đu-ni-pi và chẳng mấy chốc đã bán hết hàng. Ông ta lại mua hàng hóa ở đây để đem đi nơi khác bán. Trước lúc cho thuyền nhổ neo, ông ta chọn một vài tặng vật quý để đem vào triều vua. Thấy thế, nhà vua hỏi:

— Sao đến hôm nay nhà người mới đến trình ta?

— Tàu bè hạ, mong bè hạ xá lỗi cho! Chúng con là những kẻ làm ăn buôn bán, bận rộn ngày tháng tối tăm mặt mũi. Nay bán hết hàng, ngày mai rời bến kẻ hạ thân mới đến cúi đầu trước sân rồng được. — Người lái buôn kinh cần thưa.

— Thôi, ta đại xá... — In-đgi-lai nói — nhưng nhà người hãy nán tại đây thêm vài bữa nữa cho ta đỡ buồn.

— Tạ ơn bè hạ đã gia ơn cho kẻ hạ thân. Song, thân phải quay về thuyền ngay vì vợ thân ở đó đang không có ai tin cậy trông nom. — Người lái buôn xin cáo lui. — Thân hẹn dịp khác sẽ lại đến thăm bè hạ.

Thấy thế, nhà vua bèn nói:

— Tưởng có việc gì chứ việc đó ta lo liệu giúp nhà người được. — Nói đoạn, nhà vua gọi hai chú lính hầu kia ra và sai chúng đến thuyền canh gác cho vợ người lái buôn,

Hai chú bé y lệnh xuống thuyền khi mặt trời vừa xế bóng. Hai anh em thỏa thuận với nhau: anh sẽ gác trước đề em ngủ, hết phiên em sẽ dậy thay. Nói rồi, thằng anh ra gác, còn đứa em chui vào trong thuyền nằm ngủ. Quá nửa đêm, một quả, thằng anh đánh thức em dậy đổi gác:

— Này, này dậy đi em, dậy gác thay đề anh chợp mắt một lúc nào.

– Chịu thôi, em buồn ngủ lắm. – Đưa em nằm từ rồi lại ngủ tiếp.

Bực quá thống anh quát mắng:

– Mày có dậy không nào? Chứng nào vẫn tật ấy. Mày thử nghĩ xem như thế có đang là con nhà gia thế hay không? Có lẽ nào mày đã quên cái chuyện chỉ vì mày nặng nề đòi bắt một con chim non mà cả nhà ta đã khổn khổ đến nông nỗi này!

– Đang chải đầu ở khoang thuyền trong, Sa-pi-a nghe rõ mồn một những lời này, bà chạy ra:

– Các con ơi! Các con của mẹ ơi! – Sa-pi-a ôm hai con vào lòng khóc nức nở.

Tiếng kêu khóc của Sa-pi-a đã làm những người trên thuyền tỉnh dậy. Họ chạy đến buồng ông chủ thì thấy cái cảnh hai thiếu niên ôm chặt bà chủ của mình đang khóc. Vài kẻ trong số họ kêu toáng lên:

– Những tên lính hầu của nhà vua đang làm nhục bà chủ kia. Anh em ơi phải mau cứu lấy bà chủ...

Nghe thấy thế, hai anh em sợ quá. Chúng nhảy tòm xuống nước rồi vội vã bơi vào bờ. Những người trên thuyền cũng nhảy xuống bơi đuổi theo. Sự náo động đã làm mọi người ở trên bờ đề ý. Cả đám đông liền vây quanh lấy những người vừa mới từ dưới nước lên. Những người dưới thuyền kể lại sự việc, còn hai anh em nhà kia thì ra sức phân bua. Chẳng ai nghe ai, cả đám người la hét, đánh nhau, ồn ào như ong vỡ tổ.

Chẳng mấy chốc, trên bến dưới thuyền, cả thành phố đều biết chuyện. Cuối cùng cái chuyện kia sau khi được thêm thắt, tô vẽ ít nhiều đã đến tai In-đi-lai. Ông nghĩ: «Thật là ô nhục! Ta còn mặt mũi nào mà nhìn khách nữa» Bừng bừng tức giận, nhà vua ra lệnh

bắt ngay hai tên hầu của mình lại. Ông chưa ăn xong miếng trầu thì quân lính đã dong hai chú hầu kia đến trời trước cung điện.

– Ta không thêm nhìn mặt quân vô lại ấy nữa. Dao phủ đầu! – Nhà vua gọi – Hãy mau mau đem hai tên nghịch tặc kia ra pháp trường xử trảm.

Vua vừa dứt lời thì E-mu-ru – người cầm đầu lính đao phủ đã có mặt và dong hai anh em nhà kia ra pháp trường.

Trong số lính đao phủ có ba người tên là Ha-lích, Ka-ti và Tai-ne, ba người này đóng ở ba làng khác nhau. Đầu tiên, E-mu-ru dong hai «tội phạm» đến chỗ Ha-lích:

– Đúc vua ra lệnh chém đầu hai tên này ngay.

– Bọn này đã phạm tội gì? – Ha-lích hỏi lại.

E-mu-ru kể cho Ha-lích nghe những gì mình nghe được.

– Nếu sự việc quả như anh nói thì tôi không dám chém những kẻ đầu xanh tuổi trẻ này. – Ha-lích nói. – Pháp luật của ta chỉ rõ: không được tử hình bất cứ một ai nếu chưa rõ tội trạng và nhân chứng. Tôi cho rằng trong chuyện này có sự nhầm lẫn chỉ đây. Anh cũng biết đấy, hai chú hầu này được đức vua thương mến lắm. Tôi e mai một đức vua lại lấy làm tiếc về việc này. Nhân đây tôi kể anh nghe một chuyện:

«Ngày xưa, có một ông vua rất tin vào bói toán, tướng số. Vì thế, vua cho mời một thầy tướng nổi tiếng vào cung sống bên cạnh mình. Một lần, do động đất nên một mái cung điện bị sập. Nhân đó, ông vua này muốn xây hẳn một cung điện mới khác. Ông hỏi thầy tướng ngày lành tháng tốt để làm nhà thì được biết: nếu dựng nhà vào chính Ngọ ngày thứ năm trong

làng thì nhà cửa sẽ nở thành vàng, còn cây cối trong vườn sẽ cho những quả vàng. Đến ngày giờ đã định, vua ra lệnh xây cất lâu đài. Thợ tài, thợ khéo từ khắp nơi trong nước đã được triệu về kinh đô. Chẳng bao lâu, một cung điện mới cao rộng đã được dựng lên. Nhà vua chờ mãi, chờ mãi đến nóng lòng, nóng ruột mà cung điện kia vẫn chỉ là gỗ, đá; quả vàng trong vườn cũng chẳng thấy đâu. Nghĩ mình bị lừa, nhà vua nổi giận rồi hạ lệnh chém đầu thầy tướng. Nhưng, mấy ngày sau khi thầy tướng bị chém, một người làm vườn đã vào dâng vua buồng chuối vàng chóc. Vua sững sờ hỏi:

— Chuối này, lạ quá, người làm sao có được, hãy nói ta nghe.

Người làm vườn tâu lại rằng, do nghe lầm được lời thầy tướng nói với vua về việc xây cung điện nên cũng đúng vào ngày giờ đó anh ta ra vườn trồng chuối.

— Thì ta cũng xây nhà vào ngày đó sao cung điện của ta lại chẳng hóa thành vàng? — Nhà vua hỏi.

— Thần nghĩ rằng tặc hạ đã cho khỏi công hơi muộn. Cũng đúng vào ngày đó thật, nhưng trời đã quá nóng rồi thợ xây mới bắt đầu đào móng.

Nghe chuyện, vua hiểu rằng chính ông thầy tướng kia đã nói đúng, còn mình thì quá hồ đồ. Trước bàn dân thiên hạ, nhà vua hối hận vì đã giết mất một thầy tướng tài giỏi.

— Anh thấy chưa? — Ha-lich nói tiếp. — Hậu quả sẽ tai hại thế nào nếu ta không tuân theo pháp luật? Chúng ta cũng nên tâu lại vua đề cho hai thiếu niên này được bày tỏ chuyện mình. Nếu quả hai thiếu niên này đáng tội chết thì tôi sẽ chém đầu ngay, còn không thì...

Trong thâm tâm, chính E-mu-ru cũng cảm thấy là Ha-lich nói đúng, song anh không dám quay lại tâu với vua những điều Ha-lich vừa nói. Thế rồi E-mu-ru lại dong hai anh em nhà kia đến chỗ Ka-ti. Ka-ti cũng hỏi như Ha-lich và kể cho E-mu-ru nghe một câu chuyện:

« Ông vua nọ có một nàng công chúa tên là Mu-na đẹp hiếm ai sánh kịp. Ở giữa các cô gái khác, nàng sáng ngời như vầng trăng giữa muôn sao vậy.

Một hôm, vua cha cho con gái yêu một con vẹt. Mu-na mừng lắm, cô quanh quẩn bên con vẹt suốt ngày; cô nói chuyện với nó như nói với người vậy. Còn con vẹt cũng rất quý mến cô, nó chỉ mổ thức ăn trong lòng bàn tay công chúa. Ngày nào cũng vậy, vẹt bay đi khắp nơi, tha bao nhiêu hoa quả, chín có, xanh có, về cho công chúa.

Một bận, vẹt đi kiếm ăn và cắp về cho công chúa một trái cây rất lạ. Thấy thế, công chúa hỏi:

— Vẹt ơi! Đây là quả gì thế? Có ăn được không?

— Thưa công chúa, quả này ngon ngọt lắm. — Nói rồi, vẹt mổ vào quả chín làm một dòng nhựa ứa ra.

Công chúa ngẫm nghĩa trái cây chín đẹp mắt rồi lại hỏi vẹt:

— Vẹt ơi! Quả này ăn có bổ không?

— Tuyệt trần công chúa ạ! — Vẹt trả lời. — Đó là một quả chữa được bách bệnh. Ai ăn quả này sẽ thành người đẹp, da dẻ hồng hào, đỏ đắn.

— Nếu đúng như vẹt nói, ta sẽ ương trồng quả này để mai một có nhiều quả quý. — Công chúa nói rồi sai người ương trái cây kia vào đất.

—Thấm thoắt, trong vườn đã mọc lên một cây cao, cành lá xum xuê, quả sai trĩu trĩu. Khi ấy, công chúa mới sai nàng hầu hái cho mình một quả. Nhưng khi nàng hầu đã gọt và bỏ trái cây ra rồi thì công chúa lại e ngại không dám ăn ngay. Công chúa sợ trái cây kia là trái độc. Vì thế, nàng hầu thưa rằng trước hết hãy cứ để cho gà ăn xem sao. Quả nhiên, vừa ăn thử quả đó xong, mấy con gà liền quay ra chết.

—Hừ, con vẹt kia thật là độc ác. — Công chúa tức giận nói rồi sai nàng hầu giết chết con vẹt ngay.

Ít ngày sau, ở triều đình có một viên quan tên là Su-là-va-tang bị mất trộm. Người ta lập tức săn lùng, chẳng mấy chốc tên trộm đã bị bắt và bị điệu đến trước sân rồng. Công chúa Mu-na vì vẫn còn bận tâm về quả độc mà vẹt mang về nên nàng bảo mọi người cứ tạm trói tên trộm kia vào thân cây độc nọ.

Tin lành đồn xa, tin dữ đồn xa, chẳng bao lâu khắp vùng đều biết chuyện về cây độc nên chẳng ai dám lại gần. Tuy vậy, đêm đêm quả cây chín vẫn cứ tỏa hương thơm ngào ngạt. Mùi thơm ngon đến nỗi tên trộm không cầm lòng được, hần liền ăn một quả buông kẻ ngay trước miệng. Vừa ăn xong, tên trộm thấy mình khỏe lên gấp bội, hần cựa mình một cái, bao nhiêu dây trói quanh mình đứt bung hết. Sáng hôm sau, tên trộm đi vào cung diện gặp vua. Vua ngạc nhiên quá, ông không tin trước mắt mình lại là tên trộm bị trói chặt vào gốc cây độc từ chiều hôm trước; hơn nữa, tên trộm lại khỏe mạnh, trẻ đẹp hẳn ra. Vua hỏi đầu đuôi câu chuyện thì tên trộm thưa lại rằng, vì thèm quá hần đã liều ăn một quả. Chính quả cây này đã làm cho hần có sức mạnh giết tung dây trói. Nghe xong chuyện, vua nói:

— Nhà ngươi nói gì lạ vậy? Đó là trái cây độc, gà ăn phải đều bị chết cả cơ mà?

Tên trộm nói:

— Thưa đức Vua, chắc gà chết là do ăn phải trái cây đã bị răn tiếm nọc độc vào!

Vua kể lại cho con gái nghe chuyện này. Mu-na khóc nức nức và hối hận vì đã giết oan con vật trung thành.

Kể chuyện xong, Ka-ti nói với E-mu-ru:

— Anh thấy chưa? Chỉ vì không suy xét trước sau mà công chúa đã giết mất con vẹt — người bạn quý của mình.

E-mu-ru chẳng nói gì, anh lẳng lặng dong hai « tội phạm » đến lĩnh đao phủ Tai-ne. Ở đây cũng vậy, Tai-ne hỏi E-mu-ru là người ta đã biết rõ tội trạng của hai thiếu niên này chưa? E-mu-ru chỉ còn biết lắc đầu ngao ngán. Lúc đó, Tai-ne mới nói:

— Anh E-mu-ru à, chúng ta phải tái lại chuyện này cho đức vua hay mới được. Riêng tôi, chẳng bao giờ tôi dám làm trái luật lệ đâu.

Lần này, Tai-ne cũng kể cho E-mu-ru nghe một chuyện như sau:

« Ở vùng kia có một anh lái buôn giàu có. Anh này lấy được một cô vợ xinh đẹp nết nà. Đã đẹp thì chớ, cô ta lại thường ăn mặc lụa là, gấm vóc, cổ tay đeo vòng vàng, ngón tay đeo nhẫn ngọc, vì thế cánh mày râu cũng hay mê mắt đến cô. Hai vợ chồng anh lái buôn sống với nhau bề ngoài có vẻ êm thấm lắm. Họ nuôi được một con chó rất khôn và hết mực trung thành với chủ. Có con chó, họ chẳng bao giờ bị mất cắp, hơn thế, khi cần còn có thể sai nó đi cắp cái này, cái khác giúp mình được.

Một lần, anh lái buôn có việc phải xa nhà ít ngày. Buổi chiều trước hôm lên đường, vô tình anh nghe thấy hai người đàn ông lạ mặt nói với nhau: « Lúc chủ vườn đi vắng ta sẽ được biết hoa thơm » và « khi nào mèo mẹ đuổi bắt chuột thì ta tha hồ mà về vuốt mèo con ». Về gần đến nhà, anh lại nghe thấy một người đàn ông khác đang hát những lời bóng gió xa xôi. Anh lái buôn ngờ ngợ như có chuyện gì chẳng lành động chạm đến mình. Từ chỗ ngờ ngợ, anh đâm ra bồn chồn, lo lắng. Sớm mai anh đã phải đi rồi, biết làm sao đây? Anh biết nhờ ai trông coi cô vợ đẹp được? Chẳng lẽ lại nhờ cậy vào những kẻ làm công cho mình? Vất óc suy nghĩ, cuối cùng anh gọi con chó lại, dặn dò:

- Chó ơi! Mai ta đi vắng ít ngày, mày ở lại canh giữ nhà sản thân, đừng để xảy ra chuyện gì cho bà chủ nhé!

Cô vợ ngược nhìn ông chủ của nó bằng cặp mắt trung thành và gật gật đầu.

Hôm sau, người lái buôn vừa mới ra đi vào buổi sáng thì buổi chiều đã có một gã đàn ông đến nhà thăm hỏi vợ anh:

- Người đẹp ơi! Em hãy rủ lòng thương đến trái tim tội nghiệp đang vì em mà thổn thức đây này. Em hãy nhận giùm anh món quà bé mọn để ghi nhớ ngày anh được ở bên em.

Nghe những lời đường mật của gã trai lơ, cô vợ trẻ của chàng lái buôn kia lén đem mắt ra chiều sưng sưng lúm. Ấu ấu yếm nhia tình nhân rồi đáp:

- Anh ơi, người ta quý hóa nhau đâu cần quà cáp. Em chỉ mong những tình cảm chân thành mà đâu có được. Sao chiều nay em thấy có quạu quá!

Nhìn thấy cảnh người đàn ông và người đàn bà lang thang từ với nhau, con chó nghĩ: « Vì tin cậy mình nên ông chủ mới giao cho mình trông coi cô vợ trẻ. Nếu lúc về biết mình không làm tròn bổn phận này, hẳn ông chủ sẽ giết chết mình ». Nghĩ thế, nhưng chó ta chẳng biết làm sao can ngăn bà chủ được.

Gã đàn ông kia đêm nào cũng vui thú với người đàn bà lang lơ đèn sáng mờ mờ. Quen mùi, hẳn đánh bạo đến cả vào ban ngày ban mặt. Thường thường, chó nằm ngoài cửa trong nhà.

Bỗng một hôm người lái buôn trở về. Thoảng thấy bóng chủ, con chó mừng cuống quít, nó sủa to rồi chạy vào buồng, nhảy lên giường ngủ ngoan vào cổ gã đàn ông kia. Khiếp sợ quá, cô vợ trẻ của người lái buôn vùng chạy ra ngoài nhưng bị con chó chặn lại. Không chịu, cô ta ra sức đập lại con chó để thoát thân. Bị đánh quá, con chó cắn lại, chẳng may vào chỗ hiểm, cô vợ kia chết ngay tại chỗ.

Người lái buôn vừa kịp chạy xô vào thì thấy vợ đã chết trên nền nhà, ngay cạnh con chó. Tức giận tới tấp mắt mù, không kịp suy nghĩ gì nữa, anh rút dao chém lia lịa vào đầu con chó. Lúc sắp chết, con chó vẫn ngược cặp mắt trung thành, tận tụy nhìn ông chủ.

Nước mắt ròng ròng, người lái buôn ôm xác vợ thật gần rồi nguyên của con chó bắt trị kia. Sau đó, anh quay vào buồng thì trông thấy một người đàn ông lạ mặt đã chết ngay trên giường ngủ của vợ chồng mình. Anh choáng váng và hiểu ra ở nhà đã xảy ra chuyện gì trong mấy ngày mình đi vắng.

Kể xong câu chuyện, Tai-ne nói với E-mu-ra:

- Anh nghĩ thế nào về chuyện vừa rồi? Có phải nếu ta không suy xét kỹ càng thì sẽ mắc phải những lầm không thể sửa chữa được hay không?

Chẳng biết làm thế nào, E-mu-ru đành phải dắt hai thiếu niên vô tội kia trở lại cung vua. Để hai chú bé ở ngoài, E-mu-ru vào cung thưa lại với vua mọi chuyện vì sao những tình đạo phũ phàng lại không thi hành lệnh của nhà vua. Thoạt đầu, vua tức giận lắm, song nghĩ lại, ông cho triệu các triều thần lại để hỏi tội hai chú bé kia. Đề có «ba mặt một lời», nhà vua cũng cho mỗi người vợ của anh lái buôn hiện là khách của ông đến cung điện.

Trước tiên, người ta cho phép thằng anh đứng kể lại sự việc để minh oan. Thế là, nó kể lại việc hai anh em nó cãi gác ra sao, thằng em buồn ngủ thế nào và nó đã chắt lại cảnh ngộ gia đình tan tác ra sao. Nó cũng than van rằng chỉ vì thằng em trái tính thích nghịch mấy con chim non vừa mới mở mắt mà hai anh em nó phải lưu lạc đến đây, còn bố mẹ thì phiêu bạt đến phương trời nào chẳng biết.

Nghe đến đây, vua In-đi-lai lặng người đi, ông chỉ xuống để giấu những dòng nước mắt.

Một viên quan quay sang hỏi Sa-pi-a xem có phải chính bà đã ôm hai chú bé kia vào lòng hay không? Sa-pi-a khóc nức lên, bà nói qua dòng lệ:

— Chúng chính là những đứa con đứt ruột của tôi. Những đứa con của ông vua không may thất thế bị lạc vào rừng.

Đến lúc này, không thể cầm lòng được nữa, In-đi-lai kêu to:

— Ta chính là ông vua thất thế và bị lạc vào rừng ấy đây.

Nói đoạn, ông ôm cả vợ và các con trai vào lòng.

Đó chính là đoạn kết của lời cầu nguyện thứ hai của con chim nhỏ lạ lùng kia.

Đến đây hẳn có bạn hỏi: «Thế anh lái buôn là khách của nhà vua đâu rồi?». Mới nghe dở chừng, đoán trước được cái cảnh đoàn viên xum họp kia, thừa lúc mọi người mãi nghe chuyện không đề ý, anh ta lén ra ngoài đi mất.

SANG BU-RUNG

(TRUYỆN CỔ XU-MA-TƠ-RA)

Thuở ấy, cách đây để có đến hàng nghìn năm rồi, người ta còn gọi đảo Xu-am-tra bây giờ là In-đa-lát. In-đa-lát đất đai rộng lắm, rộng đến nỗi qua bao đời sinh sôi nảy nở rồi mà ngày nay trên đảo vẫn còn nhiều chỗ chưa có vết chân người.

Cai quản In-đa-lát thuở ấy là ba vị chúa: En-chi Đa-lát — chúa đất, En-chi A-lun — chúa nước chuyên cai quản sông hồ và Sang Bu-rung — chúa bầu trời hay còn gọi là chim thiêng, chuyên cai quản nắng mưa mây gió và sai khiến bốn mùa trong năm.

Đất rộng, người thưa nên ở In-đa-lát người ta sống cũng chẳng đến nỗi nào, bởi khắp đảo không có nhà nào ăn bữa sáng phải lo bữa chiều. Ấy thế nhưng vẫn có lắm kẻ giàu sù rồi mà lòng tham không đáy. Bọn chúng đêm ngày mãi miết làm giàu, ghen tỵ, tức tối với mọi người, lúc nào cũng chỉ lo người khác hơn mình. Đã lắm tiền bạc, bọn nhà giàu lại còn tham lam độc ác. Bọn chúng kéo bè, kéo cánh với nhau cướp

lợn, cướp gà, xé lưới đánh cá của người khác, hoặc ném đất đi vào nhà hàng xóm, láng giềng. Không thấy ai dả động đến, bọn chúng lại càng làm già, cứ như cả đảo này là của riêng chúng không bằng. "

Trong khi đó, đa phần dân chúng chỉ im lặng chịu đựng, ai nấy biết phận mình, «đền nhà ai, nhà nấy rang». Họ yếu thế hơn bọn nhà giàu vì bọn này có nhiều vũ khí hơn, hơn nữa lại toàn là vũ khí hết sức lợi hại.

Thấy cảnh ấy, chúa đất En-chi Đa-lát hết sức bức mình. Ông mời chúa nước và chúa bầu trời đến bàn bạc để cho bọn nhà giàu độc ác kia một võ đầu. Song, ông chúa bầu trời Sang Bu-rung lại chẳng để ý gì đến việc này. Sang Bu-rung đứng đỉnh nói:

— Ôi dào! Ta cứ tự vẽ chuyện ra làm gì. Rồi đâu lại vào đấy thôi mà.

Nghe Bu-rung nói vậy, En-chi Đa-lát tức quá hét toáng lên

— Như thế thì ông cứ làm chim quách đi cho rồi! — Đa-lát vừa dứt lời thì Bu-rung đã biến thành một con chim trông rất dễ sợ. Chẳng là, hồi ấy, vị chúa nào cũng có phép thần thông biến hóa người thành cầm thú, chim muông.

Còn có hai người, En-chi Đa-lát và En-chi A-lun phải hợp sức với nhau. Nhưng họ cứ loay hoay mãi mà không tìm được cách nào để trừng trị bọn người bất nhân, bất nghĩa kia. Thiếu Bu-rung, họ như thiếu một bộ óc khôn ngoan, mưu trí để vạch đường, chỉ lối. Bởi vì, tuy có ngang tàng chút ít nhưng Bu-rung lại là người thông minh, lanh lợi nhất trong họ. Nhiều lần nhờ có Bu-rung mách nước mà họ đã làm được những việc khó tày trời.

Sau khi bị biến thành chim, Bu-rung buồn ủ rũ. Chẳng thiết bay lượn đi đâu, chim chọn một cành cây um tùm để đậu và nhớ lại mọi chuyện trong ngày. Chẳng mấy chốc, màn đêm dày đặc đã buông xuống bốn bề. Rỉa lông, rỉa cánh chán, chim Bu-rung bèn nghĩ: «ừ nhỉ, sao ta lại không thử xem bọn giàu có độc ác kia sống thế nào?». Bu-rung liền tự biến mình thành một người ăn xin rách rưới và thất thểu đi vào thành Pa-lem-bang.

Vào giờ này, hầu hết mọi người đã ngủ say sưa sau một ngày làm lụng mệt nhọc. Nhưng ở phía trong thành, nơi những nhà cao, cửa rộng, bọn nhà giàu vẫn ăn uống no say phê phởn. Tiếng cười ha hả, tiếng đàn trầm bổng, dật dàu. Hượu rót tràn ly. Thức ăn thừa mứa. Đứng ngay trước cửa ra vào, tàn mắt nhìn cảnh ấy, Sang Bu-rung nghĩ: «Hừ, bọn này nhậu nhẹt chơi bời hoang phí thật. En-chi Đa-lát và En-chi A-lun nói đúng. Phải cho cái quân giàu có bất nhân này một trận mới được». Nghĩ vậy, Bu-rung bước vào giữa phòng yến tiệc. Tất cả nhốn nháo cá lên. Bọn chúng kẻ thì nhìn Bu-rung khinh bỉ, nhờ toẹt nước bọt xuống sàn nhà, kẻ thì giễu cợt, cười hô hố rât là khả ố, một tên trong bọn lớn tiếng:

— Này, hãy xéo đi, đồ ăn mày, ăn nhặt, đây không phải là chỗ của mày.

— Cút đi, quân mọi rợ! — Những đĩa khác phụ họa theo.

Nhưng Bu-rung vẫn đề ngoài tai những lời lẽ xác xược đó. Ông tiến đến, gõ gõ tay lên mặt bàn đang cao ngồn ngang chai, cốc, bát, đĩa...

— Các người hãy nghe đây! Ta chẳng thêm xin các người lấy một đồng xu đâu. Ta đến đây cốt để chứng

kiến các người sống ra sao và giới giang đến mức nào. Các người ăn sung, mặc sướng thế kia thì đầu óc chắc hẳn phải khá hơn... con lợn chứ?

Tiếng cười, tiếng nói huyền ảo trong phòng xập hẳn xuống. Im lặng bao trùm. Tất cả tò mò quay về phía Bu-rung, chờ đợi.

— Ai trong số các người có thể đo tài, đấu trí với ta nào? — Cuối cùng Bu-rung lên tiếng nói. — Ta nói cho mà biết, ta và các người không nói chuyện suông với nhau đâu nhé! Nếu bị thua, các người phải cạo tóc cả nhà cửa, ruộng vườn đấy.

Bọn nhà giàu chẳng hề ngờ vực gì cả, chúng còn thích chí như sắp bước vào một trò chơi lạ.

Sang Bu-rung ra ngoài vườn bứt một nhánh cỏ. Dưới ánh sáng của những ngọn đèn từ trong phòng hắt ra, ông lấy ngón chân bới đất lên và cắm nhánh cỏ vào đó. Cả bọn người kia chăm chú dõi xem Bu-rung làm gì.

— Nào! Thử sức xem sao! — Bu-rung nói đồng thanh. — Ai trong số các người đủ sức nhổ được nhánh cỏ này lên khỏi mặt đất nào?

Nghe Bu-rung nói, nhiều tên cười mỉa cái trò con nít ấy, nhưng thấy Bu-rung ra vẻ thách thức thì một gã cao lớn trong bọn bước ra và thử nhấc nhánh cỏ lên. Nhưng kỳ lạ thay! Ngọn cỏ không hề nhúc nhích. Lúc đó gã kia mới dùng hết sức bình sinh để lay ngọn cỏ, dằng bên này, kéo bên kia, song nó vẫn không bị suy xuyến. Gã cố gắng nổi lên cuồn cuộn, mặt mũi đỏ bừng, mồ hôi vã ra như tắm, gì thở hắt ra và lắc đầu chịu bỏ cuộc.

Tiếp theo gã, hết tên này đến tên khác trong bọn thay nhau ra nhổ nhánh cỏ kia. Song, dù bọn chúng có

làm cách nào thì nhánh cỏ vẫn đứng trơ trơ, bất di bất dịch.

Thấy thế, Bu-rung còn khích thêm:

— Các người cứ thử cố sức một vài lần nữa xem sao! Biết đâu lại chẳng...

Nói rồi, Bu-rung đi ra phía sau một thân cây lớn ở ngoài sân. Và thoắt một cái ông lại biến thành chim. Con chim bay nhanh đến chỗ vị chúa nước En-chi A-lun và nói:

— Ông và En-chi Đa-lát nói đúng thật. Quả là bọn nhà giàu kia ăn chơi phê phỡn và chẳng hề thương xót đến người nghèo khó. Ta phải trị tội chúng để làm gương cho những kẻ khác mới được.

— Muốn vậy ta phải làm gì bây giờ? — A-lun hỏi. — Quả tình vắng ông, tôi và chúa đất Đa-lát chẳng biết xoay xở ra sao.

— Thì có khó khăn gì! Con chim nói. — Ông là chúa nước, vậy ông cứ gọi tất cả sông, tất cả nước về nhấn chìm nhà cửa, vườn tược của bọn chúng đi.

— Tưởng gì chứ chỉ có thế thì tôi làm được ngay. — A-lun đáp.

Chỉ trong nháy mắt con chim đã bay trở lại thành Pa-lem-bang và lại biến thành người ăn xin nghèo đói. Người ăn xin (tức Sang-Bu-rung) hỏi bọn nhà giàu mà bắt tại bất lực kia:

— Thế nào, tất cả các người to béo thế kia mà không gì nhổ được nhánh cỏ yếu ớt này à? Ta trông các người thật là thảm hại, lúc này các người có vẻ biết điều lắm, chẳng bủ cho những lúc các người đối xử tàn tệ với những người chẳng may sa cơ, lỡ vận mà trở thành nghèo khổ. Các người đáng bị trừng phạt về tội đó.

Bu-rung vừa dứt lời thì sấm sét đùng đùng, mây đen kín đặc bầu trời và mưa đổ xuống như trút. Ngoảnh đi, ngoảnh lại sông nước đã tràn ngập bốn bề chìm tất cả đất đai, nhà cửa, ruộng vườn, của cải của bọn nhà giàu độc ác kia xuống dưới đáy. Lúc ấy, Bu-rung lại biến thành con chim bay là là trên mặt nước, thỉnh thoảng lại cất tiếng kêu nghe rất ghê rợn. Bọn độc ác kia bị chết đuối gần hết, kể nào may mắn sống sót thì vẫn còn nhớ đời cái tiếng kêu rợn người của con chim lạ. Tuy vậy, những người lao động lương thiện thì lại chẳng sợ gì tiếng con chim đó, bởi vì họ luôn luôn thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

TRUYỆN VỀ HAI CHỊ EM KU-SU-MA VÀ A-SMA

(TRUYỆN CỔ XU-MA-TƠ-RA)

Dưới thời In-đra-chi-ta trị vì, có một quốc vương rất thanh liêm, chính trực. Ông cũng như hầu hết dân chúng trong tiểu quốc của ông đều theo đạo Hồi. Theo đạo này, người đàn ông được phép lấy nhiều vợ. Bởi vậy, ngoài hoàng hậu Tua ra, quốc vương lại lấy thêm một bà phi tên là Bung-su nữa.

Hoàng hậu Tua sinh được một hoàng tử tên là A-hô-mát. Còn bà phi Bung-su sinh được công chúa Ku-su-ma và hoàng tử A-sma, cả hai đều rất ngoan ngoãn,

thông minh và tốt bụng. Chính quốc vương cũng yêu quý Ku-su-ma và A-sma hơn A-hô-mát là người rồi sẽ kế nghiệp mình.

Hoàng hậu Tua cảm thấy điều đó và những ý nghĩ đen tối, xấu ác bắt đầu chầm chích lòng bà như những con rắn độc: «Quốc vương sủng ái hai con của Bung-su hơn con của ta. Nếu Bung-su chiếm được cả trái tim của quốc vương nữa thì chẳng sớm thì muộn quốc vương cũng sẽ nhường ngôi báu cho A-sma mất». Hoàng hậu cứ lo xa thế thôi chứ con bà — hoàng tử A-hô-mát đã trưởng thành, còn con của Bung-su — hoàng tử A-sma mới mười tuổi đầu, vất vả vẫn còn chưa sạch nói chi đến chuyện trị dân, trị nước. Tuy thế, bà vẫn không nguôi tức tối. Một ý nghĩ hiểm ác len lỏi trong đầu bà: «Nếu Bung-su chết thì ta và A-hô-mát sẽ chẳng còn điều gì phải lo ngại nữa. Không phải A-hô-mát thì còn ai vào đây trị vì thiên hạ?». Nghĩ sao làm vậy, bà sai người cho thuốc độc vào đồ ăn của Bung-su. Nhưng chuyện đời thật là trớ trêu. Đúng hôm hoàng hậu Tua làm cái việc trên thì nhà bếp lại thay một đầu bếp mới, người này do không biết nên đã mang đồ ăn của Bung-su lên cho quốc vương. Vô tình, quốc vương đã ăn phải thuốc độc và lăn ra chết. Tin quốc vương qua đời đã làm cho hết thảy mọi người từ trong cung cấm đến ngoài dân chúng ai cũng tiếc thương, khóc lóc. Bởi vì, dưới thời quốc vương, thiên hạ thái bình, quốc gia thịnh vượng. ③

Theo truyền thống cha truyền con nối, hoàng tử A-hô-mát đã trở thành quốc vương, thay cha trị vì thiên hạ. Mặc dù vừa mới nối ngôi, nhưng cái chết đột ngột của vua cha đã làm cho A-hô-mát băn khoăn, nghi hoặc. «Sao quốc vương ta không hề ốm đau mệt mỏi gì mà lại băng hà nhanh lạ vậy?» — A-hô-mát nghĩ.

Lập tức, một cuộc thăm sát được tiến hành. Chẳng lâu la và cũng chẳng khó khăn gì, người thầy thuốc đã tìm thấy căn thuốc độc ở bát ăn của quốc vương vừa quá cổ.

Hoàng hậu Tua — bây giờ đã trở thành hoàng thái hậu — lo sợ người ta tìm ra manh mối nên giả vờ như không biết gì, kêu lên:

— Các người hãy xem này, đây không phải là cái bát quốc vương ta vẫn dùng. Xem bát của ai nào, thôi chết! Bát ăn của bà phi Bung-su rồi!

Lập tức, Bung-su bị lồng vào ngục tối, mặc cho A-sma và Ku-su-ma van xin kêu khóc.

Trước cảnh ngộ oan ức ấy, một viên quan thượng thư tóc bạc như mây, đến nói với A-hồ-mát:

— Thưa hoàng tử...

— Nhà ngươi không biết từ hôm nay ta đã là quốc vương của tiểu quốc này rồi sao? — A-hồ-mát quát mắng, nói.

— Kê hạ thần này xin tạ lỗi quốc vương. — Quan thượng thư ngẩng cao đầu, thưa. — Nhưng, thần xin lấy mái tóc bạc này ra mà nói với quốc vương rằng, trước đây phụ vương của Người không bao giờ làm như thế. Xin quốc vương hãy bình tâm nghĩ lại: cuộc thăm sát đã xong đâu mà ta đã vội bỏ bà phi Bung-su vào ngục lạnh. Thần e rằng ta quyết như vậy là đi ngược lại luật pháp và nhân tâm.

— Còn phải nghĩ hoặc gì nữa! — A-hồ-mát nói. — Khanh chẳng thấy là phụ vương ta đã ăn phải thuốc độc trong bát ăn của Bung-su đó sao?

Nhưng có lẽ nào bà phi Bung-su lại phản bội lại quốc vương — người đang sủng ái bà và các con bà? Sao ta lại không nghĩ đến bàn tay nào khác đã bỏ thuốc độc

vào bát ăn của Bung-su? — Viên quan thượng thư già vẫn nhẫn nại giải bày.

Nhưng A-hồ-mát gạt đi không nghe nữa.

A-sma và Ku-su-ma nước mắt giàn giụa xin A-hồ-mát bớt giận, nghĩ lại và thả mẹ mình ra. Đã không dễ vào tai những lời van xin thì chớ, A-hồ-mát còn quát:

— Các người cút đi. Từ nay ta cấm các người bên mảng đến cung điện, sân rồng. Hãy dắt nhau vào rừng mà sống cho khuất mắt ta.

Không còn biết trông mong, nhờ cậy vào ai, hai chị em Ku-su-ma và A-sma đành phải khăn gói vào rừng, nương thân trong một túp lều xiêu vẹo.

Buổi chiều hôm ấy, người hầu gái vốn cũng là người bà con với Ku-su-ma trước đây, vì tình nghĩa chủ tớ, đã mang cơm đến lều cho hai chị em. Ku-su-ma đã kể lại cảnh ngộ của mẹ và hai chị em mình cho người hầu gái nghe. Cảm thông và ái ngại cho cô chủ, người hầu nói:

— Con biết ngục tối, nơi bà Bung-su đang bị giam cầm. Cô cậu muốn vào thăm bà thì con chỉ đường cho, nhưng phải có cái gì lót tay cho bọn canh ngục thì chúng mới cho vào.

Sầm tối, Ku-su-ma và A-sma mang theo giỏ thức ăn lặng lẽ theo lối mòn cô hầu gái đã chỉ, đến chỗ mẹ đang bị giam cầm. Ku-su-ma dắt em đến trước người gác ngục già, tháo vòng, tháo nhẫn ra đưa cho ông ta và nói:

— Mẹ cháu là Bung-su, ông cho hai chị em cháu mang cơm vào cho mẹ, ông nhé!

— Ta biết cả rồi. — Ông già gác ngục nói nhỏ vào tai Ku-su-ma. — Ta không cần những thứ này đâu, con

cất đi. Từ mai, cứ sâm sâm tối hai chị em đến đây, ta sẽ mở cửa cho vào thăm mẹ.

Nói rồi, ông khẽ hé cánh cửa bằng gỗ đủ để hai đứa trẻ lách vào. Bà phi Bung-su được nhìn thấy hai con thì mừng mừng, tủi tủi, nước mắt ràn rụa khuôn mặt hiền lành phúc hậu. Bà ôm chặt hai con vào lòng và chúng cũng khóc nức lên.

Từ đó, chấp tối nào Ku-su-ma và A-sma cũng vào trong ngục với mẹ. Hai chị em thường ở lại ngủ với mẹ cho đến sáng, cũng có bận đến tận trưa hôm sau mới ra về, nhưng ngoài người gác ngục ra, chẳng một ai hay biết, mọi người đều tin là cả hai đứa trẻ vẫn sống trong túp lều nơi cửa rừng.

Một hôm, bất chợt nhớ đến hai đứa trẻ không biết giờ đây sống chết ra sao, A-hô-mát tự thân đến túp lều, nhưng không thấy chúng đâu. A-hô-mát bực tức sai quân lính đi khắp nơi tìm Ku-su-ma và A-sma. Suốt đêm đó người ta không tài nào tìm được hai đứa bé kia. Nhưng sáng hôm sau, một người lính đã vô tình nhìn thấy hai chị em Ku-su-ma dắt tay nhau từ trong ngục bước ra. Khi nghe mọi người nói là quốc vương đang truy lùng chúng, cả hai chị em sợ hãi quá, liền chạy trốn lại nép vào chân mẹ.

Lập tức, A-hô-mát sai người bắt cả Ku-su-ma và A-sma nhốt vào kho thóc. Có hầu gái của Ku-su-ma đã nhìn thấy cảnh ấy. Đêm đến, cô lén vào kho, mở then cho cô chủ và cậu chủ ra ngoài. Ku-su-ma và A-sma vội cải trang rồi chạy vào rừng. Mặc màn đêm đen đặc bao phủ, mặt đường rừng gập ghềnh gai góc, hai chị em cứ nắm chặt tay nhau đi mãi, đi mãi...

Ku-su-ma và A-sma cứ đi như thế trong rừng không biết là đi mấy ngày, mấy đêm. Một bữa kia, A-sma mệt mỏi, đói khát quá liền ngồi bệt xuống đất, nói:

— Chị Ku-su-ma ơi! Em đau chân lắm, em không đi nữa đâu, nếu chị em mình không quay về thì lấy gì mà sống.

Lúc đó, Ku-su-ma phải đỡ em:

— A-sma can đảm lên nào! Thế mới đáng là con trai của mẹ Bung-su chứ. Em nghe này, nếu chưa chị ta đã chịu thua thì làm sao cứu mẹ được.

Nghĩ rồi, hai chị em Ku-su-ma lại lên đường. Đi chưa được mấy dặm thì chúng gặp một con rắn lớn từ trong bụi rậm lao ra. Con rắn nó:

— Đây là xứ sở của ta. Các người không biết rằng chưa có một kẻ nào đã bước chân đến đây mà lại quay trở về được à?

— Ta mệt mỏi, đói khát lắm rồi, rắn muốn làm gì ta thì làm. Ta cũng chẳng thiết sống nữa đâu. — A-sma buông mình xuống đất nói.

Ku-su-ma cũng góp thêm:

— Hai chị em ta chỉ có tay không, rắn muốn cắn chết lúc nào chẳng được, nhưng trước khi chị em ta chịu chết, rắn hãy nghe ta kể đã.

Con rắn lắng lòng. Ku-su-ma đã kể lại từ đầu đến cuối cảnh ngộ của hai chị em mình. Nghe xong, rắn nói:

— Nếu không lắng nghe ta làm sao biết được nỗi oan ức của các người. Ta ngỡ lòng nào mà lại làm hại những đứa trẻ vô tội. Nay đây, các người hãy cầm lấy viên ngọc quý có phép lạ này. Khi ốm đau, mỗi một chỉ việc cầm viên ngọc này là bách bệnh tiêu tán, khỏe mạnh như thường.

Hai chị em Ku-su-ma giờ tay hững viên ngọc từ miệng rắn nhả ra, cầm tạ rồi lại dắt nhau đi tiếp. Hết ngày dài lại đêm thâu, cuối cùng Ku-su-ma và A-sma đã đặt chân đến quốc gia In-đra Na-ga-ra. Hai chị em

bảo nhau ngồi nghỉ dưới một bóng cây râm mát. Bên kia bãi cỏ, cách chỗ chúng ngồi không xa có một ngôi nhà xinh xắn nằm lọt giữa mảnh vườn xanh tốt. Đang lúc hai chị em đang nhìn ngôi nhà và đoán xem trong đó có ai không thì một bà cụ già bước ra, theo sau là một con chó. Đánh hơi thấy người lạ, con chó sủa inh lên. Bà già lập cập đi đến chỗ hai đứa trẻ ngồi và hỏi han ân cần: *

— Các con đi từ đâu đến mà trông lấm lem nhếch nhếch thế kia?

Hai chị em đứng dậy, chắp tay thưa:

— Thưa bà! Chúng cháu ở xa lắm, cách đây bao nhiêu là núi, rừng, sông, suối...

— Thôi, các con bây giờ ở cùng ta. -- Nói rồi, bà đưa hai đứa trẻ về nhà, cho ăn uống, tắm giặt.

Từ đó, hai chị em Ku-su-ma sống với bà già tốt bụng dưới mái tranh nghèo.

Bây giờ nói về quốc gia In-dra Na-ga-ra. Cả xứ sở này ai cũng muốn được nhìn thấy nàng công chúa Pu-spa kiều diễm. Nàng đã xinh tươi lại còn thông minh, nhân hậu. Một hôm, nàng đang đi dạo trong vườn cảnh thì bị rắn độc cắn vào chân. Chỉ một lúc sau nọc độc đã len cho chân nàng cứng đờ, thâm tím. Dần dần, nọc độc ngấm khắp thân mình. Pu-spa đau đớn, vật vã và sốt li bì. Nhà vua đã cho triệu tất cả các thầy thuốc tài giỏi trong thiên hạ đến chữa chạy cho công chúa. Song, bao vị thuốc hay, bao cách chữa gia truyền đã được dùng mà bệnh tình nàng vẫn không thuyên giảm. Các thầy thuốc đành phải bó tay. Cũng đường, nhà vua phải cho người đi rao khắp thành trong, phố ngoài, làng trên, xóm dưới: « Nếu ai chữa cho công chúa tai qua nạn khỏi thì sẽ được lấy nàng làm vợ và sau này nhà vua sẽ nhường ngôi báu cho ».

Chiều của vua cuối cùng cũng đến tại bà lão và hai chị em Ku-su-ma. Ku-sú-ma và A-sma mừng lắm, chúng bàn với nhau thử đề A-sina mang viên ngọc quý mà con rắn đã cho vào cung chữa chạy cho công chúa xem sao.

Lúc đầu, người ta không cho A-sma vào cung điện vì cho rằng đã bao nhiêu thầy thuốc tài giỏi chữa chạy mà còn chẳng ăn thua nữa là một thằng bé con. Nhưng, A-sma cứ năn nỉ mãi nên lính canh cũng cho phép cậu vào. Khi A-sma bước gần đến chỗ công chúa nằm thì nàng đang thoi thóp thở. Nhanh chóng, A-sma cầm viên ngọc rắn áp vào vết thương của công chúa. Viên ngọc rắn kia quả là thần diệu. Trước con mắt kinh ngạc của mọi người, công chúa Pu-spa ngồi ngay dậy, tươi cười, khỏe khoắn. Nàng nắm chặt hai tay A-sma cảm ơn rồi rít:

— Ôi, nếu không có chàng thì em đã bỏn hời khỏi xác rồi. Ôi ân nhân của em, vị cứu tinh của em!

A-sma vừa gỡ tay ra khỏi tay công chúa vừa nói:

— Xin công chúa đừng nói thế. Tôi chỉ là một kẻ mồ côi...

Nhưng, Pu-spa không đề cho A-sma nói hết, nàng đã quỳ sụp xuống dưới chân vua cha đề xin cho nàng được lấy con người trẻ tuổi kia làm chồng. Đoạn, nàng quay về phía A-sma, nói:

— Ngày hôm qua em không hề biết chàng là ai, chàng từ đâu tới... nhưng từ hôm nay chàng đã là phu quân của em...

Không thể kìm nén từ cái ân huệ bất ngờ đó, A-sma xin phép nhà vua được đưa chị gái và bà lão đã cứu mang chị em mình vào cung.

Ngay ngày hôm sau, đám cưới của A-sma và công chúa Pu-spa đã được nhà vua cho tiến hành trọng thể. Bàn dân thiên hạ lại có một ngày hội tưng bừng.

A-sma và công chúa Pu-spa đã sống với nhau thuận hòa trong cung điện huy hoàng, tráng lệ. Nhưng, A-sma không mấy khi vui. Nhìn đôi mắt ưu tư của chồng, Pu-spa cũng đoán là có điều gì trắc ẩn, song, nàng chưa tiện hỏi.

Năm qua tháng lại, thấm thoát A-sma đã trở thành một chàng trai khôi ngô, tuấn tú. Một hôm, nhân sau bữa tiệc, đang lúc nhà vua vui vẻ, A-sma bèn kể hết ngọn ngành cảnh ngộ của hai chị em mình cho nhà vua nghe. Chàng ngỏ ý nhà vua cho phép chàng được cầm quân về cứu mẹ hiền giờ này đang còn bị giam cầm nơi ngục thất. Nhà vua ngắm nghía hồi lâu rồi nói:

— Từ khi lên ngôi trị dân, trị nước ta chưa hề gây hấn với ai. Bên trong thì thiên hạ thái bình, bên ngoài ta luôn giữ mối bang giao hòa hiếu. Song, ta cũng không nhậm mắt làm ngơ trước quân nghịch tặc, nhất là khi chúng động chạm đến phò mã của ta. Con hãy mau mau tập hợp quân sĩ lên đường để giải thoát cho thân mẫu của con. Con phải nhớ lời ta: trước tiên phải mềm dẻo để giữ tính máu mủ, cũng lắm mới phải động binh.

Y nguyện, A-sma đem những đội quân tinh nhuệ trở lại xứ sở quê hương. Chàng cho quân ém sẵn ở trong rừng rồi phái sứ giả vào cung yết kiến A-hô-mát. Sau bao lâu chờ đợi, cuối cùng sứ giả mang về cho A-sma câu nói sắt đá của A-hô-mát—người anh cùng cha khác mẹ với mình:

— Bà phi Bung-su phải nằm trong ngục tối cho đến lúc chết!

Lập tức, A-sma cho quân sĩ gươm giáo tuốt trần trần vào thành. Họ mau lẹ tiêu diệt toàn bộ binh cấm vệ. Không kịp trở tay, cả quốc vương A-hô-mát lẫn hoàng thái hậu Tua đều bị bắt.

Ngay tại sân rồng, giữa thanh thiên bạch nhật, A-sma cho lập phiên tòa đại hình để xét xử A-hô-mát và hoàng thái hậu Tua. Mọi sự đã rõ ràng. Giờ đây, ai cũng biết bà phi Bung-su là vô tội.

Đáng ra, A-sma đã cho chém đầu thái hậu Tua, song, nhớ tới vong hồn của phụ vương mình, chàng chỉ sai người đưa bà ta đi biệt xứ. Còn A-hô-mát? Do xót tình máu mủ nên A-sma vẫn cho anh làm quốc vương xứ sở này.

Mọi việc xong xuôi, A-sma cùng đoàn quân thắng trận trở lại quốc gia In-đra Na-ga-ra. Sau đó, Ku-su-ma làm vợ một vị quan to trong triều đình. Còn A-sma và Pu-spa sống bên nhau trọn đời hạnh phúc.

LÔ-MA-RING VÀ CHIM SẾ

(TRUYỆN CỔ DƯ-KUN)

Ngày xưa, đã lâu lắm rồi, ở một làng kia, trong một ngôi nhà nhỏ nhỏ có hai vợ chồng già tần tảo nuôi nhau. Họ có một người con trai tên là Lô-ma-ring rất chăm chỉ làm ăn nên cảnh nhà chẳng mấy khi túng thiếu.

Tháng ngày thắm thoát thời đưa, chẳng mấy chốc Lô-ma-ring đã đến tuổi lấy vợ. Bà mẹ đã đề ý cho con mấy đám trong làng nhưng Lô-ma-ring đều không ưng. Chỗ được người thì lại hỏng nốt, chỗ được nữa thì mặt mũi lại khó ưa. Thấy thế, Lô-ma-ring bảo mẹ sang mấy

làng bên nhờ bà con tìm giúp, nhưng ở đâu cũng chẳng gặp được người vừa ý. Đã đến nước ấy, Lô-ma-ring nhất quyết không nghĩ đến lấy vợ nữa.

Nhưng lạ thay, từ đây trở đi bồ thóc nhà Lô-ma-ring chẳng đầy như trước nữa. Cứ đến vụ gặt, không biết từ đâu bay về, hàng đàn chim sẻ sà xuống ăn sạch cả ruộng lúa chia vàng của nhà anh. Lạ hơn nữa là lũ sẻ chỉ nhặt thóc ở ruộng nhà Lô-ma-ring chứ ruộng nhà khác thì tình không có một con sẻ nào đậu xuống. Mấy vụ liền, lũ sẻ đều phá phách như vậy, thành thử cả nhà Lô-ma-ring chẳng còn thóc mà ăn. Bà mẹ đã nhiều lần phải cầm rá sang hàng xóm vay gạo về nấu cháo cho qua bữa. Ngân ngẫm, Lô-ma-ring liền đưa bố mẹ sang làng khác làm ăn. Nhưng ở làng mới cũng vậy, lúa vừa mới uốn câu, lũ sẻ kia đã bay đến chen sạch sành sanh. Ước lũ sẻ quá, Lô-ma-ring nói với bố mẹ:

— Cứ như thế này mãi thì ai mà chịu được! Bố mẹ ở nhà, con đi tìm làng chim sẻ ở xem sao.

Bố Lô-ma-ring giữ tay con lại, khuyên:

— Đố từng này tuổi đầu rồi nhưng chưa nghe ai nói đến làng chim sẻ cả. Con còn trẻ người, non dạ lắm. Chớ có liều thân mà hối không kịp.

Nhưng bụng Lô-ma-ring đã quyết, anh khẳng khái:

— Dù làng chim sẻ xa xôi đến mấy, dù phải mất bao nhiêu tháng ngày, công sức con cũng chẳng tiếc. Chỉ cốt là phải trị cho lũ sẻ kia một trận.

Biết là không thể can ngăn được con, bà mẹ khâu cho Lô-ma-ring bảy chiếc quần, bảy chiếc áo và nướng nhiều bánh để anh lên đường.

Rạng sáng hôm sau, khoác túi lên vai, Lô-ma-ring nắm thẳng hướng chim sẻ thường bay đến mà đi. Anh cứ đi như thế đã mấy tuần rồi mà vẫn chẳng thấy tăm

hối làng chim sẻ đâu cả. Nhưng Lô-ma-ring không nản. Cuối cùng, anh nghỉ chân ở một làng có nhiều nhà cao cửa rộng. Lô-ma-ring trông thấy một ngôi nhà lớn, có đến hai hộc cửa ra vào. Anh đến gần, ngó vào bên trong nhưng chẳng thấy một ai. Thấy một cửa đề ngõ, anh liền bước vào. Trong nhà, buồng nọ tiếp buồng kia, buồng nào cũng đẹp, nhưng Lô-ma-ring thích nhất một căn buồng xinh xắn, trang hoàng rực rỡ, có cột bằng gang, trần bằng gương sáng loáng. Anh ghé ngồi vào mép phản, tư lự. Bỗng đâu, một coi trâu hiện ra, đặt ngay cạnh chỗ anh ngồi, Lô-ma-ring đã định lấy một miếng trâu ăn cho đỡ nhặt mồm nhặt miệng, song anh lại nghĩ: « Nhà vắng chủ, mình tự lấy trâu ăn, e không tiện ». Nghĩ vậy, Anh đứng lên ra khỏi nhà, lững thững đi lại ngoài vườn.

Dùng bóng nắng, Lô-ma-ring lại đi vào căn buồng đó. Lần này, anh nhìn thấy trên phản một cái ăn bằng vàng. Mặc dù bụng đang đói cồn cào nhưng anh cũng không đụng chạm đến cơm canh.

Bỗng cửa buồng bên xích mở, một bà cụ đi lại chỗ Lô-ma-ring ngồi và hỏi:

— Con không thấy đói sao? Cơm canh bên cạnh đấy, ăn đi kẻo nguội mất!

Lô-ma-ring ngẩng lên nhìn bà cụ:

— Dạ, con thấy nhà chẳng có ai nên không dám đụng vào đồ ăn, thức uống trong nhà. Tự tiện thế, con e mọi người cho con là kẻ xấu mất.

— Thế bây giờ chủ nhà đã về rồi, con cứ tự nhiên dùng bữa đi. — Bà cụ mời chân thật.

Lô-ma-ring xin phép bà cụ, ăn cơm. Thật lạ lùng anh ăn hết bao nhiêu thì ăn cơm lại đầy lên bấy nhiêu. Cơm nước xong, anh quay ra nói chuyện với bà cụ:

— Cụ ơi, cho con hỏi điều này nếu có gì không phải thì mong cụ thứ lỗi cho. Sao con thấy lồng này nhà cửa khang trang, thóc lúa dư dật mà đồng ruộng thì lại bỏ hoang, người đi đâu vắng cả?

Nhưng bà cụ cứ bồm bồm nhai trầu, chẳng nói.

Chập tối thì mọi người trong làng lũ lượt trở về, ai cũng bê khô nệ những thùng thóc đầy. Mãi sau, con cái của bà cụ mới gánh thóc về nhà, trong số đó có một cô rất xinh đẹp.

Lúc này, bà cụ mới nói với Lô-ma-ring:

— Con ạ, làng ta không cây cối đã mấy năm nay rồi. Cứ đến mùa gặt là cả làng lại biến thành chim sẻ bay đến một vùng rất xa để kiếm thóc...

Lô-ma-ring không tin ở tai mình, anh hỏi:

— Người mà lại biến thành chim sẻ được ư? Thế đã là chim sẻ rồi thì làm sao lại trở thành người được?

— Khoan đã, con cứ để yên ta nói cho mà nghe. — Bà cụ nói. — Ở ngoài làng có một dòng suối nhỏ, ai tắm nước suối ấy sẽ hóa thành chim sẻ, tắm lần nữa thì chim sẻ lại biến thành người. Thằng thóc con gái ta vừa đem về là lấy ở ruộng nhà con đấy. Có đúng là mấy vụ vừa rồi ruộng nhà con mất sạch thóc không? Tuy ở xa nhưng ta cũng biết là con đang kén vợ nhưng chưa tìm được đám nào vừa ý. Còn ta thì cũng muốn kén chồng cho con gái. Thấy con đẹp người tốt nết, lại chịu khó làm ăn, ta cũng muốn con làm rể nhà ta. Vì vậy, họ hàng nhà ta đã biến thành chim sẻ để lấy hết thóc nhà con. Có thế, con mới đường xa lặn lội đến đây.

Nghe vợ chuyện, Lô-ma-ring thở phào và mừng thầm trong bụng. Con gái bà cụ vừa xinh đẹp, vừa chăm chỉ làm ăn, thật đúng là người anh mong ước.

Vài ngày sau, bà cụ cho phép Lô-ma-ring lấy cô con gái của mình.

Sau khi cưới, Lô-ma-ring đưa vợ về nhà để ra mắt bố mẹ.

Bố mẹ anh mừng lắm khi thấy anh lấy được một người vợ vừa trẻ đẹp vừa nết na thủy mị.

Cả làng đến chúc mừng cho đôi vợ chồng trẻ xứng đôi vừa lứa. Họ hỏi han Lô-ma-ring đủ chuyện, Lô-ma-ring cũng kể cho mọi người nghe bao nhiêu điều mắt thấy tai nghe, duy chỉ có chuyện về bầy chim sẻ kia là anh không hề nhắc đến.

Từ đó, ruộng lúa của nhà Lô-ma-ring cứ tốt bởi bởi và vụ gặt nào bỏ thóc cũng đầy ắp.

NGƯỜI ĐÀN BÀ BỘI PAC

(TRUYỆN CỔ GIA-VA)

Ngày xưa, cách đây đã lâu lắm rồi, ở thành phố Kasan có một người lái buôn tên là Ban-na-ha-ta. Người lái buôn này có một cô con gái tên là Nu-si-ni.

Khi Nu-si-ni đến tuổi lấy chồng, bố cô gả cô cho một chàng trai trẻ tên là A-mát.

Vợ chồng A-mát hết mực thương yêu nhau như đôi chim nhỏ. Nhưng, thật đúng như người ta thường nói cuộc đời chẳng biết thế nào mà nói trước. Đang sống yên lành, cô vợ trẻ kia bỗng lặn ra chết. A-mát đau

đón vô cùng, suốt ngày đêm anh ngồi bên thi hải vợ khóc than thảm thiết. Thấy thế, những người chung quanh ai cũng ái ngại cho anh. Có người đến bên anh an ủi:

— Thôi người xấu số thì đã chết rồi. Dù sao thì anh cũng phải sống chứ! Nào hãy để chúng tôi mỗi người một tay đưa chị ấy đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Nhưng A-mát không chịu. Anh ôm chặt lấy xác vợ, nói:

— Tôi không thể xa rời nàng được. Cứ để cho tôi được cùng chết với nàng, hay là, hãy cho tôi và nàng xuống một chiếc thuyền, mặc cho sóng gió xô giạt đến phương nào thì đến.

Cảm động trước tình yêu chung thủy của A-mát và cũng dễ chiều lòng anh, người ta để A-mát và thi hải vợ anh vào một chiếc thuyền rồi đẩy ra khơi.

Sóng gió đưa con thuyền lênh đênh trên biển. Hoàng hôn buông xuống, đại dương dần ngả sang màu tím sẫm. Vừa lúc đó, A-mát nghe thấy một tiếng nói không biết từ đâu tới:

— Nếu quả tình yêu của nhà người mệnh mông đến thế thì nhà người hãy san bớt cuộc đời của mình cho vợ. Nhà người có dám thế không?

— Ôi thượng đế tối cao! Con chỉ mong có thế. — A-mát ngửa mặt nhìn trời kính cẩn đáp.

— Nhà người nên biết rằng cuộc đời chỉ còn dành cho nhà người chừng bốn chục năm. Nếu chia cho vợ một nửa thì nhà người chỉ còn được sống hai chục năm nữa thôi.

A-mát sung sướng quá, không đắn đo suy tính gì, anh nói:

— Con chẳng dám mong gì hơn! Hai chục năm đối với con đã là quá đủ, bởi vì con không thể sống nổi nếu thiếu Nu-si-ni.

Trong chớp mắt, Nu-si-ni sống lại như vừa mới tỉnh dậy qua một giấc ngủ dài. Họ mừng rỡ hơn là bất được vàng. Sau đó, A-mát và Nu-si-ni bàn bạc với nhau xem nên sống ở đâu. Trời biển mịt mù, màn đêm thăm thẳm, họ lặng lẽ chèo, nhắm thẳng phía trước. Tăng sáng hôm sau, con thuyền nhỏ cập vào một hoang đảo cỗi cằn. Họ tỉnh đến chuyện ngụ cư ở đây, mặc dù hòn đảo nhỏ không hứa hẹn gì nhiều lắm. Cây cối xạc xơ, lúa thừa quả dại, không một dấu chân thú lại qua. Một nỗi vui đã mấy ngày không có tỳ gì vào bụng, vừa bước chân lên đảo, A-mát đã nằm vật ra ngủ, còn Nu-si-ni thì ngồi bó gối canh phòng.

Bỗng từ đường chân trời hiện lên một cánh buồm nhỏ, cánh buồm lớn dần, lớn dần, cuối cùng, một chiếc thuyền khi to kề vào mép đảo. Trên thuyền lố nhố nhiều người, ai cũng cầm bình, cầm lọ để đi lấy nước. Nu-si-ni đoán có lẽ trên đảo có nguồn nước ngọt nên thuyền mới ghé vào đây.

Trong lúc mọi người kéo nhau đi lấy nước thì một người đàn ông đỉnh đạc, dáng chừng là chủ thuyền, đi dạo loayh quanh. Vô tình, ông ta nhìn thấy một người đàn bà trẻ đẹp đang canh cho một người đàn ông ngủ mê mết. Người chủ thuyền kia tên là Pa-vang hết sức ngạc nhiên vì không ngờ lại gặp người trên hoang đảo. Sau đó, Nu-si-ni đã kể cho ông ta hay vì sao vợ chồng cô lại trôi dạt đến nơi này.

Pa-vang vừa nghe chuyện vừa gật gù nhìn người thiếu phụ trẻ trung, xinh xắn. Ra chiều nghĩ ngợi, ông ta nói nhỏ vào tai Nu-si-ni:

— Cô còn trẻ đẹp thế này đại gì mà tự cột chặt đời mình vào một người đàn ông thân tàn ma dại thế kia.

Nu-si-ni ngoảnh lại nhìn chồng, im lặng.

Người chủ thuyền lại tán tỉnh tiếp:

— Cô em nghe này, ta là chủ thuyền giàu có, dưới tay ta có bao nhiêu người phục dịch. Ta đã từng dong thuyền đến Ấn Độ, Ai Cập, Trung Quốc... xa xôi. Nếu chẳng tin, cô cứ thử lên thuyền xem ta nhiều vàng bạc châu báu đến thế nào!

Người chủ thuyền cố tình nhìn sát tận mặt Nu-si-ni, còn cô thì vẫn cúi đầu lặng lẽ. Thấy vậy, ông ta lấn tới:

— Thôi cô bằng lòng làm vợ tôi đi! Từ ngày mai cô sẽ trở thành bà chủ, ăn ngon mặc đẹp, vàng bạc đầy mình. Cô còn đòi gì hơn thế nữa, nào!

Nu-si-ni đắn đo, do dự như suy nghĩ lung lăm rồi cuối cùng mới hỏi:

— Có thật là ông sẽ lấy tôi không? Có thật là tôi sẽ được sung sướng hay không?

— Rồi cô sẽ biết, tôi chẳng nói suông đâu! -- Người chủ thuyền đáp lại một cách tự mãn như cách nói của những kẻ cậy mình có của.

Nu-si-ni cúi đầu chấp thuận, cô lẳng lặng đứng lên.

Miệng nói, tay dắt, người chủ thuyền đưa Nu-si-ni xuống thuyền. Vừa lúc những người đi lấy nước quay về, Pa-vang cho thuyền nhỏ neo.

A-mát tỉnh dậy, ngơ ngác nhìn bốn phía chẳng thấy bóng dáng vợ dâu. Anh đi tìm quanh quần thì chỉ thấy những dấu chân đàn ông to bè song song với những dấu chân nhỏ nhắn của vợ xuôi dần ra mép nước. Nhìn

ra khơi, anh thấy một cánh buồm đang đi xa dần, mờ dần trên biển. Lòng cay đắng, A-mát hiểu chuyện gì đã xảy ra.

A-mát thở dài buồn bã, đắm đắm nhìn biển cả. Bỗng nhiên, một chiếc thuyền buồm khác lướt sóng về phía anh ngồi. Như chiếc thuyền đã chở Nu-si-ni của anh đi, chiếc thuyền này cũng ghé vào đây lấy nước. Những người trên thuyền rất ngạc nhiên khi thấy A-mát trôi một mình trên hoang đảo. Anh đã kể tỷ mỉ cảnh ngộ của mình với người chủ thuyền và van nài ông ta giúp mình đuổi theo thuyền của Pa-vang.

Người chủ thuyền này cho người trèo tất cả buồm lên. Thuận gió, con thuyền phăng phăng dề sóng lướt tới. Chẳng mấy chốc họ đã nhìn thấy chiếc thuyền của Pa-vang. Đoàn chèo có thuyền đang đuổi theo mình. Pa-vang cũng cho thuyền trèo hết buồm lên. Phải đến thành phố An-đa-lu thì hai thuyền mới gặp nhau. Sau khi cho thuyền thả neo cạnh thuyền của Pa-vang, người chủ thuyền này nói với A-mát:

— Anh đừng y mà tìm vợ nhé! Nếu có gì cần nữa thì chúng tôi sẽ giúp thêm một tay.

A-mát cảm ơn rồi tìm chỗ khuất ngồi đợi ý chiếc thuyền bên cạnh. Cuối cùng, anh đã nhìn thấy vợ mình nhón nhó đi lại trong khoang thuyền kia. Suýt nữa thì anh gọi to tên vợ, nhưng chợt nhớ ra là làm như thế chỉ tổ hỏng việc, anh đi tìm người chủ thuyền nhờ ông ta giúp đỡ.

Cả hai vội vã lên bờ nhờ người trưởng bến góp sứ. Ông này do thông cảm với tình cảnh của A-mát nên đã hết sức tận tình. Vừa trông thấy Pa-vang ông đã hỏi phủ đầu:

— Cách đây một vài bữa ông có đưa một người đàn bà trẻ đẹp lên thuyền của ông phải không? Sao ông lại nỡ đi cướp vợ người khác?

Nhưng Pa-vang cũng là tay chẳng vừa, ông ta thần nhiên đáp:

— Ông nói năng gì lạ thế? Đây là vợ tôi chứ vợ ai! Chúng tôi chung sống với nhau đã bao nhiêu năm trời chứ đâu phải là...

— Ấy thế mà ngay ở đây có một người đang quả quyết rằng người đàn bà đó không phải là vợ ông rằng chính ông đã cướp vợ của người ấy. — Ông trưởng bến nói chệch.

Nhưng Pa-vang vẫn chưa chịu, ông ta cười khẩy, nói:

— Thưa ông, chắc là có điều gì nhầm lẫn ở đây chăng?

Đang đứng chứng kiến cuộc đấu khẩu giữa người trưởng bến với chủ thuyền Pa-vang, A-mát xen vào:

— Nền ông đã nói thế thì chỉ bằng ta cứ ba mặt một lời.

Đoạn, mấy người thỏa thuận với nhau hôm sau sẽ đưa cả Nu-si-ni đến để làm rõ mọi chuyện.

Quay về thuyền mình, Pa-vang bảo Nu-si-ni:

— Ngày mai em sẽ phải giáp mặt với người chồng cũ của em đấy. Dù thế nào thì em cũng phải nói cùng: Em là vợ anh từ lâu rồi nhé!

Nu-si-ni lúc đầu còn e ngại nhưng về sau cô cũng đồng lòng với mưu đồ đó của Pa-vang.

Hôm sau, đúng giờ hẹn, A-mát, người chủ thuyền mà anh đi nhờ, Pa-vang và Nu-si-ni cùng đến nhà người

ruộng bến. Khung cảnh thật giống như một phiên tòa. Thoạt tiên, người trưởng bến hỏi Nu-si-ni:

— Trong hai người này, trước đây ai là chồng chị?

— Trước đây? Trước đây, nghĩa là thế nào? — Nu-si-ni ngoa ngoắt trả miếng. — Từ xưa đến nay Pa-vang bao giờ chẳng là chồng tôi.

— Anh nghĩ thế nào? — Người trưởng bến quay sang hỏi A-mát. — Cái người mà anh nói là vợ anh đã trả lời như thế đấy!

A-mát cảm tức lắm nhưng anh vẫn dần lòng nói với Nu-si-ni:

— Có lẽ nào em lại chóng quên làm vậy. Em có biết em sống lại được là nhờ ai không? Ai đã chia sẻ cho em một nửa quãng đời còn lại của mình? Em trả lời đi!

Nhưng cô vợ trẻ của anh giờ đây đã trở thành một người đàn bà vong ân bội nghĩa. Cô ta trắng trẻo nhìn lại:

— Anh nói chuyện gì lạ vậy? Người chết rồi lại còn sống lại nói chuyện với anh. Thử hỏi mọi người ở đây có ai nghe lọt tai không?

Câu nói của Nu-si-ni đã làm mọi người ngỡ vực A-mát. Tức giận, A-mát quát vào mặt Nu-si-ni:

— Cô thật là một người đàn bà dơ dáy, bội bạc. Cô đã bỏ chồng, theo giai, bán rẻ tấm thân mình cho tiền bạc và danh vọng hão. Cô đáng ngàn lần bị trừng rủa và trừng phạt.

Lòng dạ thẳng ngay nhưng lý lẽ thì đơn sơ, chẳng còn biết làm sao, A-mát chấp tay nhìn trời cầu nguyện:

— Lạy đấng tối cao! Xin người chứng giám cho lòng con ngay thật. Người đàn bà kia đã bạc tình bạc nghĩa với con thì cũng không đáng được sống trên đời. Xin

người cho con xin lại một nửa cuộc đời con đã sau sẽ cho kẻ khác.

Lời nguyện của A-mát thật là ứng nghiệm. Anh vừa dứt lời thì Nu-si-ni đã ngã vật ra như một cái xác không hồn.

Phải, trái, trắng, đen đã rành rành giữa thanh thiên bạch nhật. Không cần phải hỏi han gì thêm, người trưởng bên nhân danh công lý và chính quyền sở tại quyết:

— Chính Pa-vang là kẻ có tội cố tình chiếm đoạt vợ người khác, đã thể hấn lại còn mưu hại người chồng và lừa gạt chúng ta.

Tức thì, người ta gõ cò tên chỉ thuyền Pa-vang kia đi trừng trị. Sau buổi xét xử, một nửa số vàng bạc của Pa-vang được xung vào quỹ công, còn chiếc thuyền và số tiền còn lại thì giao hẳn cho A-mát.

CON KHỈ SKU-RA

(TRUYỆN CỔ GIA-VA)

Vua ở dưới trần gian tên là Pa-si Ba-tăng có bảy người con gái, trong đó cô út Sa-ri là đẹp nhất.

Một lần, vua cho gọi tất cả con gái lại và nói:

— Ta phải đi tu luyện ít ngày. Ra-rang, con là chị cả, ta trao quyền cai trị đất nước cho con!

Nói rồi vua bèn rời cung điện.

Từ lâu, Ra-rang đã ghen tị với sắc đẹp của cô em út. Nhân lúc vua cha đi vắng, Ra-rang rồi tâm mưu hại Sa-ri.

Một hôm, Ra-rang hỏi Sa-ri:

— Em gái yêu quý của chị, có phải em đã xoa mặt bằng thứ sáp mới của chị không?

— Không chị ạ, em có xoa mặt bao giờ đâu! — Nàng trả lời. — Lần đầu tiên em nghe chị nói về sáp đấy.

— Ôi, đấy thực là một thứ sáp tuyệt vời! Thứ sáp này do một thầy thuốc tài giỏi làm ra. Người yêu của chị là In-dra-Đi-gia-lia đã rất vui thích khi chị dùng thứ sáp này. Em nghe chị, thử dùng một lần xem sao.

Nghe lời chị, Sa-ri đã đề cho Ra-rang bôi một thứ gì đó lên mặt mình. Nhưng khi soi vào gương, Sa-ri giật mình thấy một người nhọ nhem, đen thui đang nhìn cô. Thì ra Ra-rang đã bôi than với hồ dính lên mặt em gái. Sa-ri sợ hãi rửa mặt không biết bao lần mà mặt cô vẫn đen nhem, đen nhem.

Làm hại em gái đến như thế vẫn chưa đủ, ngay tối hôm đó, Ra-rang sai người trộn thuốc mê vào cơm của Sa-ri. Ăn vừa buồn ngủ, buồn ngủ, Sa-ri đã thiếp đi mê mết. Sau đó, Ra-rang ra lệnh lột hết quần áo của cô em ra. Sáng hôm sau, tỉnh dậy, Sa-ri thấy mình trần như nhộng. Cô đành phải quấn vào người một mảnh vải rách rưới, bần thiu.

Lúc đó, vờ như không biết chuyện gì, Ra-rang nhìn em gái nói:

— Ủi chao, thế kia mà cô không biết hổ thẹn à? Là công chúa mà lại ăn mặc rách rưới thế kia thì không đáng được sống ở trong cung nữa.

Nói rồi, Ra-rang sai quân hầu Ling-se đưa Sa-ri vào núi Ti-up, nơi chỉ có một túp lều con dột nát.



Thời ấy, ở trên trời có một chàng trai rất đẹp tên là Min-đa Ka-bi-a-gan. Một lần, Min-đa mơ thấy mình có một cô vợ chưa cưới, xinh đẹp giống như người mẹ Su-nan Am-bu của mình. Min-đa liền kể lại giấc mơ đó cho mẹ nghe. Bà mẹ nói:

— Con trai của ta, dưới trần gian có rất nhiều con gái đẹp. Con hãy thay hình đổi lối, xuống đó tìm kiếm người yêu.

Vâng lời mẹ, Min-đa đổi lối khi rồi xuống trần gian. Chàng tự xưng là khi Sku-ra. Tất cả muông thú trong rừng đều kính trọng khi Sku-ra như một bậc vua anh.

Trong khi đó, sau những ngày tu hành, nhà vua trở về thăm các con gái của mình. Nhân dịp này, Ra-rang định mở tiệc đón vua cha. Cô ra lệnh cho Ling-se:

— Bảo thợ săn A-ki bắt sống cho ta một con khi to béo. Nếu đến chiều nay mà không có thì chúng mày sẽ biết tay ta.

Ling-se y lệnh và tìm thấy thợ săn A-ki lúc anh ta đang nói chuyện với vợ là Ni-ni ở trong lều. Được lệnh, A-ki liền vào rừng săn bắn. Nhưng càng đi sâu vào trong rừng A-ki càng không gặp một con khi nào. Những đàn khi đều đã được Min-đa báo trước.

Cuối cùng, người thợ săn đã nhìn thấy khi Ska-ra. Anh ta giương cung bắn liền. Nhưng mũi tên không trúng đích. Con khi bỗng nhiên nói bằng tiếng người:

— Xin đừng bắn nữa! Hãy nhận tôi về làm con nuôi đi!

A-ki rất đỗi ngạc nhiên: chưa bao giờ anh được nghe khi nói bằng tiếng người cả. Tuy vậy, anh cũng đem khi về nhà và giới thiệu cho vợ.

— Ôi khi Sku-ra — Ni-ni nói, — ta chẳng có gì để thiết đãi Sku-ra cả.

Khi Sku-ra mỉm cười nói với Ni-ni.

— Mẹ cứ yên tâm, nhà ta sắp có thức ăn rồi.

Quay về phía A-ki, khi nói thêm:

— Nào, cha ơi, hãy đi vòng 100 bước quanh nhà.

A-ki làm theo lời của khi, chỉ một lúc sau đã giết được một con hươu non béo. Nhờ vậy, Ni-ni đã làm được món thịt hươu rán ngon tuyệt. Cả nhà A-khi ngồi quanh mâm ăn và chẳng mấy chốc món thịt hươu rán đã hết sạch sành sanh.

Sau đó, khi Sku-ra còn định làm vui lòng cha mẹ nuôi của mình bằng một món quà quý nữa. Sau khi chải cho A-ki và Ni-ni ngủ say, khi Sku-ra bay đến chỗ người mẹ đẻ của mình và xin:

— Mẹ ơi! Mẹ hãy cho hổ mẹ nuôi của con một ngôi nhà to đẹp.

Mẹ đẻ của Min-đa bằng lòng và phái người nhà trời xuống trần gian làm cho vợ chồng A-ki một ngôi nhà sang trọng.

Trong nháy mắt, nơi túp lều của A-ki trước kia đã dựng lên ngôi nhà to đẹp. Khi người thợ săn cùng vợ tỉnh dậy thì họ vô cùng sung sướng và không tin vào mắt mình nữa. Sau phút ngỡ ngàng, A-ki bắt đầu lo lắng vì anh đã không tuân lệnh của Ra-rang. Nhưng khi Sku-ra đã an ủi anh:

— Cha đừng lo lắng, con sẽ đi theo cha.

Trong khi đó, ở cung đình mọi người nóng lòng chờ đợi A-ki. Cuối cùng, A-ki đến, tất cả đều vui mừng, mà vui mừng hơn cả là vua. Vua liền ban thưởng cho người thợ săn con ngựa quý của mình.

Vua sai dắt con khỉ Sku-ra lại. Nhưng không một ai dắt được nó. Thấy thế, vua gọi các con gái lại và nói đùa:

— Ta cho các con con khỉ này. Các con hãy thử xem trong các con ai sẽ sai khiến được nó.

Lê-vít, cô gái trẻ nhất trong sáu cô gái còn lại ở trong cung là người đầu tiên lên tiếng từ chối tặng vật. Tiếp theo cô ta là Ma-ních, Kan-cha-na, De-va-ta và En-đa cũng vậy. Chỉ còn có Ra-rang, cô nhìn các em gái của mình và nói:

— Chối từ tặng vật của vua cha là thất lễ. Nói rồi, cô quay về phía khỉ Sku-ra:

Này khỉ Sku-ra, mày bằng lòng đi theo ta chứ?

Khỉ Sku-ra ngoan ngoãn vâng lời đi theo Ra-rang. Nhưng chưa được mấy ngày, khỉ Sku-ra đã làm Ra-rang mất ăn, mất ngủ. Lúc thì nó làm hỏng khung dệt, lúc thì làm rối sợi của cô. Nó xáo trộn tất cả đồ dùng trong phòng, đuổi bắt gà vịt trên sân. Khi cô đi vắng, khỉ giấu biến quần áo của cô.

Ra-rang không chịu nổi nữa, cô nói với Ling-se: «Hãy đem con khỉ này đến chỗ Sa-ri, để mặc xác nó với con khỉ, chắc chúng nó sẽ ở được với nhau vì cả hai đều đen thui, đen thui.

Còn Sa-ri thì lại rất vui sướng khi Ling-se đem đến cho cô con khỉ. Bởi vì, từ nay cô đã có bạn để nói chuyện.

Đêm hôm đó, khỉ Sku-ra đã chài lên Sa-ri một giấc ngủ thiên thần. Khi Sa-ri ngủ say rồi, Min-đa vội bỏ lời khỉ rồi bay về với mẹ. Min-đa sung sướng thưa với mẹ:

— Con đã tìm được một cô gái cho con rồi. Chỉ buồn một nỗi là mặt mũi cô ta đen đui và chỗ ở thì quá tiêu điều dột nát.

— Tưởng có chuyện gì chứ việc ấy thì mẹ sẽ đỡ cho con. — Su-nan Am-bu trả lời. — Con hãy trở lại với cô gái ấy đi, nhưng trước khi thành đôi thành lứa, con chờ để cho cô ta biết hình dáng thực của mình. Con hãy bảo Sa-ri cùng đi tắm với con.

Khi trở về mặt đất, Min-đa đã thấy một lâu đài nguy nga thay cho túp lều dột nát trước đây.

— Sa-ri đã biết nhà tắm của chúng ta chưa? Min-đa trở lại lột khỉ Sku-ra, hỏi cô gái.

— Chưa ạ, — Sa-ri trả lời — tòa lâu đài rộng quá, em chưa kịp đi hết các phòng.

— Nào, bây giờ chúng ta cùng đi tắm đi. Khỉ Sku-ra âu yếm nhìn Sa-ri và nói.

Thật là lạ lùng, từ nhà tắm bước ra, Sa-ri không còn đen đui nữa, cô lại trắng nõn nà và xinh đẹp như xưa. Còn Min-đa thì vẫn giữ nguyên hình dạng khỉ Sku-ra.

Tin về tòa lâu đài nguy nga, lộng lẫy của Sa-ri cuối cùng đã đến tai Ra-rang. Ra-rang tìm người đi vi ghen tị, tức tối. Lập tức Sa-ri nhận được cái lệnh khủng khiếp của chị Ra-rang:

— Vua cha đã trao quyền cai trị đất nước cho ta. Ta thay mặt vua cha trị tội người về tội gian tà. Người sẽ phải làm ba việc nếu không làm được sẽ bị mất đầu. Việc đầu tiên là phải vét đầm lầy Si-pa-la-khu-nan để làm hồ nuôi cá.

Biết việc này, khi Sku-ra an ủi Sa-ri:

— Sa-ri đừng buồn, tôi sẽ cầu xin mẹ sai nhiều người đến giúp Sa-ri.

Ra-rang chắc hẳn là Sa-ri chẳng thể nào làm được cái việc nặng nề đó, nhưng cô ta vẫn thử đến xem công việc thế nào. Ra-rang trở mắt ra nhìn: cái đầm lầy hôm qua nay đã thành một cái hồ rộng đầy ắp nước. Ra-rang cũng chẳng thấy khi Sku-ra đâu mà chỉ có một chàng trai khôi ngô tuấn tú đi lại ven hồ. Chàng trai này chính là khi Sku-ra. Thấy Ra-rang và các cô công chúa, Sku-ra mạo nhận mình là hoàng tử Ku-gu-nang và mời Ra-rang cùng đi câu cá. Còn các nàng công chúa thì đã say mê chàng ngay từ phút đầu tiên. Song, chàng chỉ nói chuyện với mỗi một mình Sa-ri, còn Sa-ri vẫn không biết chàng là ai. Khi mọi người ra về, Min-đa lại đổi lời khi Sku-ra, cùng với Sa-ri trở lại lâu đài và đòi nàng nấu cơm cho ăn. Bữa ấy, Sa-ri đã thất khi Sku-ra một bữa cơm thật ngon lành.

Sa-ri và khi Sku-ra chẳng phải đợi lâu, hôm sau Ling-se đã lại mang lệnh mới của Ra-rang đến.

— Phải nộp cho ta con bò rừng đực màu trắng đang quần nát cả một vùng rộng lớn quanh đây.

Đề giúp Sa-ri, lần này Min-đa biến thành một thầy phù thủy già:

— Con hãy lấy hai sợi tóc của mình và buộc mỗi sợi vào một cái sừng bò.

Sa-ri làm đúng như lời mách bảo của thầy phù thủy, quả nhiên con bò đực hung dữ kia đã ngoan ngoãn đề cho Sa-ri dắt vào trong cung.

— Thưa chị, em đem nộp chị con bò trắng ấy đấy! — Sa-ri nói và giao con bò cho chị cả.

Nhưng Sa-ri chỉ vừa mới đi, con bò đã lồng lên rất dữ. Nó dẫm nát tất cả đồ dùng, xiêm áo của Ra-rang rồi phá hàng rào chạy đi đâu mất hút.

Ra-rang ghen tức vì tức giận. Mỗi một lúc sau cô ta mới hết sợ hãi. Chỉ vừa mới hoàn hồn cô ta đã sai Ling-se truyền đến cho Sa-ri một cái lệnh mới:

— Phải rẫy bầy đồi cỏ đề cấy lúa nương, nếu làm thua kém ta người sẽ phải mất đầu.

Ra-rang thật là thâm hiểm: cô ta biết rất rõ rằng Sa-ri chẳng thể khéo chân, khéo tay bằng mình trong những công việc ấy. Hơn nữa, Ra-rang lại còn nhận về phần mình chỗ đất tốt nhất và chừa lại cho Sa-ri phần đất lộn nhon những đá cùn sỏi.

Một lần nữa, nhờ có Min-đa, những người nua trời lại xuống trần gian để cứu giúp Sa-ri. Ngày qua, tháng lại những nương lúa của Sa-ri đã lên xanh biếc. Ra-rang vô cùng tức tối và không hiểu tại sao lúa của Sa-ri lại mọc nhanh đến thế. Nhưng cô ta vẫn chưa chịu thua: «Được, để xem đến khi gặt ai sẽ hơn ai. Đòi nào ta lại thua kém nó!»

Để giúp Sa-ri chiến thắng người chị cả độc ác, một đêm kia, bà mẹ đẻ của Min-đa là Su-nan Am-bu đã hiện về trong giấc mơ của Sa-ri. Trong giấc mơ đó bà đã dạy cho cô làm thành thạo những việc mà người con gái nào cũng phải biết, từ xay thóc, giã gạo đến trồng bông kéo sợi, dệt vải, khâu vá, thêu thùa.

Mùa gặt đã qua, nhưng Ra-rang vẫn không chịu thua Sa-ri. Cô bắt ép Sa-ri phải thi nấu ăn và dệt vải với mình xem ai thắng cuộc.

Sa-ri không muốn ganh đua cùng chị gái, nhưng theo lời khuyên của khi Sku-ra, cô lại phải trở tài khéo léo của mình.

Hôm ấy, cả hai công chúa nấu nướng suốt ngày. Biết bao nhiêu là của ngon, vật lạ, nhưng những món ăn do Ra-rang nấu thì chẳng một ai đụng đến. Còn các món ăn của Sa-ri thì ai cũng khen ngon. Mọi người đều nói là chưa bao giờ họ được ăn những món ăn ngon thế. Về dệt vải thì Ra-rang lại càng kém Sa-ri. Những người chứng kiến đều thấy là Sa-ri dệt vải được nhiều hơn, đẹp hơn, tết rèm cửa cũng dài hơn hẳn Ra-rang. Đến thế mà Ra-rang vẫn chưa chịu bỏ cuộc, cô thách:

– Thử độ xem ai đẹp đẽ hơn ai, nào!

Tất cả mọi người đều nói:

– Sa-ri.

– Thế mặt ai xinh xắn hơn nào?

Một lần nữa, mọi người lại đồng thanh:

– Sa-ri.

– Thế xem tóc ai dài hơn, đen hơn nào?

Lần này, tóc của Sa-ri cũng đen hơn, dài hơn tóc của Ra-rang.

Bị thua, Ra-rang thở hồng hộc vì tức giận. Bỗng trong đầu cô ta nảy ra một ý nghĩ đen tối: chính con khỉ Sku-ra là chồng của Sa-ri. Cô ta gào toáng lên, vênh vang trước mặt mọi người:

– Thế chồng chưa cưới của ai đẹp hơn nào? Cô tự hào nhìn về phía chồng chưa cưới của mình là In-đra Đgiai-ia.

Ngay lúc ấy Min-đa nghe thấy mẹ chàng nói bên tai:

– Con trai của ta, đã đến lúc để mọi người được liết con là ai rồi!

Lập tức Min-đa trút bỏ lột khỉ. Tất cả mọi người đều hết sức ngạc nhiên và trầm trồ trước vẻ đẹp của

chàng. Đứng bên cạnh In-đra Đgiai-ia thì Min-đa đẹp tựa trời cao, còn hẳn chỉ là vực thẳm. Hẳn liếc nhìn chàng bằng con mắt vô cùng tức tối.

Ra-rang thì nhục nhã ê chề, nhưng vẫn còn cố vớt vát:

– Sa-ri, ta muốn chia cho em một phần giang sơn đất nước!

Sa-ri trả lời không chút đắn đo:

– Chỉ nói đùa đó muốn rồi. Từ nay, đất nước này đã hoàn toàn thuộc về tôi. Nhưng xét tình máu mủ, tôi sẽ không để chị phải chết đói, chết khát đâu. Từ ngày mai chị sẽ phải chăn gà đẻ sống. Các chị khác cũng vậy, bởi vì các chị đã nhầm mắt làm ngơ trước bao điều độc ác của Ra-rang. Riêng về chị Lê-vit sống không đến nỗi như các chị kia, tôi để chị làm quản gia trong cung cấm. Còn Ling-se vì ép buộc phải làm điều ác, ta mở lòng tha tội, nhưng từ nay phải dốc lòng làm tròn bổn phận với ta.

Còn về In-đra Đgiai-ia thì sao? Bị thất thế, hẳn nuôi máu phục thù. Hẳn tập hợp tay chân, quân sĩ kéo về lòng chiếm lại Pa-si Ba-tang. Nhưng việc chưa thành, quân đã tan nát đảng quân và tướng cũng đi đời đảng tướng.

Có người sẽ hỏi, quốc gia Pa-si Ba-tang ở đâu? Xin đừng mất công tìm nó làm chi. Sau khi trừng trị bọn gian tà độc ác, Sa-ri đã đặt cho quốc gia này một cái tên mới là Pa-ku-an Ka-hu-gon.

CHIẾC VÒNG VÀNG

(TRUYỆN CỔ MA-LÚC-CU)

Xưa, có một ông vua sống trên đảo Su-la-ve-ai. Một lần, vua sai người mang vàng đến đặt thợ kim hoàn đánh hai chiếc vòng thật đẹp.

Khi người thợ kim hoàn vừa mới xẻ thỏi vàng ra thì một viên ngọc trong suốt từ trong đó rơi ra, bên trong viên ngọc có hình một con rắn nhỏ rung rinh. Thấy thế, người thợ kim hoàn liền cầm viên ngọc đến tâu với đức vua. Cho rằng người thợ kia muốn đánh lừa mình, nhà vua tức giận:

— Mi là đồ lừa đảo. Tất cả bọn thợ kim hoàn chúng mày đều là quân lừa đảo hết. Chúng mày chỉ quen ăn cắp để làm giàu. Chỗ vàng ấy của ta là đủ làm hai chiếc vòng rồi. Ta sẽ không đưa thêm một ly vàng nào nữa đâu.

Lời thối ra về, người thợ kim hoàn đành phải phụ thêm vàng của mình để đánh cho xong hai chiếc vòng của nhà vua. Bức thế:

— Từ nay trở đi ta không bao giờ làm cái nghề kim hoàn này nữa! Nói rồi bác quẳng tất cả đồ nghề xuống biển. Sau đó, bác trở về nhà suốt ba ngày chẳng hề lộ mặt đi đâu.

Người thợ này có một người con trai tên là Đu-nô. Mấy ngày liền thấy cha buồn phiền và không ra khỏi nhà. Đu-nô cũng buồn lây. Đến ngày thứ ba bỗng nhiên Đu-nô nghe thấy một tiếng nói trong trẻo:

— Dưới sân nhà này có vàng!

Vừa lúc đó có ba thằng kẻ trộm đi ngang qua nhà nên chúng vô tình nghe thấy. Đợi đến đêm khuya, khi mọi người đều đã ngủ say, ba tên trộm đào bới đất tìm vàng. Quả thực, bởi không lâu chúng đã đụng phải ba cái bình gốm lớn. Lý hững tưởng ăn trộm được vàng, ai ngờ khi dốc bình ra thì chẳng thấy vàng bạc châu báu đâu mà chỉ toàn là rắn độc. Bọn kẻ trộm bỏ chạy, vừa chạy vừa nguyền rủa người thợ kim hoàn đã đánh lừa chúng.

Còn về Đu-nô, sáng sớm hôm sau anh cũng xuống dưới sân nhà để tìm vàng. Đào bới một lúc anh cũng moi lên được mấy cái bình to và nặng. Anh ghé nhìn vào trong thấy toàn những vàng là vàng óng ánh. Đu-nô liền kể lại mọi chuyện cho cha nghe. Người thợ kim hoàn vừa nghe vừa đắm chiêu nghĩ ngợi, cuối cùng bác nói với con:

— Con hãy giữ số vàng ấy cho mình và tùy con muốn dùng vào việc gì cũng được.

— Con lấy vàng làm vốn đi buôn có được không, cha?—Đu-nô hỏi.

Được cha đồng ý, mấy hôm sau Đu-nô mua một chiếc tàu để chở hàng.

Lúc con tàu sắp sửa rời bến, cha anh nói:

— Con trai của cha, hãy nhớ lời cha dạy. Nếu trên đường đời con có gặp những người nghèo khổ, bất hạnh thì con chớ quên giúp họ qua cơn hoạn nạn. Thôi cha cầu chúc cho con lên đường thuận buồm, xuôi gió.

Cúi lạy cha rồi, Đu-nô cho tàu vượt sóng. Qua bao nhiêu ngày lênh đênh trên sóng, trên biển, cuối cùng Đu-nô ghé vào một xứ sở lạ lùng. Xứ sở này từ xa xưa đã có một tục lệ kỳ dị: những người chết đi mà chưa

trả hết nợ nần thì không được chôn cất đàng hoàng, tề tể. Những người chết này bị thả trôi sông. Những ai cố ý hoặc vô tình chôn cất những kẻ nợ nần xấu số thì sẽ phải gánh vác những món nợ của họ.

Khi Du-nô vừa cho tàu cập bến, anh đã nhìn thấy một xác chết trôi bập bênh trên sông. Nhớ lời cha, Du-nô vớt xác chết ấy lên và chôn cất tử tế. Biết chuyện này, chủ nợ của kẻ xấu số đã tìm gặp Du-nô:

— Hỡi người khách lạ, anh không biết gì sao mà lại đi chôn cất người này? Vì sao anh làm việc đó?

Du-nô trả lời:

— Tôi thấy đề xác người trôi sông mặc cho ca rĩa thật là tội nghiệp nên tôi chôn cất để hồn người chết có nơi nương tựa. Nói rồi anh trang trải hết nợ nần của người quá cố cho chủ nợ.

Vài ngày sau, đang đi trên đường Du-nô bắt gặp hai người đàn ông đang to tiếng với nhau.

— Vì sao các anh cãi nhau dữ thế? — Anh hỏi.

— Tôi cho nó vay tiền, nó cứ khất lần mãi không chịu trả cho tôi, bây giờ nó lại còn định ăn quịt của tôi nữa. Một trong hai người đàn ông phân trần với Du-nô.

— Tôi hiểu rồi. — Du-nô nói. — Anh này nợ anh cả thấy bao nhiêu? Tôi sẽ trả hộ anh ta tất cả.

Cứ như thế, Du-nô đi lang thang khắp phố phường và trả nợ giúp cho rất nhiều người khốn khổ. Tin đồn về anh bay đi rất xa. Không lâu, ở chỗ nào người ta cũng kể cho nhau nghe về chuyện này. Người ta kéo nhau đến tận tàu để mua thóc của anh. Chẳng lối buôn trẻ tuổi đã nhanh chóng bán hết hàng và cho tàu trở về quê hương với món lãi lớn.

Mấy tháng sau, Du-nô lại cho tàu vượt biển. Lần này, tàu của anh bỏ neo ở một thành phố khác. Vừa mới lên bờ, anh đã chìm vào một đám đông người đang chen lấn nhau hỗn loạn. Người chạy ngược, kẻ chạy xuôi, chẳng hiểu đầu đuôi thế nào cả.

Du-nô vội nín thở một người và hỏi:

— Có chuyện gì xảy ra thế, bác?

— Có một người vừa mới qua đời sáng nay, — người kia trả lời, — ông ta còn để lại vô khối nợ nần. Ấy vậy mà bà con họ hàng đang định chôn cất ông ta mà lại không muốn bỏ tiền ra trả nợ.

Cũng như mọi lần, nhớ tới lời dặn của cha, Du-nô lại trả hết các món nợ cho người chết. Thế là mọi việc lại đầu vào đấy.

Tin đồn về tấm lòng hào phóng của Du-nô đã đến tai vua Ba-ka, người đang trị vì đất nước này. Vua liền phái sứ giả đến tận tàu mời Du-nô đến thăm cung điện. Hôm sau, Du-nô ăn mặc chỉnh tề vào bái yết vua. Vua Ba-ka thân hành ra đón Du-nô và tiếp anh nồng hậu. Tuy thế, Du-nô vẫn thấy nhà vua có điều gì băn khoăn khó nói.

Đang trong bữa tiệc, Du-nô đánh bạo hỏi:

— Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần xin phép hỏi, nếu có gì không phải mong bệ hạ đại xá cho, phải chăng bệ hạ đang có điều chi phiền muộn?

— Ta cảm ơn khanh đã ái ngại cho ta. — Vua Ba-ka trả lời. — Quả có thế! Ta không biết giờ đây con gái ta sống chết ra sao trong tay bọn cướp biển.

— Xin bệ hạ nói tường tận hơn để kẻ hạ thần này may ra giúp bệ hạ được việc gì chăng? — Du-nô nói.

Nhà vua đã buồn rầu kể lại cho Du-nô nghe đầu đuôi câu chuyện:

Cách đây ít ngày, ta có cho mở hội và yến tiệc linh đình trên một hòn đảo xinh đẹp mãi ngoài khơi. Rạng đông vừa lóe rạng ta đã cùng với hoàng hậu và công chúa — con gái yêu của ta lên thuyền ra đảo. Cùng du ngoạn với chúng ta còn có bao nhiêu văn võ bá quan và cả một đoàn người trên mấy chục chiếc thuyền hộ tống. Ta không biết nói thế nào để cho Khanh hiểu, chỉ biết rằng đó là ngày hội vui tươi, mọi người đều ăn uống no say và múa hát tung bừng. Nhưng than ôi! Ngày vui ngắn chẳng tày gang! Chiều vừa mới buông xuống thì sóng dữ nổi lên, mây tối ùn ùn kéo đến trùm kín cả đoàn thuyền đang hồi hải trở về. Con bão lớn đã đánh tan tác cả đoàn thuyền, giạt mỗi chiếc mỗi nơi. Thưa cơ ấy, bọn cướp biển đã xông ra cướp bóc. Thật là bất hạnh cho ta, bọn cướp đã kéo chiếc thuyền có con gái ta đi mất. Ta không biết giờ này con ta ở đâu. Khanh cứu giúp con gái ta được chăng?

— Tàu bị hạ, thần không dám hứa trước với bộ hạ điều gì, song, nếu có thể giúp được bộ hạ việc gì thì hạ thần chẳng bao giờ tiếc công, tiếc của.

Nói rồi, Du-nô cúi đầu từ tạ nhà vua, trở lại tàu.

Hôm sau, vừa lán hết hàng, Du-nô cho tàu tách bến. Vừa mới ra đến ngoài khơi, Du-nô đã nhìn thấy từ xa một đoàn thuyền đang phăng phăng rẽ sóng đến gần. Đoán đó chính là đoàn thuyền của bọn cướp, Du-nô sai người hạ cột buồm và rút chiếc kình buong tàu. Cùng lúc, Du-nô cũng bảo đầu bếp làm một bữa cơm thịnh soạn để đón « khách ».

Nhìn thấy tàu đã hạ buồm và không có vẻ gì là nghênh chiến, bọn cướp thu vũ khí vào kheang. Nghe

thấy tiếng kèn của Du-nô mời khách, chúng cho thuyền áp sát thành tàu rồi theo nhau nhảy lên boong con tàu lạ. Du-nô đã tiếp chúng hết sức niềm nở cùng với những món ăn ngon lành. Khi tiệc sắp tàn, Du-nô đứng lên nói với tên đầu sỏ bọn cướp:

— Đề ghi nhớ buổi gặp mặt này, tôi xin biếu thủ lĩnh một bộ trang phục mới.

Cầm kình trước cử chỉ lịch thiệp và tấm lòng hiếu khách của chủ tàu lái buồm, tên trùm cướp cũng muốn biếu lại anh một món quà. Hắn nói:

— Cũng là để đáp lại thịnh tình của anh, ta biếu anh một cô gái mà ta vừa bắt được. Cô gái trẻ trung xinh đẹp này hẳn sẽ làm anh vừa ý.

Nói rồi, hắn sai thủ hạ dẫn cô gái tội nghiệp đến cho Du-nô. Xong xuôi, bọn cướp nối theo nhau nhảy xuống thuyền mình và bơi đi mất hút.

Còn Du-nô, anh lại giương buồm cho tàu chạy tiếp. Vài ngày sau anh về đến quê nhà. Khi nhìn thấy người con gái xinh xắn mà con trai đưa về, người thợ kim hoàn nói nhỏ với con:

— Nhìn cung cách đứng ngồi, di lại của cô ta, cha đoán cô ta là con nhà danh giá. Vì thế, con nên cư xử với cô ta như anh trai đối xử với em gái vậy.

Vâng lời cha, Du-nô làm một mái nhà riêng cho cô gái ở, mua sắm cho cô áo quần và những đồ trang sức khác. Thịnh thoả rồi rồi anh lại ghé thăm và chuyện trò cùng cô gái.

Ở nhà được ít ngày, Du-nô lại sắp xếp hàng hóa để lên đường. Trước lúc anh đi, cô gái dặn:

— Anh nhớ mua cho em những con chỉ màu khác nhau, anh nhé!

Sau chuyến đi này, Du-nô đã mua về cho cô gái bạc nhiều là con chỉ màu tươi thắm: nào đỏ, nào xanh, nào vàng, nào lam, nào tím... Từ hôm ấy, cô gái siêng năng dệt vải, may áo quần, trên chiếc áo nào cô cũng thêu tên cha, tên mẹ mình.

Ngày tháng thấm thoát qua mau, Du-nô lại sắp đến ngày cho tàu vượt biển. Lần này, cô gái cùng đi với anh và mang theo những bộ quần áo thêu. Cô nói:

— Anh ơi, anh đem theo những bộ quần áo này cùng với tư trang của anh, anh nhé!

Sau vài ngày lênh đênh trên biển, cuối cùng tàu hàng của Du-nô lại cập bến bờ xứ sở của vua Ba-ka. Nhớ đến mối tình tình cũ, vua Ba-ka đối với mình lần trước, Du-nô đem vào cung diện vô số hàng hóa để hiến vua. Trong số những tặng vật ấy có cả những bộ quần áo thêu tên người sặc sỡ. Nhìn thấy tên mình và tên hoàng hậu trên các bộ y phục, nhà vua chợt dạ.

— Này khanh, hãy nói ta nghe vì sao khanh lại có những bộ quần áo đẹp thế như thế kia? — Nhà vua nói.

Du-nô thong thả trả lời:

— Tâu bệ hạ! Số là thế này: lần trước, sau khi từ biệt bệ hạ để trở lại quê nhà, hạ thần gặp phải một toán cướp biển hung dữ. Để khỏi rầy rề, thần đã hạ buồm, thời kìa mồi chúng lên tàu ăn uống no say và biểu quỳ cáp. Thần chỉ cốt được yêu thân, nào ngờ tên tướng cướp lại biểu lại thần một cô gái trẻ trung, xinh đẹp. Những bộ quần áo thần đang cầm đây đều do cô ấy thêu cả. Nghe đến đây vua Ba-ka hiểu rằng người con gái mà chàng lái buôn kia kể chính là Gan-đa — con gái yêu quý của mình. Vua thốt lên:

— Thôi, đó đúng là công chúa — con gái của ta rồi. Khanh hãy nói ngay đi, hiện giờ công chúa đang ở đâu để ta phái phò mã tương lai đi đón công chúa về cung.

— Thưa bệ hạ! Thần đã nhận Gan-đa là em gái của thần. Bệ hạ hãy bình tâm, thần sẽ đưa Gan-đa về cho bệ hạ. — Du-nô nói:

Nhưng, nghĩ thế nào Du-nô lại bảo người chồng chưa cưới của Gan-đa cũng đi với mình về tàu. Cô gái vô cùng mừng rỡ khi được biết tin về đức vua và hoàng hậu, nhưng lúc biết là người chồng chưa cưới mà cô vô cùng khinh ghét cũng xuống tàu để đón cô thì cô hoảng hốt nói:

— Anh Du-nô! Em van anh đừng bắt em phải về với hẳn. Hiện là đồ phản trắc, hèn hạ, xấu xa. Anh cho em được đi với anh đến cùng trời cuối biển.

Chiều lòng Gan-đa, Du-nô vội vã cho tàu nhỏ neo rời bến. Thật chẳng may, con tàu vừa mới lướt được vài sải nước thì đã gặp phải một cơn bão bất ngờ ập xuống. Con tàu nghiêng ngả trong gió mưa mù mịt không còn biết đâu là phương hướng nữa. Du-nô đội mưa ên boong và định trèo lên cột buồm quan sát thì bị tên chồng chưa cưới của Gan-đa xô xuống biển. Gan-đa nghe như có cái gì khá nặng rơi từ trên boong xuống mặt sóng. Không nhìn thấy Du-nô đâu, cô lo lắng bồn chồn. Đương khi đó thì tên chồng chưa cưới của cô đến bên an ủi:

— Gan-đa, em đừng sợ! Em nghe nhầm thế nào ấy chứ, có cái gì rơi xuống biển đâu. Mưa gió thế này chắc là anh Du-nô đang ở trong khoang lái.

Trong khi ấy, Du-nô bị sóng biển xô giạt vào một hòn đảo nhỏ. Đêm bão đã qua. Mặt biển trở lại êm đềm trong ánh rạng đông đỏ rực. Du-nô đứng lên, loạng choạng đi sâu vào đảo thì vừa lúc gặp mấy người dân chài đi tới. Anh hỏi họ có thấy con tàu của anh đâu không và muốn nhờ họ đưa anh ra biển để tìm kiếm

con tàu của mình. Những người dân chài này từ chối vì họ còn phải ra khơi đánh cá. Nhưng khi nghe Đu-nô kể lại cảnh ngộ của mình, họ bằng lòng giúp anh với một giao ước là: nếu họ tìm được con tàu cho anh thì anh phải nhường cho họ tất cả những gì anh có ở trên tàu. Tình thế cực chẳng đã, Đu-nô đành phải chấp thuận. Anh cùng lên thuyền với mấy người đánh cá. Sau một hồi lâu tìm kiếm, họ đã nhìn thấy con tàu dường như mắc cạn ở một chỗ không xa hòn đảo lắm. Thi ra, từ lúc Đu-nô bị đẩy xuống biển, con tàu bị mắc vào neo vẫn lắc lư tại chỗ theo từng đợt sóng xô vào. Thật là kỳ lạ, Đu-nô chỉ vừa mới bước lên boong thì như có phép màu, chiếc neo cắm ở đáy biển đã tự nâng lên và con tàu lại nhẹ nhàng lướt trên sóng biển. Nhìn thấy Đu-nô, Gan-đa mừng rỡ rít. Cô nhìn vào mắt anh và nói:

— Anh nói thật cho em biết đi, có phải buổi chiều hôm qua anh bị rơi xuống biển không?

— Đâu có! — Đu-nô nói lảng để cô gái yên lòng. Chắc là có khúc gỗ trên boong tàu bị gió quăng xuống biển.

— Mặc dù Đu-nô đã nói như thế nhưng cô vẫn bán tín, bán nghi. Thuận gió, con tàu băng băng rẽ sóng vào bờ. Biết tin chiếc tàu chở con gái mình đã về cập bến, vua Ba-ka cho lính bắn súng chào mừng; còn nhà vua thì thân hành ra tận bến nước đỡ con gái lên bờ. Dân chúng đổ xô ra tận mép sóng để đón công chúa và reo hò sung sướng. Người ta rẽ ra, nhường bước cho những người khiêng kiệu đến rước công chúa về cung. Gan-đa ngấp ngừng trước khi bước lên kiệu, cô đưa mắt tìm Đu-nô rồi nói:

— Anh Đu-nô! Anh ngồi vào kiệu cùng với em đi!
Nhưng Đu-nô từ chối:

— Gan-đa, kiệu giành cho em cơ mà, em ngồi xuống đi. Còn anh là con cái dân thường, anh đi bộ quen rồi...

— Ừ... Tựa như làm nũng với anh, công chúa phụng phịu nói. — Nếu anh đi bộ thì em cũng chẳng lên kiệu đâu; mặc anh, em trở lại con tàu của chúng ta đây...

Thấy thế, để làm đẹp lòng công chúa, các văn võ bá quan có mặt ở đó đã mời ân nhân của nàng cùng bước lên kiệu, để mặc gã «chồng chưa cưới» kia lảo đảo theo sau.

Mừng công chúa trở về lành lặn, vua Ba-ka đã mở những ngày hội lửa tung bừng. Sang ngày hội thứ ba, vua cho triệu tất cả các vị đại thần cùng các bậc cao niên trong kinh đô lại để thỉnh cầu ý kiến về việc ban thưởng cho người đã cứu sống công chúa. Chưa ai kịp lên tiếng gì thì chính Gan-đa công chúa đã nói:

— Thưa cha, phần thưởng quý nhất đối với ân nhân của con là cha cho phép chúng con được chung sống với nhau. Được ở gần Đu-nô bao tháng nay con thấy chàng thực là một trang nam tử hào hoa, phong nhã và rất hảo tâm. Chàng đã đối xử với con thân tình như người cùng chung dòng máu. Trong khi, cái kẻ mà cha ép buộc con phải lấy là một kẻ đốn bèn, phản trắc, chính hắn ngày ấy đã bỏ rơi con khi bọn cướp biển xông vào cướp phá đoàn thuyền. Cũng chính hắn đã đẩy Đu-nô—người đã cứu sống và chăm sóc con—xuống biển.

Tức thì, đức vua sai người dẫn tên tội phạm đến trước sân rồng. Tội trạng rành rành nên hắn phải chịu tội chém đầu.

Sau đó, vua Ba-ka cho phép công chúa Gan-đa và Đu-nô làm lễ cưới thật linh đình.

Vì vua Ba-la không có hoàng tử nên sau này khi vua qua đời, chính chàng rể Đu-nô là người kế nghiệp trị vì thiên hạ.

BI-ĐA SA-RI

(TRUYỆN CỔ GIA-VA)

Ngày xưa, đã lâu lắm rồi, có một vương quốc thái bình, thịnh vượng tên là Kem-ba-yát.

Bỗng dưng, con ác điều ga-ra-đa không biết từ nơi nào bay đến xứ này ăn sống, nuốt tươi nhiều người, tàn phá nhà cửa, ruộng vườn, làng mạc... Nhiều người khiếp sợ chạy tán loạn sang các nước láng giềng. Chẳng mấy chốc, cát đất nước giàu có kia đã biến thành một bãi tha ma. Cũng may mà trong tai họa khủng khiếp này, đức vua và hoàng hậu lúc đó đang có thai lại sống sót. Đang giữa lúc bỏ vợ không cửa, không nhà, không con ăn, nước uống thì hoàng hậu trở dạ và sinh được một đứa con gái. Không biết lấy gì nuôi con, nuôi mình, hoàng hậu và đức vua đành bọc đứa trẻ vào một tấm da, đặt nó xuống đất, rồi gạt nước mắt đi nhau về qua vùng rừng núi hoang vu.

Cũng vào độ ấy, ở vương quốc In-đra-pu-ra có một người lái buôn giàu nứt đố đổ vách tên là Giu-kha-ra. Giàu có như thế nhưng hiền một nỗi hai vợ chồng Giu-kha-ra ăn ở với nhau đã nhiều năm mà vẫn chưa có một mụn con nào. Ngày lại ngày, chỉ chồng chộc có hai vợ chồng nên cửa nhà buồn vắng lắm.

Thế rồi một ngày kia, hai vợ chồng Giu-kha-ra có việc phải đi qua khu rừng họ. Đang đi, bỗng hai người nghe có tiếng trẻ khóc ọ ọ gàn đó. Cả vợ lẫn chồng đều đi tìm thì bắt gặp một đứa trẻ đỏ hồng hớn nằm tro troi một mình trong rừng vắng. Hai vợ chồng người lái buôn mừng lắm, họ đón đứa trẻ về nhà, nuôi nấng chăm bẵm như thể con ruột ruột đẻ ra và đặt tên là Bi-đa Sa-ri.

Thoắt đã mười ba năm có lẽ trôi qua. Vua của vương quốc In-đra-pu-ra qua đời và hoàng tử Men-gin-đra đã lên ngôi kế vị trị dân, trị nước. Li-la, vợ của Men-gin-đra đã trở thành hoàng hậu vốn là một người đàn bà khôn ngoan sắc sảo. Vì thế, cả Men-gin-đra lẫn nhiều văn võ bá quan trong triều lẫn khi đã phải nhờ hoàng hậu Li-la bày mưu, tính kế. Khôn ngoan như thế nên hoàng hậu Li-la thường hay có tính lo xa. Một hôm, đang ngồi một mình trong cung, Li-la chợt nghĩ: « Ở trong cung, ngoài thành có nhiều gái đẹp. Nếu một mai chẳng may vua đắm đuối kẻ nào mà ruồng rẫy ta thì sao nhỉ? » Nghĩ thế rồi Li-la đến ngay chỗ vua đang ngồi hóng gió ở vườn thượng uyển. Hoàng hậu nói với vua nhiều chuyện bóng gió xa xôi, còn vua thì vẫn vô tình chẳng hề nghĩ những lời nói kia có ẩn ý gì. Cuối cùng, hoàng hậu nói rằng rồi đây nhà vua sẽ lấy thêm các bà phi nữa và thay lòng đổi dạ với nàng, rằng nàng chỉ muốn là hoàng hậu duy nhất, suốt đời được sống bên vua. Đoán được mỗi nghĩ ngờ trong lòng hoàng hậu, vua Men-gin-đra bèn nói vỗ vỗ: /

— Nàng cứ yên lòng, khắp thế gian này còn có ai xinh đẹp và thông minh hơn nàng được nữa? Ta yêu nàng suốt đời và duy chỉ có nàng thôi!

Hoàng hậu Li-la nghe những lời nói ấy thì vui mừng lắm, song nàng vẫn chẳng yên lòng. Nàng suy tính, phòng xa mọi chuyện: «Hôm nay đã vậy, mai sau ai biết thế nào?»

Hoàng hậu có một chiếc quạt đẹp với đủ sắc màu rực rỡ. Nàng định bụng dùng nó vào việc của mình. Một hôm, hoàng hậu gọi nàng hầu Bi-đu-ri lại bảo:

— Người cầm chiếc quạt này vào thành rao bán với giá thật đắt để không ai có đủ tiền mua cho ta. Trong khi đi lại mua bán, người có thể ý xem có có gái nào đẹp bằng ta không. Nếu có, người phải dò hỏi cho bằng được tên tuổi và cửa nhà nhé! Ta thích kết bạn với những người xinh đẹp mà.

Theo lệnh của hoàng hậu, nàng hầu Bi-đu-ri cầm chiếc quạt đi rao bán khắp thành với giá rất cao. Mọi người, nhất là các cô gái, ai cũng thích chiếc quạt, nhưng khi nghe nói đến giá tiền thì ai cũng lắc đầu, lè lưỡi. Khi đi dọc phố cũng như khi đứng chân trước những nhà hỏi mua quạt, Bi-đu-ri đã để mắt tới những cô gái trẻ. Song, nàng hầu chưa gặp một người nào có nhan sắc sánh được với hoàng hậu Li-la của mình. Nàng hầu đã định quay về để thưa lại với hoàng hậu những điều tai nghe, mắt thấy thì lại có tiếng gọi mua quạt, Bi-đu-ri rẽ vào một ngôi nhà lớn. Đó là nhà của vợ chồng lái buôn Giu-kha-ra.

Bi-đa Sa-ri, con gái nuôi của vợ chồng Giu-kha-ra, giờ đã đến tuổi dậy thì. Cô gái chạy ra xem chiếc quạt và thích mê đi. Khi nghe đến giá tiền thì mẹ cô gạt đi và hứa sẽ cho cô những thứ khác đẹp hơn. Nhưng Bi-đa Sa-ri cứ nằng nặc đòi mua bằng được chiếc quạt kia. Với chiều con, với lại cũng sẵn tiền nần Giu-kha-ra đã dám bỏ ra hẳn một cổ tiền lớn để mua chiếc quạt.

Nàng hầu Bi-đu-ri đã ôm cả một bọc tiền nặng về rồi mà vẫn chưa hết bằng hoàng trước vẻ đẹp của cô con gái nhà buôn Giu-kha-ra. Đúng là từ trước đến giờ chưa bao giờ cô được nhìn thấy một người có nhan sắc tuyệt trần đến vậy. «Hoàng hậu Li-la khó mà sánh nổi!» — Nàng hầu nghĩ thầm trong bụng.

Về cung, Bi-đu-ri bèn kể lại hết mọi chuyện cho hoàng hậu nghe. Hoàng hậu từ chỗ kinh ngạc trước một kẻ dám bỏ một món tiền to thế để mua chiếc quạt đến chỗ bần học, tức tối đối với người có nhan sắc hơn hẳn mình. Hoàng hậu lầm bầm: «Con gái của một gã lái buôn mà lại đẹp hơn ta được sao? Được, rồi sẽ biết tay ta...».

Thế rồi một hôm, hoàng hậu cho mời Bi-đa Sa-ri vào cung chơi. Bi-đa Sa-ri nghe nói được vào thăm hoàng hậu thì vui lắm. Từ sáng sớm cô đã thay quần áo đẹp và xin phép cha mẹ vào cung.

Hoàng hậu Li-la đón tiếp Bi-đa Sa-ri có vẻ rất ân cần, niềm nở. Hoàng hậu đích thân dẫn Bi-đa Sa-ri qua các khuê phòng, chỉ cho cô xem những đồ trang sức đắt tiền bằng vàng bạc, ngọc trai. Thưa lúc Bi-đa Sa-ri đang mãi nhìn mọi thứ, hoàng hậu đẩy cô vào một căn buồng hẹp, tối tăm, ẩm ướt và khóa chặt lại. Cảnh này chỉ có nàng hầu trông thấy nhưng cô đã bị hoàng hậu đe phải «giữ mồm giữ miệng».

Mấy tuần lễ đã trôi qua mà Bi-đa Sa-ri vẫn bị nhốt trong buồng tối. Mỗi ngày nàng hầu chỉ được mang đến cho cô lưng bát cơm nguội và một gáo nước lã, vì thế trông cô xác xơ, tiêu tụy hẳn đi.

Một bữa kia, hoàng hậu ghé qua chỗ giam Bi-đa Sa-ri và nghĩ: «Đề xem mày còn đẹp nữa thôi?». Đến nơi từ bên ngoài trông vào, hoàng hậu thấy Bi-đa Sa-ri áo

quần bần thủ, đầu tóc rối bù, mặt mày hốc hác thì lấy làm đắc ý lắm. Bi-đa Sa-ri khóc lóc van xin nhưng hoàng hậu chẳng động lòng thương xót. Dội cho hoàng hậu đi khuất, nàng hầu mới đến an ủi Bi-đa Sa-ri. Trong lúc buồn phiền, uất ức Bi-đa Sa-ri đã kể cho nàng hầu Bi-đu-ri nghe chuyện bố mình đã cậy nhờ ông thầy tướng bắt quyết một linh hồn sống trong tìm bình rồi cho nhập vào một con cá bằng vàng ra ao. Con cá bằng vàng này được thả vào một cái bình giấu dưới đáy ao bên cạnh vườn nhà mình như thế nào. Bi-đa Sa-ri cũng không dấu rằng, một khi con cá bằng vàng còn ở trong cái bình kia thì dù bị dây ải thề rêu có chăng cũng không bị chết; nhưng sống mà bị khổ sở thế này thì cô cũng chẳng thiết sống làm gì. Chỉ bằng hoàng hậu cứ lấy cái con cá bằng vàng kia để cô được chết đi còn hơn. Nàng hầu đã kể lại cho hoàng hậu nghe chuyện của Bi-đa Sa-ri với con cá bằng vàng. Lập tức, hoàng hậu sai lính ban đêm đến cái ao của nhà lái buôn Giu-kha-ra mò bằng được cái bình chìm sâu dưới đó.

Chẳng bao lâu, người lính mang cái bình kia về dâng lên hoàng hậu. Quả như lời Bi-đa Sa-ri, trong cái bình có một con cá nhỏ bằng vàng lấp lánh. Hoàng hậu cho tay vào bình lấy con cá ra; tức thì, Bi-đa Sa-ri đang bị giam trong buồng tối kia cũng lần ra tất thảy.

Thấy vậy, sáng hôm sau hoàng hậu sai quân hầu đến báo tin cho vợ chồng người lái buôn biết về cái chết của con gái họ.

Giu-kha-ra cùng vợ vào cung khóc lóc thảm thiết rồi xin được đưa thi hài con gái về nhà. Cả hai vợ chồng chưa biết tình chuyện chôn cất ra sao thì vào lúc mặt trời tắt nắng, Bi-đa Sa-ri hồi tỉnh lại và ăn nói như thường. Thì ra, cái bùa chú kia chỉ hiệu nghiệm vào ban

ngày, còn ban đêm thì Bi-đa Sa-ri lại sống lại như chẳng có chuyện gì xảy ra.

Thấy con gái sống lại, dù chỉ là sống về đêm, hai vợ chồng người lái buôn cũng mừng lắm. Nhưng xen lẫn niềm vui mừng là nỗi lo âu: «Nhờ hoàng hậu biết chuyện này thì sao?» Suy đi tính lại, cuối cùng Giu-kha-ra thuê người bí mật làm một ngôi nhà lớn ở tận rừng sâu. Xung quanh ngôi nhà có hàng rào bằng gỗ vừa dày, vừa cao để không ai nhìn vào được. Ngoài hàng rào gỗ là hàng rào bằng mây song gai chẳng quần quýt khó lòng chui qua. Ngoài hàng rào mây song là một vườn cây ăn quả mùa nào thức ấy, tươi tốt như rừng. Trong ngôi nhà ngăn nắp, sạch sẽ thật chẳng thiếu thứ gì: từ đồ ăn, thức uống đến áo quần, giường chiếu, chăn màn đến ấm chén pha chè...

Vợ chồng lái buôn Giu-kha-ra đã kín đáo đưa con gái vào ở trong ngôi nhà đó. Ban ngày, Bi-đa Sa-ri nằm trên giường như chết nhưng đêm vừa xuống là cô choàng tỉnh dậy, sống lại như thường.

••

Từ khi Men-gin-đra lên ngôi, vương quốc In-đa-a-pu-ra càng ngày càng giàu có. Đất nước chẳng có thủ ngoi, giặc trong, nên việc trị vì thiên hạ cũng thư nhàn.

Một hôm, Men-gin-đra nằm mộng thấy mặt trăng đậu xuống đầu gối mình. Thấy điềm lạ, vua tìm hỏi một vị quan cao tuổi nhất trong triều thì vị quan này nói điềm ấy báo rằng, nhà vua sắp lấy một cô gái trẻ, đẹp tuyệt trần. Vua không tin lắm nhưng vẫn thử ngắm xem sao.

Một buổi sáng đẹp trời, vua cùng với các cận thần vào rừng đi săn. Cả đoàn người đi sâu vào rừng đến

tận chiều mà vẫn không săn được con thú nào. Đang lúc định thu quân về thì mọi người bỗng nhìn thấy một ngôi nhà lớn ẩn giữa cây lá um tùm. Mọi cho các cận thần ra sức cản ngăn, nhà vua cứ một mình bước vào ngôi nhà rộng lớn. Bốn bề lặng lẽ như tờ. Vua lững thững đi từ buồng này sang buồng khác. Bỗng nhiên, ông nhìn thấy một cô gái trẻ đẹp như tiên nữ đang nằm ngủ trên giường. Cũng vào lúc đó, mặt trời từ từ lặn xuống ven rừng. Bi-đa Sa-ri rụi mắt rồi ngồi nhòm đây. Cô giật mình sợ hãi khi nhìn thấy một người đàn ông trẻ đẹp đang bước lại phía mình.

Nhà vua vội nói ngay mình là ai để cô gái yên lòng. Khi đã biết nhà vua là người công bằng, chính trực Bi-đa Sa-ri liền kể hết chuyện của mình cho vua nghe, rằng mình đã bị hoàng hậu Li-la đẩy ải trong buồng tối thế nào, rằng cô chỉ được sống từ đêm cho đến sáng ra sao, rằng nếu bây giờ cô lấy lại được con cá bằng vàng mà hoàng hậu đang cất giấu thì cô sẽ sống lại bình thường như tất cả mọi người... Nghe Bi-đa Sa-ri kể, nhà vua cảm ghét hoàng hậu Li-la độc ác bao nhiêu thì lại cảm thương, yêu mến cô gái xinh đẹp và tội nghiệp này bấy nhiêu. Vì thế, trước lúc già từ, nhà vua hứa ngày mai sẽ trở lại gặp Bi-đa Sa-ri.

Như mọi lần, hoàng hậu đơn đã ra đón nhà vua ở trước thềm cung điện:

— Bệ hạ có săn được con thú nào không?

Nhà vua nghiêng đầu mặt lại, chẳng nói chẳng rằng nhìn thẳng vào cặp mắt bối rối của hoàng hậu. Thấy thế, hoàng hậu đến bên vua hỏi khẽ khàng:

— Có chuyện gì chẳng lành vậy, thưa bệ hạ?

— Chuyện gì á? Nàng lấy mau đem con cá nhỏ bằng vàng ấy ra đây cho ta. — Nhà vua dần giọng.

Nghe nói đến con cá nhỏ bằng vàng thì hoàng hậu thất kinh chân tay rụng rời, mặt mày biến sắc vì biết cơ mưu thâm độc của mình đã bị bại lộ. Không dám chậm trễ, Li-la vào buồng lấy con cá bằng vàng đưa cho nhà vua. Con cá vừa rời khỏi tay thì hoàng hậu cũng khuyu xuống như cái xác không hồn. Nàng hầu Bi-đu-ri thấy thế nhưng cũng không vội chạy lại nâng hoàng hậu dậy.

— Mi không nhìn thấy gì sao? — Nhà vua hỏi nàng hầu Bi-đu-ri và hát hăm về phía hoàng hậu đang bất tỉnh trên sàn.

Nàng hầu rụt rè, e sợ nhìn nhà vua, nói:

— Thưa bệ hạ, con nhìn thấy cả... nhưng hoàng hậu... ác lắm!

— Ác làm sao? Mi nói ta nghe nào.

Được nhà vua hứa sẽ che chở, nàng hầu Bi-đu-ri đã kể lại đầu đuôi câu chuyện từ khi cô vào thành rao bán quạt cho hoàng hậu đến lúc cô gái Bi-đa Sa-ri bị đẩy vào buồng tối và bị đẩy dọa ra sao. Nghe xong, nhà vua thấy những lời của nàng hầu quả là trùng khớp với những lời ai oán của cô gái trẻ đẹp đang phải nằm ở trong rừng rậm.

Sáng hôm sau, vua Men-gin-đra một mình một ngựa trở lại ngôi nhà Bi-đa Sa-ri đang ngủ. Nhà vua nhẹ nhàng đến bên giường và đặt vào lòng tay Bi-đa Sa-ri con cá nhỏ bằng vàng. Trong chớp mắt, cô gái sống lại, bằng hoàng cung sừng, xinh đẹp tuyệt trần.

— Ngay bây giờ ta sẽ đưa nàng về nhà để xin phép thân phụ và thân mẫu nàng cho ta được cùng nàng nên nghĩa trăm năm.

Nói đoạn, nhà vua đặt Bi-đa Sa-ri lên mình ngựa rồi cho ngựa đi nước kiệu đến nhà người lái buôn Giu-kha-ra.

Ngày hôm sau, đám cưới của vua Men-gin-đra với cô gái Bi-đa Sa-ri được cử hành trong thế giữa kinh thành tráng lệ. Đang lúc mọi người ăn uống, tiệc tùng thì có một con vẹt không biết từ đâu bỗng nhiên bay đến đậu ở ngoài thềm, nói:

— Chiều nay sẽ có chuyện trăm năm chỉ gặp một lần: ông mặt trời sẽ hôn vào má chị hằng nga.

Nghe câu nói ngớ ngợ của con vẹt, mọi người cười rộ lên, còn Bi-đa Sa-ri thì thẹn đỏ mặt, cô bối rối xua con vẹt bay đi.

Bây giờ, lại nói về vương quốc Kem-ba-yát. Sau khi bị ác điều ga-ru-da tàn phá trơ trọi, đất nước này dần dần trở lại xanh tươi, ruộng vườn trù phú. Dân tình lang bạt tứ phương lại lũ lượt nối theo nhau trở về làm lại đường sá, cửa nhà. Trong dòng người hồi hương đó có cả đức vua và hoàng hậu. Đức vua lập lại triều đình, chiếu hiền đãi sĩ, gây dựng lại giang sơn. Chẳng bao lâu, hoàng hậu lại sinh hạ được một hoàng tử khôi ngô, tuấn tú. Cả đức vua và hoàng hậu mừng vui khôn kể. Song, xen lẫn niềm vui, đôi khi hoàng hậu vẫn thoáng buồn khi chợt nhớ tới công chúa đầu lòng bị bỏ lại trong rừng thuở ấy.

Tháng năm, năm thắm thoát thoi đưa, hoàng tử đã trở thành một chàng trai thông minh, dũng cảm. Đầu còn trẻ tuổi, vô tư nhưng hoàng tử cũng đoán được vua cha và hoàng hậu từ lâu vẫn có điều chi trắc ẩn trong lòng. Một hôm, nhân lúc thấy vua cha thư thái, chàng bèn bày tỏ những băn khoăn của mình. Biết hoàng tử đã trưởng thành, vua cha bèn kể hết cho chàng nghe về công chúa đầu lòng đã bị bỏ lại trong rừng như thế nào. Nghe xong, hoàng tử nhất quyết, đòi đi tìm bằng

được công chúa, mặc cho vua cha và hoàng hậu ra sức can ngăn, gạ gĩa.

Một buổi sáng kia, hoàng tử khấn gọi lên đường. Chàng đi từ làng này sang làng khác, thành phố này sang thành phố khác, vương quốc này sang vương quốc khác mà chẳng dò tìm ra tung tích của công chúa đầu. Một hôm, đi ngang qua một cái chợ lớn, chàng bèn ghé vào xem hàng hóa và xem người ta mua bán ra sao. Trong chợ này có nhiều sạp hàng của lái buôn Giu-kha-ra. Hôm ấy, ông không ra chợ mà để cho người giúp việc của mình là Si-na-pa-ti trông hàng thay. Si-na-pa-ti nhìn thấy hoàng tử thì đã ngỡ ngợ như đã gặp chàng ở đâu đó rồi. Người giúp việc vất óe nghĩ: « Không biết mình đã nhìn thấy anh ta bao giờ chưa, nhưng cứ nhìn nét mặt và dáng người thì nom giống tâu hoàng hậu Bi-đa Sa-ri lắm ». Nghĩ thế, Si-na-pa-ti liền bắt chuyện với hoàng tử. Hai người nói chuyện với nhau hồi lâu, cuối cùng họ hẹn nhau ngày vào cung để ra mắt nhà vua Men-gin-đra và hoàng hậu Bi-đa Sa-ri.

Trong không khí vui vẻ, từ nhà vua đến các văn võ bá quan, ai cũng thấy vị khách quý của triều đình và hoàng hậu Bi-đa Sa-ri giống nhau như hai giọt nước. Chính hoàng tử và Bi-đa Sa-ri cũng linh cảm được họ là những người cùng chung dòng máu.

Vua Men-gin-đra bèn cho mở tiệc ăn mừng ngày đoàn viên hội ngộ. Trong bữa tiệc này có cả đức vua và hoàng hậu của vương quốc Kem-ba-yát, cả vợ chồng thương gia Giu-kha-ra, cả những lính hầu và tỷ nữ. Dãy chỉ có hoàng hậu Li-la là chẳng một ai thêm ngó ngang đến. Dù không được mời, Li-la cũng cứ đến dự tiệc. Ai thấy Li-la cũng ngoảnh mặt đi, cả nàng hầu Li-đu-ri cũng vờ như không quen biết. Li-la thấy nhục

nhà quá, mọi ta chạy đến qui xuống dưới chân hoàng hậu Bi-đa Sa-ri để xin tha tội. Nhà vua trừng mắt lên. Li-la khiếp đảm co rúm người lại. Còn hoàng hậu Bi-đa Sa-ri vẫn có tấm lòng nhân từ, độ lượng đã tha tội chết cho Li-la trước mặt mọi người.

SỰ TÍCH HỒ BE-NING

(TRUYỆN CỔ GIA-VA)

Ngày xưa, có một làng nổi tiếng là keo kiệt. Dân chúng làng này không dám ăn, dám mặc gì mà chỉ lo tích góp của cải cho chật cửa, chật nhà.

Một lần, người ta định mở hội làng thật to nhưng chẳng ai chịu đóng góp tí gì. Bàn đi tính lại, cuối cùng họ rủ nhau vào rừng sâu bắn hổ lấy thịt làm cỗ. Nhưng hôm ấy họ chẳng gặp may chút nào. Trời đã về chiều mà họ vẫn tay không. Cánh thợ săn mỗi một kéo nhau đến ngồi nghỉ dưới một bóng cây to. Lúc ấy, một người trong bọn họ muốn ăn trâu. Anh ta đặt quả cau lên gốc cây và lấy dao ra bẻ. Lưỡi dao bập mạnh xuống gốc cây. Mọi người hết hoảng nhìn thấy từ đó một thứ nước đỏ tươi tuôn ra như suối. Định thần lại, nhìn kỹ, người ta mới biết cái gốc cây kia chính là một con rắn lớn. Họ xúm vào giết con rắn rồi làm thịt đem về. Hôm sau, người ta mở hội làng. Ngoài thịt rắn nướng ra chẳng còn một món ăn nào khác.

Trong khi đó, hồn con rắn hóa thành một thằng bé kỳ quái, bèn thổi, mình mây đầy mụn nhọt. Nó đi vào

làng và đến từng nhà để xin ăn nhưng chẳng ai nó lấy một miếng. Người ta ăn uống nhồm nhoàm, cũng khư khư những miếng thịt rắn nướng trong tay.

Song, trong làng có một ông già rất nghèo, nhưng tính lại rất thương người. Nhìn thấy thằng bé rách rưới, đói meo, ông gọi nó vào túp lều dột nát của mình cho ăn, cho uống. Ăn xong, thằng bé nói với ông già:

— Cháu cảm ơn ông đã cho cháu ăn no.

Đoạn, nó dặn ông già khi nào chuyển trời thì nhớ cầm ngay cái cào thóc và ngồi vào chiếc cối giã gạo của nhà mình. Ông già nghe nói thế thì lạ lắm nhưng vẫn nhớ định ninh lời thằng bé dặn.

Sau đó, thằng bé đến chỗ bọn trẻ con trong làng đang nô đùa, cầm tàu lá cọ xuống đất và nói:

— Tao đổ chúng mày nhờ được cái tàu cọ này lên đấy.

Lũ trẻ tưởng thằng bé lạ mặt kia là ngớ ngẩn, bèn cười giễu. Một đứa trong bọn hùng hổ nói:

— Tao mà nhờ được thì mày bị gì nào? Ăn đấm nhé!

— Được. — Thằng bé đáp — Nhưng nếu mày không nhờ được thì phải đền miếng thịt rắn nướng kia cho tao đấy.

Tưởng là trò bỡn, cậu bé trong làng chia mấy ngón tay ra nắm tàu lá cọ và khẽ nhấc lên. Nhưng lạ thay tàu lá không nhúc nhích. Thấy thế, nó lấy hai tay túm chặt tàu lá và nhả mạnh. Tàu lá vẫn đứng trơ trơ. Thấy chuyện lạ, lũ trẻ xúm vào, thay nhau thử sức. Nhưng ngay cả đứa khỏe nhất cũng không làm cho tàu lá cọ kia nghiêng ngả. Tức quá, lũ trẻ chạy về nhà gọi bố mẹ, anh chị ra giúp sức. Chẳng mấy chốc, cả làng đã tùm tùm quanh tàu lá cọ nhỏ cắm trơ vơ trên đất

Bấy giờ, ngay cả những trai làng khỏe nhất cũng vào cuộc. Họ dùng hết sức để lay, để nhô cái tàu lá bé nhỏ kia mà chẳng ăn thua gì. Ai nấy mặt mũi đỏ gay, áo quần ướt đầm mồ hôi. Cuối cùng cả làng đành chịu không ai nhô được. Lúc bấy giờ, thằng bé lạ mặt kia mới nói:

— Các người chịu thua cả rồi à? Bấy giờ nếu ta nhô được tàu lá này lên thì các người có chịu nhường tất cả phần thịt của các người cho ta không? Rồi các người sẽ thấy những kẻ tham lam, độc ác đáng bị trừng phạt như thế nào.

Nói rồi nó đưa một tay khẽ nhấc tàu lá cạ lên trước con mắt kinh ngạc của mọi người. Từ cái lỗ nhỏ do cuống lá cắm xuống, nước từ từ dâng lên. Càng ngày nước càng tuôn ra rào rào. Chẳng mấy chốc nước dâng lên lênh láng bốn bề. Dân làng hoảng sợ bỏ chạy tán loạn nhưng chạy đâu cho thoát. Nước réo âm ầm, sục sôi như thác đổ. Ngoảnh đi ngoảnh lại, cả cái làng vốn giàu có là thế đã hóa thành một hồ nước mênh mông.

Trong cơn nước lũ đó, chỉ có mỗi ông già nhân hậu kia là sống sót. Nghe thấy thuyền trôi và nước đã vào đến sán, ông già vội cầm ngay cái cào thóc và ngồi vào cái cối giã gạo của nhà mình. Cái cối nằm con thuyền, cào thóc mới chèo đã đưa ông già vào bờ lúc hồ êm gió lặng.

Nghe nói cái hồ sinh ra trong trận đại hồng thủy kia chính là hồ Be-ning ngoạn mục ngày nay. Còn những miếng thịt rắn nướng mà người ta chưa kịp ăn đã biến thành trái, ốc dưới lòng hồ.

NÀNG CÔNG CHÚA TÓC VÀNG

(TRUYỆN CỔ A-TRÊ)

Nghe nói, ngày xưa, ở tận nơi cùng trời cuối đất có một xứ sở gọi là Gu-li-ta Xa-gốp. Nhà vua xứ này tên là Ham-xôi-ka-sa, vốn nổi tiếng là một ông vua hào phóng. Ông có một bà hoàng hậu tên là Béc-na Di-vi và một thứ phi tên là Ken-tran An-xa-ri. Tuy thế, cả hai bà đều không cho ông được một mụn con nào. Đã bao lần ông nguyện cầu dâng A-la cho ông một người con nối nghiệp mà Người chẳng rộng lòng ban phúc. Cuối cùng, nhà vua đành phải lấy thêm một bà phi nữa. Bà Phi này tên là Trắc Ken-ban-di, vốn là một cô gái mồ côi cả cha lẫn mẹ từ tấm bé. Tuy bố mẹ cô chỉ là thường dân nghèo khó nhưng cô lại được thừa hưởng một gia tài vô giá, đó là nhan sắc tuyệt trần.

Nhà vua rất yêu chiều là phi mới. Sau khi đón bà về cung, nhà vua liền cho xây một tòa lầu đồ thủy, bốn bề đều được dát vàng, nạm ngọc, chạm trổ cầu kỳ.

Thấy nhà vua quý hóa bà phi mới, hoàng hậu và thứ phi liền sinh lòng ghen ghét. Cả hai bà luôn luôn tìm mọi dịp để ám hại bà phi mới đẹp người đẹp nết này.

Chẳng bao lâu, bà phi mới Trắc Ken-ban-di có mang. Tin đó làm cho nhà vua vô cùng sung sướng. Bà muốn gì, dù khó mấy nhà vua cũng chiều đến nơi đến chốn. Một hôm, Trắc Ken-ban-di muốn ăn thịt hươu non. Tức thì, nhà vua hoãn lại mọi công việc để vào rừng săn bắn.

Nhà vua và toàn thore săn vua đi được ít ngày thì Trắc Ken-ban-di trở dạ. Nàng sinh được một trăm người con cả thảy, trong đó chỉ có một cô con gái tóc vàng

Thấy vậy, hoàng hậu và thứ phi bàn nhau đào một cái hố ở góc vườn, bỏ xác súc vật, rác rưởi, củi mục xuống rồi lấp đất lên. Còn một trăm đứa trẻ thì bị bỏ vào một cái hòm kín mít rồi đem thả trôi sông.

Công việc vừa mới xong xuôi thì nhà vua đi săn về, rủ thay ông không bắn được một con hươu nào cả. Nhà vua chưa kịp nghỉ ngơi thì hoàng hậu và thứ phi đã thừa vớ ông là trong lúc ông vào rừng. Trắc Ken-ban-di đã đẻ ra một quái thai. Hai bà đã chôn cái quái thai ấy ở góc vườn, nếu nhà vua không tin thì cứ cho người quật lên.

Bán tín, bán nghi, nhà vua cho đào ngôi mộ kia lên. Quả nhiên, mùi xác chết xông lên nồng nặc. Nhà vua thấy vậy thì vừa buồn vừa sợ. Được thờ, hoàng hậu và thứ phi liền nói rằng Trắc Ken-ban-di chẳng phải là người mà chính là ma quỷ hiện hình, nếu cứ để nó sống trong cung vua thì đất nước sẽ suy vong. Cả hai bà đều khuyên nhà vua nhốt Trắc Ken-ban-di xuống dưới hầm sâu.

Mặc dù nhà vua rất thương xót Trắc Ken-ban-di, nhưng vì sợ tai họa cho đất nước nên ông vẫn đành phải nhốt nàng vào hầm tối. Trắc Ken-ban-di thì khóc lóc, van xin nhà vua nghĩ lại, còn các bà hoàng hậu và thứ phi thì sướng như mở cờ trong bụng vì từ nay nhà vua chỉ còn yêu quý họ mà thôi.



Giờ mới nói về chiếc hòm bên trong có một trăm đứa trẻ bị thả trôi sông. Dòng nước xiết đã ném chiếc hòm kia lên một doi đất nơi cửa sông gặp biển. Vừa

hay lúc đó có mấy người dân ông, dân bà không lồ đi tới. Thấy chiếc hòm lớn đặt vào bờ, họ xúm vào mở ra xem. Mấy người không lồ kinh ngạc thấy trong hòm cả một trăm đứa trẻ nhỏ xiu đang khóc oe oe. Một đôi vợ chồng người không lồ đã đưa lũ trẻ về nuôi, chăm bẵm chúng như con đẻ vậy.

Mười năm thấm thoát trôi qua. Cả một trăm đứa trẻ đã lớn khôn, xinh xẻo khác thường. Vợ chồng người không lồ thấy cô bé có mái tóc màu vàng như nắng thì đặt tên cho cô là Tóc Vàng. Tóc Vàng càng lớn thì lại càng xinh đẹp.

Hàng ngày, các thiên thần bay xuống trần gian dạy cho Tóc Vàng tập múa, tập hát, tập may vá thêu thùa, tập đọc kinh Cô-ran... Các thiên thần cũng nói cho Tóc Vàng biết cha mẹ cô là ai, mẹ cô đã bị người ta làm hại như thế nào, hiện giờ đang bị giam hãm ở đâu. Tóc Vàng đem chuyện kể lại hết cho các anh mình nghe để anh em bàn nhau cùng tìm cách cứu mẹ.

Một hôm, Tóc Vàng xin ông bố nuôi không lồ đủ một trăm cái riu để anh em cô làm nương, phát rẫy. Chiều Tóc Vàng, ông bố nuôi tìm mãi mới được một người thợ rèn tài giỏi để rèn một trăm cái riu sắc ngọt.

Từ khi có riu, Tóc Vàng cùng với chín mươi chín anh trai của mình vào rừng làm nương, làm rẫy, gieo lúa, trồng khoai. Mùa lại mùa, thóc lúa đầy bờ, ngô khoai chát bép, vợ chồng người không lồ không còn phải săn bắn kiếm ăn nữa.

Một bữa kia, các thiên thần lại xuống trần gian, nói với Tóc Vàng là đã đến lúc anh em cô phải trở về xứ sở quê hương cứu mẹ. Các thần dặn Tóc Vàng là ở biên giới đất nước của những người không lồ, người

đàn đàn hồi cô làm vợ chính là cha cô — nhà vua Ham-vô-ka-sa.

Anh em Tóc Vàng phải nắn nỉ mãi bố mẹ nuôi mới cho đi. Lúc chia tay quyến luyến, ông bố nuôi dặn: «Thôi, các con lên đường may mắn. Nếu dọc đường có gặp con yêu quái hiện hình thành người đàn bà một vú thì chớ có trả lời nó, kéo tất cả hóa thành đá đấy!». Bố mẹ nuôi còn đưa cho Tóc Vàng một chiếc nhẫn thần để phòng thân những khi bất trắc.

Tóc Vàng mặc bộ áo quần đẹp nhất, cưỡi con voi trắng bảy ngà dẫn đầu cả một đàn voi trở về quê hương xứ sở. Anh em Tóc Vàng đi mãi, đi mãi tới một thung lũng núi non trùng điệp bao quanh. Tóc Vàng nhìn thấy xung quanh bao nhiêu là người hóa đá, cả trâu bò cũng bằng đá nốt. Đang lúc lo sợ thì anh em Tóc Vàng nghe thấy có tiếng gọi:

— Các người đi đâu đấy? Chờ ta một tý nào?

Quần khuấy lời bố mẹ nuôi dặn, Tóc Vàng nói:

— Ai gọi chúng tôi đấy?

Tức thì, chín mươi chín người anh trai của Tóc Vàng cùng đàn voi liền hóa thành đá. Chỉ riêng có Tóc Vàng, nhờ đeo chiếc nhẫn thần kia là không làm sao cả. Thấy vậy, Tóc Vàng sợ quá. Cô khóc òa lên và ân hận vì không nhớ lời bố mẹ nuôi dặn để các anh cô đến nông nỗi này. Vừa lúc đó có một cụ đàn bà trông thật quái đản đi đến. Tóc Vàng không dám nhìn vào bộ mặt có hai con mắt to như hai cái bát, cái miệng rộng đến mấy gang tay, hàm răng nhô cả ra ngoài nhọn hoắt như răng lợn lòi. Tóc Vàng nghĩ chắc đây là con yêu quái hiện hình thành người đàn bà một vú mà bố mẹ nuôi đã nói trước. Khiếp sợ quá, Tóc Vàng đứng nép vào một gốc cây to. Con yêu quái to lớn kia chỉ bước ba

bước là đến chỗ Tóc Vàng. Thấy Tóc Vàng xinh xắn dễ thương, yêu quái đã dành Tóc Vàng ở lại với nó. Chẳng còn lối thoát, Tóc Vàng đành phải đi theo yêu quái, mặc dù cô vừa đi vừa sợ rúm người.

Từ hôm đó, Tóc Vàng thành con nuôi của yêu quái một vú giữa rừng sâu. Thấy Tóc Vàng hiền lành, dễ bảo, con yêu quái ngày càng yêu quý có tựa con đẻ vậy. Yêu quái dạy cho Tóc Vàng tất cả các phép phù chú, biến hóa ma thuật chỉ trừ một câu thần chú linh thiêu diệt quỷ, Tóc Vàng cứ lờ lửng nể mũi để yêu quái tin mình. Quả đúng, Tóc Vàng cũng biết được câu thần chú đó. Cô niệm thuộc câu thần chú rất nhanh.

Một bữa kia, anh em yêu quái lại ra khỏi hang, Tóc Vàng liền đọc to tiếng lời câu thần chú kia lên. Tức thì con yêu quái hóa thành một chiếc lông chim bay bổng lên trời. Quả thật chiếc lông đi xa rồi.

Tóc Vàng nhìn theo chiếc lông đến lúc không còn thấy tăm hơi gì nữa rồi mới yên tâm quay lại với các anh mình. Lúc này, cô mới đọc câu thần chú làm cho tất cả những người đã sống lại. Lập tức chín mươi chín người anh trai cùng đàn voi chiến chạy lại quây quần bên cô. Cả những người trước đây đã bị yêu quái hóa thành đá cũng sống lại. Chín mươi chín anh trai và cả những người được Tóc Vàng cứu sống đều cùng một lòng tôn cô làm nữ tướng. Tóc Vàng lại ngồi lên con voi trắng của mình dẫn đoàn quân xuyên rừng, lội suối.

Qua năm tháng mười ngày, đoàn quân họ đi đi đến đất nước của vua cha Tóc Vàng. Thấy một cô gái xinh đẹp, có thái độ ông anh, dẫn đầu cả một đoàn quân cưỡi voi chiến, dân chúng khắp kinh thành đổ xô ra đường chào đón. Tia về một đoàn quân hùng mạnh và cô gái Tóc Vàng trở đẹp đẽ đến tai nhà vua. Lập tức,

nhà vua sai một viên quan đi mời bằng được Tóc Vàng về cung làm khách quý của triều đình.

Viên quan họ liền tìm gặp anh em Tóc Vàng, chuyển lời mời và cả lời cầu hôn của nhà vua đến cô. Nghe đến lời cầu hôn, Tóc Vàng nhớ ngay đến lời căn dặn của các thiên thần: «Ở đất nước của những người khổng lồ, người đầu tiên hỏi cô làm vợ chính là cha cô—nhà vua Ham-xôi-ka-sa. Biết thế, cô mừng lắm. Tóc Vàng nghĩ thầm: «Thế là anh em ta sắp tìm được cả mẹ lẫn cha rồi.» Đoạn, Tóc Vàng nói với viên quan:

— Nhờ ngài thưa lại với nhà vua là chúng tôi xin đội ơn tấn thệnh tình của Người. Nếu quả thực nhà vua muốn lưu giữ chúng tôi làm khách thì Người hãy ra lệnh thả bà phi Trắc Ken-ban-di ra và sai người đưa bà đến đây cho chúng tôi được gặp.

Viên quan trở lại cung, thưa lại với nhà vua những lời Tóc Vàng nói: Lập tức, Trắc Ken-ban-di được đưa ra khỏi hăm tối. Bà được ăn uống, tắm rửa, mặc xiêm áo mới và được dẫn đến chỗ anh em Tóc Vàng. Kể sao hết nỗi mừng vui của anh em Tóc Vàng khi tìm được mẹ. Mừng quá, cả Trắc Ken-ban-di, cả Tóc Vàng và chín mươi chín người anh trai của cô đều khóc. Sau những phút hàn huyên, mẹ con dắt nhau về cung cùng gặp nhà vua.

Về cung, nhớ Tóc Vàng kể lại đầu đuôi câu chuyện, nhà vua mới rõ bà phi Trắc Ken-ban-di vô tội và Tóc Vàng cũng chín mươi chín người anh trai của cô chính là con đẻ của mình. Nhà vua vừa vui mừng vừa hối hận vì đã xử tina. Lập tức, nhà vua cho lập tòa án giữa cung đình. Bà hoàng hậu và bà thứ phi tham hiểm, độc ác kia cùng những người làm chứng đã được mời đến. Giữa thành triều bệch nhặt, trước ba mặt một lời, hoàng hậu và thứ phi đã phải cúi đầu nhận tội. Tức

thời, hoàng hậu và thứ phi liền bị tống giam vào hăm tối, nơi trước đây đã từng đầy ắp Trắc Ken-ban-di.

Ngày rằm, tháng rộng trời qua lễ đã được một năm tình anh em Tóc Vàng sống thân ái bên nhau, quây quần quanh mẹ trong cung điệu ấm êm. Song vốn tính thương người, Tóc Vàng thường hay nghĩ đến hoàng hậu và thứ phi đang còn bị giam trong ngục tối. Chính bà phi Trắc Ken-ban-di cũng động lòng trắc ẩn và sẵn mỗi từ tâm tha tội cho những kẻ đã rắp tâm hãm hại mình. Một hôm, công chúa Tóc Vàng tí tẹo xin vua cha tha tội cho thứ phi và hoàng hậu không phải bị giam cầm nữa. Chiều lòng công chúa, nhà vua đã ra lệnh đại xá cho cả hai bà. Từ đó trở đi hoàng hậu Rác-na Đê-vi, thứ phi Ken-tran An-xa-ri và bà phi Trắc Ken-ban-di sống hòa thuận bên nhau.

Trong khi đó, tiếng đồn về nhan sắc tuyệt vời của công chúa Tóc Vàng bay đi khắp chốn. Bao nhiêu chàng trai tài giỏi, quyền quý từ các kinh thành đổ về cung vua, xin cầu hôn cùng công chúa. Song với ai công chúa cũng khước từ. Thấy thế, nhà vua vừa buồn, vừa lo, lại vừa bức. Ông gọi Tóc Vàng lại bảo nếu cô không chịu lấy chồng thì ông sẽ vào rừng ở để khỏi xâu mặt với bản dân thiên hạ. Còn Tóc Vàng thì nói với vua cha là trong đám những người cầu hôn, cô chẳng thấy có người nào ưng ý cả. Cô xin cha cho triệu tất cả những nhà thông thái trong nước để may ra cô có tìm được người nào hợp với mình chăng? Để chiều ý công chúa, nhà vua đã cho sứ giả đi triệu tất cả các nhà thông thái trong nước lại để công chúa xem mặt. Tóc Vàng nhìn từ người này sang người khác rồi ngao ngán lắc đầu. Còn các vị khách được mời đến thì tui nguiu ra về.

Nhà vua lại triệu tất cả các nhà chiêm tinh trong nước lại để làm đẹp lòng công chúa. Lần này, Tóc Vàng cũng chẳng ưng ý một ai. Cô đã định nói với vua cha là thôi đừng mời mọi người nữa cũng nên thì nhà vua lại triệu tiếp các nhà thần học từ khắp nơi trong nước lại. Nhưng một lần nữa, Tóc Vàng vẫn chẳng thấy ai vừa mắt mình. Vua cha chỉ vào ai cô cũng lắc đầu nguây nguẩy. Lần này thì nhà vua không nên giận được nữa, ông thẳng tay đuổi công chúa vào rừng. Thấy vậy, Tóc Vàng quý tay vua cha, khóc lóc thảm thiết xin cha nghĩ lại và gia ân cho cô một lần nữa.

Cũng vào thời đó, trên trời có một ông vua tên là Li-la Băng-gu-na. Vua có một bà vương muội (chị gái) tên là Xi-thon Gli-ma.

Một đêm, vua Li-la nằm mơ thấy vầng trăng đậu xuống đầu gối mình. Tỉnh giấc, vua cứ lo ngại mãi không biết giấc mộng báo điềm gì, lành hay dữ? Đạn, vua đem chuyện kể cho vương muội Xi-thon và ngờ ý muốn xuống trần gian du ngoạn ít ngày. Vương muội cứ muốn giữ chân vua ở lại, song vua đã quyết.

Một sớm kia, vua đeo một thanh kiếm và một con dao găm quý gia truyền rồi bay xuống hạ giới. Vua Li-la cứ bay xuống như thế suốt một tháng trời thì nhìn thấy mặt đất, cửa nhà, vườn tược và con người ở thế gian. Sau một lúc ngỡ ngàng, vua Li-la đi thẳng đến một nhà thờ Hồi giáo. Rửa chân xong, vua bước vào điện thờ và ngồi xuống bên cạnh một pháp sư đang cầu nguyện. Pháp sư giật mình quay sang thì thấy một người trẻ tuổi trông rất khác thường. Pháp sư liền hỏi chuyện và mời khách ăn trầu. Chủ, khách nói chuyện thân mật với nhau, khách thì ngờ ý muốn tìm thầy thụ giáo, còn chủ thì sẵn lòng truyền đạo. Thế là vua Li-la trên thiên giới trở thành đệ tử của pháp sư Hồi giáo,

Đầu tiên, pháp sư dạy cho Li-la cả bộ kinh Cô-ran tiếp đến là các kinh sách khác. Tài trí thông minh của Li-la đã làm cho pháp sư vô cùng kinh ngạc. Chẳng bao lâu, chàng trẻ tuổi này đã học hết chữ nghĩa của thầy, đầu óc vượt cả những nhà thông thái nhất.

Vừa lúc đó, nhà vua Ham-xôi-ka-sa lại triệu tất cả các nhà học giả, thông thái từ khắp nơi trong nước về cung lễ chiều lòng công chúa. Trong bữa tiệc chào mừng, già cô, trẻ cô mà công chúa vẫn chẳng để mắt đến ai. Bỗng có người nói là trong bữa tiệc này còn thiếu một pháp sư già uyên bác nữa. Lập tức, nhà vua cho người đi mời pháp sư già lại. Mọi con mắt đổ dồn về phía pháp sư và đệ tử của ông. Lạ lùng thay, ngay từ cái nhìn đầu tiên, ánh mắt của công chúa Tóc Vàng và người đệ tử của pháp sư đã gặp nhau và không rời nhau ra được nữa.

Ngay đêm hôm đó, vua thiên giới Lila tức người đệ tử kia lại trở lại lần đại cử nhà vua Ham-xôi-ka-sa. Vua Li-la niệm thần chú cho tất cả mọi người trong cung ngủ say mê mệt rồi đi thẳng vào khuê phòng của công chúa Tóc Vàng. Vua Li-la đánh thức Tóc Vàng dậy. Còn nàng thì vừa hoảng hốt vừa lo sợ khi đang đêm có người lạ đường đột vào phòng. Vua Li-la phải nói mãi nàng mới người con giận. Sau đó, vua Li-la và công chúa Tóc Vàng trò chuyện với nhau đến lúc trời gần hừng sáng. Cả hai người đã có vẻ yêu mến, bịn rịn với nhau. Song, vua Li-la không thể chờ lâu hơn được nữa. Gà đã gáy sáng rồi. Mọi người trong cung đang sắp sửa thức dậy. Vua Li-la hấp tấp chia tay với công chúa Tóc Vàng. Chẳng may, trong lúc vội vã, ông vua trẻ đã bỏ quên tấm áo khoác ở ngay cửa buồng công chúa.

Sáng ra, mọi người nhìn thấy tấm áo khoác đàn ông la ở cửa buồng ngủ của Tóc Vàng. Thế là người ta xì xầm bàn tán nhỏ to khắp trong cung điện đến ngoài đường, ngoài chợ. Những lời nói độc địa đến tai vua Ham-xôi-ka-sa. Nhà vua vừa thấy xấu hổ vừa tức giận công chúa không biết đến mức nào.

Lập tức, ông sai người đi tìm bằng được chủ nhân của tấm áo khoác vô tội kia. Chẳng mấy chốc người ta đã tìm ra người đệ tử thông thái của vị pháp sư già nổi tiếng kia và điệu chàng về cung. Trước mặt vua Ham-xôi-ka-sa, Li-la nhận ngay tấm áo khoác nợ là của mình. Đang cơn nóng giận lôi đình, vua Ham-xôi-ka-sa liền tổng giam Li-la vào ngục tối.

Thấy Li-la bị oan ức, ngày nào chín mươi chín hoàng tử — anh trai của Tóc Vàng cũng xin nhà vua tha cho chàng. Còn công chúa Tóc Vàng thì vẫn một mực chẳng chịu lấy ai ngoài chàng Li-la đang bị giam cầm. Cứ như thế mãi rồi vua Ham-xôi-ka-sa cũng phải mềm lòng. Ông ra lệnh thả Li-la ra, cho phép chàng kết hôn cùng công chúa nhưng không được làm lễ cưới và yến tiệc linh đình.

Li-la và công chúa Tóc Vàng lấy nhau tuy có âm thầm nhưng bù lại, hai người sống với nhau rất thuận hòa, êm ấm. Dần dà, vua Ham-xôi-ka-sa cũng bớt giận làm lành và ngày càng quý thương công chúa Tóc Vàng cùng phò mã Li-la.

Một hôm, nhân lúc thư nhàn, Li-la nói với công chúa Tóc Vàng là chàng muốn trở về quê hương thăm gia quyến. Mặc cho công chúa Tóc Vàng níu giữ, khóc than, Li-la vẫn nhất quyết lên đường.

Ngày này rồi tháng khác trời qua, Tóc Vàng dỏ mắt chờ trông mà vẫn chẳng thấy bóng Li-la trở lại. Sốt

ruột quá, công chúa bèn cưỡi con ngựa Ke-re-tà-ích có cánh bay đi tìm chồng. Con ngựa bay hoài, bay mãi, đến nơi cuối đất, cùng trời thì Tóc Vàng đuổi kịp Li-la. Biết không thể bảo Tóc Vàng quay trở về được nữa, Li-la đành đưa nàng lên thăm thiên giới.

..

Lần đầu được lên trời, Tóc Vàng trông thấy cái gì cũng lạ. Hơn nữa, chưa biết tính nết người nhà của Li-la ra sao, nên nàng để Li-la về cung một mình, còn mình thì đứng chân ở tạm với một bà cụ trong một ngôi nhà nhỏ cách đó không xa. Nhưng Tóc Vàng cần thận trọng chứ vương muội Xi-thon Gli-ma khi nghe vua Li-la nói là có cả hoàng hậu — tức công chúa Tóc Vàng — lên thăm triều đình trên thiên giới thì bà chỉ muốn đón nàng về cung ngay.

Những ngày đầu tiên trở về thiên giới, vua Li-la đã sống thuận hòa, vui vẻ với cả hoàng hậu Tóc Vàng và vương muội Gli-ma. Nhưng rồi dần dần vương muội Gli-ma cảm thấy như cán cân tình nghĩa của vua Li-la ngày càng nghiêng hẳn về phía Tóc Vàng. Vương muội nghĩ: «Li-la yêu chiều hoàng hậu quá thể, còn đối với ta thì dửng dưng, ghẻ lạnh. Bởi thế, vương muội sinh lòng ghen ghét và chờ lúc hờ cơ hãm hại Tóc Vàng.

Một hôm, vua Li-la nói với vương muội Xi-thon Gli-ma là mình sẽ vào rừng sâu tu luyện ít ngày. Nghe vua Li-la nói, vương muội đã mừng thầm trong bụng. Vua Li-la vừa đi khỏi, vương muội đã quay ra mắng nhiếc hoàng hậu Tóc Vàng thậm tệ. Mặc cho vương muội nặng lời xỉ vả, Tóc Vàng vẫn can đảm chịu đựng.

Ít lâu sau, vua Li-la từ rừng trở lại cung đình. Vua Li-la không hề hay biết chuyện gì xảy ra trong những ngày mình đi vắng, bởi vì trước mặt nhà vua, vương muội đối với hoàng hậu Tóc Vàng vẫn ân yếm, ân cần như trước.

Ở cung điện được vài bữa, vua Li-la lại quay vào rừng tu hành, khổ luyện. Lần này cũng vậy, khi vua Li-la vừa đi khuất, vương muội đã lại hành hạ, đày nghiến hoàng hậu Tóc Vàng. Bà ta vãi thóc ra ruộng rồi bắt Tóc Vàng phải thu gom về không sót một hạt. Tóc Vàng ra ruộng, hiểu mình chẳng thể làm được cái việc tại ác kia, nàng chỉ còn biết ôm mặt khóc. Vương muội Gli-ma theo chân Tóc Vàng ra tận nơi làm, thấy thế liền lấy gậy đánh đập nàng. Bị đánh đau quá, Tóc Vàng gục xuống không hay biết gì nữa.

Khi mở mắt ra, Tóc Vàng thấy vua Li-la đang ngồi trước mặt. Nàng chỉ nói về việc thu nhặt thóc chứ tình không kể gì về chuyện vương muội Gli-ma đã đánh đập nàng tàn tệ. Tức thì, vua Li-la niệm một câu thần chú gọi tất cả các hạt thóc trên ruộng chạy vào bao. Xong, vua Li-la cùng hoàng hậu Tóc Vàng đem thóc về kho. Vương muội Gli-ma lấy làm lạ không biết làm thế nào mà Tóc Vàng nhặt thóc về nhanh vậy.

Vài ngày sau, vua Li-la lại vào rừng tu luyện. Cũng như các lần trước, nhà vua chỉ vừa mới đi, vương muội đã lại làm tình, làm tội Tóc Vàng. Bà ta rắc hàng chục bao bột ra đất rồi bắt Tóc Vàng phải hốt thật sạch, không được để vương một hạt bụi hột nào. Tóc Vàng vừa lấy tay vét bột vào bao vừa sụt sịt khóc. May thay, vua Li-la lại kịp về để giúp Tóc Vàng. Bao nhiêu bột vãi ra thì bấy nhiêu bột lại chảy vào bao như cũ chỉ nhờ một câu thần chú. Bà vương muội Gli-ma thấy hoàng hậu Tóc Vàng làm những việc khó khăn kia quí

đề dàng, nhanh chóng thì lại càng tức tối. Bà ta tìm một cách chia rẽ hèn hạ của vua Li-la với hoàng hậu Tóc Vàng. Bà ta nghĩ: « Chỉ có kiếm cho nhà vua một bà thủ phi xinh đẹp nữa thì may ra nhà vua mới xa lánh, bạc bẽo với Tóc Vàng ».

Vương muội Gli-ma cứ thấy vua Li-la rảnh việc lúc nào là lại đến dỗ dành, thúc ép nhà vua lấy một bà phi nữa. Vua Gli-ma thực tâm vẫn yêu quý Tóc Vàng và không muốn chia sẻ lòng mình cho một người nào nữa, song vì nể lời vương muội, ông đành thuận lấy thêm một bà phi. Vua Li-la chỉ xin vương muội để ông vào rừng tu hành thêm ít ngày nữa.

Vua Li-la vừa mới đi khuất sau cây thì vương muội Gli-ma đã sai hoàng hậu Tóc Vàng đến một cái đầm lầy gần đó mượn bát đĩa để lo đám cưới thứ phi. Từ lâu, dân chúng xung quanh vùng chẳng ai dám đặt chân đến gần cái đầm lầy đầy rẫy những loài rắn rết không lồ này. Tóc Vàng vừa đi vừa run sợ. Từ xa, nàng đã nhìn thấy những con rắn lớn ngóc đầu lên, phồng mang, há rộng miệng chờ mồi.

Thấy Tóc Vàng đi hơi lâu, vương muội Gli-ma lại đi tìm. Nhìn thấy Tóc Vàng đứng khóc bên đầm, bà ta cầm gậy đánh Tóc Vàng chẳng tiếc tay. Vừa đánh, Vương muội vừa đặt điều là Tóc Vàng đã thay lòng đổi dạ trong những ngày nhà vua đi vắng. Đau đớn quá, uất ức quá, Tóc Vàng chẳng thiết sống nữa, nàng liều mình lao xuống đầm lầy.

Tóc Vàng vừa lao xuống đầm thì một con rắn lớn đã há miệng nuốt chửng nàng vào bụng. Loay hoay trong bụng rắn tối om, Tóc Vàng nhớ ra là mình đã đánh rơi chiếc nhẫn thần trên bờ đầm lầy. Nàng cầu xin Đức A-la đưa lại cho nàng chiếc nhẫn. Tóc thì,

chiếc nhẫn thần kia vừa lặn đến sát mồm con rắn vừa phát ra những ánh hào quang sáng chói. Thấy thế, con rắn sợ quá đành phải nhả vội Tóc Vàng ra. Biết Tóc Vàng đang cần có một ít bát đĩa để dùng trong tiệc cưới, con rắn lặn xuống đáy nước sâu rồi dâng lên cho Tóc Vàng những chiếc đĩa tròn, những chiếc bát hoa đẹp nhất. Bà Vương muội thấy Tóc Vàng lành lặn trở về cùng với rổ bát đĩa thì lại càng tức tởm hơn.

Từ khi Tóc Vàng theo vua Li-la lên trời kẻ đã được mấy mùa mưa nắng. Nàng vẫn nhớ như in trước hôm lên đường nàng có trồng một cây cau và dặn dò chín mươi chín hoàng tử anh mình rằng: « Nếu cây cau bị héo là em gặp chuyện chẳng lành ».

Ở dưới trần gian, một hôm, các hoàng tử bỗng thấy cây cau Tóc Vàng trồng tự nhiên héo rũ xuống. Nhớ lời dặn, chín mươi chín hoàng tử bảo nhau cùng đi cứu Tóc Vàng. Họ cầu xin Đức A-la ban cho mỗi người một đôi cánh đủ sức bay lên tận trời xanh.

Một buổi sáng kia, chín mươi chín hoàng tử của nhà vua Ham-xôi-ka-sa cùng vỗ cánh lên trời. Họ rẽ chín tầng mây trắng như bông, bay mãi, bay mãi, cuối cùng đã nhìn thấy chiếc cổng trời uy nghi, lộng lẫy. Chín mươi chín người anh trai của Tóc Vàng liền hóa thành chim và kiến chui vào lâu đài của vua Li-la Băng-gu-la.

Lúc ấy, những người nhà trời đang lo làm tiệc cưới cho vua Li-la và bà thứ phi vốn là con gái của một vị quan lớn trong triều đình. Bao nhiêu đồ ăn, thức uống đã được bày cả lên chiếu hoa, Xeng xuôi, mọi người ra nhà ngoài chờ khách đến. Thừa lúc đó, các hoàng tử tức đàn chim, đàn kiến kia liền xông vào chén sạch những món ăn ngon còn nghi ngút khói. Thấy những

mâm cỗ của mình đã bị vét nhẵn, những người đến dự cưới ai cũng muốn bỏ ra về vì xấu hổ và tức giận.

Song, đám cưới đã sắp đặt xong xuôi cả rồi, không thể lùi lại được nữa. Có dâu trang điểm lộng lẫy, xiêm áo diêm dúa, mặt mày hớn hở ra chào đón khách. Đang lúc đó, cả đàn kiến nằm sẵn trong quần áo cô dâu liền bò ra đốt vào mình mấy cô, gặm cụt cả hai tai của cô. Cô dâu giãy nảy lên như phải bỏng. Vua Li-la nhìn thấy vị hôn thê của mình bị mất cả hai tai thì thật kinh rồi tiệc cưới. Vua Li-la giận đến nỗi không muốn nhìn mặt bà vương muội Xi-thon Gli-ma nữa. Ông nói nhỏ với hoàng hậu Tóc Vàng mau mau thu xếp trở về hạ giới.

Khi biết vua Li-la sắp trở lại trần gian, chín mươi chín hoàng tử của nhà vua Ham-xôi-ka-sa lại biến thành người có cánh bay xuống mặt đất. Li-la và Tóc Vàng vừa đặt chân lên thềm cung điện thì vua cha, hoàng hậu và cả chín mươi chín hoàng tử cùng ủa ra chào đón.

Từ đó, trong cung đầm ấm, thiên hạ thái bình. Được hơn một năm thì nhà vua Ham-xôi-ka-sa lâm bệnh qua đời. Theo tập quán xứ này, người con trưởng sẽ nối ngôi cha, nhưng tất cả chín mươi chín hoàng tử đều một lòng tôn công chúa Tóc Vàng lên làm nữ hoàng của Vương quốc Gu-li-ta Xa-gốp.

Tiếng đồn về sắc đẹp nghiêng nước, nghiêng thành của nữ hoàng Tóc Vàng theo sóng gió bay xa đến tận tai hoàng đế Trung Hoa. Cậy mình có tài thao lược, lại lắm quân, nhiều của, vị hoàng đế này sắp tâm cướp bằng được nữ hoàng Tóc Vàng về làm vợ.

Một sớm kia, đoàn thân hoàng đế dẫn đầu cả một đoàn thuyền chiến lớn lên đường. Sau nhiều tháng rong lênh đênh trên biển cả, cuối cùng đoàn thuyền chiến đã cập bờ vương quốc Gu-li-ta Xa-gốp. Súng lớn trên thuyền gầm rung mặt đất đang yên ổn làm ăn sinh sống.

Thấy động, nữ hoàng Tóc Vàng sai người ra bờ biển xem sao thì hoàng đế Trung Hoa bèn cho lính gửi vào một phong thư láo xược. Vị hoàng đế kia đòi nữ hoàng Tóc Vàng trong mười ngày phải từ bỏ vương quốc của mình và chịu làm vợ ông ta, nếu không ông ta sẽ san bằng đất nước này.

Đọc xong, nữ hoàng xé nát phong thư rồi dậm chân lên, không thèm viết thư phúc đáp. Lập tức, trong thành ngoài phố quân sĩ tề tựu, súng ống bày đặt sẵn sàng nghênh chiến.

Qua ngày thứ mười, đoàn thuyền chiến của hoàng đế Trung Hoa bắt đầu phun khói đạn vào thành. Tức thì, các pháo đài trên mặt thành cũng dội lửa nhả chìm nhiều thuyền chiến của giặc. Trận đánh ngày càng ác liệt, bọn lính đông nhưng nhúc từ các chiến thuyền hò nhau ủa lên mặt đất.

Với thanh kiếm thần trong tay, nữ hoàng Tóc Vàng cùng với chín mươi chín vương huynh và những người lính trung thành đã dũng cảm đẩy lui nhiều đám giặc liều chết xông lên. Thấy giặc nằm ngổn ngang như rạ khắp chân thành. Những tên sống sót thì khiếp sợ bỏ chạy về thuyền. Hoàng đế Trung Hoa thấy binh tình khốn đốn liền thu hồi tàn quân, cho thuyền rời bến không kèn, không trống.

Song, vị hoàng đế Trung Hoa kia chưa chịu thôi. Hắn nuốt nhục lập mưu cướp nữ hoàng Tóc Vàng của xứ

Gu-li-ta Xa-gốp một phen nữa. Lần này, hắn phái một viên tướng tài ba, có nhiều pháp thuật cao cường là em ruột của mình cầm đầu cả một đạo quân thiện chiến vượt biển đề rửa thù.

Chẳng bao lâu, những chiến thuyền giặc lại hùng hổ tiến vào bờ biển của vương quốc Gu-li-ta Xa-gốp. Lũ giặc đông như kiến cỏ bám theo nhau ra sức trèo lên mặt thành. Nữ hoàng Tóc Vàng cùng chín mươi chín vương huynh của mình vùng kiếm chém bao nhiêu cũng không xuể. Viên tướng Trung Hoa kia và nhiều tên lính đã lọt được vào trong thành. Đến lúc này Li-la Băng-quả đã rời tay. Một cuộc đọ tài và đọ phép nổ ra giữa vua thiên giới Li-la và viên tướng Trung Hoa. Hai bên đánh nhau cả dưới đất, cả trên trời, cả giữa biển mà vẫn chưa phân thắng bại.

Lúc ấy, hoàng đế Trung Hoa ngồi trên một chiếc thuyền rồng nóng lòng chờ tin thắng trận. Dợi mãi không thấy tên lính nào chạy về báo, hoàng đế bèn sai một thầy phù thủy lên bờ tìm mọi cách bắt cóc bằng được nữ hoàng Tóc Vàng về Hoàng đế hứa sẽ hậu thưởng nếu bắt được nữ hoàng Tóc Vàng, bằng không chính thầy phù thủy phải mất đầu.

Lão phù thủy kia lên bến, đi vào thành giả vờ làm một khách lạ qua đường. Lão năn nỉ những người lính trấn giữ cửa thành cho lão được vào gặp nữ hoàng để xin âm phước. Vừa trông thấy nữ hoàng Tóc Vàng, lão phù thủy liền đọc một câu thần chú biến cả lão và nữ hoàng thành những cái bóng không ai nhìn thấy được. Đoạn, lão phù thủy kéo nữ hoàng ra bờ bến rồi đưa lên thuyền rồng của Hoàng đế Trung Hoa. Lão phù thủy lại đọc một câu thần chú khác để nữ hoàng lại trở lại thành người như trước.

Lúc phải giáp mặt với hoàng đế Trung Hoa, nữ hoàng Tóc Vàng đòi hẳn phải cho mình ở trong một chiếc hòm kín bít thủy tinh, nếu không nàng sẽ lao xuống biển từ từ. Sơ nữ hoàng Tóc Vàng liệu mình chết, hoàng đế Trung Hoa đành phải chiều theo ý nàng.

Giữa lúc ấy, ở trong thành, lũ giặc bị quân sĩ của nữ hoàng dồn vào một góc rồi giết sạch không sót một tên. Viên tướng, em hoàng đế Trung Hoa đang đánh nhau với Li-la Băng-gu-la trên trời cao nhìn thấy cảnh đó liền vội vã trở lại đoàn thuyền. Còn hoàng đế không đợi cho đến lúc gặp em trai mình đã cho chiếc thuyền rồng chở nữ hoàng Tóc Vàng rời bến. Thấy thế, viên tướng Trung Hoa kia cũng cho thuyền rút chạy về nước.

Vua thiên giới Li-la Băng-gu-la đổ xuống mặt thành thì không còn thấy nữ hoàng Tóc Vàng đâu nữa. Lập tức, chàng cùng với chín mươi chín vương huy của Tóc Vàng lên thuyền đuổi theo đoàn thuyền của hoàng đế Trung Hoa. Vì không được em trai giúp sức nên chẳng mấy chốc vị hoàng đế kia đã bại trận. Li-la và chín mươi chín người anh của Tóc Vàng đã kịp cứu sống nàng, đưa nàng ra khỏi chiếc hòm thủy tinh rồi chở nàng trở lại triều đình. Từ đấy trở đi đất nước thanh bình, nữ hoàng Tóc Vàng và vua thiên giới Li-la sống với nhau êm đềm, hạnh phúc.

Ít lâu sau, nữ hoàng sinh hạ được một hoàng tử đẹp tuyệt trần tên là Mi-rắc Đi-vang-ga giống vua Li-la như tạc. Chờ cho hoàng tử cứng cáp, nữ hoàng Tóc Vàng và vua Li-la cùng đưa con về thăm thiên giới.

PÔ-LÔ-PA-ĐANG LÊN TRỜI

(TRUYỆN CỔ TÔ-RÁT-GIA)

Ngày xưa, ngày xưa, vào cái thời người ở trên trời thỉnh thoảng con xuống thăm hạ giới, có một chàng trai sống độc thân tên là Pô-lô-pa-đang. Một hôm, đang làm cỏ cho ngô, Pô-lô-pa-đang chợt nhìn thấy một cô gái đẹp mê hồn đang từ chiếc cầu vồng bắc bắc bắc bước xuống ruộng ngô. Cô gái đó chính là tiên nữ De-a-tan-na. Sau trận mưa, nhân có chiếc cầu vồng bắc bắc bắc, nàng theo cầu xuống trần thế xem mọi người sinh sống ra sao. Nàng vừa đặt chân xuống đất thì một anh chàng đang làm trong ruộng ngô đã chạy lại ôm chặt chân nàng không tài nào gỡ ra được. De-a-tan-na kêu lên hoảng hốt:

— Buông ta ra, hỡi người trần thế! ta là tiên nữ, là người phá trời chứ có phải là...

— Không đề De-a-tan-na nói hết, Pô-lô-pa-đang đi bầy tó:

— Tôi là người sống độc thân, tôi muốn lấy cô làm vợ.

— Không được đâu! Anh là người dưới trần, ta là người trên trời, làm sao lấy nhau được. — Tiên nữ vội đáp vừa cố sức gỡ ra khỏi cánh tay rắn chắc của chàng trai trần thế.

Song, Pô-lô-pa-đang giữ rất chặt. Tiên nữ van xin mãi đề được về trời nhưng Pô-lô-pa-đang cứ một mực không nghe. Mãi sau tiên nữ đành phải ưng thuận. Nàng nói:

— Tôi bằng lòng lấy anh, nhưng anh không bao giờ để tôi phải nghe thấy những lời nói nặng nề cơ!

— Pô-lô-pa-dang sung sướng quá, chàng nhắc đi nhắc lại lời thề là không bao giờ làm De-a-tan-na phiền lòng.

Từ hôm ấy, hai người nên vợ nên chồng. Họ sống với nhau thuận hòa vui vẻ. Trong nhà ngoài ruộng chẳng khi nào có một lời gãi gông khó nghe. Ngày qua tháng đến, De-a-tan-na đã mang bầu và sinh được một đứa con trai kháu khỉnh. Hai vợ chồng vui lắm, họ đặt tên con là Pai-ru-nan. Chú bé hay ăn, chóng lớn. Chẳng mấy chốc chú đã lẫm chẫm biết đi rồi lon ton theo mẹ. Một hôm, Pô-lô-pa-dang kiếm cho con trai một con quay bằng vàng. Có con quay, chú bé mãi mê chơi suốt ngày và không quấy bố mẹ nữa. Có một lần, chú hề bỏ con quay xuống đất. Con quay trúng vào hòn đá liền bật lên, văng vào đầu gối bố. Đau điếng người, không tự chủ được nữa, Pô-lô-pa-dang quát mắng con một trận.

De-a-tan-na lúc ấy ngồi trong nhà đã nghe được tất cả những lời nhiếc mắng con của chồng. Nàng giận lắm nhưng chẳng nói gì, nàng chỉ gọi con lại bảo:

— Con ơi con chỉ vô ý một tý mà bố đã chửi mắng con như thế thì mẹ chẳng dè con lại ngồi nhà này một ngày nào nữa đâu. Thôi, mẹ con mình thu xếp đồ về thôi đi.

De-a-tan-na vừa dứt lời thì một chiếc cầu vồng óng ánh đã bắc ngang trời. Nàng bế con bước lên cao dần rồi khứt hẳn vào bầu trời xanh thẳm. Pô-lô-pa-dang nhìn thấy thế đã chạy bỏ theo và bước chân lên cầu vồng, nhưng bị trượt chân ngã xuống đất. Khi chàng đứng dậy được thì chiếc cầu vồng cũng biến mất trong mây.

Pô-lô-pa-dang hối hận, buồn bã trở lại nhà. Từng ngày, từng ngày một, chàng mong vợ sẽ đem con trở

về hạ giới với chàng. Nhưng càng trông chờ lại càng mặt bóng. Ruột gan Pô-lô-pa-dang nóng như lửa đốt. Chàng nung nấu ý nghĩ tìm đường lên trời để gặp vợ con. « Thế nào ở chân trời cũng có lối lên trời ». Nghĩ thế, một sớm kia, Pô-lô-pa-dang khép cửa nhà rồi khấn gói lên đường. Chàng đi hoài, đi mãi, cứ nhắm thẳng hướng mặt trời mọc mà đi. Một hôm chàng đến trước bờ biển, chẳng biết làm thế nào để vượt qua được. Pô-lô-pa-dang ngồi khóc than cho số mệnh đen đủi của mình.

Vừa lúc đó, một con trâu trắng tên là Te-ông Bu-lan bị một mụ lao bằng tre cắm phập vào lưng chạy đến bờ biển. « Bỏ rằng là con trâu này đang bị người ta săn đuổi » — Pô-lô-pa-dang ngồi bụng. Chàng đứng lên thì con trâu trắng liền hỏi:

— Anh đi đâu mà lại ngồi bên bờ biển khóc lóc thảm thiết vậy?

— Ta đi tìm vợ con ta đang ở trên trời, nhưng đến đây thì không còn đường đi nữa.

— Anh làm phúc nhờ hộ mũi lao khỏi lưng, tôi sẽ đưa anh lên tận chân trời. — Con trâu nói.

Sau khi Pô-lô-pa-dang nhờ mũi lao giúp con trâu trắng, nó đã đưa anh đến tận nơi có lối lên trời. Lối lên trời vừa tròn vừa dốc đứng đứng. Pô-lô-pa-dang cố sức trèo lên lại bị tụt xuống. Không biết bao lần như vậy, một hôm ráng rồi, chàng ngồi xuống đất tạ ơn thần trách phận.

Đúng lúc đó, ông mặt trời theo bóng chiều trở về nhà ở của mình. Nhìn thấy Pô-lô-pa-dang, ông mặt trời hỏi:

— Hỡi chàng trai trẻ, vì có gì mà đến tận chân trời khóc lóc?

Pô-lô-pa-đang đứng lên, lấy tay che mặt, ngẩng nhìn và lễ phép đáp:

— Thưa mặt trời, con đi tìm vợ và con trai con đang sống ở trên trời, nhưng con không làm sao lên trên ấy được.

— Thật là tội nghiệp, ta cũng muốn giúp con nhưng thân mình ta nóng bằng thế này, e rằng ta đẩy con đi chưa đến nơi con đã cháy thành tro bụi mất. — Mặt trời nheo mắt nói. — Chỉ bằng, con nán đợi một lúc nữa, em ta là mặt trăng sẽ đến đây giúp con. Nói rồi mặt trời hạ xuống thật thấp và khuất dần sau đ rặng chân trời đang ngả sang màu tím sẫm.

Vừa lúc đó, Vầng trăng hiền hiền ra. Pô-lô-pa-đang cũng kể cho mặt trăng nghe cảnh ngộ của mình. Thương tình, mặt trăng đã giúp chàng lên được cõi trời.

Lên đến trời rồi, Pô-lô-pa-đang đi mãi mãi, không quản đường xa cát bụi. Khát nước quá, chàng dừng chân bên một cái giếng. Vừa hay, có một người đàn ông đang chùng là dây tổ đến lấy nước. Pô-lô-pa-đang đành bạo hỏi:

— Anh đi xách nước về cho ai đấy?

— Tôi xách nước cho tiên nữ Đe-a-tan-na và con trai gái c a nàng. — Người kia đáp.

Pô-lô-pa-đang mừng làm như: chàng không dám hỏi mình là ai và lên trời để làm gì. Đắn đo một lát, chàng nói:

— Anh cho tôi một ngụm nước cho đỡ khát, được không?

Thấy Pô-lô-pa-đang là người hiền lành, tốt bụng, người kia bảo:

— Anh cứ uống cho thỏa khát đi, nước là chứ có gì đâu mà phải giữ...

Pô-lô-pa-đang ghé miệng vào bình nước. Nhân lúc người kia ngoảnh đi, chàng lên thả con quay bằng vàng mà dạo trước con trai vẫn chơi, vào bình.

Người đầy tớ xách nước về, đổ ra chậu cho con trai của Đe-a-tan-na rửa mặt. Khi anh ta dốc bình nước, con quay vàng rơi tùm vào chậu. Nhìn thấy con quay cũ của mình, chủ bẻ reo lên mừng rỡ:

— Mẹ ơi mẹ, ra mà xem con quay vàng bố cho con đây này!

— Con lại đùa mẹ chứ gì? — Đe-a-tan-na nói — con quay ấy con có mang theo đâu mà.

— Con nói thật đấy chứ không đùa đâu! — vừa nói chủ vừa cầm con quay đưa cho mẹ xem.

Nhìn thấy đúng là con quay của chồng đã cho con trai chơi, Đe-a-tan-na sững sờ, mặt mày biến sắc. Nàng gọi người đầy tớ xách nước lại hỏi:

— Lúc múc nước anh có gặp ai ở ngoài không?

Người đầy tớ liền kể lại đầu đuôi câu chuyện. Đe-a-tan-na nghĩ bụng: «Người ấy có lẽ là chồng mình rồi. Nhưng chàng làm cách nào mà lên trên này được nhỉ?»

Tình mơ hôm sau, theo con đường, người đầy tớ xách nước đã đi, Pô-lô-pa-đang đã tìm được chủ Đe-a-tan-na ở. Chàng nhẹ tay gõ vào cánh cửa lau dài. Người xách nước gặp anh hôm qua thò đầu ra hỏi:

— Anh cần gặp ai ạ?

— Anh hàm ơn cho tôi gặp vợ tôi là Đe-a-tan-na và con trai tôi — Pô-lô-pa-đang nói nhún nhún.

Người đầy tớ khẽ khấp cửa, chạy vào, một lát sau anh ta lại lộ đầu ra và nói:

Hai mẹ con tiên nữ Đe-a-tan-na đi vắng rồi. Tôi sẽ đi tìm Đe-a-tan-na và con trai và giúp anh nếu nhà anh mức được nước từ ngoài sông về đây bằng cái rổ thừa này.

Pô-lô-pa-đang đỡ cái rổ từ tay người đầy tớ và đi thẳng ra bờ sông trước mặt. Chẳng việc cái rổ xuống sông và vội vã nhấc lên. Lần nào cũng vậy, chẳng chưa kịp đứng lên thì nước trong rổ đã chảy lọt ra ngoài hết. Gần trọn một ngày như thế, buồn nản quá, Pô-lô-pa-đang ngồi bên bờ sông than vãn. Bỗng có một con lươn ngoi lên mặt sông, bơi lại gần anh và hỏi:

— Có ai anh lại ngồi than khóc bên sông?

— Người ta bắt tôi dùng cái rổ này mức được nước về nhà thì mới cho gặp vợ gặp con. Oái oăm thế đấy, có ai lấy rổ đựng nước bao giờ. — Pô-lô-pa-đang đáp.

Con lươn nhìn Pô-lô-pa-đang có vẻ ái ngại rồi nói:

— Anh chịu khó chờ một tý nhé, tôi sẽ hết sức giúp anh. — Con lươn chui vào trong rổ, trườn đi trườn lại để nhốt cửa nó bít hết những mắt rổ thừa.

Pô-lô-pa-đang hai tay bưng rổ nước đi về, rón rén bước lên bậc thềm lâu đài, nói với người đầy tớ.

— Tôi đã đem được rổ nước về đây rồi, anh tìm mẹ con Đe-a-tan-na hộ tôi với.

— Đó mới chỉ là việc thứ nhất. — Người đầy tớ nói — Anh muốn được gặp vợ con thì phải làm thêm việc này nữa: Trong một ngày phải làm sao dẫn được nước từ suối về tưới mát cho cả khu vườn rộng ở trước cửa lâu đài.

Pô-lô-pa-đang vác cuốc ra đường đào rãnh. Chẳng cặm cụi làm, mồ hôi vã ra như tắm, đã quá nửa ngày mà chỉ được mấy bước chân, Pô-lô-pa-đang lượng sức mình cứ làm thế này thì cả tháng nữa cũng không xong

rãnh dẫn nước. Chiều xuống, chân tay mỏi nhừ, bụng đói lóp lại, chàng ngồi tựa lưng vào một thân cây than khóc. Có một con cua bò ngang qua thấy thế bèn hỏi đầu đuôi câu chuyện. Pô-lô-pa-đang cũng thành thực kể hết cho cua nghe công việc của mình. Động lòng thương xót, đêm hôm đó cua đã gọi tất cả họ hàng bè bạn nhà cua đến đào rãnh dẫn nước về vườn.

Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa mới lóe rạng thì nước suối trong xanh đã theo rãnh chảy vào vườn, ướt đầm từng gốc cây. Mọi người ngạc nhiên lắm nhưng vẫn chưa cho Pô-lô-pa-đang được gặp vợ con. Người ta còn muốn thử xem chàng yêu quý vợ con đến mức nào.

Vẫn người đầy tớ hôm trước ra bảo Pô-lô-pa-đang

— Chưa hết việc đầu anh ạ. Bây giờ anh phải lên nương nhặt hết những hạt ngô vương vãi sao cho đầy bốn cái thúng lớn này.

Pô-lô-pa-đang đôi thúng lên nương, nhẩn nại nhặt từng hạt ngô lẫn trong cỏ, trong đất. Chàng vừa nhặt ngô vừa gạt nước mắt ướt đầm khuôn mặt. Thấy vậy lũ chuột bảo nhau đến giúp chàng. Ngoảnh đi ngoảnh lại bốn thúng ngô đã đầy ắp.

Những người nhà trời vẫn còn muốn thử thách lòng kiên nhẫn của Pô-lô-pa-đang. Lần này, họ bảo chàng phải ăn hết một ruộng khoai lang trong một ngày. Pô-lô-pa-đang ăn thử một củ, hai củ đã không ăn được nữa. « Cả một ruộng khoai thì bụng nào chứa nổi được » — chàng thở ngửa than dài. Cũng như mấy lần trước lần này Pô-lô-pa-đang lại gặp may. Cả một đàn lợn rừng ra giúp chàng, chúng chén sạch ruộng khoai không còn lại một củ. Pô-lô-pa-đang đã mừng thầm trong bụng là sắp được nhìn thấy vợ con sau bao ngày

cách biệt, thì những người nhà trời lại thử thách chàng một lần nữa.

Đêm hôm đó, bao nhiêu đèn ông, dân bà, người già, con trẻ trong làng trời đến tụ tập ở trong lâu đài. Người ta không đốt đèn thấp nữa. Bốn bề tối như hũ nút, vậy mà Pô-lô-pa-đang phải nhậ ra ngay vợ của mình, nếu nhầm lẫn, dù chỉ một lần, chàng cũng phải quay về hạ giới. Pô-lô-pa-đang lo quá, đang không biết làm thế nào để nhìn thấy mặt vợ thì có một con mèo và một con đom đóm đến giúp chàng. Con mèo vốn được Đe-a-tan-na yêu quý nên ngay trong bóng tối giữa đám đông người, nó vẫn tìm thấy nàng, con mèo, đến bên Đe-a-tan-na kêu meo meo, chờ nàng vuốt ve như mọi bận, trong khi đó con đom đóm bay đến đậu trên đầu nàng lập lòe ánh sáng. Đi về phía có tiếng mèo kêu, Pô-lô-pa-đang đến đứng trước một người có con đom đóm đang sáng trên đầu. Chàng dang tay ôm chặt người đó và reo lên:

— Đe-a-tan-na yêu quý của anh. Bây giờ thì không có một ai chia lìa hai ta được nữa.

Người ta lục tục tắt đèn, đốt lửa sáng trưng cả lâu đài. Trong ánh sáng rực rỡ, mọi người ngoảnh cả lại phía hai vợ chồng Pô-lô-pa-đang cùng với đứa con trai đang mừng mừng tủi tủi. Chàng nhắc lại với vợ lời hứa là từ nay sẽ không bao giờ nói nặng một lời với vợ với con.

Ngày hôm sau, Pô-lô-pa-đang đưa vợ con đi chào mọi người rồi cả nhà cùng xuống trên gian. Từ đó, vợ chồng Pô-lô-pa-đang cùng con cái sống thuận hòa vui vẻ bên dòng sông Xe-dang xanh biếc.

TRUYỆN VỀ KHA-MÁT VÀ MA-MÁT

Ở nước sam có một người dân bà góa ở vậy nuôi con. Bà có hai đứa con trai tên là Kha-mát và Ma-mát. Ở nhà, bà ta cũng nuôi dạy một con vẹt biết nói. Những lúc Kha-mát và Ma-mát rủ nhau đi chơi, ngồi ở nhà một mình bà ta thường nói chuyện với con vẹt không ngoan kia cho đỡ buồn.

Đạo ấy, ở trong vùng có một người chủ thuyền buôn giàu có đã trang buôn to, bán lớn ở nhiều nơi. Một hôm, trong giấc ngủ ông ta thấy một ngư i bao mộng rằng: Nếu ai được ăn tim và đầu con vẹt biết nói thì sẽ trở thành vua xứ này. Tin vào điều ấy, ông ta tìm đến nhà bà góa, nói chuyện con cả con kẻ rồi gạ mua con vẹt:

— Tôi nghe nói bà có con vẹt biết nói, bà để lại cho tôi đi.

Bà góa từ chối. Người lái buôn lại năn nỉ, gạ gẫm:

— Thôi, tôi trả bà gấp đôi số tiền vừa rồi đây... Thế gấp ba cũng không được à?

Bà góa vẫn lắc đầu:

— Ông trả bao nhiêu tôi cũng không bán đâu. Nhà neo người có con vật nuôi cho vui cửa vui nhà, bán đi thì con biết nói chuyện với ai.

Người lái buôn đành phải ra về. Chợt nhớ ở vùng này có một ông thầy tướng rất giỏi, ông ta bèn ghé vào và nhờ ông này mách nước. Được một món tiền kha

khá, lão thầy tướng đưa cho người lái buôn một lọ thuốc bé tí xiu và nói:

— Ông hãy rót thứ thuốc này vào rượu và mời bà ta uống. Đề ý thấy rượu đã ngấm rồi thì ông nói với bà ta rằng ông muốn lấy bà ta làm vợ.

Người lái buôn làm theo lời khuyên của ông thầy tướng, mang rượu thịt đến nhà người đàn bà góa kia. Ông ta nói rõ khéo:

Thôi, tội chẳng mua được vệt của bà thì ăn bữa cơm, uống bữa rượu với bà cho vui vậy.

Nề lời chèo kéo của người lái buôn, và lại đang lúc vui vẻ, bà góa nhận lời.

Người đàn bà mới nhấp được lưng chén rượu thì đã thấy người khác khác. Mặt bà ta tươi hồng lên, cặp môi đỏ thắm, mắt sáng long lanh. Trong phút chốc người đàn bà góa cảm thấy như mình đang sống lại thời trẻ tuổi. Nhắm mắt đúng lúc ấy, người lái buôn liền ngỏ lời muốn được cung bà nên vợ nên chồng. Bà ta ưng thuận ngay, chẳng phải suy tính gì nhiều.

Vài ngày sau khi cưới, người lái buôn kể cho vợ nghe cái điềm hay trong giấc mộng của mình trước đây. Cũng gặp một cuộc đời cao sang, quyen quý, người vợ bèn làm thịt con vệt, rán lên thơm phức. Bà ta bỏ chảo thịt ra ngoài rồi bắc nồi khác lên bếp, lên nhà trên gọi chồng sắp sửa bữa cơm. Lúc đó hai đứa con trai bà đi chơi đâu cũng vừa về. Vào bếp thấy chảo thịt rán thơm ngon, Ma-mát nhót quả tim, Kha-mát nhót cái đầu chén luôn.

Thấy vậy, bà mẹ găm lên, còn người lái buôn, bây giờ đã là bố dượng của Kha-mát và Ma-mát, hăm hăm lúc giặc. Ông ta sẵn tới:

— Tao sẽ vắn cổ chúng mày đề chúng mày chờ cái thời ăn hồn đi!

Hai đứa trẻ kia sợ mất vía lên, bỏ chạy vào rừng sâu núi thẳm. Chúng dắt nhau đi mãi, đi mãi nhưng chẳng biết là mình đi đến đâu. Mỗi chán Kha-mát bảo em ngồi xuống một gốc cây để nghỉ, còn mình thì đi tìm nước uống.

Kha-mát vừa mới đi khuất thì bỗng nhiên một con voi trắng lớn đi lại chỗ Ma-mát ngồi. Con voi lấy vôi cuốn Ma-mát đặt lên bánh trên lưng nó rồi ra khỏi rừng.

Cánh rừng mà Kha-mát và Ma-mát vừa đến thuộc tỉnh thổ quốc gia có ông vua vừa mới qua đời. Theo phong tục xứ này, khi vua băng hà người ta thả con voi mà vua vẫn cưỡi trước đây vào rừng để đón vua mới. Ngồi chễm chệ trong bánh voi Ma-mát xé vải vụn, rắc dọc đường đi để Ma-mát theo đó mà tìm gặp mình.

Còn Kha-mát, sau khi lấy được nước uống thì quên mất đường quay lại chỗ Ma-mát ngồi. Kha-mát lạc trong rừng, mãi sau chú nhìn thấy một mái nhà nhỏ nằm lọt giữa một mảnh vườn xinh xắn, Kha-mát đẩy cổng bước vào thì thấy trong nhà có một bà cụ già và cô con gái đáng chừng là con bà cụ. Thương cảm hoàn cảnh của Kha-mát, bà cụ cho chú ở lại nương thân.

Ngày qua tháng lại, nước chảy đá mòn, thâm thoát Kha-mát đã trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Tiếng đồn về một chàng trai đẹp như tranh vẽ lan rộng khắp vùng. Nhiều người hiếu kỳ, lấy cớ mua hoa đã tìm đến ngôi nhà nhỏ kia để xem mặt chàng Kha-mát. Vì thế, đời sống của hai mẹ con bà cụ và Kha-mát cũng khấm khá hơn. Bàn bịu với công việc vườn tược, mua bán, bà cụ quên bẵng việc lâu nay vẫn gửi hoa vào thành cho công chúa.

Mấy ngày liền không có hoa tươi, công chúa bèn sai nàng hầu dẫn tận nhà bà cụ xem sao. Có hầu trẻ này dẫn nơi, vừa nhìn thấy chàng trai trẻ đẹp thì đã mê mẩn và không muốn quay về nhà nữa. Không thấy nàng hầu quay về, công chúa lại sai tiếp bốn người hầu nữa đến tận nơi xem đã xảy ra chuyện gì. Những người hầu này sau khi thấy mặt Kha-mát đã về tả lại cho công chúa nghe.

Do không nên được “nhỏ tò mò, công chúa đã cho mời Kha-mát vào cung chơi. Cũng giống nàng hầu của mình, vừa mới gặp mặt chàng trai, công chúa đã yêu chàng mê mẩn. Song, Kha-mát vẫn đứng vững, lễ phép. Câu chuyện giữa hai người vì thế rất rời rạc, nhạt nhẽo. Ngồi mãi cũng chán, cuối cùng Kha-mát xin phép ra về.

Chuyện này làm công chúa tự ái lắm, nàng đến xin vua cha cho người bắt chàng trai kia lại để trị tội. Lập tức, Nhà vua phái lính đuổi theo Kha-mát. Quân lính đi đến tận nhà bà cụ làm vườn nhưng chẳng thấy tăm hơi Kha-mát đâu.

Sợ bị tội, bọn này quay về và nói dối rằng chúng đã giết chết chàng trai đó rồi.

Còn Kha-mát, sau khi ở chỗ công chúa ra, anh không về thẳng nhà mà lại vào rừng chơi. Mỗi nhìn hoa tươi cỏ lạ, Kha-mát đi vào tận rừng sâu. Bỗng anh nhìn thấy hai người khổng lồ đang to tiếng với nhau. Chẳng chút e ngại, Kha-mát tiến thẳng đến chỗ họ và hỏi:

— Vì sao các anh cãi nhau ghê thế?

Một trong hai người ngoảnh lại phân bua:

— Cha chúng tôi qua đời để lại cho hai anh em một đôi giày, một bộ cung tên và một cái niêu cơm. Đôi giày có thể đưa người bay trên trời cao; lúc muốn chỉ việc sỏ chân vào giày thế là người bay vút lên, không

muốn bay nữa thì nó lại từ từ hạ xuống. Cái niêu cơm thì không cần phải nấu cơm cũng chín và cứ ăn với thì nó lại tự đầy. Còn bộ cung tên cũng có phép lạ. Khi cần bắn con thú nào chỉ việc giơ cung lên, không cần phải ngắm, mũi tên cũng lao đến trúng đích, sau đó mũi tên lại quay trở lại túi mình. Ba thứ cha chúng tôi để lại cho các con làm của hồi môn đều quý giá, chúng tôi chẳng biết làm cách nào chia nhau cho thái công bằng.

— Khó thật đấy!—Kha-mát nói.—Nhưng tôi cứ phải giúp các anh xem sao. Bây giờ tôi phải cái mũi tên này đi, ai bắt nó được trước thì được nhận hai vật, còn vật còn lại thì phần cho người kia. Các anh thấy chia như thế có được không nào?

— Được!—cả hai anh em người khổng lồ đều đáp.

Kha-mát phóng mũi tên đi. Cả hai người khổng lồ đều cật lực đuổi theo. Thưa lúc đó Kha-mát đặt chân vào đôi giày thần, nhân tiện vớ luôn cả cái niêu cơm nọ và chạy thẳng một mạch về nhà bà cụ làm vườn. Vừa chạy anh vừa nghĩ: « Hai anh em nhà kia đừng là to lớn mà dại, dù họ có tìm được mình chẳng nữa thì với đôi giày và niêu cơm này mình cũng chẳng lo sợ gì nữa »!

Kha-mát lại sống với hai mẹ con bà lão như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng một hôm, sau lúc giúp bà lão cuốc đất, trồng cây, Kha-mát ngồi thừ ra nghĩ ngợi: « Ủa nhỉ, công chúa trẻ trung xinh đẹp như ngọc ấy đã đem lòng yêu mến mình thì tội gì mình lại chối từ! Trên đời liệu còn dám nào hơn thế nữa ».

Ngay hôm sau Kha-mát sửa soạn vào thành gặp công chúa. Anh men theo vườn đến gần khuê phòng của cô.

Từ dưới cửa sổ màn che, trưởng tử, anh đã nghe tiếng công chúa thở than:

— Trời ơi, ta buồn quá! Ta chẳng thiết gì sống một khi Kha-mát đã chẳng còn nữa trên đời. Giả có đánh đổi tất cả vàng bạc châu báu, gấm vóc lụa là quanh ta để lấy lại cuộc sống cho chàng ta cũng chẳng tiếc.

Kha-mát khắp khối mừng thầm trong bụng, anh kiễng chân, ngẩn cổ khẽ gọi công chúa. Nàng bỗng ngoảnh ra thì trông thấy Kha-mát; Cô ngạc nhiên tấn khờ, nói được một lời. Sầu đó, cô hấp tấp ra mở cửa sau và dẫn Kha-mát vào buồng.

Thật như người «câu được, ước thấy», công chúa xiết đôi vui mừng. Sau phút bản huyên, công chúa và Kha-mát đã bàn tính đến «chuyện trăm năm». Cả hai người đều nghĩ rằng vua cha sẽ chẳng cho họ lấy nhau vì trong mắt vua, Kha-mát chỉ là kẻ «tứ cổ vô thân». Vì vậy, công chúa bang lờng đi theo Kha-mát đến cùng trời cuối đất. Họ nhẹ nhàng ra khỏi phòng. Đến đứng cái, Kha-mát đi giầy thần vào và bảo công chúa bám chặt vào lưng mình. Đoạn, cả hai người bay vút lên không trung.

Kha-mát đưa công chúa đến một hòn đảo thật xa, họ sống với nhau những ngày vui tươi giữa hoa thơm, trái ngọt. Nhưng cứ sống như thế mãi công chúa cũng thấy buồn và nhớ những người thân thích. Một hôm, thừa lúc Kha-mát đang ngủ say, công chúa lấy cả bộ cung thần, niêu cơm thần và đi giầy thần bay về cung với cha.

Tình đây, Kha-mát ngờ ngác nhìn quanh nhưng không thấy công chúa đâu. Anh vừa đi tìm vừa gọi tên công chúa nhưng chỉ có tiếng vách đá đáp lại. Quay về lều Kha-mát cũng chẳng thấy cung tên, niêu cơm

và đôi giầy thần đâu, anh hiểu là công chúa đã bỏ về nhà. Một mình bơ vơ giữa khu rừng lạ, Kha-mát thần thờ như thể mất hồn. Anh chưa biết tính thế nào để tìm gặp lại công chúa thì một hôm đang ngồi nghỉ dưới bóng cây râm mát, anh nhìn thấy một đôi chim trắng từ xa bay lại rồi đậu ngay trên cành cây trước mặt anh. Qua lời đôi chim nói chuyện với nhau, Kha-mát biết cái cây kia là một cây thần, nếu ngắt cây xuống thì thân cây hóa thành một con ngựa có cánh, còn cành cây sẽ thành một chiếc roi bách chiến bách thắng.

Kha-mát đã làm y như lời của đôi chim. Quả nhiên, anh đã có một con ngựa có cánh và một chiếc roi thần. Có ngựa rồi anh liền bay về thăm mẹ con bà cụ làm vườn. Kha-mát hỏi bà lão xem công chúa — vợ anh có đến đây không thì được biết là nàng đã bị một tên tướng cướp bắt cóc. Chính Kha-mát cũng chưa biết để tìm công chúa ra sao thì cha nàng đã thân hành đến gặp anh để bàn chuyện giải thoát cho công chúa. Vua cha hứa sẽ nhường ngôi cho Kha-mát nếu anh cứu được công chúa về.

Tạm gác việc công chúa đã tự ý bỏ mình về nhà, Kha-mát đã hứa với nhà vua là sẽ không tiếc thân mình để cứu nàng thoát nạn.

Kha-mát cầm cây roi thần và lên ngựa đi lưng bọn cướp. Chẳng bao lâu anh đã tìm ra được xác huyết của bọn chúng. Với cây roi thần, anh đã diệt hết bọn cướp và đưa công chúa ra khỏi rừng. Thấy công chúa bơ phờ, gầy gò, anh vội ngày bị bọn cướp rừng giam cầm, Kha-mát động lòng thương và bỏ qua cho nàng tội làm hại đã mắc. Kha-mát ngoảnh lại hỏi công chúa đang ngồi ở sau lưng:

— Bây giờ chúng ta đi đâu ?

— Trước khi về gặp vua cha, chúng ta ghé qua một xứ sở gần đây để nghỉ ngơi cho lại sức đã — công chúa đáp.

Con ngựa có cánh đưa hai người lên lưng trời, bay nhanh như gió rồi từ từ hạ xuống một đất nước xanh tươi. Đây là xứ sở nào vậy ? Các bạn đừng sốt ruột.

Giờ mới nói về Ma-mát. Sau khi được voi kiệu và cung điện, Ma-mát lên ngôi và tự xưng là hoàng đế xứ này. Dưới thời Ma-mát trị vì đất nước thái bình, dân tình ấm no.

Nghe nói có khách quý từ phương xa đến, Ma-mát ra đón thì nhận ra đó là anh mình. Hai anh em ôm chầm lấy nhau, mừng vui khôn xiết.

Đây chính là đoạn kết vốn không có trong lời báo mộng của ông chủ thuyền buôn độc ác.

HAI CON ĐAO GĂM

(TRUYỆN CỔ HI-NANG-KA-BAU)

Ngày xưa, dưới chân núi Ne-ra-pi có một tổ trưởng nổi tiếng là can trường, quả cảm. Ông có hai con trai, người con trưởng là Đắc-man-sắc, người con thứ là Xắc-man-sắc.

Thấy các con đã lớn, một hôm, ông gọi cả hai anh em lại, cho mỗi người một chiếc dao găm và bảo họ tự tìm đến những ông thầy nổi tiếng khắp vùng. Hai anh em vâng theo lời cha, mỗi người chọn một ngã đường.

Một năm, hai năm, rồi mười ba năm vùn vụt trôi qua. Đắc-man-sắc và Xắc-man-sắc đã lang thang phiêu bạt qua rất nhiều xóm làng. Đột nhiên, một bữa kia có người nói với họ là cha họ đã qua đời. Hai anh em tìm gặp nhau bàn xem có nên về quê tưởng nhớ linh hồn, bố không. Người anh nói với em:

— Theo anh thì chúng ta thôi không về quê nữa bởi vì ở đây có ai là ruột thịt nữa đâu.

— Em cũng nghĩ vậy. — người em nói, — khi còn sống, cha mong chúng ta nên người. Bây giờ cha khuất núi, nếu hai anh em ta học hành đến nơi, đến chốn thế là đã tròn chữ hiếu với cha rồi.

Hai anh em lại chia tay nhau đi tìm thầy học. Khi về nghề đã cao cường, người anh tìm đến Sri-vít-giai là một vương quốc hùng mạnh nhất hồi đó. Thấy Đắc-man-sắc là người tài ba dũng cảm, quốc vương Sri-vít-giai đã đổi tên và phong cho ông chức thủ lĩnh của các đạo quân trong nước.

Một thời gian sau, học xong, người em cũng đến xin phụng sự quốc vương Sri-vít-giai. Quốc vương xem ông cũng đổi tên và phong chức cho Xắc-man-sắc.

Đắc-man-sắc và Xắc-man-sắc không nhận ra nhau vì sau nhiều năm xa cách, người nào cũng đổi thay nhiều quá. Hai anh sống gần nhau như những người không chung dòng máu nhưng cùng một chí hướng — phụng sự triều đình.

Vào một đêm kia, quốc vương mộng thấy mình được gặp nữ thần núi Me-ra-pi là An-đắc Xô-ri. Từ bữa đó, ông ta ngày ăn không ngon miệng, đêm ngủ không yên giấc, lúc nào cũng chỉ ước mong được sống cùng nữ thần. Cậy là quốc vương, ông ta bắt Đắc-man-sắc phải mang bằng được nữ thần núi về cho mình, nếu không

sẽ bị chém đầu. Biết đó là việc khó xảy ra nhưng Đắc-man-sắc phải cúi đầu cầu rằng vắng lệnh.

Sau bao tháng ngày lẫn mò trong rừng thẳm, núi cao, Đắc-man-sắc đã tìm được nơi nữ thần núi ở. Từ xa chàng đã nhìn thấy tòa lâu đài tỏa ánh hào quang trên sườn núi dốc đứng. Men theo cây rừng, vách đá chàng đến trước cổng lâu đài. Đắc-man-sắc lộng người đi không nói được nửa lời trước sắc đẹp lộng lẫy tuyệt trần của nữ thần núi Xô-ri. Đắc-man-sắc nghĩ: «Ta không thể bắt nữ thần về và trở về đẹp đến nhường kia về cho một quốc vương vừa già nua vừa tàn ác được!». Để tránh cái chết đang đợi mình, ở Sri-vít-giai, Đắc-man-sắc bèn tìm đến vùng Mi-nang-ka-bau sinh sống.

Trong khi đó quốc vương Sri-vít-giai đứng ngồi không yên, từng phút từng giờ mong đợi viên thủ lĩnh trở lại mang nữ thần núi trở về. Chờ mãi, chờ mãi, nữ thần núi chẳng thấy đâu mà viên thủ lĩnh cũng đi mất hết. Không đợi lâu hơn được nữa, ông ta lại phái tiếp viên phó tướng Xắc-man-sắc kia đi tìm bằng được nữ thần núi cho mình.

Xắc-man-sắc tuân lệnh, sau bao ngày gian truân vất vả, cuối cùng chàng cũng tìm thấy lâu đài của nữ thần núi Xô-ri. Nữ thần núi nói cho chàng biết là cách đó ít ngày có một thủ lĩnh ghé qua đây rồi đến Mi-nang-ka-bau để ở.

Chưa nghĩ đến việc bắt nữ thần núi về cho quốc vương vội, lòng bừng bừng tức giận, Xắc-man-sắc tìm ngay đến Mi-nang-ka-bau để trừng trị viên thủ lĩnh đã không làm tròn bổn phận của mình.

Đắc-man-sắc và Xắc-man-sắc đã gặp mặt nhau và bước vào một trận quyết đấu gay go. Viên thủ lĩnh và viên phó tướng xông vào nhau, nhưng cả hai bên đều

cần tài cần sức nên qua bao nhiêu hiệp mà vẫn không phân thắng bại.

Cuối cùng hai người thỏa thuận với nhau là một trong hai người sẽ đứng im để người kia đâm, sau đó, nếu không bị chết người này sẽ đâm lại. Người khởi chiến là Xắc-man-sắc sẽ bị đâm trước.

Thủ lĩnh Đắc-man-sắc rút con dao găm gia truyền sáng loáng ra, đứng bất sắc mình sẵn đâm thẳng vào lưng ngực viên phó tướng. Mũi dao oằn đi. Chỉ có lớp chiến bào bị thủng, còn da thịt Xắc-man-sắc không hề xây xát. Đây giờ đến lượt Xắc-man-sắc. Chàng cũng rút con dao găm gia truyền nhọn hoắt ra và dồn tất cả sức mình đâm vào ngực thủ lĩnh. Thật lạ lùng, cái mũi dao mà Xắc-man-sắc đã từng đâm đá, đá vỡ, khi đâm vào ngực thủ lĩnh lại bị bật ra.

Lúc đó, hai viên tướng mới nhìn kỹ dao găm của nhau, thì ra đó chính là những con dao mà người cha đã trao cho họ trước lúc lên đường. Nhận ra nhau, hai anh em Đắc-man-sắc và Xắc-man-sắc ôm chầm lấy nhau tưởng không có sức mạnh nào từ nay chia lìa họ được nữa.

CHIẾC NHÂN THẦN

(TRUYỆN CỔ MI-NA-HA-SA)

Thuở xưa, ở một làng nọ, có hai anh em trai sống với nhau tên là Na-đu và Na-đa. Một bữa kia, nghe nói ở làng bên có hội làng to lắm. Cả hai anh em cùng muốn đi xem hội, mặc nắng rất đường xa.

Đang đi, bỗng Na-đa nhìn thấy hai con rắn nhỏ nằm cuộn tròn thoi thóp thờ lờ đường. Na-đa bảo anh:

— Anh ơi, hai con rắn nhỏ kia sắp chết vì nắng kia, ta đem nó vào bóng cây đi, may ra thì chúng sống lại được.

Nói rồi, hai anh em bê mấy cái que gắp hai con rắn đặt vào dưới bóng râm rồi lại đi tiếp.

Hai con rắn nhỏ được đưa vào chỗ mát thì dần dần hồi lại và đủ sức bò về hang. Chúng kể lại cho rắn bố, rắn mẹ nghe chuyện chúng được hai chú bé đi xem hội cứu sống như thế nào. Thấy thế rắn bố hỏi các con:

— Liệu các con có nhớ mặt hai chú bé ấy không?

— Có ạ! — hai con rắn con cùng đáp.

— Nếu vậy, một lúc nữa các con lại ra bóng cây ban nãy để đón và mời hai chú bé ấy về thăm nhà ta.

Tan hội, Na-đu và Na-đa về nhà. Trên đường về, hai anh em ghé vào chỗ đã đặt hai con rắn nhỏ để xem chúng sống chết ra sao thì chợt nghe thấy có tiếng nói:

— Có phải hai anh lúc trưa đã cứu chúng em thoát chết không? — Hai con rắn nhỏ bò ra hỏi.

Na-đu và Na-đa gật đầu.

— Thế thì chúng em mời hai anh ghé lại nhà chúng em để bố mẹ chúng em thưa chuyện.

Hai anh em nhìn nhau e ngại. Hiểu ý, hai con rắn con liền nói:

— Các anh đừng sợ. Chúng em sẽ dẫn đường hai anh. Các anh nhớ là phải đi theo vết bò của chúng em thì không bị con chó Ka-bô-a-lô cắn. Còn khi đã vào nhà rồi, bố mẹ chúng em có mời cơm thì các anh chớ có ăn cơm ở rỏ, đĩa hoặc mâm đồng mà chỉ ăn cơm ở cái niêu đất thôi. Nếu bố mẹ em biến người hầu, ngựa hay

vàng vàng thì cũng đừng nhận mà chỉ một mực xin chiếc nhẫn của ông thôi.

Về đến hang rắn, cả hai anh em Na-đu, Na-đa đều làm đúng như lời hai con rắn nhỏ dặn dò. Rắn bố hiểu gì hai anh em cũng từ chối và chỉ thích chiếc nhẫn nhỏ xinh. Thấy vậy rắn bố nói:

— Nếu ta cho cái nhẫn này đi thì ta sẽ chết. Nhưng các chú đã cứu hai con ta thì ta cũng chẳng tiếc thân mình. Ta chết đi, nhưng nơi giống ta còn mãi thì ta cũng vui lòng. Nói rồi, rắn bố trao cho hai anh em Na-đu chiếc nhẫn quý.

Sau khi nhận chiếc nhẫn, hai chú bé về nhà. Như cô phép tiên, Na-đu đeo nhẫn vào tay, chạm vào bất cứ đồ đạc nào trong nhà, thì lập tức, đồ đạc đó cũng biến thành vàng. Chỉ vài ngày sau hai anh em Na-đu đã có những chiếc bát vàng, đĩa vàng, nồi vàng... thậm chí cả chiếc giường nường cũng biến thành giường vàng nốt. Như thế, bỗng nhiên Na-đu và Na-đa trở thành những người giàu có ít ai sánh kịp. Tuy vậy, hai chú bé vẫn bảo khoản không biết làm sao mà chiếc nhẫn tại có phép lạ thế?

Một hôm, có một người thợ kim hoàn đi qua nhà, Na-đu liền đem chiếc nhẫn kia ra hỏi ông ta xem nó làm bằng gì. Ông ta cầm chiếc nhẫn, ngắm nghía hồi lâu rồi bảo:

— Các cháu cứ để ta mang về nhà vài bữa xem sao?

Về nhà, người thợ kim hoàn đeo thử chiếc nhẫn vào tay và vô tình chạm vào các đồ vật trong nhà. Ngón tay đeo nhẫn của ông ta đụng vào cái gì, cái đó liền biến ngay thành vàng. Biết đây là chiếc nhẫn quý ông ta liền nảy ra ý định đánh tráo nó với một chiếc nhẫn kém thường khác của mình. Vài hôm sau, ông ta đem trả hai chú bé chiếc nhẫn vô như không có chuyện gì.

"Hai anh em nhận lại chiếc nhẫn, nhưng giờ đây nó chẳng còn phép lạ như trước nữa. Na-du và Na-da buồn lắm. Hai anh em chỉ biết than thở cùng nhau. Từ khi mất nhẫn thần, hai chú bé phải bán dần đồ đạc trong nhà đi để mua rau mua gạo. Chẳng mấy chốc hai anh em nghèo như lúc chưa biết nhẫn quý là gì. Na-du và Na-da ức ức, chúng bàn nhau tìm cách lấy lại chiếc nhẫn kia. Na-du nói:

— Nếu anh hay em lên thuyền vượt biển đến tận nhà người thợ kim hoàn thì lão ta biết ngay là anh em ta đi đòi chiếc nhẫn và lão ta chẳng bao giờ chịu trả ra đâu.

— Em cũng nghĩ thế, — Na-da góp lời, — chỉ bằng ta sai mèo và chuột ở nhà mình đi lấy lại chiếc nhẫn thần hộ anh em mình.

Thế rồi, mèo cùng chuột cùng nhau vượt biển rộng. Sóng to gió lớn đến tận nhà của ông thợ kim hoàn. Chỉ sau một vài đêm lục lọi, mèo và chuột đã lấy lại được chiếc nhẫn quý giá kia. Trên đường trở về, do lêu lắt nên mèo đã đánh rơi chiếc nhẫn xuống biển. Vì thế, chuột đã phải lặn xuống mới mò lên được. Đã chẳng biết lỗi thì chó, vừa mới lên bờ, mèo đã lại cạy sứt đôi đeo nhẫn. Khi mèo và chuột đi ngang qua sườn núi, mèo lại đánh rơi chiếc nhẫn một lần nữa. Chiếc nhẫn lặn trên sườn dốc rồi chui lọt vào một khe đất nhỏ. Chuột lại phải bới đất chui xuống để tha chiếc nhẫn lên. Lần này thì mặc cho mèo nói gì thì nói, chuột ta cũng chẳng cấp chiếc nhẫn về tận nhà.

Từ khi lấy lại được chiếc nhẫn thần, hai anh em Na-du và Na-da lại dần dần trở nên giàu có, trông sang trọng hẳn lên.

CON GÀ TRỒNG CỦA PAN-GHI-LA-RÁT

(TRUYỆN CỔ GIA-VA)

Ngày xưa ngày xưa, trên đảo Gia-va có một ông vua nổi tiếng tên là Pa-bu Gô-ô Ku-su-mô. Như nhiều ông vua khác thời ấy, ngôi hoàng hậu ra, vua đảo Gia-va còn lấy thêm mấy bà phi nữa. Trong số các bà phi ấy, nhà vua hết sức yêu chiều một người trẻ đẹp, mặc dù bà ta thuộc dòng dõi bình dân. Bà phi này chỉ được coi đẹp người nhưng xấu nét. Vốn tâm địa độc ác, bà ta luôn luôn tìm mọi cách mưu hại hoàng hậu hiền lành.

Có một lần, bà phi xinh đẹp này giả vờ ốm nặng làm nhà vua lo mất ăn mất ngủ. Bao nhiêu thầy thuốc giỏi trong nước đã đem nhiều vị thuốc hay đến chữa cho bà phi mà bệnh tình của bà vẫn không thuyên giảm. Nhân lúc chỉ có mình mình với nhà vua trong phòng thê, bà phi nói xưng xưng:

— Hoàng thượng ơi! Đến giờ thì thiếp biết ai làm thiếp ốm rồi.

Nhà vua giật mình hỏi:

— Kẻ nào? Nàng nói ngay cho ta biết đi, ta sẽ thưởng tay trắng trị.

Bà phi nũng nịu nhìn vua và thử ướm lời:

— Thiếp nói ra e hoàng thượng không tin...

— Ta không tin nàng thì còn tin ai nữa! — Nhà vua nói ruột.

— Hoàng thượng ơi! Có ai ngờ đó lại là chính cung hoàng hậu...

Không cần nghe bà phi nói hết, nhà vua bưng bưng từ giận đến đập cửa phòng hoàng hậu. Nhìn sắc mặt nhà vua, hoàng hậu biết có chuyện chẳng lành. Nhưng bà chưa kịp hỏi han gì thì đã bị nhà vua túm tóc đập đầu xuống đất. Bà khóc lóc, van xin nhà vua:

— Mong hoàng thượng hãy người con giận để thiếp được nói đôi lời. Thiếp có tội gì để đến nỗi bị đập vùi tan lá, nát hoa?

Nhưng nhà vua đã bỏ ngoài tai tất cả những lời khẩn cầu của hoàng hậu oan ức. Ông ra lệnh đem ngay hoàng hậu vào rừng để giết và móc cả hai mắt đem về.

Một viên quan nhận lệnh cùng với hai lính hầu tên là Pu-rô Ken-rô-nô và Xe-tun-tô đưa hoàng hậu vào rừng. Viên quan nhận đức này từ lâu đã ghét hoàng hậu là người đàn bà hiền lành, tốt bụng nên ông ta không nỡ sai lính giết bà.

— Thưa hoàng hậu, — ông ta nói, — tôi biết bà hoàn toàn vô tội nên chẳng nỡ nào...

— Ta đành chịu chết, nhà người cứ thi hành lệnh của nhà vua đi. — Hoàng hậu nói. — Nếu không, nhà người sẽ mang tai họa vào thân đấy.

Không còn con đường nào khác, viên quan đành sai lính móc hai con mắt của hoàng hậu, để bà sống trong một túp lều giữa rừng sâu rồi trở về dâng cho nhà vua xem hai con mắt ấy.

Thời gian này, hoàng hậu đã có thai được vài ba tháng. Tháng ngày thối trời qua. Vào một ngày kia, khi trời vừa bình sáng, bà hoàng hậu mù trở dạ rồi sinh được một đứa con trai khỏe mạnh có vầng trán cao và đôi mắt như sao lấp lánh. Bà đặt tên con là

Pan-ghi La-rát. Pan-ghi La-rát có nghĩa là hoàng tử của rừng xanh.

La-rát lớn nhanh khác thường. Chẳng mấy chốc chú đã tha thân được một mình trong rừng. Chẳng có ai ngang tuổi để La-rát kết bạn, nên chú hay đùa nghịch với các thú rừng. Một hôm, chú thấy một con diều hâu lượn trên trời cao. Bỗng nhiên nó đánh rơi một cái gì đó. La-rát chạy tới xem thì hóa ra một chú gà trống mới hăng vọc tay. Chú bé mang con gà về lều nuôi nấng. Con gà trống lớn lên trông thấy, cánh và đuôi mọc dài khoe những chiếc lông màu sắc sỡ. Một sớm kia, gà trống cất những tiếng gáy đầu tiên. Rồi từ đó, sáng nào cũng vậy, gà trống gáy vang đánh thức La-rát tỉnh dậy. Dần dần La-rát hiểu được tiếng gáy của gà như tiếng nói của người.

Một hôm, La-rát xin phép mẹ cho mang gà đi chơi ở làng bên, nhưng bà mẹ nói:

— Thôi đừng đi đâu con ạ, đường xa nhờ gặp chuyện gì thì sao?

— Con đã lớn rồi chứ còn bé bỏng gì nữa đâu. — La-rát nói, với lại cả hai anh Minh Xe-tun-tô và Ken-rô-nô cũng cùng đi với con kia mà.

La-rát cứ nài nỉ mãi, cuối cùng bà mẹ bằng lòng cho anh và hai lính hầu cùng đi đến một làng gần đó nhất. Cả ba người ra khỏi rừng, nhằm thẳng ngôi làng trước mặt, bước tới. Đến nơi, họ hỏi thăm đến nhà của già làng. Một ông cụ râu tóc bạc phơ niềm nở tiếp họ:

— Cho già hỏi các con từ đâu tới và có việc gì cần đến già chăng?

La-rát thay mặt cả nhóm trả lời:

Thưa già làng, chúng con từ rừng xa tới đây xin được chơi gà. Không biết làng ta có chơi chơi gà không ạ?

Cụ già ngắm nghía con gà của La-rát hồi lâu rồi nói:

— Dân làng ta rất thích chơi gà. Các con đã đến đây thi cho gà của các con chơi với gà của già trước vậy. Nếu thắng thì được thưởng, còn thua thì bị phạt gì nào?

La-rát đáp:

— Thưa già, nhà chúng con nghèo lắm, nếu gà của chúng con bị thua thì chúng con sẽ chịu làm tôi tớ cho già, nếu thắng thì già thưởng gì chúng con xin nhận lấy.

Tin về một chàng trai khôi ngô tuấn tú từ rừng xa mang gà đến chơi với gà của già làng đã bay đến mọi nhà. Người ta đổ đến xem rất đông. Đã biết tiếng con gà của già làng nên ai cũng tin rằng nó sẽ thắng cuộc.

Dưới hàng trăm con mắt bao quanh vòng trong vòng ngoài, hai con gà chơi lục lưỡng găm ghề nhìn nhau rồi lựa thế xông vào nhau, đập mỏ. Thoạt đầu, con gà của già làng có vẻ sung sức hơn, đánh hay hơn, còn gà của La-rát chỉ lựa thế thủ. Nhưng dần dần từ các hiệp sau, gà của già làng ngày càng đuối sức, nó đập chệch chោေ hẫng đi rồi co vào chống đỡ. Trong khi đó, gà của La-rát càng chơi càng khỏe ra và càng có những miếng đòn ác hiểm. Tạo được một thế lợi, con gà của La-rát thừa cơ nhảy lên đập thẳng vào giữa ức con gà của già làng. Con gà này bị lật ngửa, tức thì con gà của La-rát nhảy đến mổ dúi dúi cái cổ rắn chắc của địch thủ.

Đánh thắng rồi, con gà của La-rát chạy lại rúc vào chân chủ gây vang. La-rát cúi xuống vuốt ve cái mào đỏ chói và khen:

— Gà chiến của ta đánh hay lắm, gây nữa lên nào! Con gà ngược nhìn La-rát và gây dong dạc.

— Ku-ka-re-ku, ku-ka-re-ku...

Tất cả mọi người đều lấy làm lạ khi thấy La-rát nói chuyện với con gà như nói chuyện với một người bạn vậy.

Theo giao ước, già làng đã trao cho La-rát nhiều đồ đồng qui giá của mình. Được cuộc, cả họ người lại ôm gà về rừng, vừa đi vừa hát, lòng tràn đầy vui sướng.

Cái tin về một chàng trai khôi ngô tuấn tú có con gà chơi tuyệt vời đã đến tai nhà vua. Ông vua này vốn cũng là người rất mê chơi gà nên đã sai lính đi tìm bằng được chàng trai kia về để thách đấu. Toàn dân của nhà vua theo hướng mọi người chỉ, chẳng mấy chốc đã đuổi kịp La-rát và hai người hầu đi cùng. Họ cũng quay lại cung vua.

Vừa mới trông thấy La-rát và hai người hầu, nhà vua đã ngỡ ngợ như đã từng gặp họ ở đâu, ông ta cố bắt óc nghĩ nhưng không tài nào nhớ nổi.

Quê đầu bắt đầu. Con gà của La-rát lần này phải đo sức với con gà nổi tiếng bách chiến bách thắng của nhà vua. Vậy mà, nếu gà của La-rát bại trận thì anh phải trả giá bằng tính mạng của mình, nếu thắng anh sẽ được nửa vương quốc.

Trước khi thả gà ra, La-rát vuốt ve và thầm nói vài lời.

Con gà chạy ra bãi đấu, ngừng đầu nghiêng chiến. Con gà của nhà vua, nhìn bề ngoài không kém phần đồ tợn. Đã chơi được vài hiệp mà không con nào chịu kếm con nào. Sôi dất bị bới tung. Lông rung tả tơi, khắp đầu, mình, cổ, cánh chỗ nào cũng rớm máu mà đôi gà chơi vẫn ghì, vẫn đập, vẫn mổ vào nhau tới tấp. Xem ra cuộc chơi khó phân thắng bại. Tất cả mọi người, từ nhà vua đến La-rát và các bạn của anh đều nín thở

theo dõi, thầm mong chiến thắng về mình. Bỗng nhiên như được tiếp thêm sức lực, con gà của La-rát nhảy vọt lên, giương đôi cựa nhọn sắc đập thẳng vào ức con gà của nhà vua. Con gà này gục xuống trước miếng đòn trời giáng. Thừa cơ, con gà của La-rát xông tới mổ mạnh vào đầu địch thủ. Con gà của nhà vua bị đánh thủng đầu, máu và óc trào ra với hết. Nó gượng đứng dậy, song đã kiệt sức không nhấc nổi đầu lên.

Kinh ngạc và đau đớn như chính bản thân mình bị bại trận, nhà vua gọi La-rát lại và nói:

— Như cam kết trước trận đấu, ta sẽ nhường nửa vương quốc này cho anh. Nhưng trước khi nhận chia đất đai, ta muốn biết anh thuộc dòng họ nào và đi từ đâu đến?

— Tâu hoàng thượng! Hoàng thượng đã có lòng hỏi đến thì kẻ bấy tôi này cũng không giấu diếm làm gì. Hạ thần tên là Pan-ghi La-rát từ thuở lọt lòng sống cùng thân mẫu ở một cánh rừng cách đây xa lắm. — La-rát cung kính trả lời.

Nhà vua sống sót khi nghe thấy La-rát tự xưng danh là Pan-ghi — danh hiệu của dòng họ cao sang, quyền quý. Lập tức ông ngoảnh lại hỏi viên quan ngày xưa đã dẫn hoàng hậu vào rừng trị tội:

— Khanh đã bao giờ trông thấy chàng trai này và hai người hầu kia chưa?

Sợ mưu cơ ngày trước bị bại lộ, viên quan vờ như không biết tý gì.

Nhưng sau một lúc dăm chiêu, nhà vua chợt nói:

— Ôi! Ta nhớ ra rồi! Hai tên lính hầu kia chính là Xe-tun-tô và Ken rô-nô của ta ngày trước. Thế nào các người không nhận ra ta được sao?

Sự thế đã như vậy, viên quan kia đành phải thú nhận đầu đuôi và xin chịu tội. Nhưng trái với nỗi lo sợ của viên quan, nhà vua đã không nổi giận mà lại còn ban thưởng cho ông về việc ông đã không tuân lệnh giết chính cung hoàng hậu. Mọi người như cũng mừng với nỗi mừng của nhà vua khi tìm được hoàng tử La-rát.

Ngày sau đó, nhà vua sai người trao cho La-rát cặp mắt của hoàng hậu mà lâu nay ông vẫn giữ gìn trên công lâu đài.

Cầm đôi mắt của mẹ, La-rát vội vã trở lại rừng. Theo sau là cả một đoàn tùy giá đông vui, long lầy.

Bà mẹ La-rát chờ con đã mấy ngày mà không thấy tăm hơi, lòng dạ bả nóng như lửa đốt. Bỗng bả nghe thấy từ xa nhiều tiếng người cười nói xôn xao. Bà cứ phấp phỏng đoán những chuyện chẳng lành, nhưng khi nhận ra tiếng con trai và hai người hầu thì bà yên tâm trở lại.

Trước tiên La-rát lắp cho mẹ đôi mắt đã bị móc oan từ những năm xưa. Là thay, như có phép thần màu nhiệm, hoàng hậu lại nhìn thấy đất trời, muôn người, muôn vật như thuở nào.

Sau đó, đoàn tùy giá tước hoàng hậu và La-rát trở lại cung vua. Cả nước mở hội ăn mừng, yến tiệc tung bừng, đèn hoa thấp thâu đêm suốt sáng.

Còn bà phi đệp người, mà độc ác kia thì sao? Lẽ ra bà ta bị chém đầu, nhưng nể lời xin của hoàng hậu, nên vua chỉ đày bà ta đi biệt xứ.

Và già, nhà vua đã nhường ngôi báu cho hoàng tử La-rát thông minh dũng cảm. Dưới thời Pan-ghi La-rát trị vì, vương quốc hùng cường, toàn dân no ấm, yên vui.

CON CHIM CUN CÚT VÀ HAI CHÚ BÉ MỠ CÔI

(TRUYỆN CỔ NI-AT)

Thuở ấy, nhà họ sinh được hai đứa con trai nom rất khôn khinh. Không may, cả vợ lẫn chồng đều mất sớm, để lại hai đứa trẻ mồ côi.

Theo tập quán từ xưa để lại: khi cha mẹ qua đời sớm thì các con nhỏ sẽ được chú thím đứng ra nuôi dưỡng. Tiếng thế, nhưng hai đứa trẻ tội nghiệp kia thật là khôn khéo. Chẳng một ai ngó ngang đến chúng. Bởi vậy, hai anh em gây dối do xương, quần áo rách, rách.

Chẳng còn trông mong gì được ở chú thím, hai chú bé mồ côi mồ cút đành phải cầm bát nhỏ bưng vỏ dừa đi ăn xin quanh xóm quanh làng. Khi thì chúng xin được lưng bát cơm nguội, khi thì dùm gạo hoặc nắm cám. Không có nồi niêu để nấu, chúng chặt ống tre, ống nứa cho cám và rau dại vào nồi dốt lên, ăn qua tháng qua ngày.

Một hôm, lúc hai anh em đang chặt tre để nấu ăn thì nghe thấy rõ ràng tiếng chim cun cút:

— Pi pi cau, pi pi cau!

Đón bắt tôi mau, đón bắt tôi mau!

Nuôi tôi với, nuôi tôi với,

Tôi sẽ đẻ trứng thật nhiều.

Hai chú bé sững sờ lắng nghe rồi tròn xoe mắt nhìn con chim cun cút. Còn con chim cứ nhắc đi nhắc lại

mắt cầu nói đó. Thấy vậy, hai anh em nói với nhau: «đồng là nó bảo anh em mình đón nó về nuôi rồi».

Hai chú bé mang con cun cút về nhà, cầm một cành cây ngoài sân rồi cho nó đậu lên đấy. Người ăn gì thì chim ăn nấy, hai anh em cho cun cút ăn cơm nguội, còn nấu với rau rừng. Được một lúc con cun cút lại hót:

— Pi pi cau, pi pi cau!

Đặt tôi vào rổ, đặt tôi vào rổ

Tôi sẽ đẻ trứng thật nhiều.

Nghe thấy thế, hai chú bé liền đặt con chim cun cút vào một cái rổ rồi lấy rơm rạ lót xung quanh. Để con chim ở nhà, hai anh em lại cầm bát đi các làng xin ăn. Hôm ấy chúng chẳng xin được gì, bụng đói meo, hai anh em về nhà ôm nhau đi ngủ từ chập tối. Sáng hôm sau, vừa tỉnh dậy, hai anh em đã nghe con cun cút hót:

— Pi pi cau, pi pi cau!

Ra xem mau, ra xem mau!

Tôi đã đẻ trứng rõ nhiều!

Nghe chim hót, hai anh em rủ nhau đến nhìn cái rổ xem sao. Thật là kỳ, dưới bụng con chim đã có lưng rổ gạo trắng ngần. Hai chú bé sung sướng quá, thế là hôm nay chúng được no nê rồi.

Ngày hôm sau, con cun cút cũng bảo hai anh em ra lấy gạo. Vừa mới lấy xong, nó lại bảo ra lấy nữa. Cứ như thế suốt ngày, đến chiều tối thì chẳng còn thùng mủng nào để nhả đựng gạo. Không còn cái đựng, hai chú bé đành phải đổ gạo ra nền nhà. Con cun cút lại hót tiếp:

— Pi pi cau, pi pi cau!

Cho tôi vào trong nhà mau!

Tôi sẽ đẻ trứng rõ nhiều.

Hai chú bé đưa con chim vào nhà, chẳng bao lâu khắp mấy gian nhà đã đầy ắp gạo.

Từ hôm đó, hai chú bé mồ côi được sống no đủ. Hàng ngày chúng mang gạo vào làng đổi lấy thịt, lấy rau, lấy áo quần và những đồ dùng khác.

Tiếng đồn về hai anh em mồ côi cha mẹ bỗng chốc thừa thừa gạo thóc đã bay đi khắp làng trên xóm dưới. Một hôm ông chú đến tận nhà các cháu mình hỏi:

— Có phải dạo này hai cháu thừa thóc gạo ăn rồi phải không?

— Thừa cha, vâng ạ. — Hai đứa bé đồng thanh đáp.

Từ ngày mồ côi cha mẹ, hai anh em vẫn coi chú như cha, mặc dù ông ta đối xử với các cháu còn tệ hơn cả người đứng nước lã.

Ông chú chấp tay sau lưng bước vào nhà. Lập tức, ông ta lóa mắt vì thóc gạo và sinh lòng tham lam, ghen tức: «Bọn nhãi này mà lại nhiều gạo thóc hơn vợ chồng ta à?» — Ông ta nghĩ. Cố nén lòng ghen tỵ, ông ta ra về ôn tồn hỏi:

— Các cháu làm thế nào mà lại có nhiều thóc gạo thế? Đổ gạo ngay trên nền nhà thế này không khéo bị mốc hết mất thôi.

Hai anh em nhìn nhau dò hỏi không biết có nên nói hết mọi chuyện ra không thì ông chú lại nói tiếp:

— Chú thấy hai anh em mày không cày cấy, gặt hái gì cả mà lại lắm gạo, nhiều thóc thế thì chỉ có đi ăn trộm.

Nghe chú nói vậy, hai anh em liền kể cho chú nghe đầu đuôi câu chuyện về con chim cun cút. Ông ta vừa lắng tai nghe vừa đảo mắt nhìn nghi nghi hoặc hoặc. Biết chú mình chưa tin hẳn, hai anh em nói:

— Chú chờ một lúc nữa xem, nó sắp hót bây giờ đây.

Quả nhiên, ông chú ngồi chưa ấm chỗ thì con chim cun cút đã hót.

— Pi pi cau, pi pi cau!

Đầy rồi đấy, đầy rồi đấy,

Chuyến tôi mau, chuyến tôi mau!

Ông chú đứng dậy nhìn vào cái thúng thì thấy quả thực gạo đã đầy đến miệng. Máu tham đã dồn lên mặt, ông chú nhìn con cun cút chằm chằm và nói:

— Độ này nhà chú túng bấn quá, chẳng còn lấy một hạt gạo nào bỏ vào nồi. Các cháu cho chú mượn con chim này ít bữa nhé. Tạm đủ gạo ăn chú sẽ đem chim đến tận nhà trả các cháu.

Tin chú như cha, hai chú bé đưa cho chú mượn con chim cun cút và dặn dò chú chăm sóc con chim cẩn thận.

Ông chú nói qua quýt rồi vội vàng ôm con chim về nhà mình. Vừa về đến nhà ông ta đã đồng tai lên chờ con chim cun cút hót. Một lúc sau thì con chim hót thật:

— Pi pi cau, pi pi cau!

Đặt tôi vào rổ, đặt tôi vào rổ

Tôi sẽ đẻ trứng thật nhiều.

Ông chú cuống cuống đem rổ tới, đặt con chim vào rồi cứ hong hong nhìn. Ông ta nóng ruột nóng gan bước qua bước lại. Một lúc sau, con cun cút hót:

— Pi pi cau, pi pi cau!

Ông chú chạy bỏ đến cái rổ, lật lên xem sao thì, gạo thóc chẳng thấy đâu mà toàn là cám bổi! Tức quá, ông ta nghĩ là con chim cun cút đã chơi xỏ mình. Ông ta có biết đâu rằng hai đứa cháu mình đã từng phải ăn thứ cám bổi ấy qua ngày. Cho bở tức, ông chú liền

bóp chết con chim của cháu mình, đem làm thịt rồi nướng chả ăn.

Được ít ngày, khi thóc gạo trong nhà đã vơi, hai đứa bé dắt nhau đến nhà chú xin lại con chim thì ông chú nói:

— Con chim ấy không đẻ ra thóc gạo nữa nuôi làm gì cho tốn cơm. Tao đã làm thịt ăn rồi, tiếc làm gì cái con chim điều chác ấy.

Hai đứa bé thương xót con chim, òa lên khóc nức nở. Chúng hỏi chú có còn giữ lông và xương chim không thì ông ta gật:

— Cả con chim tao còn chẳng tiếc nữa là lông với xương chim. Lông thì tao đốt rồi, còn xương thì tao vứt vào bếp, có tiếc thì vào trong ấy mà tìm.

Hai anh em bảo nhau vào bếp bới tro than để nhặt xương chim mang về. Chúng lau sạch từng cái xương nhỏ xiu rồi đem chôn cất cẩn thận ở góc vườn.

Ba ngày sau, hai anh em rủ nhau ra thăm mộ con chim cun cút thì thấy trên đó mọc lên một thân cây nhỏ, lá sắc nhọn như dao.

Sau ba ngày nữa, hai chú bé mồ côi lại ra thăm mộ chim. Lần này cái cây lớn nhanh như thổi, thân cành cứng như sắt luyện.

Tiếp ba ngày nữa, cái cây kia đã cao lớn, cành lá um tùm rợp mát một góc vườn. Hai chú bé vui mừng lắm chúng trèo lên cây ngắt vài chiếc lá đem về cắm vào lọ cho vui cửa vui nhà.

Cứ ba ngày một lần hai chú bé lại đến thăm cái cây của chúng. Một lần, hai anh em nhìa lên cành cây thì thấy có một bông hoa bằng vàng lấp lánh. Ngày lại ngày, những bông hoa bằng vàng đua nhau nở rộ, những

cánh hoa vàng lá tả rụng đầy mặt đất. Hai anh em nhặt hết về nhà, mang cánh hoa bằng vàng đi đổi lấy gạo thịt, mua sắm nhiều thứ đồ dùng quý giá.

Lời đồn đại về hai chú bé mồ côi cha mẹ bỗng nhiên trở nên giàu có đã đến tai nhà vua xứ này. Ông ta không tin ở đây lại có người nhiều vàng bạc, châu báu hơn mình. Nhưng khi biết rõ qua thực kho báu của nhà vua chẳng thấm gì vàng bạc của hai chú bé mồ côi thì nhà vua liền phán:

— Tất cả của cải trên vương quốc này là của ta, của ta hết thảy.

Nhà vua thân hành đến tận nơi xem cái cây nở hoa bằng vàng kia và lệnh cho quân lính ngả xuống đem về cung cấm. Thân cây, cành cây đều cứng như sắt nên dao nào chém vào cũng bị quăn, bị mẻ. Hết toán lính này đến toán lính khác thay nhau chặt mà cái cây vẫn không nhúc nhích. Thấy thế, nhà vua tức lắm, ông cho gọi hai đứa bé mồ côi kia lại bảo: Nếu cái cây này đúng là của hai anh em mày thì mày thử chặt xem sao!

Hai đứa bé mồ côi, mỗi đứa cầm một con dao với bằng tre đến bên gốc cây kia. Chúng chỉ khẽ chạm vào thân cây, tức thì cả cây từ từ nằm rạp xuống trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Từ đó hai chú bé sống yên vui với cái cây quý báu của mình.

CHUYỆN VỀ ANH LÍNH XU-RA

(TRUYỆN CỔ GIA-VA)

Ở Mang-ku-ne-ga ngày xưa có một người chiến binh tên là Xu-ra Meng-ga-la, cái tên này có nghĩa là ngoan cường, dũng mãnh. Tiếng thế nhưng Xu-ra lúc nào cũng túng thiếu, trong túi anh chẳng có lấy một xu.

Vốn là người hào hoa phong nhã, hoàng tử xứ này rất mến và thương Xu-ra. Mỗi khi gặp Xu-ra, hoàng tử đều cho anh ta tiền đồ tiền. Nhưng anh lính Xu-ra vẫn không khá lên được—nghèo vẫn hoàn nghèo. Thấy vậy, hoàng tử quyết định bí mật tạo cho anh lính mà mình yêu mến một cuộc sống tốt đẹp hơn. Một hôm, hoàng tử cho gọi Xu-ra đến. Chàng sai anh đem một phong thư đến cho một vị quan to ở Vô-nô-gi-ri cách đó hàng vài chục dặm. Để anh có tiền ăn đường, hoàng tử còn cho Xu-ra một đồng bạc trắng. Xu-ra cầm phong thư và đồng bạc trong tay, nghĩ đường xa vất vả mà hận đời. Anh vừa lê bước vừa thở dài thườn thượt. Đồng anh gặp người bạn thân tên là Re-xa Ka-ri-a. Xu-ra đem tình cảnh của mình kể cho bạn nghe. Họ nói chuyện với nhau hồi lâu, tâm hồn thông cảm lắm. Xu-ra thì ngại đường xa phải ăn uống, ngủ cầu, còn Re-xa thì lại đang cần có tiền tiêu và đi cho biết đây biết đó. Cuối cùng, họ chia nhau đồng bạc và thỏa thuận: Re-xa sẽ mang phong thư đi, còn Xu-ra ở lại lần quát dẫu đó để hoàng tử không trông thấy ít ngày.

Đến Vô-nô-gi-ri, Re-xa trao ngay phong thư cho vị quan ở xứ này. Xem xong thư, vị quan vui vẻ bảo

Re-xa ở lại sống với ông. Vị quan này đối đãi với Re-xa thân tình như ruột thịt vậy. Ở nhà ông quan, Re-xa được mặc đẹp, ăn không biết bao nhiêu là của ngon, vật lạ. Re-xa chẳng biết hoàng tử đã viết những gì cho vị quan xứ này mà ít lâu sau ông gả người con gái yêu kiều, lộng lẫy của mình cho Re-xa. Sau khi cưới được ít ngày, Re-xa liền dẫn cô vợ trẻ đẹp về quê để tạ ơn hoàng tử và thăm hỏi họ hàng làng nước.

Tin về một đôi vợ chồng trẻ từ Vô-nô-gi-ri tới xin gặp hoàng tử đã đến tai Xu-ra. Anh đi xem mặt thì hóa ra người chồng chính là bạn thân nối khố của anh. Xu-ra hỏi Re-xa mọi chuyện, còn Re-xa cũng chẳng giấu diếm gì. Xu-ra tiếc ngân, tiếc ngọc. Anh nghĩ: «Thật đúng miếng ăn đến miếng mà bỏ lỡ. Thế có đáng chết không cơ chứ?»

Hôm ấy, Re-xa đã đãi Xu-ra một bữa cơm rất ngon lành. Đến bữa ăn, Xu-ra trông thấy một cô gái đẹp mê hồn bung cơm rượu ra mời; anh hỏi bạn thì Re-xa khoe đó chính là vợ mới cưới của mình—con gái của vị quan ở Vô-nô-gi-ri. Xu-ra chết lặng người đi, nghĩ: «Đúng là mình lại bị chết lần thứ hai!». Cơm nước xong xuôi, Xu-ra ngộ ý muốn bạn giúp cho một ít tiền. Nhưng thật không may cho anh, trong túi Re-xa lúc ấy chỉ còn mỗi một đồng tiền bạc. Cầm đồng bạc ra về, Xu-ra bước đi như người mất hồn, mất vía. ☹

Đến tận hôm vợ chồng Re-xa vào cung, hoàng tử mới biết Xu-ra đã không đích thân mang phong thư của chàng đến Vô-nô-gi-ri mà lại truyền tay cho bạn mình. Tuy vậy, hoàng tử không lấy thế làm giận Xu-ra, trái lại, càng thương người lính tội nghiệp hơn.

Một hôm, hoàng tử cho gọi Xu-ra vào cung. Xu-ra vừa đi vừa nghĩ: «Thôi phen này thì ta bị tội nặng

rồi». Nhưng đến nơi thì mọi điều lại khác hẳn với những gì anh lo sợ từ lúc ở nhà. Hoàng tử vẫn nói chuyện thân mật với anh như trước đây. Lúc Xu-ra cáo lui, chàng còn cho anh một quả dưa hấu rõ to.

Xu-ra vác dưa hấu về nhà, trên đường đi anh ghé vào một quán nước quen để mua thuốc hút. Lần tới mua hàng con đồng xu nào, Xu-ra nảy ra ý định bán cho bà chủ quán quả dưa để lấy tiền mua thuốc hút và vài thứ lặt vặt.

Hôm sau, bà chủ quán mới bỏ quả dưa hấu ra ăn. Bà lão sững sờ thấy trong ruột quả dưa toàn là châu báu ngọc ngà. Tin đồn về bà lão bán hàng mua được quả dưa bên trong toàn là của quý bay đi khắp nơi. Biết tin đó, Xu-ra tái người đi, anh nghĩ thầm: «Thế là ta bị chết lần thứ ba. Thật khốn khổ tấm thân này!».

Giữa lúc Xu-ra đang oán trách số phận thì có lính tử trong cung ra, giao cho anh bức thư để anh mang đến cho một ông quan ở kinh thành khác. Xu-ra lại khấp khểnh mừng thầm trong bụng, rằng cuộc đời mình từ nay về sau biết đâu lại chẳng đến nỗi nào. Lần này, anh không nhờ vả ai, không la cà vào hàng quán nào mà đi một mạch thẳng đến chỗ ông quan nợ.

Xu-ra đang nóng lòng chờ xem bức thư của hoàng tử nói gì thì ông quan mở thư ra, đồng đọc đọc: «Kể mang thư này đã hai lần làm trái ý ta. Lệnh giam vào ngục hai tháng».

Xu-ra kinh hoàng quá, anh gục xuống đất, than «Phận này thì ta chết thật rồi!».

NHỮNG TRUYỆN VỀ XI KE-BAI-AN

(TRUYỆN CỔ SUN-ĐA)

Ngày xưa, có một anh chàng tên là Xi Ke-bai-an nổi tiếng là khôn ngoan, lắm mưu, nhiều mẹo. Vì túng thiếu nên anh phải vay nợ của một người Ả-rập chuyên cho vay nặng lãi. Ngày này rồi tháng khác, lãi mẹ đẻ lãi con đến nỗi Xi Ke-bai-an không làm sao trả được nợ nữa. Anh đành tìm cách đánh tháo nợ. Một hôm, đoán là thế nào chủ nợ cũng đến nhà đòi, anh bàn với vợ bà lừa hân.

Xi Ke-bai-an tắm bằng nước dừa cho người mình nhóp nhép, đem lông gà, lông vịt dán lên kín người rồi chui vào chuồng gà nằm. Người Ả-rập đến nhà không thấy Xi Ke-bai-an đâu thì bức lắm. Vợ Xi Ke-bai-an nhún nhún tiếp chủ nợ rồi kể với ông ta rằng chồng chị vừa bắt được một con chim lớn trong lá lông lừa, còn Xi Ke-bai-an thì đang vào triều bâu cho nhà vua biết.

Nghe nói có con chim lạ, người chủ nợ cứ ngỡ nặc dôi xem bằng được, mặc cho vợ Xi Ke-bai-an hối lời can ngăn. Ông ta ra tận chuồng gà xem, cúi xuống ngó vào bên trong. Chồng nhìn chưa rõ, ông ta mở hãm cửa chuồng ra. Vừa lúc đó, Xi-ke-bai-an nhảy tót ra ngoài, vừa múa may quay cuồng vừa kêu lên the the rồi chạy mất hút.

—Thôi thế này thì nguy to rồi, chim diều nhà vua mà ông lại làm zông mat thì tôi biết nói với nhà vua.

và chồng tôi ra sao. - Vợ Xi Ke-bai-an bủ lu bủ loa khóc mếu.

Thấy vậy, người Á-rập cho vay nặng lãi sợ quá. Ông ta thề sống thề chết là sẽ xóa nợ cho vợ chồng Xi Ke-bai-an nếu họ giữ mồm giữ miệng không kể chuyện này cho ai.

..

Xi Ke-bai-an cũng nổi tiếng là kẻ lười nhác. Suốt mấy anh ta nằm chây thây chây xác trên giường, mặc cho công việc nhà cửa bừa bộn.

Một hôm, ông bố vợ sai anh ra vườn, trảy ít quả nang-ka vừa chín tới. Xi Ke-bai-an uể oải ngồi đây, đứng thững ra vườn. Anh leo lên cây, bứt vài quả, xuống đi rồi lại vào giường nằm. Thấy vậy, ông bố vợ hỏi Xi Ke-bai-an quả nang-ka đâu. Xi Ke-bai-an giả vờ ngủ ngáy:

- Thế chúng nó chưa về nhà à?

- Ai chưa về kia? Anh nói gì lạ vậy? - Ông bố vợ ngơ người ra.

- Những quả nang-ka ấy, thừa cha. - Xi Ke-bai-an nói. - Con đi ném chúng xuống đất, chắc những quả chín già ấy lú lẩn quên mất đường về rồi.

- Lười đến mức này thì quá lắm!

..

Chuyện chẳng hiểu đầu cua tai nheo thế nào mà người ta lại đồn đại rằng Xi Ke-bai-an có tài cầu đảo gió mưa. Ở trong làng, hề có đám giỗ chạp nào là người

ta lại mời Xi Ke-bai-an đến để cầu trời đừng mưa làm ướt khách. Xi Ke-bai-an gặp may được vài lần, những hôm anh được mời ăn cỗ, trời quang mây tạnh. Ai cũng nghĩ rằng nhờ có Xi Ke-bai-a khẩn vái trời mới đẹp thế. Một bữa, Xi Ke-bai-an vừa mới đến đám cỗ thì trời bỗng tối sầm, rồi gió nổi lên thổi bụi đất bay mù mịt. Các chàng rể, Xi Ke-bai-a phải đi ra sân giả vờ nhia trời, nằm dất làm rằm khăn. Hôm ấy, mới nổi gió thế thôi chứ không mưa; được một lúc thì trời quang đãng. Thật há vía. Nhưng cũng từ hôm ấy, tiếng đồn về thầy mo Xi Ke-bai-an càng lan rộng.

Hôm khác, Xi Ke-bai-an lại được người ta mời đi ăn cỗ. Anh vừa đến nơi thì trời đổ mưa như trút. Xi Ke-bai-an liền nhanh trí chạy ra sân, cầm dao găm mưa từ trên đầu. Trời mưa xối xả được một lúc thì dần dần tạnh. Thấy thế, Xi Ke-bai-an đắc chí nói với chủ nhà:

- Ông thầy chưa? Nếu tôi không cầu trời tạnh thì mưa lụt cả làng chứ chẳng đùa đâu!

..

Ở làng Xi Ke-bai-an thường có bốn người cùng đi ra rừng bắt cá. Một lần, sau khi bắt được rất nhiều cá họ cùng nhau trở về làng. Đang đi, bỗng có một người trong bọn họ nói:

- Lúc đi cánh ta có bốn người cả thầy, sao bây giờ chỉ còn có ba nhĩ? Có ai bị chết đuối chung?

Nghe thấy thế họ liền quay ra đếm lẫn nhau, đếm đi đếm lại vẫn chỉ có ba người.

Vừa lúc đó họ nhìn thấy Xi Ke-bai-an từ xa đi lại. Cả bọn xúm vào hỏi Xi Ke-bai-an xem có phải bọn họ

thiếu mất một người không. Nhắc qua, Xi Ke-bai-an đã điết ngay là bọn này toàn những tay ngớ ngẩn, ai cũng đếm người khác mà không tính cả mình vào. Nhân đó, Xi Ke-bai-an nghĩ ngay ra được một mẹo đánh lừa cả mấy người kia. Xi Ke-bai-an ra về đêm chiều nghĩ ngợi rồi giả vờ giật mình, nói:

— Thôi nguy to rồi, kẻ thứ tư trong cánh các anh là ma hiện hình mà không ai biết à?

Nghe nói ma hiện hình, cả bốn người nọ hoảng hốt quăng cả giỏ cá, chạy bán sống bán chết mỗi người một ngã. Lúc đó, Xi Ke-bai-an mới ung dung đem những giỏ cá nặng trĩu về.

..

Có một lần, Xi Ke-bai-an cùng ông bố vợ vào rừng bắt bẫy. Xi Ke-bai-an thì đào hố bẫy hươu, nai; còn ông bố vợ thì đặt bẫy chim ngay gần đó.

Hôm sau, ông bố vợ vào rừng thăm bẫy từ sáng tinh mơ. Thấy cái bẫy của mình chẳng có gì, còn bẫy của Xi Ke-bai-an thì có một con hươu non đang nằm im trong hố, ông ta liền kéo con hươu lên, trời lại rồi đặt vào bẫy của mình. Việc vừa xong xuôi thì Xi Ke-bai-an đến. Ông bố vợ tỉnh kh) nói với con rể:

— Con lại mà xem này, một con hươu non đêm qua đã sa vào bẫy của bố.

Xi Ke-bai-an lẳng lặng chẳng nói chẳng rằng.

Buổi chiều, ở nhà cơm nước đã dọn sẵn rồi mà không thấy Xi Ke-bai-an đâu. Đợi lâu quá, ông bố vợ bèn đi tìm Xi Ke-bai-an thì thấy anh đang ngồi chằm chú nhìn xuống mặt sông. Thấy ông, Xi Ke-bai-an nói to:

— Bố ơi, bố lại mà xem sông chảy ngược này.

— Làm gì có chuyện lạ đời ấy. — Ông bố vợ nói.

— Hươu còn bị sa vào bẫy chim được nữa là... sông chảy ngược thì có gì là lạ. — Xi Ke-bai-an trả miếng.

Ông bố vợ điếng người không còn biết nói sao.

TRUYỆN VỀ ANH CHÀNG

GIÒ-NA-KHA

(TRUYỆN CỔ XU-MA-TÔ-RA)

Ngày xưa, ở một làng nọ có một anh chàng tên là Giò-na-kha. Bố Giò-na-kha mất sớm, hai mẹ con anh tháng ngày tần tảo nuôi nhau. Ngay từ nhỏ, Giò-na-kha đã là một chú bé tinh ranh, láu cá. Càng lớn, Giò-na-kha càng tỏ ra khôn ngoan, lăm mưu nhiều mẹo.

Tuy thế, do làm cò bạc quá nên có lần anh đã bị mấy tay nhà giàu trong làng chuyên chơi cò bạc bịp vét túi sạch sành sanh. Không còn lấy một dính để mua gạo, mua rau nuôi mẹ, Giò-na-kha đành phải ngửa tay vay tiền của mấy nhà giàu nọ; mặc dù trông trước, trông sau anh cũng chưa thấy có món nào để trả nợ.

Giò-na-kha định bụng sẽ vay tiền của cả ba người một lúc. Anh hẹn với người chủ nợ đầu tiên là bảy ngày sau sẽ trả, người thứ hai mười ngày, người thứ ba mười hai ngày.

Giật tiền vào lưng rồi, Giô-na-kha đi mua gạo, rượu thịt về ăn.

Bảy ngày thắm thoát trôi qua, không thấy Giô-na-kha đem trả tiền, người chủ nợ đầu tiên đến tận nhà anh để đòi. Biết trước thế nào người này cũng đến đòi nợ, Giô-na-kha đã mua mấy miếng thịt to rồi đem giấu xuống dưới hòn đá mài ngay cửa bếp. Thấy chủ nợ đến, Giô-na-kha vốn vả mời vào nhà và bảo mẹ sắp rượu, thịt thết khách. Nghe con nói, bà mẹ giật mình vì bà biết trong bếp chẳng còn miếng thịt nào. Nhưng Giô-na-kha vẫn thản nhiên nói với mẹ:

— Thế mẹ quên rồi à? Con dao thần của nhà ta đâu? Cứ đem liếc vài nhát vào hòn đá kia là có thịt chến thôi mà.

Nghe Giô-na-kha nói, người chủ nợ vốn có máu tham lam, muốn biết chuyện con dao thần hư thực thế nào. Ông ta theo Giô-na-kha ra cửa bếp để xem anh mài dao lấy thịt. Giô-na-kha rút trên liếp con dao mọi ngày vẫn dùng thái rau, liếc vài ba nhát lên hòn đá mài. Trước con mắt tò mò của người chủ nợ, anh lật hòn đá, nhắc lên mấy miếng thịt lợn vẫn còn tươi nguyên. Thấy vậy, người chủ nợ liền gạ gán món nợ kia lấy con dao quý. Giô-na-kha ra vẻ nể nang ưng thuận. Anh dẫn đi dẫn lại ông nhà giàu kia phải đứng lấy ngày nữa thì mới được mài dao, nếu không, nó sẽ mất hết phép thần.

Ông nhà giàu tham lam kia cầm con dao nhỏ cuống quýt chạy về nhà mình. Chưa kịp nghỉ cho ráo mồ hôi, ông ta đã mang dao ra mài lấy mài để rồi mím môi mím lợi lật hòn đá lên xem đã có thịt chưa. Thịt chẳng thấy đâu mà chỉ có bùn với mấy con giun đất. Tức quá

ông ta chạy đến nhà Giô-na-kha, định bụng mắng anh một trận. Chẳng ngờ, ông ta lại bị Giô-na-kha nói tát vào mặt vì thói háu ăn, không chờ được bảy ngày như anh đã dặn. Ông nhà giàu biết lỗi tại mình, đành lui thủ cầm con dao nhỏ ra về.

Qua mười ngày, người chủ nợ thứ hai đến tận nhà Giô-na-kha đòi tiền, nhưng anh vắng nhà. Theo lời mẹ anh, người chủ nợ ra tận ngoài đồng để tìm. Đến nơi, ông ta thấy Giô-na-kha đang gác chân nằm khểnh trong lều thổi sáo. Mặc dù đang tức, ông ta cũng cố nhịn để hỏi Giô-na-kha xem tại sao anh lại nằm chơi trong lúc công nợ chưa trả, cỏ lúa mọc đầy. Giô-na-kha nhồm đậy nói:

— Từ xưa đến nay, nhà tôi có bao giờ làm cỏ lúa đâu. Cha tôi mất đi, để lại cho tôi cây sáo thần này, mỗi lần tôi thổi sáo, cỏ dại, sâu rầy đều chết hết, còn lúa thì cứ tốt bởi bởi...

Nghe Giô-na-kha nói thế, người chủ nợ này tin liền. Ông ta hứa sẽ xóa nợ cho Giô-na-kha, nếu anh bằng lòng nhường lại cây sáo. Giô-na-kha cũng dằn dò ông ta là bảy ngày sau mới được mang sáo ra thổi. Ông ta mừng quýnh, chỉ ậm ừ cho quá chuyện rồi mang sáo về nhà. Vừa mới đến đầu ngõ, ông ta đã rút sáo ra, phồng mang trợn mắt thổi. Thổi được một lúc, ông ta lại chạy ra ruộng lúa của mình xem sao: trước thế nào thì bây giờ vẫn thế. Hôm sau, ông ta dậy thật sớm, vác sáo ra tận bờ ruộng, thổi suốt từ sáng đến chiều: ruộng của ông ta cỏ dại vẫn trùm kín lúa. Không nhịn được nữa, hôm sau, người chủ nợ này trang cây sáo đến tận nhà Giô-na-kha, chỉ vào mặt anh trách móc. Nhưng Giô-na-kha điềm nhiên nói:

— Tôi đã chẳng nói với bác từ trước rồi là gì? Chưa được bảy ngày mà bác đã thôi để sáo mất phép thần thì lỗi tại bác hay tại tôi nào? Tôi chưa trách bác thì chớ chứ bác lại còn...

Nghe Giô-na-kha nói thế, ông ta hăm hực, cầm cây sáo giống như trăm nghìn cây sáo khác ra về.

Đã đến ngày hẹn trả tiền cho chủ nợ thứ ba. Hôm ấy, Giô-na-kha vào cuộc ra đồng sáo. Anh dặn mẹ là có ai tìm gặp anh thì cứ ra tận ruộng, còn lúc nào con vẹt khôn ngoan mà anh mang theo bay về nhà thì mẹ nhớ mang cơm ăn, nước uống ra cho anh.

Người chủ nợ thứ ba thấy Giô-na-kha không mang tiền đến trả thì đến tận nhà tìm. Không thấy anh ở nhà, ông ta tức tốc ra tận ruộng. Giô-na-kha đứng cuộc ở gần bờ, ngồi nói chuyện vãn với người chủ nợ đến gần trưa. Ông này sốt ruột lắm, cứ mấy lần định nói chuyện tiền nong thì Giô-na-kha lại lái sang chuyện khác. Khi trời sắp tròn bóng nắng, anh thả con vẹt đã được dạy dỗ nhớ lời bay về nhà ra. Trước khi tung con vẹt lên, Giô-na-kha vuốt ve, âu yếm nói với nó:

— Vẹt ngoan, bay về nhà báo mẹ mang cơm canh ra đây cho anh nhé!

Được một lúc, bà mẹ Giô-na-kha xách giỏ cơm đến cho anh. Theo sau lưng là con vẹt vừa bay vừa hát. Thấy thế, người chủ nợ ngạc nhiên, thích thú lắm. Ông ta càng mê con vẹt hơn khi Giô-na-kha nói rằng mẹ con anh lâu nay vẫn sai con vẹt đi vì việc này việc nọ. Người chủ nợ này giàu có là thế nhưng lại nghèo khổ về đường con cái. Vì vậy ông ta càng muốn có con vẹt khôn ngoan kia cho vui cửa vui nhà và sai bảo khi có công việc. Giô-na-kha biết mình đã lừa dối được ông chủ nợ kia, nhưng vẫn cứ ra về không e ngại ông ta

phải năn nỉ mãi rồi mới thuận lòng. Ông ta xóa nợ cho Giô-na-kha, rồi đem vẹt về nhà.

Chiều hôm ấy, ông ta bắt chước Giô-na-kha, thả con vẹt ra và bảo nó đi mời ông bạn cố tri của mình đến ăn cơm. Con vẹt vừa được thả ra liền bay về nhà Giô-na-kha, nhưng nó quên mất lời nên đành phải bay vào rừng sông. Người chủ nợ thứ ba cũng bị lừa nốt; bạn cố tri thì chẳng thấy đâu mà con vẹt kia cũng biến mất tăm.

Biết thế nào rồi mấy người chủ nợ giàu có và tham lam kia cũng xúm nhau lại làm rầy rà mình, Giô-na-kha cùng mẹ già khăn gói sang làng khác ở.

CHÀNG NGỐC ẲN TRỘM

(TRUYỆN CỔ BI-MAN)

Ngày xưa, có một chàng khờ khờ ngốc nghếch tên là Ban-gô. Anh ta ngốc đến nỗi trở thành hoang sung cho cả làng đâm tiếu. Một hôm, anh ta đang lơ ngơ trên đường thì gặp hai gã chuyên ăn trộm. Biết Ban-gô ngốc ngẩn, xui cái gì cũng nghe, hai tên ăn trộm rủ anh cùng đi « làm ăn » một chuyến.

Đột cho trời tối hẳn, hai gã chuyên ăn trộm dắt anh một người lái buôn giàu có thuê rương. Hai tên trộm bảo Ban-gô chui qua cái lỗ dưới chân rương vào khuôn đồ đạc trong nhà ra. Thấy Ban-gô lúng ta lúng túng

chúng đẩy Ban-gô vào và đến cửa thấy cái gì cũng chết thì lấy.

Hai tên trộm sốt ruột đứng đợi ở ngoài, còn Ban-gô thì lần mò sờ một vật này, sờ một vật kia ở trong nhà người lái buôn. Một sau, hai một tìm được một vật rất đẹp, phải công hoa mới đem ra được. Hai tên trộm nhìn nhau xỏ đến, họ cũng tưởng là vật quý báu lắm. Bèn chằng buộc lấy, rồi đưa thì nhau cẩn thận vào nhà. Ban-gô. Sau đó, hai tên trộm lại dấu dấu lên anh chui vào nhà. Lần này, chúng dẫn Ban-gô: « Trong bóng tối, cứ thấy cái gì trắng trắng thì bẻ ra ». Ban-gô sờ sệt ở trong nhà mãi mới tìm được một vật trắng như ngọc. Chẳng biết là cái gì, anh cứ thế ôm ra ngoài. Hai tên trộm lại phấp phồng mừng thầm: « Phen này thì mình vô bờ đây ». Dưới ánh sao mờ mờ, chúng lật đi lật lại xem là cái gì thì té ra là... cái giỏ đựng lông gà lông vịt. Không nhận được nữa, một tên trong bọn mắng Ban-gô: « Mày lời của họ này ra làm gì? »

Ban-gô hoảng sợ sệt gì cứ nói bô bô:

— Thì chẳng biết trắng là gì đây. Ban này, nghe các anh chui ra cái gì nặng nhất cũng bị mắng, giờ cái gì trắng trắng cũng bị mắng. Thôi các anh thôi cái gì thì cứ vào trong ấy mà chọn, tôi chịu thôi.

Thấy Ban-gô nói to, sợ chủ nhà biết, hai tên trộm lại nén cơn tức giận, thì thầm: đồ dành anh lại chui vào nhà một lần nữa. Lần này, chúng dẫn Ban-gô thấy cái gì đỏ đỏ thì đem ra. Hai tên trộm nghĩ bụng: « Trong bóng tối, cái gì đỏ đỏ chắc chỉ là vàng thôi ».

Ban-gô quờ quạng khắp mọi xó nhà mà không thấy cái gì đỏ đỏ cả. Cuối cùng, anh lần mò vào bếp. Thấy bếp còn ấm và có những vật gì đỏ hồng trong đó. Ban-gô liền tháo ngay khăn trên bàn ra, nhét vật gói

vào. Anh vừa mới đi được vài bước thì khàn khàn. Những cục than hồng thì nhau vài ca nấp nhà. Thấy vậy, Ban-gô gọi toáng lên:

— Rồi hết hết rồi các anh ơi!

Nghe động, chủ nhà tỉnh dậy quát to:

— Ai?

— Tôi, Ban-gô đây má! — Chúng ngạc nhiên.

— Đêm hôm này chui vào nhà tao làm gì?

— Tôi... tôi cũng với hai anh nữa đi ăn trộm má! —

Ban-gô thật thà trả lời.

Nghe Ban-gô nói thế, hai tên trộm hoảng sợ ù té chạy. Còn Ban-gô thì cứ đứng như trời trồng. Mọi người trong nhà lục tục dậy cả, đốt đèn, cầm dao, cầm gậy vây bắt lấy Ban-gô. Cả nhà xúm vào hỏi. Còn chàng ngọc cũng kể lại đầu đuôi sự việc chẳng dấu diếm tí gì. Mọi người vừa thương hại chàng ngọc vừa được một bữa cười non ruột. Nhưng cũng kể từ hôm đó, Ban-gô thành người làm trong nhà lái buôn nọ. Ít lâu sau, anh trở thành một người khôn ngoan, biết làm ăn. Không ai còn gọi anh là « dốt » nữa.

ĐA-ÚT VÀ SA-PI-LA

Ngày xưa, ngày xưa, ở một làng nọ, nhà kia có hai đứa con trai, đứa lớn tên là Đa-út, còn đứa nhỏ tên là Sa-pi-la. Tiếng là hai anh em ruột nhưng Đa-út và Sa-pi-la khác nhau như nước với lửa, như đêm với

ngày, như trời với đất. Càng lớn, Đa-út càng đẹp trai, càng chững lăm và tốt bụng. Còn Sa-pi-la, trái lại càng xấu xí, biếng lười và độc ác.

Một hôm, người cha sai hai con ra đồng cấy ruộng. Đa-út vâng lời cha vác cây, dắt trâu xuống ruộng làm ngay. Còn Sa-pi-la thì cứ nằm gác chân trên bờ chán rồi lại giả vờ ôm bụng nôn ọe. Thấy thế, Đa-út lo sợ quá, anh bỏ trâu chạy đến xem Sa-pi-la có làm sao không? Đa-út càng lo lắng bao nhiêu thì Sa-pi-la càng giả vờ đau bụng bấy nhiêu. Khi thấy Sa-pi-la đỡ đau, Đa-út đặt Sa-pi-la nằm nghỉ dưới bóng cây râm mát, còn mình thì lại mải miết cấy ruộng.

Khi mặt trời ngả xuống đằng tây thì Đa-út đã cấy xong cả mấy thửa ruộng của nhà mình. Mặt mũi, áo quần, chân tay Đa-út lấm lem bùn đất; anh đã định vào cây vè nhà thì Sa-pi-la nói:

— Anh Đa-út ơi! Người anh lấm láp thế kia, anh đi tắm đi kẻo về cha mắng đấy. Anh cứ để cây và trâu đó em đưa về nhà cho.

Nghe theo em trai, Đa-út ra bờ biển tắm. Đa-út vừa mới đi khuất, Sa-pi-la đã lấy bùn bôi vào khắp mặt mũi, áo quần rồi dắt trâu về nhà.

Người cha thấy chỉ có Sa-pi-la đi về thì hỏi Đa-út đâu. Đa-út có rấp tấm lấm hại anh trai từ trước, Sa-pi-la nói dối không ngưng mồm:

— Thưa cha! Mỗi một mình con làm lụng từ sáng đến giờ, anh Đa-út đi chơi những đâu con chẳng biết gì!

Thấy Sa-pi-la quần ống thấp, ống cao, mặt mũi chân tay đầy bùn đất, người cha tin ngay những lời của hắn. Ông bèn bưng tức giận vì nghĩ rằng Đa-út đi không vâng lời, rong chơi suốt ngày để Sa-pi-la một mình vất vả.

Vừa lúc đó, Đa-út sạch sẽ thong dong bước vào sân. Vừa nhìn thấy mặt Đa-út, người cha đã quát ầm lên, mắng mỏ anh thậm tệ. Ông ấn vào tay anh một món tiền nhỏ rồi đuổi anh ra khỏi nhà.

Sa-pi-la ngồi náu trong bếp đã nghe thấy tất cả, nhìn thấy tất cả; nhưng đã không thương anh thì chớ, hắn còn nảy ra ý muốn năn nỉ của anh cả món tiền còn trên. Sa-pi-la chạy theo Đa-út nói rằng hắn sẽ cùng đi với anh để chia sẻ mọi nỗi vất vả, nhọc nhằn trên đường kiếm kế sinh nhai.

Đêm ấy, Đa-út và Sa-pi-la đi hết làng này sang làng nọ. Tảng sáng hôm sau, vừa đến cổng làng, hai anh em gặp một người ăn xin tiền tỵ. Đa-út rút trong bọc ra một đồng tiền rồi đặt lên lòng tay của người ăn xin. Người này tạ ơn Đa-út, biểu anh một mũi tên và nói « sẽ có lúc anh cần đến nó ».

Đa-út và Sa-pi-la lại đi tiếp. Một hôm, hai người đi đến một thành phố lớn. Ở đây, Đa-út nghe nói có một con quái vật vừa bắt cóc công chúa Sa-pa-va-ti. Để cứu công chúa, bao nhiêu trai tráng đã ra đi mà không một ai trở lại. Đa-út liền vào tận vua xin được đi cứu công chúa. Nhà vua hứa sẽ gả công chúa Sa-pa-va-ti cho Đa-út nếu anh cứu được nàng lành lặn trở về.

Sa-pi-la cũng lẽo đẽo theo Đa-út vào tận cung vì vẫn chưa cuỗm được món tiền của anh trai. Nghe nói đến chuyện lấy công chúa, Sa-pi-la cũng muốn đi theo Đa-út để cứu nàng, khi những lính hầu mang vũ khí ra cho hai anh em, Sa-pi-la bèn giành lấy thanh kiếm có tay nắm nạm vàng, còn Đa-út thì lặng lẽ cầm lấy bộ cung tên nhỏ.

Sáng sớm hôm sau, hai anh em vào rừng để đi tìm quái vật. Đi được nửa đường họ gặp một người săn

vòi đang dùng dây ra sức kéo một con vòi nhỏ. Thấy vậy, Đa-út bèn bảo người kia thả con vòi ra nhưng anh ta không nghe. Đa-út phải đưa cho người săn voi cả số tiền mang theo anh ta mới chịu ra về, để con vòi lại. Con vòi non vừa được cởi trói thì phóng thẳng vào rừng sâu. Đa-út thì quay trở lại, còn người ta thì ở lại nhậu mồi vì tiền mới kiếm được.

Bỗng nhiên, có một tiếng hú thét vọng vọng vọng khắp cách rừng. Nghe tiếng hú, Đa-út đoán chắc đó là tiếng hú của con quái vật chuyên ăn thịt người. Anh hăm hăm đi sâu vào rừng để tìm con quái vật dữ tợn kia. Sa-pi-la thì sợ rúm người lại, không dám đi nữa, nhưng nghe phải ở lại một mình chờ Đa-út thì Sa-pi-la lại còn sợ hơn. Cùng đường, Sa-pi-la đành phải theo Đa-út, và đi hăm vừa run lẩy bẩy.

Bất ngờ, mặt đất rung chuyển, cây cối ngã nghiêng, tiếng hú ghê rợn kia lại cất lên rền rĩ. Sa-pi-la khiếp quá, hăm trèo vội lên một cây cao gần đó, nhón xuống. Còn Đa-út thì không chân bước, trước mặt anh là cái hang tối om, sâu hun hút của con quái vật, từ trong đó một mùi hôi thối xông lên nồng nặc, ngạt thở. Đa-út quát vọng vào trong hang, thách con quái vật ra đọ sức.

Lập tức, con quái vật nhảy vọt lên mặt đất đứng ngay trước mặt Đa-út, nó gầm lên:

— Á... á, thằng nhãi con này to gan thật, dám phá quấy giấc ngủ của ta!

Nhưng chưa hết, Đa-út lại mồi tên vào cung. Con quái vật thấy vậy sợ hãi, nó có thể đi bước tới rồi rút lui qua hẻm rừng tối thối, nhưng Đa-út:

— Bắn tên này trúng tao sợ cái mũi tên bẻ như cái kim kìa đây phỏng? Hăm đi, rồi ta sẽ xé xác mày ra từng mảnh vụn.

Đa-út lùi lại, lựa thế, nhắm vào chỗ hiểm của con quái vật rồi lấy hết sức giương cung bắn. Thật chẳng ngờ, con quái vật to lớn, lông lá bờ xù kia loạng choạng, ngã vật xuống đất. Nó gãy đành dạch, rú lên một hồi không khí. Con quái vật cố vùng dậy và lấy Đa-út nhưng đã muộn. Cái mũi tên mà người săn voi cho Đa-út chính là mũi tên đã được tẩm bằng một thứ thuốc độc cực mạnh. Chết độc nhanh chóng chạy vào tim con quái vật, làm chân tay nó cứng đờ rồi gục xuống tắt thở.

Lúc ấy, Đa-út mới gọi Sa-pi-la từ trên cây xuống. Một mình Đa-út lần mò vào trong hang, đi được vài bước anh đã nhìn thấy một cô gái xinh đẹp đang sợ hãi nép mình vào vách đá. Đa-út đoán chắc đó chính là công chúa Sa-pa-va-ti. Anh nói cho công chúa biết là con quái vật đã bị giết chết và nàng sắp được về gặp vua cha. Sa-pa-va-ti vui mừng quá, nàng tháo ngay chiếc nhẫn vàng nam, ngọc tặng Đa-út.

Khi công chúa Sa-pa-va-ti vừa lên khỏi hang, Sa-pi-la liền chạy đến bên nàng, vồn vã, kể về công lao. Sau đó, cả ba người vội vàng rời khỏi rừng sâu để khỏi phải gặp vợ của con quái vật sắp về. Họ mãi mãi đi cho đến lúc trời sắp tối. Thấy rừng đêm thăm thẳm, thỉnh thoảng lại có tiếng thú gầm, Sa-pi-la sợ không dám đi nữa. Cả ba người đành phải nghỉ lại qua đêm giữa rừng.

Đa-út chặt cây, bẻ lá làm cho công chúa Sa-pa-va-ti ngủ yên nhờ trời là khô cho nàng nằm. Sa-pi-la và Đa-út vừa ngủ xuống đã thiếp đi một. Thấy vậy, Sa-pi-la bảo Đa-út đi ngủ để bản canh gác cả đêm. Đến tối Sa-pi-la, Đa-út nằm ra đất ngủ ngay. Lúc lera Đa-út ngủ say, Sa-pi-la bèn xẻo một miếng thịt ở người anh, treo ở cửa lều để nhử hổ đến ăn thịt Đa-út. Vừa

nấp ở trong bụi cây. Sa-pi-la vừa nghĩ: «Hồ mã vô chết Đa-út thì ta sẽ đưa công chúa về cung và lấy nàng làm vợ».

Nhưng đêm ấy, người thấy mùi thịt người tươi, vợ của con quái vật kia liền mò đến chỗ công chúa đang ngủ. Ngó vào trong lều chỉ thấy có công chúa đang ngủ ngon lành, con quỷ cái kia bèn cắp ngay nàng về hang. Công chúa mở mắt thì đã thấy mình bị kẹp chặt trong cánh tay lông lá của con quỷ cái. Nàng không dám dây dụa mà chỉ nhẹ nhàng tháo chiếc thắt lưng lụa rồi dọc đường đi để làm dấu cho mọi người lần theo.

Sáng sớm hôm sau, Đa-út tỉnh dậy thì không thấy công chúa Sa-pa-va-ti đâu nữa. Anh hỏi Sa-pi-la thì hắn nói dối là hắn không biết. Thực ra, Sa-pi-la đã trông thấy con quỷ cái đã bắt cóc công chúa ra sao, song hắn không muốn để Đa-út tìm được nàng. Đa-út đi quanh lều, chợt nhìn thấy dải lụa mềm trải dài trên cỏ, anh hiểu là công chúa đã làm dấu dẫn đường. Quên cả vết thương trên người vẫn đang chảy máu, Đa-út lần theo dải lụa. Chẳng bao lâu, anh đã lại tìm được hang của vợ chồng quái vật. Đa-út đứng ở cửa hang quát vọng vào nhưng chỉ có tiếng vách đá ồm ồm dội lại. Thấy vậy, Đa-út liền đi hẳn vào trong hang, nhưng chỉ bước được một vài bước thì đất hẫng không còn lối đi nữa. Thì ra, con quỷ cái đã phá hết các bậc lên xuống để không ai đi vào trong hang được.

Sa-pi-la từ nãy đến giờ vẫn lẻo đẻo chạy theo Đa-út, thấy vậy liền bàn với anh lấy dây rừng bện thừng để tụt xuống hang. Dây bện xong, hắn lại dúi dây Đa-út xuống thang để cứu công chúa, còn hắn đứng ở trên đe canh chừng.

Đa-út bám chặt dây thừng tụt xuống lộng hang, đi sâu vào phía trong thì thấy công chúa đang ngồi khóc thút thít. Vừa ngẩng lên thì lại trông thấy Đa-út, công chúa mừng rỡ như người vừa được sống lại. Công chúa nói rằng con quỷ cái đang đi chôn cất chồng, vì thế hai người cần phải lên khỏi hang ngay. Đa-út cuốn dây thừng quanh thắt lưng công chúa rồi làm hiệu để Sa-pi-la kéo nàng lên.

Công chúa vừa đặt chân lên mặt đất, Sa-pi-la đã kéo nàng lôi đi xềnh xệch, để mặc cho Đa-út ở đáy hang đang đợi dây ròng xuống, mặc cho công chúa khóc lóc van xin kéo nốt cả Đa-út lên.

Xế chiều, Sa-pi-la đã đưa được công chúa về đến cung vua. Hắn tâu ngay với nhà vua rằng chính tay hắn đã giết chết con quái vật và cứu được công chúa đưa về, rằng anh hắn chẳng may đã bị con quỷ cái trả thù cho chồng giết chết, rằng công chúa vì sợ hãi quá nên bây giờ nói năng vẫn còn lú lẩn. Trong lúc đó, công chúa Sa-pa-va-ti sầu muộn, ngẩn ngơ như thể mất hồn. Vì vậy, dù nàng có nói thế nào về việc Đa-út chính là người đã cứu sống mình và đang bị bỏ mặc dưới hang thì nhà vua cũng không tin.

Nhà vua giữ đúng lời hứa cho Sa-pi-la được lấy công chúa, nhưng phải đợi mấy tuần trăng nữa để cho ngôi sao chiếu mệnh của công chúa đi đến gần chòm sao Thái Bạch. Trong khi chờ ngày cưới, nhà vua đã phong cho Sa-pi-la một chức quan rất lớn ở trong triều.

Giờ lại kể về Đa-út. Anh ngồi ở đáy hang trông lên, chờ mãi, chờ mãi mà chẳng thấy sợi dây thừng kia thả xuống. Khi biết chắc rằng thằng em bất nhân, bất nghĩa kia đã cuốn mất công chúa đưa về cung và bỏ mặc mình làm mồi cho quỷ cái, Đa-út bèn tìm mọi cách leo

lên. Quần áo rách tả tơi, chân tay xước máu mà Đa-út vẫn không tài nào trèo lên mặt đất được. Đứng lúc đó, anh nhìn thấy một cái vôi voi thông xuống miệng hang. Đa-út trèo lên thì thấy con voi non đã được anh thả ra trước đây, bên cạnh nó là con voi mẹ. Voi mẹ dùng vòi nhấc một cây tre rồi thả xuống hang cho Đa-út bám vào. Đa-út cố leo được nửa cây tre thì mệt mỏi không thể nào leo lên được nữa. Đứng lúc ấy, anh nghe thấy từ xa tiếng chân huỳnh huỳnh của con quỷ cái đang chạy về. Và cũng đúng vào lúc Đa-út nghĩ thầm «phần này mình chết thật rồi» thì anh như được nhắc bổng lên. Thì ra, voi mẹ đã dùng vòi cuốn cả cây tre và anh lên khỏi hang. Đa-út vội vã chạy ra khỏi rừng. Anh vừa mới chạy khuất thì quỷ cái về đến cửa hang.

Sáng hôm sau, Đa-út đến cung vua. Người lính gác thấy anh mặt mũi hốc hác, ăn mặc tiêu tụy thì đuổi đi chỗ khác. Song, Đa-út cứ lần la nói chuyện thì được biết công chúa còn sống và Sa-pi-la đã làm quan to trong triều. Anh nói khổ với người lính gác vào hôm báo với quan Sa-pi-la rằng có người anh trai là Đa-út đang cần gặp.

Sa-pi-la từ trong cung điện trông ra đã nhận ra Đa-út. Hắn sai quân hầu đem quần áo Đa-út xuống biển vì tội dẫm phạm thượng.

Quân hầu bắt Đa-út nhốt vào một cái thùng to rồi thả ra biển. Sóng gió đã dưng đầy chiếc thùng giạt vào một bờ cát xa xôi vắng. Vợ chồng người đánh cá nghèo ở gần đó thấy chiếc thùng to giạt vào cạnh thuyền mình thì lấy làm lạ và bắt nắp thùng ra xem. Họ thấy Đa-út nằm trong thùng chỉ còn thoi thóp thở. Hai vợ chồng người đánh cá liền đưa anh về nhà chăm nom, săn sóc. Được ít ngày, Đa-út khỏe lại, chân tay săn

chắc, da dẻ hồng hào, mặt mày sáng sủa. Hằng ngày, vợ chồng người đánh cá giăng thuyền ra khơi quảng lưới, còn Đa-út ở nhà cuốc đất làm vườn, trồng rau và nhiều loài hoa quý, đẹp.

Một hôm, lúc Đa-út đang làm vườn thì có một cô gái trẻ tự xưng là nữ tỷ công chúa đến xin hoa. Đa-út đoán rằng công chúa kia chính là công chúa Sa-pa-va-ti, vì vậy anh đã chọn những bông hoa đẹp nhất trong vườn, bó lại và kín đáo gói vào đó chiếc nhẫn vàng nam ngọc.

Khi công chúa Sa-pa-va-ti cắm hoa vào lọ, nàng nhận ra chiếc nhẫn quý của mình đã trao cho Đa-út được đặt cẩn thận trong một đài hoa. Sa-pa-va-ti bèn gọi nữ tỷ kia lại gạn hỏi. Nghe nữ tỷ kể lại, công chúa định nhìn chàng trai trẻ đẹp làm vườn kia chẳng phải ai khác mà chính là Đa-út bấy lâu nàng hằng thương nhớ.

Chẳng còn mấy ngày nữa là đã đến ngày cưới của Sa-pi-la và công chúa Sa-pa-va-ti. Một bữa, nhân lúc vua cha vui vẻ, công chúa xin nhà vua bày một trận đánh giễu giữa một bên là đội quân do Sa-pi-la cầm đầu và, bên kia là đội quân do một chàng trai trẻ con nhà chài lưới cầm đầu. Để chiều chuộng công chúa, nhà vua chẳng tiếc thứ gì hưởng chỉ một cuộc tập trận giễu. Nhà vua gật đầu ưng thuận.

Thế là, một buổi sáng kia, đúng vào hôm trước ngày cưới đã định của công chúa, người ta tập trận ngay trước cung vua. Quân lính hai bên tuốt kiếm xông vào nhau, tiếng gươm khua loảng xoảng. Những tay kiếm giỏi có dịp được trở lại, những mũi kiếm chạm vào nhau tóe lửa. Đa-út lúc nào cũng đứng ở đầu hàng quân, tả xung, hữu đột. Còn Sa-pi-la thì sợ rúm ró, hắn luôn luôn nấp sau những người lính của mình. Đa-út

đã nhìn thấy Sa-pi-la trong bộ giáp rực rỡ nhưng hai con mắt thì nhợt nhợt và mặt mày tái nhợt. Đa-út xông đến và chỉ một đường gươm tài nghệ, anh đã chém rơi kiếm của Sa-pi-la. Tướng Đa-út định giết mình thật. Sa-pi-la vội quì mọp xuống xin tha chết và nhận hết tội về mình.

Lập tức, nhà vua cho Đa-út được ngồi cạnh mình và ra lệnh cho đao phủ mang Sa-pi-la đi chém đầu. Song, xót tình anh em, Đa-út xin nhà vua tha cho Sa-pi-la tội chết. Nhà vua bằng lòng nhưng ông truyền rằng ông không muốn nhìn thấy loài rắn độc kia quanh quẩn ở đất nước này.

Cùng ngày hôm đó, đám cưới của Đa-út và công chúa Sa-pa-va-ti đã được cử hành giữa hoàng cung.

Đa-út được nhà vua phong cho một chức quan to trong triều và ban cho nhiều ngọc ngà, châu báu. Được lấy công chúa, được làm quan to, sung sướng, Đa-út vẫn không quên công ơn người đã cứu sống mình. Anh sai người đến xây cho vợ chồng người đánh cá một ngôi nhà đẹp, biếu họ một con thuyền lớn và những tấm lưới đánh cá đẹp, bền.

Còn Sa-pi-la thì sao? Hân lang thang phiêu bạt đến những đầu và chết rấp ở nơi nào, ai mà biết được!

CON NGỰA BẦY ĐẦU

(TRUYỆN CỔ RÔ-TI)

Thuở ấy, cách đây đã lâu lắm rồi, ở xứ sở xa xôi nọ có một chú bé mồ côi cha mẹ từ tấm bé. Bởi thế, người

chú ruột đã mang cháu mình về nhà nuôi nấng, dạy dỗ. Khi chú bé đã lớn khôn, người chú liền xin cho cháu vào cung hầu hạ nhà vua. Nói về ông vua này thì không ai là không biết đó là một ông vua vô cùng độc ác, vô cùng tham lam, bủn xỉn. Ông ta thì «ngồi mát ăn bát vàng», rong chơi ngày này qua tháng khác nhưng lại bắt mọi người từ trẻ đến già phải làm việc cồng kềnh phải làm lụng không được ngơi tay từ lúc gà gáy sáng cho đến chiều tối nhọ mặt người.

Một hôm, chàng trai mồ côi nằm mơ thấy một con ngựa trắng bầy đầu, hóm dầy lượn sóng. Con ngựa đưa anh lên cao hơn tầng mây, bay qua bao núi đồi, sông, suối, biển khơi rồi từ từ đậu xuống một hòn đảo. Anh định thúc ngựa bay nữa nhưng nó cứ tể lên và gõ móng xuống nền đất; từ móng ngựa những thỏi vàng bắn ra tung tóe. Tiếng móng ngựa gõ mạnh quá làm anh tỉnh giấc. Một con ngựa bầy đầu lông trắng như bông, hóm trắng như mây từ trời cao xanh thẳm nhẹ nhàng đậu xuống trước mặt anh. Chàng trai mồ côi không tin vào mắt mình nữa; anh đợi mãi mấy lần. Thế là kỳ, mọi điều diễn ra giống hệt như trong giấc mộng của anh. Con ngựa bầy đầu hí lên mừng rỡ rồi gõ móng cồm cộp xuống sân. Tức thì, từ các móng ngựa, vàng bạc sáng ngời tuôn ra như suối. Chỉ một loáng, vàng bạc đã chất đầy các kho báu trong cung điện. Anh vội định chạy đến vuốt ve con ngựa thì nó đã biến mất như chưa hề tới thăm anh vậy.

Chuyện về con ngựa bầy đầu đã làm cho vua mê mẩn. Từ ngày bạc vàng tuôn ra từ móng ngựa, vua muốn chiếm lấy con ngựa bầy đầu và vàng bạc của báu trong kho chất lên tận nóc, để cả là: dài đến đâu đất bằng vàng. Vua cho gọi chàng trai trẻ mồ côi lại và

bắt anh phải đi tìm bằng được con ngựa bảy đầu kia về, nếu không sẽ bị mất đầu.

Một hôm kia, chàng trai trẻ khấn gọi lên đường đi tìm con ngựa bảy đầu, bốn trảng. Anh đi, đi mãi, đi hoài mà vẫn chẳng tìm thấy dấu vết của ngựa thần đâu. Một buổi chiều, sắp đến một ngã ba đường thì anh bắt gặp một hồn ma vật vờ trong gió. Anh đi nhanh thì hồn ma đi nhanh, bám theo anh sát gót. Anh dừng lại thì hồn ma dừng lại. Chàng trai sợ quá, xin hồn ma hướng tha để anh đi tìm ngựa bảy đầu cho vua. Hồn ma thấy anh thật thà, chất phác thì cũng thương tình và hỏi han xem anh là con cái nhà ai. Nghe chàng mô tả lại cảnh ngộ của mình, hồn ma biết anh chính là cháu ruột của mình. Hồn ma đã cho anh một con ngựa thần rất đẹp. Có ngựa thần rồi, chàng trai vội trở lại lâu với nhà vua.

Từ bữa chàng trai trẻ mở cũi ra đi tìm ngựa thần, ông vua tham lam sốt ruột lắm. Lúc nào ông ta cũng ngồi ra đường xem anh đã mang ngựa thần về chưa. Một hôm thấy chàng trai trẻ đến một con ngựa trắng vào chng, vua mừng rỡ lui lại. Lập tức, vua sai dắt con ngựa đến và thúc ép nó gõ móng ra vàng. Song, dù có quát thét nào, dọa đến mấy đi nữa thì con ngựa cũng chẳng gõ ra được một hạt vàng nào. Tức giận quá, vua gọi chàng trai mở cũi lại và bắt anh phải đi tìm ngay một con ngựa khác biết gõ móng ra vàng.

Mặc dầu sợ hãi, chàng trai mở cũi vẫn phải can rằng đi tìm ngựa thần một lần nữa. Lần này, anh cứ nhắm thẳng phương mặt trời mọc mà đi. Một buổi sáng kia, anh đi đến bờ biển và nhìn thấy một con cá sấu lớn đang nằm trên bãi cát. Thấy có người đi đến, con cá sấu nhô anh rút bộ mũi lao đang cắm sâu vào một bên

sườn. Anh vừa mới định rút mũi lao ra thì bỗng đâu có một tiếng nói:

— Này, chàng trai trẻ! Anh chớ có giúp cái loài lấy lệ bảo thiện ấy làm gì. Nếu không vội gì thì anh làm ơn chữa bệnh giúp ông tôi.

Anh ngẩng đầu nhìn quanh xem ai nói thì hóa ra là một con cá mập tí hon đang vờ vẩy trên mặt nước nói với anh. Nghe lời cá mập, anh bước xuống nước. Càng đi ra xa bờ, nước càng sâu. Khi nước ngập đến cổ thì anh không dám đi nữa. Thấy vậy, con cá mập ty hon lại giục anh bước tiếp:

— Anh cứ đi đi, đừng sợ, vài bước nữa là đến nhà tôi rồi.

Quả nhiên, anh vừa mới nhấc chân lên thì nước bỗng rã ra. Chàng trai trẻ mở cũi bước đi thông dong như trên mặt đất vậy. Tới nhà cá mập, anh thăm bệnh cho cá mập ông ngay. Anh gỡ cái lưỡi câu sắc trong họng cá mập ra. Tức thì, cá mập ông khỏe lại như thường. Xong xuôi, chàng trai trẻ lại định đi tiếp và hỏi cá mập cháu đang đến nơi có con ngựa bảy đầu. Cá mập cháu bảo anh phải đi xuống hai bậc sâu nữa thì sẽ gặp. Để cảm ơn anh, cá mập cháu còn cho một con chó đi theo anh để dẫn đường.

Con chó lon ton chạy trước rồi nhảy xuống một bậc đất sâu. Anh cũng theo hướng đó mà đi xuống. Vực thăm lam anh nôn nao, choáng váng. Con chó thấy vậy bảo anh nhô một chiếc lông của nó rồi nuốt vào bụng. Anh làm theo thì quả thật thấy vững dạ hơn. Con chó lại dẫn anh xuống một bậc sâu nữa. Ở đây, anh lại cảm thấy chóng mặt, không dám đi tiếp. Con chó lại bảo anh nuốt một cái lông nữa của nó. Chiếc lông chó đã làm anh bình tĩnh lại. Mãi sau, anh thấy mình đang

đứng trên một ngọn cây cao vút. Từ trên ngọn cây, anh nhìn thấy một lâu đài nguy nga, tráng lệ. Con chó nói là con ngựa bảy đầu ở gần đó rồi chào anh, quay trở lại.

Chỉ còn có một mình chàng trai trẻ mồ côi. Anh nhìn xuống gốc cây thì thấy có một cô gái xinh đẹp, đáng chừng là công chúa con vua đang ngồi dệt cửi. Anh hái một trái cây ném xuống chỗ cô gái đang ngồi. Cô ngược lên thấy một chàng trai lạ mặt thì vội nói to:

-- Anh xuống ngay đi kẻo cha tôi về thì chết đấy! Bầy chó săn dữ tợn của cha tôi sẽ xé xác anh như chơi. Anh tụt xuống mau lên!

Chàng trai trẻ tụt vội xuống gốc cây và theo cô gái vào trong nhà. Anh vừa mới nấp xong thì bầy chó đã chạy vào sân. Đánh hơi thấy mùi người lạ, bầy chó sủa inh lên. Cô phải mắng dọa mới bầy chó dữ kia mới chịu im.

Đêm hôm đó, đợi cho mọi người ngủ say, cô gái mang cơm đến cho chàng trai trẻ đang trốn ở trong buồng. Cũng đêm đó hai người bàn với nhau đi dắt con ngựa bảy đầu về để sáng hôm sau cùng đi trốn vua cha.

Khi trời vừa mới hừng, chàng trai trẻ cùng cô gái lên ngựa rồi phóng như bay. Thấy động, bầy chó săn của nhà vua xô ra đuổi theo nhưng không tài nào đuổi kịp. Khi ấy, nhà vua biết là không giữ nổi công chúa nữa nên dặn với:

-- Các con sống với nhau, nếu sinh con gái thì đặt tên theo mẹ, còn sinh con trai thì đặt tên theo cha nhé!

Chỉ chớp mắt hai lần, con ngựa bảy đầu đã đưa hai người qua mấy dòng sông sâu chảy xiết, qua bao núi, bao rừng rồi từ từ hạ xuống sân lâu đài của ông vua

chưa kịp, độc ác kia. Vừa trông thấy con ngựa thất đầu đã thúc nó gõ móng ra vang. Chẳng mấy chốc vang đã tràn ngập cung điện. Song, vua vẫn chưa bằng lòng. Ông ta còn muốn chiếm nốt cả cô gái trẻ đẹp đang đứng bên chàng trai trẻ kia nữa.

-- Khanh nói ta hay, làm thế nào mà Khanh tìm được cả ngựa bảy đầu lẫn cô gái đẹp? -- Vua gạ gẫm.

Biết rõ tâm địa ác độc của vua, chàng trai trẻ liền nghĩ ra một mẹo để diệt trừ hủn:

-- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần này đã chui xuống đất sâu để kiếm tìm. Nếu bệ hạ muốn, hạ thần sẵn lòng chỉ dẫn.

Đoạn, anh dẫn vua ra một cái giếng sâu ở góc vườn. Bừa lúc hủn ngó đầu nhìn xuống, anh hất mạnh hủn rơi tòm xuống nước. Đúng là tham thì thâm, tên vua gian ác chết không ai thương xót.

Ai sẽ làm vua và hoàng hậu xứ này? Chắc chẳng nói, mọi người cũng đoán được rồi

CHÚ BÉ VÀ VUA

(TRUYỆN CỔ TÔ-RÁT-GIA)

Từ đời nào đời nào chẳng mấy ai nhớ nữa, ở nước họ, có một ông vua nổi tiếng là khôn ngoan, mưu lược. Một buổi trưa hè trời oi ả, nhân lúc vắng người, nhà vua lội xuống hồ sen tắm mát. Vừa khi đó có một chú bé đi chơi qua, thấy nhà vua đặt chiếc vòng tay trên

bờ cạnh đồng xiêm y, hải mỗ... Nhằm lúc vua đang mê mải tìm, chú bé lén đến giấu chiếc vòng vàng đi. Chú nghĩ rằng chiếc vòng vàng kia sẽ là cái cớ để chú được gặp nhà vua.

Tâm xong, lên bờ, nhà vua ngo ngác không thấy chiếc vòng đâu. Quan hồ chẳng có một ai, vậy chiếc vòng quý của ta bay đâu mất? Vua nghĩ thế và truyền rằng ai tìm được chiếc vòng sẽ được hậu thưởng. Để cho mọi người tìm chân tìm ché không thấy, lúc đó chú bé mới giả vờ tìm kiếm rồi dâng lên vua chiếc vòng kia. Thấy lại chiếc vòng, nhà vua mừng lắm. Ông ban thưởng cho chú bé nhiều quần áo đẹp, nhiều lách trái ngon, nhiều đồ chơi lạ.

Một ngày kia, có một chiếc thuyền buồm lớn không biết từ đâu đến cập bến kinh thành. Người chủ thuyền lên bờ, đem theo hai con vịt béo và một khúc gỗ tròn đẹp để biếu nhà vua. Anh ta thưa rằng nếu nhà vua chỉ được con vịt nào là vịt đực, con vịt nào là vịt cái và khúc gỗ kia đầu nào là ngọn, đầu nào là gốc thì anh sẽ biếu nhà vua nốt cả chiếc thuyền buồm lớn của mình.

Nhà vua ngắm mãi đôi vịt và khúc gỗ mà chịu không biết đầu là con cái, con đực, đầu là ngọn là gốc. Không lẽ chịu thua một tay chủ thuyền? nhà vua nghĩ hừng hực. Chợt nhớ đến chú bé đã tìm được cho mình chiếc vòng vàng, nhà vua liền cho gọi chủ đến và kể lại chuyện đánh đố của người chủ thuyền buồm. Vua hứa sẽ nhường ngôi báu cho chú nếu chú giải được câu đố của người chủ thuyền, bằng không chú sẽ bị mất đầu.

Chú bé nghe vua phán thì lo sợ lắm. Chú xin vua gia hạn mấy ngày để tìm lời giải đáp. Mấy ngày đã qua mà chú vẫn chịu không tài nào đoán nổi. Hai con vịt giống nhau quá đỗi, còn khúc gỗ đầu dưới bằng nhau.

chân chân thế kia thì làm sao biết được... Chỉ bằng chết trước là hơn... » Chú bé nghĩ vậy rồi lao xuống biển tự tử.

Khi chú bé lao xuống nước thì cũng là lúc giống ló nổi lên. Những con sóng lớn đã thi nhau đưa đẩy chú bé vào bờ. Tỉnh lại chú thấy mình đang nằm cạnh một chiếc thuyền lớn thả neo kề bên mép nước. Qua câu chuyện của những người làm công trên thuyền chú biết được ông chủ của họ chính là người đang đánh đố nhà vua về đôi vịt và khúc gỗ. Họ cũng nói với nhau về cách làm thế nào để biết được vịt đực vịt cái, đầu là gốc đầu là ngọn của khúc gỗ tròn.

Nhập tâm những bí quyết họ vừa tiết lộ, chú bé ung dung đi vào cung điện của nhà vua. Trước mặt nhà vua và người chủ thuyền, trước mặt các triều thần văn võ bá quan, chú bé ôm đôi vịt rồi cũng thả ra một lúc. Một con vịt nhào ngay xuống hồ, còn con kia lạch bạch theo sau. Chú bé liền thưa:

— Tàu đực vua, con vịt lội xuống nước trước là con đực, còn con kia là con cái ạ!

Người chủ thuyền kia phải chịu là chú bé nói đúng.

— Còn khúc gỗ? — Người chủ thuyền hỏi.

Chú bé không nói gì, lặng lẽ ôm khúc gỗ tròn thả xuống hồ. Mọi người đổ dồn mắt vào khúc gỗ đang bập bềnh trên mặt nước. Lúc ấy chú bé mới chậm rãi nói:

— Thưa đức vua, khúc gỗ kia, phần nhô lên mặt nước là ngọn, còn phần chìm dưới nước là gốc ạ.

Đoạn, chú quay sang người chủ thuyền hỏi:

— Thế nào, anh tài? Tôi nói không nhầm chứ?

Người chủ thuyền chỉ còn biết gật đầu thần phục rồi xin phép nhà vua ra về.

Còn nhà vua, đúng như lời hứa vàng ngọc của mình, ông đã nhường lại ngôi báu cũng với phẩm hàm mũ miện cân đai cho con rể khôn ngoan.

XA-LAM VÀ NGƯỜI CHỦ THAM LAM

(TRUYỆN CỔ SUN-ĐA)

Xưa, ở một làng kia có một chàng trai tên là Xa-lam mồ côi cha mẹ sớm. Ngay từ nhỏ, Xa-lam đã có tiếng là nhanh trí. Tuy thế, anh sống rất khổ sở vì phải ở với người chủ tham lam, độc ác. Mãi đến khi Xa-lam đi lấy vợ, rời ra ở riêng thì anh mới đỡ khổ phần nào. Ông chủ anh, tiếng là giàu có thế nhưng chẳng bao giờ cho vợ chồng anh lấy một xu.

Có một lần, ông chủ Xa-lam thịt một con bò ốm trong đàn bò đồng dúc của ông. Ông giữ lại một ít lòng và thịt để ăn, còn bao nhiêu đem ra chợ bán sạch, không cho cháu lấy một miếng cơm con. Ngay đến tấm da bò gở ông cũng cũng ra phơi chờ ngày bán thôi. Biết vậy, Xa-lam bực lắm. Chính Xa-lam hỏi bố đã phải chôn đất đàn bò ấy, thế mà khi mổ bò ông chả chẳng đoái hoài gì đến anh. Nhìn thấy tấm da bò, Xa-lam nảy ra ý muốn trêu tức ông chủ một phen.

Đêm hôm ấy, khi vợ chồng ông chủ đã ngủ say, Xa-lam tháo tấm da bò rồi leo lên cây. Anh cũng chỉ định treo tấm da lên ngọn cây thôi thì vừa hay lúc đó có một bọn trộm đi kiếm ăn về đang thì thăm chia chia ở dưới gốc cây. Xa-lam nghĩ ngay ra một cách để hù dọa lũ trộm: anh thả tấm da bò úp chụp lên đầu bọn chúng. Đang đêm hôm khuya khoắt, thần hồn nát thần tính, bọn trộm ồ ồ chạy mỗi đứa mỗi nhà, bỏ lại tất cả các thứ chúng vừa mới ăn trộm được. Xa-lam lại xuống cây, bỏ cả đồng dúc đặc lẫn tấm da bò về nhà mình để hôm sau mang đi bán. Lần ấy anh thu được món tiền khá khá. Vẫn là người ăn ở biết điều, Xa-lam nghĩ rằng nhờ có tấm da bò của chủ tham mà anh vô được một món tiền đáng kể, nên anh chia đôi số tiền đó đem đặt một nửa trước cửa nhà ông chủ. Anh còn ghi lại mấy dòng báo cho chủ biết số tiền đó là do anh bán tấm da bò của ông.

Sáng hôm sau, tỉnh dậy không thấy tấm da bò đâu, nhưng bù lại, lại thấy một đồng tiền lớn bên cửa và mấy dòng chữ của đứa cháu, ông chủ sung sướng lắm. Ông ta đếm tiền rồi nhâm tính: tấm da bò còn đắt hơn cả con bò nhiều lần. Vẫn là kẻ hám tiền nhưng cần nghĩ, ông chủ lập tức giết cả đàn bò đang sức ăn sức lớn, lột lấy da để đem ra chợ bán. Người ta chê bai, chê bêu những tấm da bò và trả giá như của vứt đi. Mãi đến tận buổi chợ ông ta mới bán hết và thu được một món tiền chẳng hơn tiền một cổ lông bò là bao. Nghĩ là mình đã bị mắc lừa, ông chủ tức tím ruột chạy đến nhà Xa-lam, thẳng tay đốt trụ ngôi nhà lá tồi tàn của cháu.

Thấy nhà mình bốc cháy, Xa-lam không xông vào dập tắt, cũng chẳng chạy vào khuôn đờ đặc ra, bởi vì vợ chồng anh nghèo quá, nhà cửa chẳng có gì đáng giá. Đợi cho ngôi nhà cháy trụ, Xa-lam bắt tất cả đám

tro tàn vào một cái, bị đeo vào người rồi lại trèo lên cái cây kia ngồi rình.

Đêm hôm ấy, một toán trộm khác lại đến dưới gốc cây nọ chia cửa. Xa-lam rung mạnh cây, thấy động, mấy tên trộm ngửa mặt lên nhìn, thừa lúc đó, Xa-lam trèo cả bị tro xuống. Bị tro bay tóe tăm mặt mũi, lũ trộm ngoi trên cây có ma liền bỏ cửa chạy lấy người. Nhờ động đở kia, bữa ấy Xa-lam lại có được một món tiền lớn.

Ông chủ tham lam thấy cháu lại có nhiều tiền bạc thì lại càng tức tối. Tuy thế, ông ta vẫn ra vẻ mềm mỏng hỏi xem Xa-lam làm thế nào mà lại chóng giàu như vậy. Xa-lam kể lại cho chủ nghe là chỉ nhờ có tro đốt nhà mà anh đã làm nên cơ nghiệp. Ở chỗ Xa-lam về, ông chủ vừa đi vừa khắp khối mừng thầm ghen này mình sắp sửa giàu to. Như mọi người đã biết, ông chủ Xa-lam tham lam bao nhiêu thì cũng ngu ngốc bấy nhiêu. Ngay hôm đó, không bàn định gì với bà vợ già, ông ta lập tức đốt trụi ngôi nhà khang trang, cao rộng của mình. Sáng sớm hôm sau ông ta gánh tro ra chợ bán. Thật là thảm hại, cả một ngôi nhà lớn mà bấy giờ chỉ bán được có mấy hào tro bốn ruộng. Ông chủ vô cùng tức giận, chạy bổ đến nhà vợ chồng đưa cháu để cho nó một trận...

Xa-lam biết trước là thế nào ông chủ cũng xộc đến nhà để trả miếng, nên anh ta đã bày đặt chuyện để chờ. Bước vào nhà, ông chủ nhìn thấy Xa-lam đang ngồi uống nước với một người đàn bà đứng tuổi. Quảng mắt, ông ta lại tưởng đó là vợ Xa-lam:

— Này, Xa-lam, vợ mày dạo này sao già thế?

Lúc lúc ông chủ ngoảnh đi chỗ khác, Xa-lam nháy mắt cho người đàn bà đứng tuổi lên ra ngoài rồi nói với chủ:

— Muốn cho vợ trẻ lại, thì có khó gì đâu ạ. Chủ chờ cho một tý, cháu làm cho vợ cháu trẻ lại, đẹp lại cho mà xem.

Nói đoạn, anh cầm cây gậy vô đập mạnh vai cái vào người vợ anh đang nằm cuộn chiếu chờ sẵn ở góc nhà. Thấy anh cui xuống lật chiếu chiếu lên. Trước mắt ông chủ lúc này là cô vợ trẻ của Xa-lam: trắng trẻo, da dẻ, duyên dáng.

Người con giận về chuyện đốt nhà để lấy tro bán, ông chủ Xa-lam hấp tấp quay về căn nhà mới dựng lại của mình. Không chuyện trò gì hết, ông bảo bà vợ già nằm ngay ra đất, lấy mấy manh chiếu đắp lên rồi vô chiếc gậy quật lấy quật để. Mặc cho bà vợ tội nghiệp van xin, kêu khóc vì đau đớn, ông vẫn ra sức quật bởi nghĩ rằng càng quật nhiều, quật mạnh thì bà vợ già càng chóng trẻ ra hơn. Bà vợ bị đánh đau đến mức không chịu nổi liền bắt chiếu ra, vùng chạy ra đường. Ông chồng ngu xuẩn lao theo vợ để nhìn: tươi trẻ đẹp đẽ thì chẳng thấy đâu mà chỉ thấy một bà già tóc tai bù rối, quần áo tả tơi, mình mẩy tím bầm.

HOẢNG LỪA HỒ

(TRUYỆN CÒ GIA-VA)

HỒ ẮN PHÂN TRÁU:

Ở một cánh rừng nọ, có một con hoẵng rất khôn ngoan ranh mãnh. Một hôm, hoẵng đang tìm đường ra suối uống nước thì bỗng nghe thấy tiếng hồ găm vang.

Trung cũng vẫn ở núi rừng. Hoảng định chạy tháo thân nhưng không kịp. Từ một bụi rậm, hồ lững thững đi thẳng đến chỗ hoảng đang đứng chôn chân. Hồ ta chắc mâm phen này sẽ được một bữa thịt hoảng no nê, đủ miệng, nên cứ thủng thủng đi bước một chẳng vội vàng gì. Còn con hoảng đã nhanh trí khôn bẻ một cành cây nhỏ xua đám ruồi muỗi đang bu đầy trên bãi phân trâu già dỏ. Hồ đến ngay trước mặt nhưng hoảng vẫn vô như không hay biết gì, nó càng ra sức khua cành lá trên bãi phân trâu. Nhìn thấy thế, hồ lấy làm lạ, bèn hỏi:

— Này, hoảng con, mày đang làm gì đấy?

Hoảng vẫn lờ đi. Hồ tức quá, quát lên:

— Mày điếc hay câm, hử? Đồ nhãi, có muốn ta xé xác ra không! Lúc ấy hoảng mới làm ra vẻ bình tĩnh nói:

— Anh thật đúng là loài lông lá hơi hám chẳng biết gì. Anh hãy mở mắt ra mà nhìn này: Tôi đang canh giữ chiếc bánh ngọt cho ngài Su-le-man (1) đây.

— Nói láo! Ta là chúa sơn lâm đây sao ngài không giao cho ta mà lại giao cho mày giữ? — Hồ quát mắng hồi.

Thấy vậy, hoảng lại càng lên nước:

— Anh nói dễ nghe nhỉ. Món bánh quý này chỉ có tôi mới canh giữ được thôi. Anh ấy à, hơi hám thế kia làm sao thần lại giao cho một công việc hệ trọng này.

— Mày cứ làm như là ta sẽ làm hơi cái bánh của ngài ấy. Hồ nói đã dạn dĩ.

— Chứ sao! — hoảng vênh mặt, — cái bánh này vừa ngọt, vừa thơm, vừa bùi vừa béo. Ăn một miếng ấy à, cứ là ngọt giọng cả ngày.

1. Su-le-man: Vị tiên tri của đạo hồi.

Nghe hoảng nói, hồ đã thêm rõ dãi, nó men men đến gần bãi phân trâu và năn nỉ với hoảng:

— Nếu ngon thế, hoảng cho ta nếm thử một miếng nào! Một miếng bé tí tẹo thôi, nào, hoảng!

Biết hồ vẫn háu ăn, hoảng càng nói giữ:

— Không được! Anh chờ có động vào! Tôi canh giữ từ sáng đến giờ mà còn không dám ngửi nữa là ăn. Cứ động vào là thần Su-le-man, chúa tể của muôn loài sẽ trị tội cho đấy, chột không kịp ngáp thì đừng có mà trách tôi.

— Mày dọa tao hả? — Không nhìn được nữa, hồ gầm lên: — Tránh ra để ta ăn bánh không thì ta xé xác bây giờ.

— Bình tĩnh đã nào, hoảng nói — rồi anh sẽ được ăn, ăn hết cũng được. Có điều là, để tôi khỏi phải mang tội với ngài Su-le-man, trước khi anh ăn, tôi phải đi xé kho khuất mắt ngài đã. Được không?

Hồ gật đầu.

Nói rồi hoảng chuẩn thẳng, nó ba chân bốn cẳng chạy tới lên núi cao.

Còn hồ thì sẵn tới bãi phân trâu, ngoạm ngay một miếng thật to và nuốt chửng vào bụng: « bánh trái gì mà lại hơi thối lồm lồm thế này? Thối đúng là phân trâu rồi! » — Hồ nghĩ. Nó cố sức nôn ọe ra nhưng không được.

Điếc mình đã bị con hoảng con lừa cho một võ đau, hồ căm tức lắm, nó gầm lên:

— Ta ăn sống nuốt tươi mày bây giờ...

Nhưng con hoảng khôn ngoan đã ở tận đâu tận đâu rồi.

CHIẾC THẤT LUNG CỦA SU-LE-MAN:

Đánh lừa được con hồ ngu ngốc rồi, hoảng con nhớn nhe đi lại kiếm ăn trong rừng. Nó quên khuấy chuyện

hồ sẽ đi tìm nó để trả thù. Bỗng nó ngửi thấy mùi hôi knét của hồ lần quất đầu dậy. Hoảng biết là dù có vắt chân lên cỏ mà chạy cũng không kịp, nên nó bèn nghĩ kế thoát thân. May thay, ở gần đó có một con trăn to lén đang cuộn tròn ngủ say như chết. Hoảng liền chạy đến ngồi trên mình con trăn. Vừa lúc, hồ từ bụi cây đi ra. Nhìn thấy hoảng, Hồ gào lên:

— Giờ thì mày có chạy đằng trời! mày tưởng đánh lừa tao mà được à?

Nhưng hoảng cứ tỉnh như không:

→ Này anh hồ, chỗ có nói năng bậy bạ như thế. Ban này anh cứ nằng nặc đòi ăn bánh của thần Su-le-man cho tôi có xui đại, nài ép anh đâu. Tự anh ăn thì anh phải chịu chứ oán trách gì tôi. Này, anh đừng có lại gần đây, tôi đang canh giữ chiếc thắt lưng cho ngài Su-le-man đấy.

Vốn tính tham lam, cái gì cũng muốn vơ vào mình, cái gì cũng muốn nhúng mũi vào, hồ ta bỗng thêm được thêm thứ chiếc thắt lưng vừa to vừa óng ánh kia vào người một lúc.

— Cho ta vớ thử chiếc thắt lưng kia một tý nào, hồ hắc hoảng.

— Không được, — hoảng nói — thần Su-le-man không cho phép đâu. Tôi canh giữ cho thần mà còn chẳng được thử lần nào nữa là anh...

Hồ xam đến gần đó đánh hoảng:

— Thần Su-le-man ở xa thế chẳng nhìn thấy đâu. Nào, cho ta vớ thử vào lưng một tý tẹo thôi rồi ta đi ngay.

— Thôi thì tôi cũng chiều lòng anh, — hoảng ra vẻ nhân nhượng, — nhưng có làm sao thì anh cũng đừng

có tức tối như bận trước đây nhé. Nào, để tôi tránh ra chỗ khác cho anh thất.

Vừa nói hoảng vừa chạy ra xa rồi thừa cơ lén mất vào thung lũng um tùm cây cối. Trong lúc đó, hồ lên gần lên tới có sức gõ bằng được con trăn đang cuộn tròn trên đất và quấn quanh bụng mình. Thấy động mạnh, con trăn tỉnh dậy, nó thit cọt bụng con hồ lại và dọp liên hồi vào rốn hồ. Vừa thất kinh, vừa đau đợp hồ vùng chạy, hết phóng lên rồi lại lao xuống lũng, mãi sau con trăn mới chịu buông tha nó. Hồ mệt quá, nó nằm vật ra thở hồng hộc, bụng bô bết máu.

Thế là hồ lại bị con hoảng khôn ngoan lừa cho một về nữa.

HỒ THỜI SÁO:

Một hôm, hoảng mãi kiếm ăn trong rừng, chiều xuống lúc nào không biết. Quay về nhà thì không kịp, nên hoảng loay hoay tìm chỗ trú qua đêm. Vừa hay nó nhìn thấy một cái cây to bị đổ nghiêng vì bão. Cái cây này bị đổ lên một bụi tre làm nhiều thân tre bị gãy gập. Lăn theo thân cây đổ, hoảng tìm được chỗ ngủ vừa cao vừa kín đáo.

Cũng vào lúc ấy, hồ đi tìm mối qua gốc cây mà hoảng đang nằm. Hồ nhìn lên thấy con hoảng con đã chơi khăm mình mấy—vồ thì mừng rơn; nó chực phen này hoảng chẳng chạy đâu cho thoát. Còn hoảng, ngửi thấy mùi hơi khét của con hồ thì nó tỉnh dậy ngay và nghĩ kế thoát thân. Nó ra vẻ kể cũ hỏi hồ:

— Thế nào, anh hồ? Từ sáng đến giờ đã kiếm được gì chưa mà nom thiếu não thế kia. Giá anh đến đây sớm hơn có phải tôi đã đãi anh được một bữa rồi không?

Hồ nghe hoẵng nói thì ừc lắm nhưng cũng chỉ giữ giữ trong họng. Được thế, hoẵng lại bịa tiếp:

— Thôi anh có định đi đâu thì đi cho kịp đi, đêm nay tôi phải ngủ lại đây để trông cây sáo trúc của thần Su-le-man. Vừa nói hoẵng vừa chỉ cho hồ thấy cây tre bị gãy gập. — Chà chà, anh mà nghe được tiếng sáo này thì sướng phải biết.

Nghe hoẵng tán tỉnh hồ lại nổi tính tò mò, nó lén nài nỉ.

— Hoẵng ơi, ta cũng thích chơi sáo lắm! Thông sáo cho thần hẳn hoẵng cũng biết chơi chứ? Hoẵng xuống đây bảo ta cách chơi sáo với.

Thấy hồ đã bắt đầu mắc mưu mình, hoẵng lại càng đồng ý:

— Khoean đã, đi đâu mà vội, anh hồ! Anh trèo lên đây đi thế, ngồi thế được rồi. Khi nào tôi hẳn thì mới tập được.

Hồ sốt ruột lắm nhưng cũng phải cố chờ. Trời vừa tối thì hoẵng bảo:

— Anh có nhìn thấy lỗ ráo không? Đây anh lẻ lười thật dài ra và đặt lười sâu vào cái khe này.

Con hoẵng ranh ma xui con hồ lách cái lười vào thân tre bị dập rồi nói:

— Bây giờ tôi xuống dưới đất để gọi gió thổi về đây thì sáo mới kêu được.

Hoẵng nhảy xuống đất và cầu xin thần gió thổi nghiêng ngã cây rừng. Chẳng bao lâu gió bắt đầu nổi lên mỗi lúc một mạnh. Gió thổi làm thân cây tre lắc lư, vẫy vẫy. Mỗi lần như thế mảnh tre đập tại nghiêng đi nghiêng lại cái lười của hồ. Hồ đau đớn quá, rõ ràng lười thêm thắt nhưng không làm sao rút lười ra được. Mếu tở trong

mồm hồ chảy ra ừng ực, nó lấy hết sức dẩy dụa. Nhưng đã muộn quá rồi, những mảnh tre đập sắc hơn dao đã xua đứt đứt lười hồ, nó lặn ra chết ngay lập tức. Thế là đời con hồ độc ác mà ngu si.

SỢ TRỜI SỤP

(TRUYỆN CỔ GIA-VA)

Bữa nọ, hoẵng đang đi thì bị hụt chân xuống một cái hố sâu không tài nào leo lên được. Vừa đói vừa mệt, hoẵng ngồi dưới đáy hố nhìn trời, than thân trách phận.

Vừa lúc đó, có một con voi to lớn đi ngang qua tìm nước uống. Voi nhìn xuống hố, thấy con hoẵng con đang ở đó thì cất tiếng ồm ồm hỏi:

— Thế nào, hoẵng con? Bị thụt xuống hố sâu không lên được phải không?

Không chút đắn đo, con hoẵng lâu cá liền nói một mạch:

— Đời nào có chuyện ấy! Thật đúng là anh voi to xác mà ngờ nghệch quá. Mắt anh to, tai anh lớn thế kia mà không nhìn thấy, không nghe thấy gì à? Thần Su-le-man, chúa tể của muôn loài đã chẳng bảo là trời sắp sập sập xuống bây giờ đó sao? Anh không tìm chỗ nào đi thì không khéo bị chết bẹp đấy.

Voi nghe thấy thế thì lo sợ quá, nó nhón nhác nhìn trời nhìn đất, nhìn từ phía để tìm chỗ nào che khuất được cái xác to lớn cồng kềnh của nó. Sau rồi, không

biết trốn vào đâu. voi gạ gặm hoẵng cho mình cũng
khổng hổ dè tránh trời sập.

Nghe voi van nài, hoẵng vừa buồn cười vừa mừng thầm
trong bụng. rằng phen này nó sắp thoát thân rồi. nhưng
vẫn cố làm ra vẻ bất cần:

— Anh đi tìm cái hồ khác đi. ở dưới này chật mạt
rồi. Cả anh nữa cũng xuống đây. tôi không chết vì trời
sập thì cũng chết bẹp vì anh.

Vừa nói hoẵng vừa giả vờ sợ hãi nhìn trời mây bay
vù vù:

— Anh voi nhìn kia. trời đang sà xuống thấp đấy.

Voi ngẩng nhìn trời thì quả thực thấy mây đen lớp
lớp chồng lên nhau xô dạt theo chiều gió. Cuồng lên,
chẳng đợi cho hoẵng bằng lòng, voi cứ bước ào xuống
hồ rồi nằm phủ phục rúc đầu vào đất. Thình lức ấy
hoẵng nhảy lên lưng voi và lấy đà nhảy tót lên tận
mặt đất.

— Anh voi ở lại, mạnh giỏi nhé! Anh cứ yên tâm
trời chẳng bao giờ sập mà sọ... Hoẵng con cúi xuống hồ
vẫy tay chào voi rồi biến!

MỘT TRĂM NĂM MƯƠI CON CÁ SẤU MUỐN ĂN THỊT HOẶNG

(TRUYỆN CỔ GIA VÀ)

Một hôm, hoẵng đang nằm ở sườn đồi thì mưa rào
đổ xuống như trút. Chẳng mấy chốc nước sông đã

dâng lên sát chỗ nó nằm. Hoẵng chạy lên đồi cao,
nước cũng dâng lên theo, chỉ dè sót lại một mồm đất
nhỏ vừa đủ cho hoẵng đặt chân. Hoẵng chưa biết tình
sao thì có một con cá sấu già bơi đến và nói:

— Khả, khả, bữa nay ta gặp may rồi. Thịt hoẵng non
là béo bở lắm đấy. Món này thực là vị thuốc trường
sinh bất tử.

Nghe cá sấu già nói, hoẵng con lo lắng lắm nhưng
nó vẫn không đành lòng chịu chết. Nó vắt óc tìm kế
thoát thân:

— Này bác cá sấu già ơi, ai mách cho bác thịt hoẵng
non là vị thuốc trường sinh đấy. Thế người ta không
chỉ bảo cho bác là phải bao nhiêu cá sấu cùng ăn thịt
hoẵng một lúc thì thuốc mới có hiệu nghiệm à?

— Không... — cá sấu già ngó người ra... — mà ta cần
gì phải hiểu điều đó, chỉ biết hôm nay ta được một bữa
ngon miệng đã—Vừa nói cá sấu vừa ngoe nguẩy đuôi
quanh chỗ hoẵng con đứng.

Nhưng hoẵng con cứ giả đồ như không:

— Tưởng bác muốn sống lâu thì mới khó chứ chỉ
muốn ăn thịt tôi cho đã miệng thì dễ như bỡn. Tôi
cũng chẳng thiết sống nữa đâu... Bác trườn lên đây
mà ăn thịt tôi đi.

Con cá sấu già nghe con hoẵng con nói thế thì ngẩn
ngờ hỏi:

— Thế hoẵng có biết phải bao nhiêu cá sấu cùng ăn
thịt hoẵng một lúc không?

— Biết chứ! Một trăm năm mươi cá sấu, không
hơn không kém? — Hoẵng nói xưng xưng.

— Ồ thế thì cánh ta thiếu nhiều quá! Ở đám này mới
có tám chục là cùng.

— Vậy thì bác cứ sai quân đi lùng thêm đúng bảy chục cá sấu nữa. Tôi nói thật đấy, nếu không đủ một trăm năm mươi ấy à, nuốt trôi khỏi miệng rồi thì khôn khéo khôn nạn vì thịt hoẵng. Tôi cứ xin báo trước kẻo sau này bác lại giận.

Nghe lời hoẵng báo, cá sấu già sai ba chục con ở lại canh giữ hoẵng, còn năm chục kia đi tìm cho đủ bảy chục con cá sấu nữa.

Chẳng mấy chốc anh em họ hàng nhà cá sấu đã đến nhúng nhức bao quanh hoẵng con. Lúc ấy hoẵng mới nói với cá sấu già:

— Bác thử kiểm kê lại đi, chỉ nhằm một con thôi cũng nguy to. Tốt nhất bác cứ bảo con nọ nổi đuôi con kia cho dễ kiểm.

— Theo lời hoẵng, cá sấu già sắp xếp cả đàn lại thành một hàng dài nổi trên mặt nước. Nó đếm đi đếm lại nhưng vẫn không tìm vào cái đầu óc lẫn lẫn của mình. Cuối cùng, cá sấu già đành phải nhờ hoẵng con đếm hộ.

Hoẵng chỉ chờ có thế! Nó vừa đếm, vừa bước chuyển từ lưng con cá sấu này sang lưng con cá sấu khác. Hoẵng đếm đến con chót thì cũng vừa tới sườn của một dãy núi cao.

Nó nhảy tót lên bờ và định chạy vào rừng. Con cá sấu già liền gọi với theo:

— Này hoẵng con, ở lại cho bọn ta làm thuốc đá.

Hoẵng con chổng mông lại nhạo báng cá sấu già:

— Nói dễ nghe nhỉ? Giờ thì có ăn phân ta thôi.

Nói xong, hoẵng chạy thẳng vào rừng.

Con cá sấu già ức lắm, nó sai họ hàng, con cháu đi lùng sục hoẵng khắp nơi. Hoẵng vừa ăn vào một bụi

cây thì anh em họ đã lại thấy một con cá sấu lạch lạch tới. Nó lại chạy đi tìm một cái lỗ để uống nước cho đỡ khát thì chợt nhìn thấy một vật gì to đen lạch lạch tới gần mình. Hoẵng đã hơi ngờ ngợ... Nó liền bắt vu vơ:

— Nếu là cá sấu thì thôi.

Còn nếu gặp ai thì bơi vào bờ.

Nghe lời ấy, con cá sấu liền nép ngóc búi đến chỗ hoẵng. Hoẵng nhìn thấy là con cá sấu đầu bị nó cắn lăm. Con cá sấu chưa kịp đến thì cá hoẵng đã chạy lượn lượn quanh nó. Nó đang lo lên núi cao nơi không một con cá sấu nào, bỏ bả bẫy, nghĩ tới một giấc thật ngon lành.

VẬT VÀ HUYU

(TRUYỆN CỔ DÂN HÀ-NÀ-SÀ)

Một hôm huyu đang nằm dưới bóng râm thì thấy một con vật nhỏ đo mình trên đất, cứ mỗi lần đo vút lại ngẩng ngẩng đầu mấy bận. Thấy vậy, huyu ngửa miệng trên trời:

— Đây vật gì con, mấy đi kiêu kia thì mới dời mới đến được núi Tô-phư-lân?

Vật nhỏ trả lời: Tôi là ốc lăm, nó vừa nghĩ cách chơi trò chơi này, vừa nghĩ cách thắng huyu đây.

— Ấy thế mà nó vẫn chạy thì chưa biết ai được ai đâu!

— Máy không đưa dây cáp — Hưon lung lộn — Tao và máy sẽ chạy thì từ đây thì máy sẽ chạy, nhưng, nó cứ chấp máy chạy trước là một sự thật.

Tôi không cần anh chấp máy trước, anh thì ai gọi là thì, — với con nói.

Sau đó Hưon và với tôi lại chạy, Hưon lại có chạy được một quãng nữa thì dừng lại, Hưon lại đứng lại.

Hưon lại đứng lại, Hưon lại đứng lại, qua ông cổ, Hưon lại đứng lại, Hưon lại đứng lại.

— Với anh con nói.

— Tôi đây! anh nói, Hưon không tôi vọt đây -- Với con nói.

Hưon lại đứng lại, Hưon lại đứng lại, Hưon lại đứng lại, Hưon lại đứng lại, Hưon lại đứng lại.

— Với anh con nói.

— Tôi đây! anh nói, Hưon không tôi vọt đây -- Với con nói.

Nghe thấy tiếng vọt, Hưon lại có sức chạy. Nó chạy mãi chạy mãi, cuối cùng đến chỗ nói Sô-pi-tan. Một quả, Hưon nằm với nó, nó lại ra đây mình. Hưon chưa kịp gọi với anh thì nghe thấy tiếng vọt nói:

— Thế là anh Hưon, anh Hưon, anh Hưon? Giờ có đủ sức chạy về nhà của anh Hưon chưa?

Hưon lại ra có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức.

Lúc ấy anh Hưon lại ra có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức.

— Thì bây giờ anh Hưon lại ra có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức, Hưon lại có sức.

Cho đến lúc ấy hoảng vẫn chưa hiểu ra văng ngay từ đầu cuộc thi vọt đã bám vào đuôi hoảng, mặc cho hoảng ra sức chạy còn vọt thì cứ ung dung hát một bữa máu no nê:

SÊU VÀ BẦY CÁ

(TRUYỆN CỔ BA-LI)

Ở ven hồ kia, có một con sêu rất tinh ma, xảo quyết. Hàng ngày sêu kiếm ăn quanh quần bên hồ. Hễ con cá nào vừa nhô lên mặt nước hoặc bơi vào bờ là sêu mở chốt ngay. Hồ sần cá, tôm, cua, ếch... nên sêu chẳng bao giờ bị đói. Tuy đầy đủ thế song sêu vẫn chưa vừa ý, nó chỉ muốn ăn cho thỏa thích đến không còn một con cua, con cá nào nữa trong hồ thì thôi.

Một hôm, sêu bay đi kiếm ăn xa. Nó nhìn thấy một cái hồ rộng khác. Sau khi kiếm được vài con cá khá to, sêu quay về hồ cũ. Nó liền nghĩ ra được một kế độc để đánh lừa đàn cá:

— Này các bạn cá yêu quý của tôi ơi, hôm nay tôi đi chơi xa, trông thấy một cái hồ rộng và đẹp lắm ở bên kia cánh rừng này.

Một con cá nhỏ nhô lên dớp sóng nói với sêu:

— Cái hồ đó thì có dinh dáng gì đến cá chúng tôi?

— Thì các bạn cứ đề tôi nói hết đã nào! — Con sêu kể tiếp. — Trên đường quay về với các bạn tôi nghe thấy mấy người nói với nhau là vài bữa nữa họ sẽ tái cạn

hồ để bắt hết cá. Tôi lo quá. Mấy người kia nói là tôi làm thật đấy. Nếu các bạn chết hết thì tôi còn biết sống với ai?

Con cá nhỏ thật thà kia bèn kể lại lời sếu cho ông bà cha mẹ, anh em bè bạn mình nghe. Chẳng mấy chốc, lũ cá trong hồ đã tụ tập lại sát bờ nhao nhao nhờ sếu giúp đỡ qua cơn hoạn nạn. Bàn đi tính lại mãi, cuối cùng lũ cá bằng lòng để cho sếu mỗi lần cắp vài con đem thả xuống hồ nước rộng kia rồi quay lại trở về đón dần dần những con cá khác.

Thật tội nghiệp, lũ cá kia đã mắc mưu ác hiểm của sếu. Sếu thả xuống nước cắp mấy con cá lên rồi bay một mạch đến cái cây to cao nó vẫn thường đậu qua đêm. Nó ung dung chen từng con một rồi thả xuống xuống đất. Xong, sếu lại quay lại hồ cắp tiếp vài con cá khác. Cứ như thế, hết chuyến này đến chuyến khác, cá dần cá lần lượt theo nhau chui vào bụng sếu, xương cá đã chất thành đồng dưới gốc cây.

Bây giờ thì đến lượt cua. Vốn biết sếu là kẻ gian ác, cua đã cẩn thận đề chừng. Nó để cho sếu cắp vào mai, còn hai càng thì vòng qua ôm lấy cổ sếu thật chặt. Sếu cắp cua nhằm thẳng cái cây to bay tới. Trong lúc sếu bay, cua nhìn xuống mặt hồ mà không nhìn thấy cái hồ rộng, đẹp ấy đâu.

— Này anh sếu, sắp đến chưa? — Cua hỏi.

— Sắp rồi, đừng sốt ruột. — Sếu trả lời.

Cua bắt đầu e ngại, nỗi ngờ vực ngày càng tăng, chốc chốc nó lại hỏi sếu:

— Đã sắp đến chưa? Cái hồ anh nói sao xa thế?

— Sắp rồi, chỉ một quãng nữa là đến thôi. — Sếu nói rồi đậu xuống cành cây quen thuộc.

Cua nhìn xuống gốc cây thấy cả một đồng xương cá to, trắng xóa, nó hiểu ngay là cả đàn cá trong hồ đã bị sếu lừa ăn thịt hết. Lập tức cua xiết chặt hai cái càng to khỏe quanh cổ sếu. Mặc cho sếu đồ đánh rồi vùng vẫy, dù thế nào cua cũng không buông lỏng cổ sếu ra. Cua bắt sếu phải cắp nó quay trở lại hồ cũ. Bị hai càng cua kẹp đau quá sếu đành phải cắp cua bay về hồ.

Trước khi sếu há mỏ để thả cua xuống nước, cua lấy hết sức kẹp đứt lia cổ sếu. Chỉ kịp kêu lên một tiếng thất thanh, con sếu rơi từ trên trời xuống như một hòn đá rơi xuống mặt hồ. Tật đáng đời con sếu gian tham độc ác

RỪA VÀ KHỈ

(TRUYỆN CỔ MI-NA-HA-SA)

Một hôm, rùa đang bơi lội trên sông thì bỗng nó nhìn thấy một con khỉ bị ngã xuống nước. Nghe tiếng khỉ kêu cứu, rùa liền bơi đến và đưa nó vào bờ. Sau hôm đó, rùa và khỉ đánh nhau với nhau. Chúng cùng làm một mảnh đất để trồng cây ăn quả.

Một bữa có một cây chuối non bị nước lũ cuốn dạt vào bờ. Rùa và khỉ kéo mỗi một nửa đưa được cây chuối vào vườn. Đáng lẽ phải chung nhau cây chuối thì khỉ lại dúi chia làm hai và nó nhanh nhẹn nhận ngay phần ngon. Khi chực mồm phân của nó nhiều lá thề thì thề nào cũng ra quả trước. Nhưng chỉ có mấy hôm sau cây chuối của khỉ đã cằn héo chết khô. Còn rùa sau khi

nhận phần gốc thì nó lặn lã đào hố rồi trồng gốc chuối vào đó.

Ít lâu sau, cây chuối của rùa đã lên xanh tốt và trở được một buồng lớn. Không đợi cho chuối chín khi đã treo lên bẻ chuối ăn. Chuối xanh còn chát xít không ăn được, khi ném dầy dưới gốc cây. Thấy thế rùa bảo cố chờ vài nải nữa, chuối chín rồi hãy ăn.

Mấy hôm sau, buồng chuối chín vàng. Khi chẳng đếm xỉa gì đến rùa, nó treo tốt lên cây chuối, bám chặt vào buồng rồi bẻ ăn hết quả này sang quả khác, cứ làm như cây của nó vậy. Rùa đứng ở dưới gốc cây nghe cồ lên bảo khi ném xuống một quả, nhưng khi cứ lờ đi như không nghe thấy. Khi ăn chán ăn chê rồi nhảy xuống không thèm nói với rùa một lời.

Thấy vậy rùa tức lắm, đêm ấy nó đào một cái hố thật sâu ngay chân gốc chuối, cắm chông nhọn sắc dưới đáy hố rồi phủ kín lá bên trên. Sáng hôm sau khi lại treo lên cây chuối của rùa, bẻ quả chín ăn thỏa thích. Quen như hôm trước, khi ăn no phưỡn bụng rồi thì nhảy xuống đất. Khi bị sa vào bẫy chông của rùa, nó kêu chóc chóc lên một lúc rồi tắt thở. Lúc ấy rùa mới thò đầu xuống hố nói: «Thật đáng đời quân lười biếng mà lại gian tham». Đoạn, rùa kéo khỉ lên làm thịt. Nó nướng thịt khỉ làm chả, mùi thịt cháy thơm theo gió bay xa.

Buổi chiều hôm ấy, lũ khỉ đi tìm bạn chạy ngang qua chỗ rùa ở. Chúng ngửi thấy mùi thịt nướng thơm ngon thì dừng lại. Không đợi rùa mời mọc, lũ khỉ chen chúc tranh giành nhau ăn thịt rất ngon lành. Một loáng, món thịt khỉ nướng đã hết sạch sành sanh. Lúc ấy, rùa ta mới thò đầu ra nói cho lũ khỉ biết chúng vừa mới chén thịt bạn mình.

Đàn khỉ biết mình bị rùa đánh lừa liền quay lại tìm rùa để giết. Rùa vội vàng trốn vào hốc đá. Lũ khỉ nói nhao nhao:

- Phải tổng con rùa lão xược này vào đồng lửa!
- Như thế chỉ làm ta đỡ rét thôi. — Rùa thong thả đáp.
- Phải đập vụn nó ra! — Con khỉ khác rống lên.
- Thế thì còn gì bằng, mỗi mảnh vụn của ta sẽ hóa thành một con rùa đầy. Rùa vừa nói vừa cười.
- Chỉ còn mỗi cách là quẳng nó xuống sông thôi.

Nghe mấy con khỉ nói thế, rùa giả vờ sợ hãi van xin:

- Tôi lạy các anh, đừng ném tôi xuống sông, gặp nước khéo tôi chết mất.

Tưởng rùa nói thật, một con khỉ thò tay vào hốc đá lôi rùa ra quẳng mạnh ra giữa sông. Vừa rơi xuống nước, rùa đã thò đầu lên cười giễu:

- Đúng là ngu như khỉ thật ở dưới nước ta làm sao chèo được, sông nước là nguồn sống của ta chẳng mấy khỉ biết gì sao?

Cả lũ khỉ đứng trên bờ chung mừng, nhưng dù có tức đến mấy chúng cũng chẳng làm gì được rùa nữa. Lũ khỉ rủ nhau vào rừng, từ đây mỗi khỉ nhớ đến chuyện bị lừa ăn thịt bạn mình, chúng đều rùng mình nhón gáy. Nhưng... đã muộn rồi.

CHUYỆN VỀ CON VÉT DÀI ĐUÔI

(TRUYỆN CỔ A-TRE)

Ở vùng A-trê ngày xưa có một chàng trai nghèo tên là Mư-xu-kín. Hằng ngày anh vào rừng kiếm củi nuôi

mẹ, nuôi thân. Có một lần, trèo lên cây cao để bẻ những cành khô, anh chợt nhìn thấy những chiếc tổ của giống vẹt đuôi dài. Anh nghĩ bụng: « Nếu mình bắt được lũ vẹt này thì sẽ có một món tiền kha khá để mua áo quần và mua trâu cau biếu mẹ đây ». Nghĩ đoạn, anh đi kiếm nhựa cây quết dây vào lòng tổ vẹt rồi yên trí ra về.

Chiều tối, đàn vẹt bay về tổ ngủ, con nào con nấy bị nhựa cây dính chặt vào tổ đến nỗi không cựa quậy được nữa. Trong bóng tối lũ vẹt gọi nhau tới, con nào cũng tỏ vẻ sợ hãi. Đến lúc ấy con vẹt đầu đàn mới lên tiếng:

— Các bạn đừng lo, tôi nghĩ được kế cứu thoát cả đàn rồi. Ngày mai thế nào người bầy vẹt cũng đến bắt chúng ta. Các bạn cứ giả vờ chết một lúc lâu. Tưởng là vẹt chết thật người ta sẽ ném chúng ta xuống đất đấy. Tổ của tôi ở trên cùng. Khi tôi rơi xuống đất thì chúng ta nhất loạt cùng bay đi nhé.

Sáng hôm sau Mư-xu-kin vào rừng, trèo lên cây bắt vẹt. Anh dính dính lũ vẹt bị dính chặt trong tổ sẽ kêu lên hoảng hốt khi anh bắt từng con một cho vào giỏ. Nhưng lạ thay, không biết vì sao con vẹt nào cũng chết cứng đờ trong tổ. Mư-xu-kin buồn bực lắm, anh ném tất cả lũ vẹt xuống dưới gốc cây. Vẫn còn một cái tổ ở tít trên cao, anh đoán có lẽ đấy là tổ của con vẹt đầu đàn. Mư-xu-kin bám cành cây leo lên, chẳng may con dao nhỏ giết lợn sườn anh tuột ra rơi xuống đất. Nghe tiếng dao rơi, lũ vẹt nằm dưới gốc cây tung con vẹt đầu đàn bị ném xuống, liền vỗ cánh bay đi. Mư-xu-kin biết mình đã bị bầy vẹt đánh lừa. Còn một con vẹt cuối cùng anh cần thận lời nó ra khỏi tổ và cho vào giỏ

— Phen này đừng có hòng lừa ta được nữa, — Mư-xu-kin nói, — chiều nay ta sẽ vật lông mày.

Con vẹt đầu đàn nghe nói thế thì sợ hãi kêu lên:

— Xin anh đừng giết tôi, tôi sẽ giúp anh trở thành giàu có.

Mư-xu-kin nghe vẹt van xin thì la lăm, song anh vẫn đem về nhốt vào một cái lồng thật đẹp. Từ khi con vẹt đầu đàn bị nhốt trong lồng, đàn vẹt kia ngày nào cũng đến đậu đầy sân, đầy nhà Mư-xu-kin.

Tiếng đồn về con vẹt đầu đàn đẹp tuyệt vời cùng với đàn vẹt ở nhà Mư-xu-kin chẳng bao lâu đã bay đi khắp bản dân thiên hạ. Người ta nô nức đến xem và nghe vẹt nói. Ai đến nhà cũng biếu hai mẹ con Mư-xu-kin là gạo thóc bánh trái áo quần, chẳng mấy chốc nhà Mư-xu-kin đã trở nên khấm khá, có bát ăn bát để.

Chuyện về con vẹt quý và người chủ của nó rồi cũng truyền đến tai vua xứ này. Ông sai người mời Mư-xu-kin đem vẹt vào cung chơi. Theo lời mời của nhà vua, Mư-xu-kin tạm biệt mẹ rồi xách lồng vẹt đi. Hôm ấy, nhà vua cùng với các triều thần đã được nghe con vẹt dài đuôi hót say sưa những khúc nhạc điệu đáng êm ái. Nhà vua thích con vẹt quá, ông gả Mư-xu-kin để lại cho mình với một món tiền lớn. Mư-xu-kin đang bán khoán không biết tính sao thì con vẹt nói thầm vào tai anh:

— Anh vâng lời vua đi, bán tôi anh chẳng mất gì đâu, tôi sẽ giúp anh giàu có hơn mà.

Nghe lời vẹt, Mư-xu-kin nhận một nghìn đồng tiền vàng và bao nhiêu gấm vóc lụa là vua cho. Từ đó hai mẹ con anh sống sung sướng hơn. Anh cũng không

quên giúp đỡ những người nghèo khổ xung quanh trong những mùa làm ăn thất bát.

Còn con vẹt mặc dù được chuyển sang chiếc lồng vàng của nhà vua, được ăn những thức ăn ngon, nó vẫn không nguôi nhớ đàn vẹt của mình. Con vẹt tìm mọi cách rúc ra ngoài nhưng không được. Lần này, con vẹt đầu đàn lại giả vờ chết để đánh lừa vua.

Một buổi sáng, nhà vua không nghe thấy tiếng vẹt hót. Ông đi đến tận lồng vẹt xem sao thì... ôi thôi con vẹt quý ngà vàng kia đã chết chổng trơ từ lúc nào không biết. Nhà vua vừa tiếc ngẩn ngơ vừa buồn bã như mất một người bạn quý. Ông sai người đem vẹt ra đồng chôn cất cẩn thận như chôn người quá cố vậy. Khi người ta đặt vẹt xuống huyệt và sắp sửa lấp đất lên thì nó tung cánh vút lên trời cao trước con mắt ngạc nhiên của mọi người. Bằng trí khôn của mình, con vẹt đuôi dài đã trở lại với anh em bè bạn đang mỗi mắt ngóng trông.

ĐẠI BÀNG VÀ CHIM SẾ

(TRUYỆN CỔ MI-NA-HA-SA)

Ở khu rừng nọ có một con đại bàng hay huyền hoàng hạm hình. Gặp bất kỳ con chim nào, đại bàng cũng khoe khoang rằng nó là chúa tể của các loài chim, rằng nó khỏe nhất, bay cao nhất, kêu to nhất.

Một hôm, đại bàng tập hợp tất cả các loài chim lại và lên giọng thách thức:

— Hỡi các loài chim, trong các người có kẻ nào dám đo sức kêu to, ăn nhiều, bay cao cùng ta nào?

Cả bầy chim sợ hãi nhìn nhau chẳng dám ho he một tiếng. Thấy thế đại bàng càng được thể:

— Ta bất chấp tất cả các người đấy!

Lúc ấy, một chú sếu con bèn lên tiếng:

— Bác đại bàng ơi, thi ăn nhiều, kêu to với bác thì chúng em chẳng dám rồi, nhưng thi bay cao với bác thì em cũng thử một lần xem sao.

Cả đại bàng lẫn các loài chim khác đều sững sờ, ngoảnh lại nhìn chim sếu nhưng nó không hề nao núng.

— Cuộc thi bắt đầu. Đại bàng vỗ cánh bay lên. Khi đã cao hơn cả những ngọn cây cao nhất, đại bàng liền gọi:

— Ê, sếu con chết rấp ở đâu rồi?

Lúc ấy sếu bay lên đầu đại bàng, đáp:

— Em đây, bác cứ yên tâm, em không bỏ cuộc đâu!

Đại bàng lại cố sức bay lên cao nữa. Khi cao hơn cả những đỉnh núi mù sương, đại bàng lại cất tiếng gọi:

— Thế nào, sếu con, vẫn theo ta được đấy chứ?

Chim sếu lại bay lên trả lời:

— Vâng em vẫn cố theo bác đây. Chừng bác mệt rồi cao mà bay chậm thế?

— Dời nào!

Đại bàng nói hờn hờn rồi bay ngược lên cao, cao mãi. Lần này đại bàng đã ở trên cả những đám mây trắng xóa. Nó tin là con sếu con chẳng thể nào bay lên

đến tầng cao này được. Đôi cánh mới rã rời, cò và đại bàng nói chẳng ra hơi:

— Sẻ con đã chịu thua ta rồi chứ?

— Chưa đâu, em vẫn đang ở trên đầu bác đây mà! — Giọng sẻ con vẫn lanh lảnh.

Đại bàng quyết không chịu thua chim sẻ, nó lấy hết sức tăn rơn lên cao nhưng không được nữa. Đại bàng tắt thở. Từ trên trời cao nó rơi thủng xuống vực thẳm như một hòn đá vậy.

Khi ấy, sẻ con chỉ việc xóc cánh ra từ từ hạ xuống giữa các loài chim đang nóng lòng chờ tin cuộc độ sức. Cả bầy chim xúm lại thân phục, chúc mừng sẻ con. Chúng không hiểu sẻ con có mưu mẹo gì mà thắng được đại bàng vốn bay cao nhường ấy. Chỉ có mỗi một con sẻ con khác là trông thấy lúc cuộc thi bắt đầu sẻ con đã đậu ngay trên lưng đại bàng. Thì ra đại bàng đã mất công chở chim sẻ trên lưng mà không biết. Mỗi lần đại bàng cất tiếng hỏi, sẻ con lại từ lưng đại bàng bay lên đáp lời, thành thử nó chẳng mất tí sức nào. Bằng trí thông minh và lòng dũng cảm, sẻ con đã thắng con đại bàng kiêu ngạo và to lớn hơn nó gấp nghìn lần.

MÈO VÀ KHỈ

(TRUYỆN CỔ SUN-ĐA)

Đạo trước, có một con mèo rất tinh nghịch, gặp con vật nào nó cũng trêu đùa, chọc ghẹo. Một hôm, mèo

đang đi kiếm ăn thì nó trông thấy hai con khỉ đang từ xa bước lại. Mèo giả vờ nằm mãi lên cái tổ ong bò vẽ treo trên ngọn cây cao.

Hai con khỉ cũng nín thở theo hỏi:

— Anh mèo ơi, cái gì trên cây kia vậy nhỉ?

— Ở thế các chị không biết à? Đây là chiếc cổng của ông nội tôi đây. Nghe mèo nói, hai con khỉ tò mò muốn biết xem chiếc cổng kia kêu to nhỏ thế nào, nhưng mèo vẫn giả vờ chúi đầu đây đây:

— Không được đâu các chị ơi, bây giờ mà các chị gõ cổng lên, ông tôi mà biết thì tôi bị như đòn.

Thấy mèo càng chột, hai con khỉ càng muốn được gõ cổng. Biết khỉ bị mắc lừa, mèo ra vẻ lẳng lơng nhưng nó vẫn giao hẹn để nó chạy khuất xa để ông nó không biết đã. Khi không nhìn thấy mèo nữa, hai con khỉ vác gậy trèo lên cây nhằm tổ ong đập tới tấp. Chúng đập mạnh quá khiến tổ ong rơi bịch xuống đất. Bị vỡ tổ, cả đàn ong bò vẽ vũ vũ bay ra lùng kiếm kẻ thù. Chúng bu kín hai con khỉ còn đang lúng túng trên cây mà đốt. Bị đau buốt quá hai con khỉ tụt từ trên cây xuống và cắm đầu cắm cổ chạy. Bầy ong bám đuổi theo từng bước, thì nhau đốt vào mặt, vào lưng, vào đầu, vào cổ hai con khỉ cùng đường. Không biết chạy đường nào nữa, cả hai con khỉ nhảy ùm xuống suối, lặn xuống nước một hồi lâu. Dợi cho bầy ong bay đi xa, hai con khỉ mới ngoi vào bờ ngồi thở. Bỗng hai con khỉ lại nhìn thấy con mèo đã đánh lừa chúng đang lúi húi bên một bụi cây đây những quả đồ tươi chín ửng. Hai con khỉ lại nài tính tò mò, hỏi xem mèo đang làm gì, mèo lại chủ tâm đánh lừa hai con khỉ một lần nữa:

— Các chị không trông thấy gì sao? Tôi đang canh vườn cho ông rồi tôi kéo có con thú nào đi qua nó vùi hết những quả ngon, quả ngọt này.

Nghe nói đến quả ngon, quả ngọt, hai con khỉ đã thêm rõ dãi. Chúng lại gạ gẫm mèo:

— Đằng ấy cho chúng tôi nếm thử mỗi đứa một quả thôi, ông đằng ấy chẳng biết đâu!

Biết hai con khỉ này háu ăn, mèo lại càng như chúng. Lần này nó cũng giao hẹn với hai con khỉ là phải để nó tránh xa thì mới được hái quả ăn.

Đợi cho mèo đi khuất, hai con khỉ vội vã hái hàng nắm thứ quả chín đỏ lìa cho vào mồm nhai ngấu nghiến. Chúng hoảng hốt nhè ra, khạc nhổ phì phì nhưng đã muộn... những quả ổi chín kia đã làm mòn miệng khỉ hồng rát, nước mắt nước mũi chảy ra rã rụa, ruột gan nóng cồn cào. Chẳng lạ ngu như khỉ thật.

TÀI LIỆU SỬ DỤNG BIÊN SOẠN

1. Truyện cổ và truyền thuyết miền Nam Su-la-ve-si, Ma-xơ-va, 1958.
2. M.R. Đa-i-ô: Truyện cổ và truyền thuyết In-đô-nê-xi-a, Ma-xơ-va, 1970.
3. Chiếc gậy thần kỳ, Truyện cổ các dân tộc In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a, Ma-xơ-va, 1972.
4. G. Ka-lô: Bi-đa-sa-ri, truyện cổ tích In-đô-nê-xi-a Ma-xơ-va, 1967.
5. Truyện dân gian In-đô-nê-xi-a (tập I và tập II) tiếng In-đô-nê-xi-a, Gia-các-ta, 1963.

MỤC LỤC

	Trang
- Đảo Thuyền	3
- Truyện kể về vương quốc Vát-giô...	9
- Ling-ga	11
- Chiếc gậy thần	19
- Sự tích núi Tang-ku-ban-pha-hu	21
- Tu-mi-leng	33
- In-đgi-lai	35
- Sang Bu-rung	55
- Truyện về hai chị em Ku-su-ma và A-sma	60
- Lô-ma-ring và chim sẻ	69
- Người dân bà bội bạc	73
- Con khỉ Sku-ra	80
- Chiếc vòng vàng	91
- Binda Sa-ri	100
- Sự tích hồ Be-ning	10
- Công chúa Tóc Vàng	113
- Pô-lô-pa-đang lên trời	131
- Truyện về Kha-mát và Ma-mát	139
- Hai con dao găm	145
- Chiếc nhẫn thần	149
- Con gà trống của Pan-giê La-rát	153
- Con chim cun cút và hai chú bé mồ côi	160
- Chuyện về anh lính Xu-ra	166

-- Những truyện về Xi-ke-bai-an	169
-- Truyện về anh chàng Giô-na-kha	173
-- Chàng ngốc ăn trộm	177
-- Đa-út và Sa-pi-la	179
-- Con ngựa bảy đầu	183
-- Chú bé và vua	193
-- Xa-lam và người chủ tham lam	196
-- Hoảng lửa hồ	199
-- Sợ trời sụp	205
-- Một trăm năm mươi con cá sấu muốn ăn thịt hoẵng	206
-- Vắt và hươu	209
-- Sếu và bảy cá	211
-- Rùa và khí	213
-- Chuyện về con vẹt dài đuôi	215
-- Đại bàng và chim sẻ	218
-- Mèo và khí	220
-- Tài liệu sử dụng biên soạn	223
-- Mục lục	225

Truyện cổ IN-ĐO-NÊ-XI-A

ĐÃ XUẤT BẢN VĂN HÓA

Chịu trách nhiệm xuất bản:

QUANG BUI

Biên tập nội dung:

ĐẠI CHIẾP SĨ

Văn học - Nghệ thuật

Biên tập kỹ thuật:

TRẦN VĂN CẢNH

Sửa bản in:

THIÊN CHEN NAM

Điạ:

NGỌC QUÝ